**MỤC LỤC TRA CỨU TÀI LIỆU DẠY THÊM BỘ VĂN 7 CÁNH DIỀU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **TRANG** |
| **1** | **HỌC KÌ I**  **BÀI 1: TRUYỆN NGẮN VÀ TIỂU THUYẾT**  **- Ôn tập văn bản: Người Đàn ông cô độc giữa rừng**  **- Ôn tập văn bản: Buổi học cuối cùng**  **- Ôn tập văn bản: Dọc đường xứ Nghệ**  **- Thực hành Tiếng Việt: Ngôn ngữ các vùng miền**  **- Rèn kĩ năng viết kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.**  **- Hướng dẫn nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vẫn đề trong đời sống.**  **( Các văn bản Đọc – Hiểu bổ sung nhiều bài tập trắc nghiệm, Phiếu học tập với các ngữ liệu trong và ngoài SGK)** | **1**  **41** |
| **2** | **BÀI 2: THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**  **- Ôn tập văn bản: Mẹ**  **- Ôn tập văn bản: Ông Đồ**  **- Ôn tập văn bản: Tiếng gà trưa**  **- Thực hành tiếng Việt: Các biện pháp tu từ ( So sánh, phép đối lập, câu hỏi tu từ - Lí thuyết và nhiều bài tập thực hành đi kèm)**  **- Rèn kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc bài thơ 4 chữ, 5 chữ**  **- Hướng dẫn nói và nghe trao đổi về một vấn đề**  **( Các văn bản Đọc – Hiểu bổ sung nhiều bài tập trắc nghiệm, Phiếu học tập với các ngữ liệu trong và ngoài SGK)** | **42**  **86** |
| **3** | **BÀI 3: TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG**  **- Ôn tập văn bản: Bạch tuộc**  **- Ôn tập văn bản: Chất làm gỉ**  **- Ôn tập văn bản: Nhật trình Sol 6**  **- Thực hành tiếng Việt: Số từ, phó từ**  **- Rèn kĩ năng viết bài văn biểu cảm về sự vật con người**  **- Hướng dẫn nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề** | **87**  **109** |
| **4** | **BÀI 4: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**  **- Ôn tập văn bản thiên nhiên và con người trong truyện đất rừng phương Nam.**  **- Ôn tập văn bản: Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa**  **- Ôn tập văn bản: Sức hấp dẫn của tác phẩm hai vạn dặm dưới đáy biển.**  **- Thực hành tiếng Việt: Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm Chủ – Vị**  **- Rèn kĩ năng viết bài phân tích về đặc điểm nhân vật** | **110**  **130** |
| **5** | **BÀI 5: VĂN BẢN THÔNG TIN**  **- Ôn tập văn bản: Ca Huế**  **- Ôn tập văn bản: Hội thi thổi cơm**  **- Ôn tập văn bản: Những nét đặc sắc trên “Đất vật” Bắc Giang**  **- Thực hành tiếng Việt: Mở rộng trạng ngữ**  **- Hướng dẫn nói và nghe: giải thích về một quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi**  **- Rèn kĩ năng viết bài văn thuyết minh về một quy tắc, luật lệ hay trò chơi**  **- Hướng dẫn nói và nghe giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.** | **131**  **159** |
| **6** | **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**  **- Rèn kĩ năng làm đề ( Theo cấu trúc đề mới nhất năm 2022 Bao gồm: Ma trận đề kiểm tra, Bảng đặc tả đề kiểm tra, Đề kiểm tra bao gồm 2 phần: Phần đọc hiểu có câu hỏi Trắc nghiệm kết hợp phần viết)** | **160**  **200** |
| **7** | **HỌC KÌ II**  **BÀI 6: TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ**  **- Ôn tập văn bản Ếch ngồi đáy giếng**  **- Ôn tập văn bản: Đẽo cày giữa đường**  **- Ôn tập văn bản: Tục ngữ về thiên nhiên lao động và con người. xã hội**  **-Thực hành tiếng Việt: Nói giảm nói tránh**  **- Rèn kĩ năng viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật**  **- Hướng dẫn nói và nghe: Kể lại một câu chuyện ngụ ngôn** | **201**  **230** |
| **8** | **BÀI 7: ÔN TẬP VỀ THƠ**  **- Ôn tập văn bản: Những cánh buồm**  **- Ôn tập văn bản Mây và sóng**  **- Ôn tập văn bản: Mẹ và quả**  **- Thực hành tiếng Việt: Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh, Dấu chấm lửng**  **- Rèn kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc một bài thơ**  **- Hướng dẫn nói và nghe: trao đổi về một vấn đề** | **231**  **262** |
| **9** | **BÀI 8: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**  **- Ôn tập văn bản: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta**  **- Ôn tập văn bản: Đức tính giản dị của Bác Hồ**  **- Ôn tập văn bản: Tượng đài vĩ đại nhất**  **- Thực hành Tiếng Việt: Liên kết và mạch lạc trong văn bản**  **- Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống** | **263**  **293** |
| **10** | **BÀI 9: TÙY BÚT VÀ TẢN VĂN**  **- Ôn tập văn bản: Cây tre Việt Nam**  **- Ôn tập văn bản: Trưa Tha hương**  **- Thực hành tiếng Việt: Từ Hán Việt**  **- Luyện viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc** | **294**  **314** |
| **11** | **BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**  **- Ôn tập văn bản Ghe xuồng Nam Bộ**  **- Ôn tập văn bản tổng kiểm soát an toàn giao thông**  **- Ôn tập văn bản Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt nam ngày xưa.**  **- Thực hành tiếng Việt: Thuật ngữ**  **- Viết: Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài** | **316**  **322** |
| **12** | **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II**  **- Rèn kĩ năng làm đề ( Theo cấu trúc đề mới nhất năm 2022 Bao gồm: Ma trận đề kiểm tra, Bảng đặc tả đề kiểm tra, Đề kiểm tra bao gồm 2 phần: Phần đọc hiểu có câu hỏi Trắc nghiệm kết hợp phần viết)** | **350** |

**BÀI 1: TRUYỆN NGẮN VÀ TIỂU THUYẾT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” .

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền, …) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,…) của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”.

- Nhận biết được từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản đã học được thể hiện trong văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”.

- Viết được đoạn văn khát quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” .

**2. Về phẩm chất:**

**-** Có tình yêu thương con người, biết cảm thông và chia sẻ với người khác.

**II. NỘI DUNG**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÔ ĐỘC GIỮA RỪNG**

*(Trích tiểu thuyết Đất rừng phương Nam- Đoàn Giỏi)*

**I. Tìm hiểu chung về truyện ngắn**

**1. Tính cách nhân vật, bối cảnh  
- Tính cách nhân vật:** Thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật; qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác.

**- Bối cảnh trong truyện:** Thường chỉ hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung (bối cảnh lịch sử); thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện (bối cảnh riêng);…

**2. Tác dụng của việc thay đổi ngôi kể**

Một câu chuyện có thể linh hoạt thay đổi ngôi kể để việc kể được linh hoạt hơn…

**3. Ngôn ngữ các vùng miền**

- Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam, vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng. Tính đa dạng tiếng Việt thể hiện ở mặt ngữ âm và từ vựng:

+ Về ngữ âm: một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau.

+ Về từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có từ ngữ mang tính địa phương.

**II. Nội dung**

**1. Tác giả tác phẩm**

+ Nhà văn Đoàn Giỏi (17/05/1925-02/04/1989), sinh ra tại thị xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho. Nay thuộc xã Tân Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang.

+ Gia đình: Xuất thân trong một gia đình địa chủ lớn trong vùng và giàu lòng yêu nước.

+ Ông có những bút danh khác như: Nguyễn Hoài, Nguyễn Phú Lễ, Huyền Tư.

- Phong cách nghệ thuật: viết về cuộc sống, thiên nhiên và con người Nam Bộ.

- Cuộc đời:

+ Ông từng theo học tại trường Mỹ thuật Gia Định trong những năm 1939-1940

+ Trong những năm Việt Nam chống Pháp, Đoàn Giỏi công tác trong ngành an ninh, rồi làm công tác thông tin, văn nghệ, từng giữ chức Phó trưởng Ty thông tin Rạch Giá (1949)

+ Từ 1949-1954, ông công tác tại Chi hội Văn nghệ Nam Bộ, viết bài cho tạp chí Lá Lúa, rồi tạp chí Văn nghệ Miền Nam

+ Sau 1954, ông tập kết ra Bắc, đến năm 1955 ông chuyển sang sáng tác và biên tập sách báo, công tác tại Đài Tiếng nói Việt Nam, rồi Hội Văn nghệ Việt Nam

+ Ông là viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khóa I, II, III.

+ Ông là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Ông mất ngày 2 tháng 4 năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh vì bệnh ung thư

+ 07/04/2000, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định đặt tên ông cho một phố thuộc Quận Tân Phú.

**+ Tác phẩm**

**a. Xuất xứ:**

- **Bối cảnh**: - Bối cảnh chung: kháng chiến chống Pháp.

- Bối cảnh riêng: ban đêm ở lều của chú Võ Tòng trong rừng U Minh – nơi diễn ra cuộc nói chuyện, bàn bạc của ông Hai và chú Võ Tòng về chuyện đánh giặc.

**- Ngôi kể:**

**- Ngôi thứ nhất** – nhân vật An.

- Ngôi thứ ba – tác giả.

- **Xuất xứ**: tiểu thuyết “*Đất rừng phương Nam*”.

- **Thể loại**: tiểu thuyết

- **Nhân vật chính**: Võ Tòng

- **Ngôi kể**: ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3 (có sự chuyển đổi ngôi kể)

\* Nội dung chính**:**

- Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”: Kể lại việc tía nuôi An dắt An đi thăm chú Võ Tòng tại nhà của chú. Đó là một túp lều ở trong rừng sâu với nhiều cây cối và con vượn bạc má kêu “chét…ét, chét… ét” tạo cảm giác hoang vắng, cô đơn.

- **Bố cục**: 2 phần

+ Phần 1: Người đàn ông cô độc giữa rừng qua ngôi kể thứ nhất.

+ Phần 2: Người đàn ông cô độc giữa rừng qua ngôi kể thứ ba.

**c. Nhân vật:**

Nhân vật chính: Võ Tòng.

**\* Tóm tắt văn bản:** An được tía nuôi đưa đến gặp chú Võ Tòng. Mười mấy năm về trước, chú một mình bơi xuồng đến che lều ở nơi rừng hoang nhiều thú này và từng đánh bại một con hổ. Chú cũng có một gia đình đàng hoàng. Một lần, Võ Tòng bị tên địa chủ vu oan cho tội ăn trộm. Chú một mực cãi lại, bị tên địa chủ đánh. Chú vô tình chém bị thương tên địa chủ, nhưng không trốn chạy mà đường hoàng đến chịu tội. Đi tù về, chú nghe tin vợ đã lấy tên địa chủ kia, còn đứa con trai độc nhất thì đã chết, Võ Tòng liền bỏ làng đi. Sống trong rừng lâu, chú càng trở nên kì hình dị tướng, nhưng ai cũng quý mến chú bởi tính tình thật thà, hay giúp đỡ mọi người.

**III. ÔN TẬP VĂN BẢN “NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÔ ĐỘC GIỮA RỪNG”**

**1. Bối cảnh**

**+ Thời gian:** nửa đêm lúc về sáng.

- Ánh lửa bếp chiếu qua khung cửa sổ, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành bậc thang dài xuống bến.

- Bên ngoài, trời rạng dần.

**+ Không gian:** hoang vắng.

- Tiếng con vượn bạc má kêu “ché… ét, ché… ét”, ngồi vắt vẻo trên một thanh xà ngang, nhe răng dọa người

- Bậc gỗ trơn tuột.

- Một cái bếp cà ràng, lửa cháy riu riu, trên cà ràng bắc một chiếc nồi đất đậy vung kín mít… Tài liệu của Nhung tây

- Một làn khói hăng hắc màu xanh bay ra từ chiếc nồi dậy kín vung sôi “ùng … ục…”

=> Nổi bật lên trong khung cảnh hoang dã, heo hút, rờn rợn, nằm sâu trong rừng U Minh là hình ảnh ông Hai bán rắn (tía nuôi An), chú Võ Tòng và An – những con người chung chí hướng, lí tưởng.

**2. Thiên nhiên Nam Bộ**

- Sông nước (xuồng).

- Rừng: hoang sơ: (nhiều thú dữ;  nai, heo rừng be bé (An dặn chú Võ Tòng đem cho) và chim (tiếng chim rừng ríu rít gọi nhau trở dậy đón bình minh trên những cây xung quanh lều).

- Trù phú và hoang sơ.

**3. Con người Nam Bộ**

**a. Con người Nam Bộ**

-  Đi xuồng (tía nuôi và An)

-  Sống giữa rừng (chú Võ Tòng)

- Sống hòa mình với thiên nhiên.

**b. Nhân vật Võ Tòng**

Đặc điểm tính cách của nhân vật Võ Tòng được thể hiện qua lời kể của dân làng, qua cách ăn mặc, hành động thái độ của chú:

- Ngoại hình: cởi trần, mặc chiếc quần ka ki, hàng sẹo khủng khiếp từ thái dương xuống cổ.

- Ngôn ngữ:

+ Nói với ông Hai: nghiêm túc, thẳng thắn.

+ Nói với An: trêu đùa, vui vẻ, chắc chắn.

- Cử chỉ, hành động, lối sống: Chất phác, thật thà, tốt bụng, gan dạ pha chút ngang tàng, liều lĩnh.

- Suy nghĩ: Khẳng khái, chính trực, tốt bụng, thật thà, chất phác, gan dạ pha chút ngang tàng, liều lĩnh.

-  Chú Võ Tòng là một người nông dân cao lớn, chất phác. Chú rất hào sảng và dễ mến, luôn sẵn lòng giúp đỡ mọi người xung quanh mà không nề hà khó khăn nặng nhọc.

=>Võ Tòng là một người mộc mạc, giản dị, chân thành, cởi mở và yêu nước, căm thù giặc.

**c. Nhân vật Ông Hai**

-  Sống tình cảm: thương An, nhận An làm con nuôi; để cho An ngủ đã giấc trên xuồng; đỡ lời cho má An.

- Gan dạ: bàn với Võ Tòng chuyện giết giặc Pháp.

**d. Nhân vật An**

- Biết quan sát, cảm nhận: nhìn và nhận xét được về chú Võ Tòng.

- Gan dạ: bị con vượn bạc dọa nhưng vẫn không sợ mà đi lên lều của chú Võ Tòng, thản nhiên ăn khô nai.

**3. Đánh giá**

**\*Nội dung**

- Đoạn trích đã thành công thể hiện được tính cách của cương trực, thẳng thắn, gan dạ của người Nam Bộ.

**\*Nghệ thuật:**

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình.

- Sử dụng đa dạng ngôi kể để câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực, nhiều chiều.

- Sử dụng từ ngữ địa phương, tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả.

**IV. Định hướng phân tích văn bản**

**Dàn ý bài văn phân tích nhân vật Võ Tòng**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về nhân vật Võ Tòng (Đó là nhân vật trong tác phẩm nào, của ai? Nhân vật ấy là người như thế nào?...)

**b. Thân bài**

- Phân tích và làm sáng tỏ đặc điểm nhân vật Võ Tòng qua các phương diện:

+ Lai lịch: “Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu”

+ Ngoại hình: Hai hố mắt sâu hoắm, và từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại sắc như dao…

+ Lời truyền tụng: Ra tù, Võ Tòng không trẻ thù kẻ đã phá hoại gia đình mình, chỉ kêu trời một tiếng, cười nhạt rồi bỏ làng vào rừng sinh sống;...

+ Hành động và việc làm…

- Nhận xét về nhân vật Võ Tòng: trình bày những suy nghĩ, cảm xúc,... của em về các đặc điểm đã phân tích về chú Võ Tòng

**c. Kết bài**

- Nêu đánh giá khái quát về nhân vật Võ Tòng

- Liên hệ với những con người Nam Bộ bình thường, giản dị mà anh dũng, bất khuất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; từ đó, rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Đất rừng phương Nam là một trong những tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Đoàn Giỏi. Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” được trích trong cuốn tiểu thuyết đã để lại cho người đọc nhiều ấn tượng sâu sắc.

Đoạn trích kể về việc An theo tía nuôi đến thăm Võ Tòng - một người đàn ông sống cô độc giữa rừng. Không ai biết tên thật của Võ Tòng là gì, người dân ở đây chỉ biết rằng từ mười mấy năm về trước, chú đã một mình bơi xuồng đến dựng lều giữa khu rừng đầy thú dữ. Người ta vẫn truyền nhau kể lại việc một mình Võ Tòng đã giết chết hơn hai mươi con hổ. Có lẽ nguồn gốc cái tên Võ Tòng cũng bắt đầu từ đó. Cuộc đời của Võ Tòng cũng trải qua nhiều cay đắng, bất hạnh. Trước đây, chú cũng từng có một gia đình như ai. Vợ chú là một người đàn bà xinh xắn, lúc mang thai đứa con đầu lòng cứ kêu thèm ăn măng. Yêu quý vợ hết mực, chú liều xách dao đến bụi tre đình làng xắn một mụt măng. Khi về ngang qua bờ tre nhà địa chủ liền bị hắn vu cho tội ăn trộm. Võ Tòng một mực cãi lên nhưng bị tên địa chủ quyền thế lại ra sức đánh, khiến chú chém trả. Nhưng chú không trốn chạy mà đường hoàng chịu tội. Câu chuyện này cho thấy Võ Tòng là một con người gan dạ, dũng cảm. Võ Tòng cũng là một người giàu lòng yêu nước thể hiện qua cuộc trò chuyện với tía nuôi của An về chuyện đánh giặc Pháp. Tài liệu của Nhung tây Từ việc chú chuẩn bị những mũi tên tẩm thuốc độc, rồi chia cho tía nuôi của An, cũng như việc kể lại chiến công giết chết tên giặc Pháp với vẻ hào hứng, sung sướng. Nhà văn đã khắc họa nhân vật này để cho thấy vẻ đẹp phẩm chất của con người Nam Bộ: phóng khoáng, tốt bụng, giàu tình cảm.

Cùng với đó, một điểm khiến người đọc cảm thấy ấn tượng là không gian núi rừng Nam Bộ được nhà văn khắc họa đầy chân thực. Những hình ảnh như “ánh lửa bếp chiếu qua khung cửa sổ, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành bậc thang dài xuống bến”. Hay căn nhà của Võ Tòng: “Trên vách lều đóng đầy mồ hóng đen sì, một chùm xương sọ khỉ ước chừng vài mươi cái treo lủng láng cạnh những đầu con nhọ nồi khô, những chân tay khỉ, tay chân dọc xâu từng đôi một, gác trên đoạn sào nhỏ”. Cùng với tiếng kêu của con vượn bạc má “Ché... ét ché... ét…”. Tất cả đã tạo nên một khung cảnh hoang dã, vắng vẻ.

Với điểm nhìn của nhân vật An, Võ Tòng là nhân vật trung tâm của đoạn trích hiện lên đầy chân thực. Ẩn sâu trong vẻ bên ngoài dị thường là một tính cách hiền lành, tốt bụng. Không chỉ vậy, Võ Tòng còn là một người có tình yêu quê hương, đất nước sâu sắc. Chú căm thù giặc Pháp và thứ vũ khí hiện đại của chúng. Chú đã tạo ra những mũi tên tẩm độc để giết giặc.

Có thể thấy, nhân vật này chính được khắc họa nhằm đại diện cho tính cách của con người Nam Bộ - chất phác, thật thà mà dũng cảm, gan dạ.

**BÀI MẪU 2**

Nhân vật Võ Tòng trong tác phẩm "Người đàn ông cô độc giữa rừng" của nhà văn Đoàn Giỏi, là nhân vật để lại cho em nhiều ấn tượng nhất trong chương trình ngữ văn lớp 7, là nhân vật có tính cách phóng khoáng, trượng nghĩa, lại pha lẫn chút ngang tàng, bụi bặm. Nhân vật này đã để lại trong tôi những ấn tượng, tình cảm sâu sắc.

Võ Tòng là một người thành thật, khảng khái, tốt bụng, có chút liều lĩnh, ngang tàng ẩn trong một hình hài hung dữ. Người đọc hẳn sẽ còn nhớ hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ của chú Võ Tòng. Đây chính là cái tích để người ta gọi chú là Võ Tòng giống như nhân vật trong Thủy hử. Bởi Võ Tòng trong Thủy hử là một người vô cùng khỏe mạnh, đã tay đôi đấu với hổ và giành chiến thắng. Việc đánh hổ cho thấy Võ Tòng dù là nhân vật trong tác phẩm nào cũng có một sức mạnh thật phi thường và một bản lĩnh hiếm có. Riêng với Võ Tòng trong Đất rừng phương Nam, sức mạnh thể lực và bản lĩnh ấy đã được thể hiện bằng hàng sẹo dài có phần hung dữ.

Vẻ bề ngoài tưởng như hung dữ của Võ Tòng lại ẩn chứa bên trong là một con người có lòng tốt bụng, thành thật, gần gũi. Điều này được thể hiện qua cách ăn mặc, ngôn ngữ, hành động và suy nghĩ của nhân vật. Trong mắt cậu bé An, chú Võ Tòng là một người gần gũi, tốt tính, hào phóng, ăn mặc dân dã, cởi trần, mặc chiếc quần ka ki nhưng đã lâu không giặt. Chú nói với An theo lối trêu đùa, vui vẻ; hứa với An sẽ sẵn một con heo hoặc nai cho cậu. Đặc biệt, tôi ấn tượng với chi tiết chú Võ Tòng lấy miếng khô nai to nhất đưa cho An để cậu nhai cho đỡ buồn miệng. Tại sao phải là miếng khô nai to nhất mà không phải một miếng khô nai nào khác? Đó là vì chú Võ Tòng quan tâm, quý mến An và cũng là sự hào phóng, tốt bụng của chú.

Sự thành thật của chú Võ Tòng được thể hiện qua hai chi tiết. Đó là khi chú giết chết địa chủ và tự đi đầu thú và dân làng đều quý chú vì sự thành thật, chân chất của chú. Chỉ với hai chi tiết này thôi, chú Võ Tòng đã hiện lên là một người đáng tin tưởng, đáng để nhận được sự tôn trọng, quý mến mà không phải là sự sợ hãi ban đầu khi nhìn thấy hàng sẹo dài chạy từ thái dương xuống cổ.

Chú Võ Tòng dễ gần, dễ mến còn bởi chú là một người có suy nghĩ thấu đáo, chu toàn. Chú đã chia cho bác Hai những mũi tên mà chú đã chuẩn bị, tẩm thuốc độc để giết lũ giặc Pháp. Nhưng chú lại không nói điều đó với má nuôi của An - vợ của bác Hai vì sợ má An ngăn trở công việc, sợ rằng má An sẽ cảm thấy sợ hãi. Chính cái im ỉm, không nói với má của An đã cho thấy chú Võ Tòng là một người có suy nghĩ thấu đáo. Cũng ở chi tiết này, người đọc còn thấy được một phầm chất đáng quý của chú Võ Tòng như bao nhiêu người Việt Nam khác. Đó là tình yêu quê hương, đất nước, căm thù lũ giặc xâm lược. Chẳng vậy mà chú Võ Tòng đã tẩm thuốc độc vào những mũi tên để chuẩn bị đi hạ những tên lính giặc.

Như vậy, có thể thấy, chú Võ Tòng trong tác phẩm Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi là một nhân vật có vẻ ngoài hung dữ, nhưng ẩn chứa bên trong lại là những vẻ đẹp rất ấm áp. Đó là sự chân thành, thật thà, thẳng thắn; là sự quan tâm, chăm sóc, lo nghĩ chu đáo; là sự hào phóng, tốt bụng; là lòng yêu nước nhiệt thành. Nhân vật Võ Tòng chính là đại diện cho hình ảnh con người Nam Bộ giàu sự phóng khoáng, tốt bụng và tình cảm.

**III. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng đề trắc nghiệm**

**Câu 1**: Võ Tòng có xuất thân từ đâu?

A. Không ai biết tên thật của gã, gã đến đây từ mười mấy năm trước, có vợ con nhưng vợ và con đều mất sớm.

B. Hắn là người ở vùng này, sau một lần giết hổ mọi người gọi hắn là Võ Tòng.

**C. Không ai biết tên thật của gã, gã đến đây từ mười mấy năm trước, sống đơn độc không có bạn.**

D. Không ai biết hắn đến từ đâu, chỉ biết tên là Võ Tòng.

**Câu 2**: Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” sử dụng ngôi kể nào?

A. Ngôi kể thứ nhất B. Ngôi kể thứ hai

C. Ngôi thứ ba **D. Ngôi kể thứ nhất và thứ ba**

**Câu 3**: Qua ngôi kể thứ nhất, Võ Tòng hiện lên là một nhân vật như thế nào?

A. Là một người đàn ông hiền lành, thật thà.

B. Là một người cởi mở, hiếu khách.

C. Là một người chân thành, mộc mạc

D. Là một người mộc mạc, giản dị, chân thành, cởi mở và yêu nước, căm thù giặc

**Câu 4**: Qua ngôi kể thứ ba, Võ Tòng hiện lên là một nhân vật như thế nào?

A. Là một người đàn ông hiền lành, thật thà.

B. Là một người cởi mở, hiếu khách.

C. Là người đàn ông hiền lành, khỏe mạnh, tính tình bộc trực, có chí khí nhưng số phận lại vô cùng bất hạnh.

D. Là một người yêu nước, căm thù giặc.

**Câu 5:**  Sắp xếp các chi tiết, sự kiện sau đây theo thứ tự xuất hiện trong đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng.

A. An cùng tía nuôi đi thăm chú Võ Tòng.

B. Lai lịch của chú Võ Tòng.

C. Võ Tòng bàn về việc dùng con dao và chiếc nỏ giết giặc.

D. Võ Tòng trao chiếc nỏ cho ông Hai.

E. Tía con An chia tay chú Võ Tòng.

Đáp án: A.B.C.D.E

**Câu 6:** Câu văn nào sau đây có yếu tố miêu tả?

A. Một buổi trưa, gã đang ngủ trong lều, có con hổ chúa mò vào, từ ngoài sân phóng một cái phủ lên người gã.

B. Vào đây An! - Tía nuôi gọi tôi.

C. Sau mười năm tù đày, gã trở về làng cũ thì nghe tin vợ đã làm lẽ tên địa chủ kia, và đứa con trai độc nhất mà gã chưa biết mặt thì đã chết từ khi gã còn ngồi trong khám lạnh.

**D. Ánh bếp lửa từ trong một ngôi lều chiếu qua khung cửa sổ, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành bậc thang dài xuống bến.**

**2. Dạng bài đọc hiểu ngữ liệu sgk**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Chắc tôi ngủ một giấc lâu lắm thì phải. Khi tôi mở mắt ra, thấy xuồng buộc lên một gốc cây tràm. Không biết tía nuôi tôi đi đâu. Nghe có tiếng người nói chuyện rì rầm bên bờ. “A! Thế thì đến nhà chú Võ Tòng rồi!”. Tôi ngồi dậy, dụi mắt trông lên. Ánh lửa bếp từ trong một ngôi lều chiếu qua khung cửa mỡ, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành bậc thang dài xuống bến. Tôi bước ra khỏi xuồng, lần theo bậc gỗ mò lên. Bỗng nghe con vượn bạc má kêu “Ché..ét. ché..ét” trong lều, và tiếng chú Võ Tòng nói: “Thằng bé của anh nó lên đấy!”*  *-         Vào đây, An! – Tía nuôi tôi gọi.*  *Tôi bước qua mấy bậc gỗ trơn tuột và dừng lại chỗ cửa. Con vượn bạc má ngồi vắt vẻo trên một thanh xà ngang, nhe răng dọa tôi. Tía nuôi tôi và chú Võ Tòng ngồi trên hai gốc cây. Trước mắt hai người, chỗ giữa lều, có đặt một cái bếp cà ràng lửa cháy riu riu, trên cà ràng bắc một chiếc nồi đất đậy vung kín mít. Chai rượu đã vơi và một đĩa khô nướng còn bày trên nền đất ngay dưới chân chủ và khách, bên canhh hai chiếc nỏ gác chéo lên nhau...*  *(Sách Ngữ văn 7, tập 1 – Cánh diều)*  **Câu 1**. Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào?  **Câu 2**. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn.  **Câu 3**. Nhân vật “tôi” và “tía nuôi” trong đoạn trích trên là những ai?  **Câu 4**. Chi tiết nào cho em thấy cảm giác về một bối cảnh hoang vắng rợn ngợp?  **Câu 5**.Qua đoạn trích, theo em con người Nam Bộ có cuộc sống như thế nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Đoạn văn được trích trong văn bản Người đàn ông cô độc giữa rừng.

**Câu 2**. Phương thức biểu đạt chính: tự sự.

**Câu 3.** Nhân vật “tôi”: An

- Nhân vật “tía nuôi”: ông Hai

**Câu 4**. Chi tiết cho em thấy cảm giác về một bối cảnh hoang vắng rợn ngợp: Tiếng kêu và hình ảnh của con vượn bạc má (ché..ét..ché....ét; ngồi vắt vẻo trên một thanh xà ngang, nhẹ răng dọa).

**Câu 5**. Con người Nam Bộ có cuộc sống hòa mình vào thiên nhiên, giữa cảnh núi rừng và sông nước, đã được thể hiện qua các chi tiết: Tía nuôi và An dùng xuồng để làm phương tiện di chuyển và chú Võ Tòng sống trong túp lều giữa rừng vắng hoang vu.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  **NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÔ ĐỘC GIỮA RỪNG**  *-  Ngồi xuống đây, chú em!*  *Chú Võ Tòng đứng dậy, lôi một gộc cây trong tối đặt bên bếp lửa. Chú cởi trần, mặc chiếc quần ka ki còn mới, nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần lính Pháp có những sáu cái túi). Bên hông, chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt, đúng như lời mà nuôi tôi đã tả. Lại còn thắt cái xanh-tuya-rông nữa chứ!*  *Tôi không sợ chú Võ Tòng như cái đêm đã gặp chú lần đầu tiên ở bờ sông, mà lại còn có đôi chút cảm tính xen lẫn ngạc nhiên hơi buồn cười thế nào ấy. Tía nuôi ngó tôi, cười cười nhấc cái tẩu thuốc lá ở miệng ra.*  *- Ngủ đẫy giấc rồi à! Tía thấy con ngủ say, tía không gọi. Thôi, đã dậy rồi thì ngồi đây chơi!*  *- Nhai bậy một miếng khô nai đi, chú em. Cho đỡ buồn miệng mà! - Chú Võ Tòng nhặt trong lửa ra một thỏi khô nướng to nhất đặt vào tay tôi.*  *(Sách Ngữ văn 7, tập 1 - Cánh diều)*  **Câu 1**. Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.  **Câu 2**. Nhan đề văn bản gợi cho em những suy nghĩ gì?  **Câu 3**. Em hãy tìm những chi tiết miêu tả nhân vật Võ Tòng thông qua cách ăn mặc và tiếp khách của chú? Những chi tiết đó đã gợi lên ấn tượng gì về chú Võ Tòng? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ nhất.

**Câu 2**. Nhan đề văn bản gợi cho em về một người đàn ông cô đơn, sống một mình giữa một khu rừng mênh mông, hoang dã.

**Câu 3**. Những chi tiết miêu tả nhân vật Võ Tòng thông qua cách ăn mặc và tiếp khách của chú:

- Cởi trần, mặc chiếc quần ka ki còn mới nhưng đã lâu không giặt.

- Bên hông, đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt.

- Khi nói với An: trêu đùa, vui vẻ.

- Lấy miếng khô nai to nhất cho An nhai đỡ buồn miệng.

**3. Đọc hiểu ngữ liệu ngoài chương trình SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Một người đàn ông dừng lại trước cửa hàng bán hoa để đặt mua hoa và gửi điện hoa về cho mẹ, người đang sống cách anh 200 dặm. Khi bước ra khỏi ôtô, anh chú ý đến một bé gái đang ngồi khóc nức nở. Anh đến để hỏi xem có điều gì không ổn và bé gái trả lời: “Con muốn mua tặng một bông hồng đỏ cho mẹ. Nhưng con chỉ có bảy mươi lăm xu, mà một bông hồng giá tớihai đô la.”*  *Người đàn ông mỉm cười rồi nói: “Lại đây nào, chú sẽ mua cho con một bông hồng”. Anh mua cho bé gái một bông hồng và đặt hoa gửi tặng mẹ anh. Khi họ chuẩn bị đi, anh đề nghị được đưa cô bé về nhà. Bé gái trả lời: “Vâng ạ. Chú có thể dẫn cháu đến gặp mẹ cháu”. Cô bé chỉ đường cho anh tới một nghĩa trang rồi cô đặt bông hồng lên trên một phần mộ mới xây.*  *Người đàn ông quay lại tiệm hoa, hủy bỏ dịch vụ điện hoa, rồi cầm bó hoa và lái xe hơn 200 dặm để về nhà tặng mẹ anh.*  (Trích *Quà tặng cuộc sống*)  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên.  **Câu 2.** Nêu nội dung chính của văn bản.  **Câu 3.** Theo em, vì sao người đàn ông ban đầu đã đặt dịch vụ điện hoa gửi về cho mẹ, sau đó hủy bỏ dịch vụ điện hoa, rồi cầm bó hoa và lái xe hơn 200 dặm để về nhà tặng mẹ anh? \  **Câu 4.** Từ nội dung văn bản ở phần Đọc - hiểu cùng với sự tưởng tượng của mình, em hãy viết một đoạn văn ngắn (3-5 câu) kể tiếp phần sau của câu chuyện đó. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chính: tự sự

**Câu 2 :** Câu chuyện kể về tình cảm yêu thương, kính trọng, biết ơn…của những người con dành cho mẹ.

**Câu 3:**

- Người đàn ông nhớ mẹ đã mua hoa gửi về tặng mẹ vì bận công việc. Nhưng khi chia sẻ với cô bé có mẹ mất sớm thì anh nhận ra tình yêu người con dành cho mẹ không chỉ là những bông hoa hoa mà còn là nỗi nhớ thương. Anh thay đổi quyết định ban đầu, muốn tự lái xe về nhà để gặp mẹ vì anh nhận thấy khi còn mẹ là niềm hạnh phúc nhất và thứ mẹ anh muốn là được gặp anh chứ không phải chỉ đơn giản là những thứ vật chất.

**Câu 3**

HS có thể tưởng tượng linh hoạt phần kết truyện phù hợp với diễn biến có sẵn của câu chuyện.

- Trong phần kể của học sinh kể linh hoạt nhưng cần thể hiện được một số nội dung cơ bản để toát lên tình cảm của con dành cho mẹ và mẹ dành cho con. Từ đó cho thấy tình mẫu tử vô cùng thiêng liêng…. Ví dụ HS có thể kể tiếp:

- Tình cảm yêu kính của người con( người đàn ông) đi hai trăm cây số để về thăm mẹ như thế nào?

- Cảm xúc của người mẹ như thế nào khi thấy con về ….

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  **ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN**  *Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi bộ quần áo vừa bẩn, vừa cũ lại vừa rộng nữa. Cô bé buồn tủi ngồi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao? Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.*  *- Cháu hát hay quá, một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền chậm rãi bước đi.*  *Hôm sau, khi cô bé tới công viên đã thấy ông già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước. Khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé. Cô lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Ông vỗ tay lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!” Nói xong cụ già lại một mình chậm rãi bước đi. Như vậy, nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không. Cô hỏi mọi người trong công viên về ông cụ:*  *- Ông cụ bị điếc ấy ư? Ông ấy đã qua đời rồi, một người trong công viên nói với cô.*  *Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: đôi tai của tâm hồn.* Tài liệu của Nhung tây  **Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?  **Câu 2.** Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?  **Câu 3**. Tình huống bất ngờ trong câu chuyện là sự việc nào?  **Câu 4**. Ý nghĩa mà câu chuyện gửi tới chúng ta là gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự:

**Câu 2**. Ngôi kể: Thứ ba. Tác dụng: làm cho câu chuyện khách quan, hay hơn

**Câu 3**. Tình huống bất ngờ trong câu chuyện: Cô gái sững người khi nhận ra người bấy lâu nay luôn khích lệ, động viên cho giọng hát của cô lại là một ông cụ bị điếc

**Câu 4**. Ý nghĩa câu chuyện gửi tới người đọc:

- Trước khó khăn, thử thách, con người cần có niềm tin, nghị lực vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh.

- Truyện còn đề cao sức mạnh của tình yêu thương con người.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Các bạn lớp tôi thường gọi Lộc là “Lộc còi” vì Lộc bé lắm, mười một tuổi mà bằng đứa chín tuổi. Hẳn vì “còi” nên Lộc có vẻ yếu, thường hôm nào học năm tiết, tiết học hát cuối cùng là Lộc hát chẳng ra hơi, có khi cứ dựa vào tập thể mà Lộc chỉ lí nhí hoặc mấp máy mồm hát theo thôi. Người ta bảo thể lực yếu thì thường học kém, thế mà Lộc học chẳng kém. Còn tôi, trông tôi có vẻ cao lớn hơn Lộc thì học lại chẳng giỏi giang gì. Tôi kém nhất là môn Toán. Cô giáo phân công Lộc giúp đỡ tôi về môn này. Không hiểu sao, mỗi lần giúp tôi học, Lộc thích đến nhà tôi hơn là tôi đến nhà Lộc. Nói cho đúng thì từ đầu năm học, tôi chưa đến nhà Lộc lần nào. Tính Lộc rủ rỉ ít nói. Mẹ tôi rất mến Lộc. Mẹ thường hay nêu Lộc để làm gương cho tôi. Mẹ làm tôi lắm khi tự ái. Mẹ nói là Lộc bé mà học giỏi, chăm, ngoan, lại nền nếp, cẩn thận… Có thể những điều trên mẹ tôi nói đúng, nhưng riêng cái điểm cẩn thận thì tôi không chịu. Tôi nghĩ rằng Lộc “ki bo” thì có. Cả lớp tôi chúng nó đều nhận xét thế. Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp. Có cái bút máy Trường Sơn nét đã to bè, thế mà cứ viết viết, cất cất chi chút, chỉ dám viết cái bút ấy vào những buổi kiểm tra bài, còn ngày thường thì Lộc viết bút chấm mực. […]*  *Cuối học kì hai, Lộc báo cho tôi một tin chả vui gì:*  *- Bố tớ sắp mù hẳn rồi, Viện mắt người ta bảo phải mổ mới khỏi. Mấy hôm nữa bố tớ vào viện. Tớ phải làm thay cả phần việc của bố ở nhà để kiếm sống, lại còn phải chăm sóc bố nữa chứ. Chắc tớ chả tiếp tục học được nữa. – Lộc giúi vào tay tôi cái bút Trường Sơn: - Cậu cầm lấy cái này mà dùng, tớ giữ mà không dùng nó phí đi!*  *Lúc này giọng Lộc đã run run, không còn bình tĩnh như trước. Tôi nắm chặt tay Lộc và nói:*  *- Cậu cứ giữ lấy cái bút này. Cậu cần phải tiếp tục học. Tớ sẽ giúp cậu trong thời gian bố cậu vào viện. Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm. Vả lại cái việc sửa dép cũng dễ thôi, cậu bảo tớ vài lần là tớ làm được. Mẹ tớ sẽ rất vui lòng nếu như tớ giúp được cậu. Mẹ tớ quý và thương cậu lắm.*  (*Bạn Lộc,* Xuân Quỳnh, *Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 10 năm 2021,* tr.48-51)  **Câu 1.** Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.  **Câu 2.** Chỉ ra số từ trong câu “*Vả lại cái việc sửa dép cũng dễ thôi, cậu bảo tớ vài lần là tớ làm được”* và đặt một câu khác với số từ đó*.*  **Câu 3**. Trong đoạn trích, mẹ của nhân vật tôi nhận xétLộc là người như thế nào?  **Câu 4**. Xác định và nêu chức năng của thành phần trạng ngữ trong câu văn sau: *Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm.*  **Câu 5**. Thông tin *Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp* giúp em hiểu gì về Lộc?  **Câu 6**. Nhân vật tôi và Lộc đã có một tình bạn đẹp. Theo em, cần làm gì để có thể xây dựng được một tình bạn đẹp? Viết câu trả lời trong một đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu). |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Ngôi kể thứ nhất.

**Câu 2:** Số từ trong câu là “vài” (Đây là số từ chỉ số lượng không xác định).

Đặt câu: - Tôi đã đến Hạ Long **vài** lần rồi.

- Đã **vài** năm trôi qua, em Mi đã không còn là cô bé hay nhõng nhẽo như trước nữa.

**Câu 3:**

Trong đoạn trích, mẹ của nhân vật tôi nhận xétLộc *bé mà học giỏi, chăm, ngoan, lại nền nếp, cẩn thận…*

**Câu 4:**

Câu văn: *Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm.*

*-* Thành phần trạng ngữ trong câu là: *Sau giờ học ở trường*

- Chức năng của trạng ngữ: bổ sung ý nghĩa về thời gian.

**Câu 5:**

- Thông tin “*Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp”* giúp em Lộc là cậu bé có tính cách cẩn thận, nền nếp, biết quý trọng những đồ dùng học tập.

**Câu 6.** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

**- Hình thức:** đảm bảo dung lượng số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** Cần làm gì để có thể xây dựng được một tình bạn đẹp?

+ Cần lắng nghe, tôn trọng bạn và dành thời gian để vun đắp tình bạn.

+ Biết an ủi, chia sẻ, giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn; biết tha thứ những lỗi lầm của nhau.

+ Góp ý chân thành khi bạn mắc khuyết điểm để cùng nhau tiến bộ.

+ Đối xử với nhau chân thành, thân ái, có thiện ý, biết hi sinh cho nhau; không tính toán, vụ lợi.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  **MIẾNG BÁNH MÌ CHÁY**  *Khi tôi lên 8 hay 9 tuổi gì đó, tôi nhớ thỉnh thoảng mẹ tôi vẫn nướng bánh mì cháy khét. Một tối nọ, mẹ tôi về nhà sau một ngày làm việc dài và bà làm bữa tối cho cha con tôi. Bà dọn ra bàn vài lát bánh mì nướng cháy, không phải cháy xém bình thường mà cháy đen như than. Tôi ngồi nhìn những lát bánh mì và đợi xem có ai nhận ra điều bất thường của chúng và lên tiếng hay không. Nhưng cha tôi chỉ ăn miếng bánh của ông và hỏi tôi về bài tập cũng như những việc ở trường học như mọi hôm. Tôi không còn nhớ tôi đã nói gì với ông hôm đó, nhưng tôi nhớ đã nghe mẹ tôi xin lỗi ông vì đã làm cháy bánh mì.*  *Và tôi không bao giờ quên được những gì cha tôi nói với mẹ tôi: “Em à, anh thích bánh mì cháy mà.”*  *Đêm đó, tôi đến bên chúc cha tôi ngủ ngon và hỏi có phải thực sự ông thích bánh mì cháy. Cha tôi khoác tay qua vai tôi và nói:“Mẹ con đã làm việc rất vất vả cả ngày và mẹ rất mệt. Một lát bánh mì cháy chẳng thể làm hại ai con ạ, nhưng con biết điều gì thực sự gây tổn thương cho người khác không? Những lời chê bai trách móc cay nghiệt đấy.”*  *Rồi ông nói tiếp: “Con biết đó, cuộc đời đầy rẫy những thứ không hoàn hảo và những con người không toàn vẹn. Cha cũng khá tệ trong rất nhiều việc, chẳng hạn như cha chẳng thể nhớ được sinh nhật hay ngày kỷ niệm như một số người khác. Điều mà cha học được qua nhiều năm tháng, đó là học cách chấp nhận sai sót của người khác và chọn cách ủng hộ những khác biệt của họ. Đó là chìa khóa quan trọng nhất để tạo nên một mối quan hệ lành mạnh, trưởng thành và bền vững con ạ.*  *Cuộc đời rất ngắn ngủi để thức dậy với những hối tiếc và khó chịu. Hãy yêu quý những người cư xử tốt với con, và hãy cảm thông với những người chưa làm được điều đó.”*  (Theo *Quà tặng cuộc sống*)  **Câu 1.** Xác định ngôi kể trong văn bản trên.  **Câu 2.** Theo em, vì sao người cha lại nói với vợ:*“Em à, anh thích bánh mì cháy mà.”*  **Câu 3.** Qua câu nói sau, người cha muốn nhắn nhủ con điều gì?  *“Mẹ con đã làm việc rất vất vả cả ngày và mẹ rất mệt. Một lát bánh mì cháy chẳng thể làm hại ai con ạ, nhưng con biết điều gì thực sự gây tổn thương cho người khác không? Những lời chê bai trách móc cay nghiệt đấy.”*  **Câu 4.** Em hãy rút cho cho mình thông điệp ý nghĩa nhất qua câu chuyện trên. |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Ngôi kể thứ nhất.

**Câu 2**:

- Người cha nói vậy vì ông biết người vợ làm việc cả ngày rất mệt mỏi nên không thể chuẩn bị bữa tối tốt cho gia đình.

- Người cha đã đặt mình vào hoàn cảnh của vợ để thông cảm cho những điều chưa hoàn hào của vợ.  
**Câu 3**: Ý nghĩa của câu nói: những lời chê bai, trách móc sẽ để lại những tổn thương rất lớn cho con người, vì vậy, hãy tha thứ cho nhau khi có thể.  
**Câu 4**: Học sinh có thể tuỳ chọn một trong các thông điệp của câu chuyện:

- Tình thương yêu trong gia đình;

- Sự tha thứ, lòng cảm thông;

- Cách chấp nhận những khiếm khuyết của người khác;

**4. Dạng viết ngắn**

**Bài 1:** Qua đoạn trích, em hiểu thêm được gì về con người của vùng đất phương Nam? Hãy nêu một chi tiết mà em thích nhất và lí giải vì sao

**Đoạn văn tham khảo**

Đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng giúp ta hiểu thêm về con người Nam Bộ. Cụ thể là những người như ông Hai, bà Hai (tía và má nuôi của An), nhân vật “tôi” và đặc biệt là chú Võ Tòng,… Đó là những người sống chan hào với thiên nhiên, tính cách trung thực, thẳng thắn, trọng nghĩa khinh tài, anh dũng, luôn vì nghĩa lớn…

Chi tiết mà em thích nhất là câu nói cảm ơn của ông Hai và chú Võ Tòng. Nó thể hiện được lối sống ân nghĩa giữa người với người, tất cả hướng về nghĩa lớn, quyết tâm bảo vệ mảnh đất thân yêu.

**Bài 2:** Viết đoạn văn 6-8 dòng nêu bật những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng.

**Đoạn văn tham khảo**

Chỉ bằng một cuộc chuyện trò, tác giả đã khắc họa được những nét đẹp tiêu biểu cho màu sắc thiên nhiên và con người Nam Bộ trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng”. Hình tượng con người Nam Bộ hồn hậu, chất phác, thật thà hồn nhiên được tác giả thể hiện rõ nét qua hình ảnh nhân vật, tiêu biểu là nhân vật chú Võ Tòng.  Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật đặc sắc kết hợp với việc sử dụng ngôi kể linh hoạt khiến câu chuyện trở nên gần gũi, thân thuộc và khách quan hơn với người đọc. Thiên nhiên qua ngòi bút miêu tả chân thực của nhà văn cũng hiện lên xanh tươi đậm chất sông nước miền Nam khiến người đọc không khỏi ngạc nhiên, yêu thích và nhớ nhung.

**ÔN TẬP VĂN BẢN: BUỔI HỌC CUỐI CÙNG**

*(Truyện kể của một em bé người An- dat)*

*(An-phông-xơ- đô-đê)*

**I. Tác giả tác phẩm**

**1. Tác giả**

- An-phông-xơ Đô-đê (1840- 1897) sinh tại sinh tại Nim, tỉnh Lăng-gơ-đốc, miền nam nước Pháp trong một gia đình kinh doanh tơ lụa.

- Là nhà văn hiện thực, nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn của nước Pháp cuối thế kỉ 19.

- Sáng tác của An-phông-xơ Đô-đê chủ yếu là truyện ngắn với văn phong trong sáng, nhẹ nhàng, giàu chất thơ thấm đẫm tình yêu thương con người, tình yêu quê hương đất nước, niềm tin vào phẩm chất tốt đẹp của con người.

- Tác phẩm chính**:** *Chú nhóc* (1886), *Những lá thư viết từ cối xay gió* (1869), **...**

**2. Tác phẩm**

**a. Hoàn cảnh sáng tác**

- Truyện lấy bối cảnh từ một biến cố lịch sử: Sau cuộc chiến tranh Pháp – Phổ năm 1870-1871, nước Pháp thua trận. Hai vùng An-dát và Lo-ren giáp biên giới với Phổ bị nhập vào nước Phổ. Các trường học trong vùng này bị buộc học bằng tiếng Đức. Truyện viết về buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở một trường làng thuộc vùng An-dát.

- **Bối cảnh**: Các sự việc trong truyện diễn ra tại lớp học vùng An- dát ở Pháp, sau cuộc chiến tranh Pháp – Phổ, nước Pháp phải cắt vùng đất An- dát cho nước Phổ.

- **Xuất xứ**: in trong quyển 3 tuyển tập truyện ngắn chọn lọc “Những vì sao” 1873

- **Thể loại**: truyện ngắn

- **Nhân vật chính:** Cậu bé Phrăng

- **Ngôi kể**: ngôi thứ nhất

**b. Nhan đề tác phẩm**

- Buổi học cuối cùng: Buổi học tiếng Pháp cuối cùng;cũng là buổi học cuối cùng thầy trò được sống trong tình yêu của tiếng mẹ đẻ.

- Chuyện của một em bé vùng An-dát: Cậu bé Ph-răng vừa là người kể chuyện vừa là nhân vật tham gia câu chuyện => người đọc hình dung rõ nét các sự việc và diễn biến tâm trạng, suy nghĩ, tình cảm của nhân vật trong truyện.

**c. Bố cục**

3 phần:

+ Từ đầu - “vắng mặt con”: Trước buổi học

+ Tiếp theo - “tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này”: Diễn biến trong buổi học cuối cùng

+ Còn lại:  Kết thúc buổi học

**\*Bối cảnh câu chuyện:**

**-** Bối cảnh chung: Sau cuộc chiến tranh Pháp- Phổ (1870-1871) nước Pháp thua trận, hai vùng An-dát và Lo-ren giáp biên giới với Phổ bị nhập vào nước Phổ. Các trường học thuộc hai vùng này bị bắt bỏ tiếng Pháp, chuyển sang học tiếng Đức.

- Bối cảnh riêng: Buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở một trường làng vùng An-dát.

- Qua câu chuyện cảm động này, nhà văn ngợi ca tình yêu đất nước, yêu ngôn ngữ dân tộc của người Pháp

**- Tóm tắt:** Như thường lệ, buổi sáng hôm ấy cậu bé Phrăng đến lớp học, trên đường đi cậu thấy có rất nhiều sự khác lạ so với mọi hôm, cả khi vào trường cũng vậy, sân trường bỗng dưng yên ắng như một ngày chủ nhật. Bước vào lớp cậu càng ngạc nhiên hơn vì thấy mọi người im phăng phắc, thầy Ha-men ăn mặc rất trang trọng, trong lớp lại còn có cả các cụ già cùng đến học. Qua lời nói xúc động của thầy giáo, cậu mới hiểu rằng hôm nay là buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp. Phrăng vô cùng ân hận vì sự ham chơi trước đây của mình, xấu hổ vì mình đã không đọc được bài như mong muốn. Thầy Ha-men nói về vẻ đẹp của tiếng Pháp về sự quý giá của tiếng nói dân tộc, ai nấy đều xúc động thiêng liêng... Cuối buổi học thầy giáo Ha-men viêt lên bảng dòng chữ “Nước Pháp muôn năm”.

**II. Tìm hiểu chi tiết văn bản**

**1. Nhân vật Phrăng**

Nhà văn để cho nhân vật Phrăng kể chuyện vì hai lẽ: Thứ nhất, câu chuyện qua lời của một cậu bé đảm bảo được tính hồn nhiên, chân thực.

Cậu không ngần ngại nói đến chuyện cậu định trốn học ra sao, rồi cậu định nhân lúc hỗn độn để trà trộn vào lớp với hi vọng thầy sẽ không nhận ra mình thế nào,… Chính những chi tiết này đã góp phần khắc sâu tư tưởng chủ đề của truyện ở phần sau. Thứ hai, nếu để cho thầy Ha-men kể thì có thể, lời kể sẽ không gợi cảm bằng lời của cậu bé học trò, tư tưởng tác phẩm dễ lộ, dễ biến truyện thành bài học khô khan về lòng yêu nước. Để Phrăng kể, hình ảnh người thầy trở nên đẹp đẽ hơn và lòng yêu nước cũng được bộc lộ sâu sắc hơn.

**a.  Một cậu bé ham chơi, lười học**.

- Vì không thuộc bài nên cậu định trốn học. Nhưng cậu đã cưỡng lại sức hút của tiếng chim, của những bãi cỏ xanh để ba chân bốn cẳng chạy đến lớp. Đã thế cậu định “nhất quỷ nhì ma”… lẻn vào lớp học lúc nhộn nhạo để thầy không nhìn thấy. Thực ra những chi tiết này về Phrăng nhằm hai mục đích: vừa nói được tính cách ham chơi của trẻ con, vừa có ý nghĩa làm nổi bật sự thay đổi trong nhận thức, tình cảm của Phrăng: từ chỗ lười học, không thuộc lấy một chữ, chưa biết coi trọng tiếng mẹ đẻ đến chỗ nhận thức được tiếng mẹ đẻ có tầm quan trọng thế nào.

**b.  Những thay đổi về tâm trạng và nhận thức của cậu bé**

-  Ngạc nhiên: Buổi học hôm nay thật khác thường và trang trọng (yên tĩnh như một ngày chủ nhật, trang nghiêm, thành phần tham dự có các cụ già và dân làng, thầy Ha-men cũng khác với mọi hôm về trang phục, về cách đối xử),…

-  Choáng váng khi thấy thầy Ha-men cho biết đây là buổi học cuối cùng.

-  Tiếc nuối, ân hận: Vậy là sẽ chẳng bao giờ được học nữa ư? […] Giờ  đây tôi tự giận mình biết mấy về thời gian bỏ phí, về những buổi trốn học […]. Những cuốn sách vừa nãy tôi còn thấy chán ngán đến thế […] giờ đây dường như những người bạn cố tri mà tôi sẽ rất đau lòng phải giã từ…

-  Xấu hổ: Cậu bé xấu hổ vì trong buổi học cuối cùng này cậu không thuộc bài. Nhưng cậu xấu hổ hơn khi nghe thầy nói: Giờ đây những kẻ kia có quyền bảo chúng ta rằng: “Thế nào? Các ngươi tự nhận là dân Pháp, vậy mà các ngươi chẳng biết đọc, biết viết tiếng của các ngươi!…”.

-  Kinh ngạc vì thấy sao mình hiểu đến thế (lưu ý, trước khi đến lớp, Phrăng thú nhận cậu chẳng thuộc lấy một chữ vì mải chơi).

\* Tự hào về người thầy và nhận thức một cách đầy đủ về vai trò của tiếng mẹ đẻ. Trong tâm trí cậu bé, hình ảnh thầy Ha-men hiện lên thật đẹp: Chưa bao giờ tôi thấy thầy lớn lao đến thế. Và cậu ý thức một cách thật rõ ràng: Yêu tiếng nói của dân tộc mình cũng chính là biểu hiện của tinh thần yêu nước.

Nhân vật Phrăng có vị trí rất quan trọng trong truyện. Trước hết, đây là nhân vật giữ chức năng người kể chuyện, và câu chuyện diễn ra theo cái nhìn và thái độ của cậu. Thứ hai, thông qua cảm nhận của một cậu bé, tác giả đã làm nổi bật chủ đề tác phẩm: Biết yêu quý tiếng nói của dân tộc mình chính là biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước sâu sắc. Thực ra, những tư tưởng ấy đã được thầy Ha-men trình bày, nhưng nó thấm sâu vào tâm hồn cậu bé, làm thay đổi nhận thức của cậu. Đó là sự thay đổi vừa tự nhiên vừa mang tính đột biến. Tài liệu của Nhung tây

**2. Nhân vật thầy Ha-men**

-  Đó là người thầy đã có tới hơn bốn mươi năm gắn bó với nghề dạy học, người tâm huyết với tiếng nói của dân tộc mình. Nếu Phrăng thể hiện sự thức tỉnh tình yêu đối với ngôn ngữ dân tộc thì thầy Ha-men chính là người gieo lửa vì thầy ý thức được rõ ràng ý nghĩa to lớn của tiếng mẹ đẻ.

- Trong buổi học đặc biệt này, sự trang trọng của thầy Ha-men khiến Phrăng thấy lạ (chú ý các chi tiết về trang phục: áo rơ-đanh-gốt, mũ tròn bằng lụa đen,…).

Thái độ của thầy cũng khác với mọi hôm: dịu dàng khi Phrăng đến muộn; ân cần tha thiết: Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con [,..]. Thầy mong các con hết sức chú ý; nhiệt tình truyền giảng bằng tất cả tâm huyết của thầy: Tất cả những điều thầy nói, tôi thấy thật dễ dàng, dễ dàng[…] và cả thầy giáo nữa, chưa bao giờ thầy kiên nhẫn giảng giải đến thế… Trong lời nói của thầy, vị trí, vai trò và vẻ đẹp của tiếng Pháp được tôn vinh: Tiếng Pháp là ngôn ngữ hay nhất thế giới, vì thế, phải giữ lấy nó, không được quên lãng nó. Từ thái độ tôn vinh ấy thầy Ha-men nói đến sức sống, sức mạnh phi thường của tiếng mẹ đẻ (rộng ra là của văn hóa dân tộc): Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù. Có thể coi đây là câu nói quan trọng nhất làm nổi bật chủ đề tác phẩm. Nó mang tầm vóc của mộí chân lí.

-  Hình ảnh của thầy Ha-men cuối buổi học đọng lại trong tâm hồn cậu bé Phrăng thật đẹp, thật cảm động: Khi giờ học kết thúc cũng là khi nỗi đau của thầy lên tới cực điểm (người tái nhợt, nghẹn ngào, không nói được hết câu, dằn mạnh hết sức, thầy cô viết thật to: “NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!”, đầu dựa vào tường, chẳng nói, giơ tay ra hiệu). Những chi tiết này cho thấy thầy như kiệt sức trong buổi học cuối cùng. Nhưng thầy đã gieo vào những tâm hồn trẻ thơ như Phrăng tinh thần yêu nước. Thầy Ha-men thực sự là một nhân cách lớn, có sức cảm hóa mãnh liệt.

**3. Các nhân vật khác**

- Dân làng ngồi phía cuối lớp lặng lẽ và buồn rầu

- Cụ già Hode nâng niu quyển tập đánh vần, tập đọc theo lũ trẻ, giọng run run

- Học trò chăm chú nghe giảng,cặm cụi tập viết, muốn khóc

**=> Xúc động, nuối tiếc.**

**4. Đánh giá**

**+ Nội dung**

- Qua buổi học cuối cùng, truyện  đã thể hiện lòng yêu nước của nhân dân An-dát

- Ca ngợi ý nghĩa của tiếng nói dân tộc

**+ Nghệ thuật**

- Xây dựng thành công nhân vật qua miêu tả ngoại hình, cử chỉ, tâm trạng

- Xen kẽ những đoạn văn tả cảnh sinh động mà giàu ý nghĩa

- Ngôn ngữ tự nhiên với giọng kể chân thành, xúc động.

**III. Định hướng phân tích văn bản**

## Dàn ý phân tích tác phẩm Buổi học cuối cùng

**I. Mở bài**

- Giới thiệu đôi nét về tác giả An-phông-xơ Đô-đê, truyện ngắn Buổi học cuối cùng.

- Buổi học cuối cùng diễn ra trong không khí trang nghiêm và xúc động.

**II. Thân bài**

**1. Chú bé Phrăng**

- Vì không thuộc bài nên lúc đầu chú định trốn học, sau đó lại đến trường.

- Chú ngạc nhiên vì không khí yên ắng khác thường của lớp học.

- Choáng váng khi nghe thầy giáo tuyên bố đây là buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp.

- Tự giận mình vì thói ham chơi, lười học...

- Thấm thía lời dạy của thầy, chăm chú nghe thầy giảng bài.

- Cảm động trước hình ảnh lớn lao, cao đẹp của thầy Ha-men.

**2. Thầy Ha-men**

- Thái độ của thầy dịu dàng khác hẳn ngày thường .

- Thầy lên lớp với bộ y phục đặc biệt chỉ dành cho những dịp long trọng.

- Thầy ca ngợi tiếng Pháp và tôn vinh Tổ quốc của mình.

- Tâm trạng thầy hết sức xúc động: thể hiện qua giọng nói thiết tha, nghẹn ngào và hành động bất ngờ.

**III. Kết bài**

- “Buổi học cuối cùng” là một tác phẩm hay, phản ánh niềm tự hào về tiếng Pháp và lòng yêu nước thiết tha của người dân nước Pháp.

- Hình ảnh chú bé Phrăng và thầy giáo Ha-men được tác giả miêu tả rất thành công, để lại ấn tượng trong lòng người đọc.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

An-phông-xơ Đô-đê là một cây bút truyện ngắn nổi tiếng của văn học Pháp. Truyện của ông thường giản dị nhưng rất đằm thắm, thể hiện một tấm lòng gắn bó tha thiết sâu nặng với quê hương đất nước. “Buổi học cuối cùng” là một tác phẩm như thế. Tài liệu của Nhung tây

Truyện đưa chúng ta đến một ngôi trường làng vùng An-dát để chứng kiến một câu chuyện đầy xúc động đó là buổi học Pháp văn cuối cùng. Nó được diễn ra trong con mắt quan sát và cảm xúc, suy ngẫm của cậu học trò nhỏ Phrăng và được kề lại bằng chính lời kể của cậu bé.

Phrăng là một cậu học trò nghịch ngợm lại lười học. Cậu thường trốn học đi chơi ngoài đồng nội. Đối với cậu, bầu trời trong trẻo, chim sáo hót ven rừng trên đồng cỏ thường có sức cám dỗ hơn là những phân từ tiếng Pháp. Ngày hôm ấy, Phrăng đã đi học muộn. Khi đến lớp, cậu bé càng thấy ngạc nhiên hơn vì thấy thầy giáo không những chẳng giận dữ mà còn dịu dàng bảo cậu: “Phrăng, vào chỗ nhanh lên con; lớp sắp bắt đầu học mà lại vắng mặt con”. Còn ở phía cuối lớp, trên những dãy ghế bỏ trống, dân làng ngồi lặng lẽ; thầy Ha-men thì mặc một bộ lễ phục thật trang trọng.

Lời bộc bạch của thầy Ha-men vang lên: “Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con. Lệnh từ Béc -lin là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An-dát và Lo-ren… Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con”. Từ lời nói của thầy khiến cho Phrăng cảm thấy choáng váng. Cậu cảm thấy hối hận, đau đớn và tự giận mình về thời gian đã bỏ phí, về những buổi trốn học đi bắt tổ chim hoặc trượt băng trên hồ. Cậu đau lòng khi nghĩ tới chuyện phải giã từ những quyển ngữ pháp, những quyển thánh sử. Cậu quên cả nỗi giận thầy Ha-men vì những lần bị phạt.

Trong buổi học cuối cùng, Phrăng không đọc thuộc những quy tắc về phân từ, nhưng thầy giáo không trách mắng. Thầy giảng giải cho Phrăng và các cậu học trò hiểu hoãn việc học là một tai hoạ lớn. Song điều làm Phrăng cảm thấy xúc động là khi thầy Ha men giang giải về tiếng Pháp. Thầy nói rằng đó là thứ ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất thế giới và vững vàng nhất: “Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững ti ống nói nia mình thì chẳng khác gì nắm được chia khoả chốn lao tù…”

Buổi học cuối cùng diễn ra trong không khí trang nghiêm và xúc động: thầy say sưa giảng bài, trò chăm chú lắng nghe và cặm cụi học tập. Đến khi tiếng chuông đồng hồ điểm mười hai giờ vang lên, thầy Ha-men trở nên xúc động không nói nên lời: “Các bạn, hỡi các bạn, tôi... tôi…”. Và thầy đã quay về phía bảng, cầm lấy viên phấn và viết một dòng chữ: “Nước Pháp muôn năm”. Có thể nói, đây là câu chuyện xúc động về tình yêu Tô quốc. Tình yêu ấy được biểu hiện cụ thể bằng tình yêu tiếng nói của dân tộc của thầy Ha-men, của những cậu học trò, của dân làng vùng An-dát. Đế diễn tả tình yêu ấy, An-Phông -xơ Đô-đê đã chú ý tập trung vào miêu tả cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng và hành động của các nhân vật, đặc biệt là thầy Ha-men và cậu học trò Phrăng. Tài liệu của Nhung tây 0794862058

Ngòi bút An-Phông-xơ Đô-đê đặc biệt tinh tế khi thế hiện tâm trạng và tình cảm của nhân vật. Cũng qua truyện ngắn này, mượn lời thầy Ha-men, nhà văn muôn nêu lên một chân lý: “Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù”.

Với những lời độc thoại nội tâm sâu sắc, truyện “Buổi học cuối cùng” đã cho người đọc cảm nhận về tầm quan trọng của ngôn ngữ mẹ đẻ đối với một dân tộc. Từ đó nhà văn cũng đặt ra trách nhiệm lớn lao của mỗi người dân trước việc bảo vệ ngôn ngữ của dân tộc.

**III. LUYỆN TẬP**

**1. Bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Văn bản Buổi học cuối cùng được kể theo lời kể của nhân vật nào?**

A. Người kể giấu mặt **B. Nhân vật xưng tôi**

C. Thầy giáo Ha-men D. Cụ già Hô- de

**Câu 2.** **Tác giả An- phông-xơ Đô- đê là nhà văn của nước nào?**

A. Anh B. Đức C. Pháp D. Mĩ

**Câu 3. Ý nghĩa nhan đề Buổi học cuối cùng?**

A. Buổi học cuối của một học kì

B. Buổi học cuối cùng của môn học tiếng Pháp

C. Buổi học cuối cùng của một năm học

D. Buổi học cuối cùng của cậu bé Phrăng trước khi chuyển đến ngôi trường mới

**Câu 4.** **Câu chuyện trong tác phẩm "Buổi học cuối cùng" xảy ra trong khoảng thời gian nào?**

A. Chiến tranh thế giới chiến thứ nhất (1914- 1918)

B. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939- 1945)

C. Chiến tranh Pháp- Phổ cuối thế kỉ XIX

D. Chiến tranh chống đế quốc Mĩ cuối thế kỉ XX

**Câu 5.** **Tâm trạng chú bé Phrăng diễn biến như thế nào trong buổi học cuối cùng?**

A. Hồi hộp chờ và rất xúc động

B. Vô tư và thờ ơ

C. Lúc đầu ham chơi, lười học, sau đó ân hận, xúc động

D. Cảm thấy bình thường như những buổi học khác

**Câu 6. Dòng nào nói đúng tâm trạng thầy giáo Ha-men trong buổi học cùng?**

A. Đau đớn và rất xúc động

B. Bình tĩnh và tự tin

C. Bình thường như những buổi học khác

D. Tức tối, căm phẫn

**Câu 7. Lòng yêu nước của thầy giáo Ha-men được biểu hiện thế nào trong tác phẩm**

A. Yêu mến, tự hào về vùng quê An-dát của mình

B. Căm thù sục sôi kẻ thù đã xâm lược quê hương

C. Kêu gọi mọi người cùng đoàn kết, chiến đấu chống quân thù

D. Yêu tha thiết tiếng nói dân tộc.

**Câu 8. Em hiểu thế nào về câu văn: "Khi dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù..."**

A. Dân tộc ấy không thể bị đồng hóa, bởi họ vẫn còn tiếng nói của mình

B. Tiếng nói sẽ giúp dân tộc ấy không đánh mất bản sắc của mình

C. Tiếng nói của dân tộc là biểu hiện của lòng yêu nước, và chính điều đó sẽ tạo nên sức mạnh để mở cánh cửa nô lệ

D. Gồm cả 3 ý trên

**Câu 9. Truyện đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật thầy Ha-men và chú bé Phrăng qua miêu tả ngoại hình, cử chỉ, lời nói và tâm trạng của họ, đúng hay sai?**

A. Đúng

B. Sai

**Câu 10.** **Tác phẩm buổi học cuối cùng là thể hiện lòng yêu nước trong một biểu hiện cụ thể là tình yêu tiếng nói của dân tộc và nêu chân lí, đúng hay sai?**

A. Đúng

B. Sai

## ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| Câu 1 | B | Câu 6 | A |
| Câu 2 | C | Câu 7 | D |
| Câu 3 | B | Câu 8 | D |
| Câu 4 | C | Câu 9 | A |
| Câu 5 | C | Câu 10 | A |

**2. Dạng bài tập Đọc hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Buổi sáng hôm ấy, đã quá trễ giờ đến lớp, tôi rất sợ bị quở mắng, càng sợ vì thầy Ha-men đã dặn trước rằng thầy sẽ hỏi bài chúng tôi về các phân từ mà tôi chẳng thuộc lấy một chữ. Tôi thoáng nghĩ hay là trốn học và rong chơi ngoài đồng nội.*  *Trời sao mà ấm đến thế, trong trẻo đến thế!*  *Nghe thấy sáo hót ven rừng và trên cánh đồng Ríp-pe, sau xưởng cưa, lính Phổ đang tập. Tất cả những cái đó cám dỗ tôi hơn là quy tắc về phân từ; nhưng tôi cưỡng lại được, và ba chân bốn cẳng chạy đến trường.*  *Khi qua trước trụ sở xã, tôi thấy có nhiều người đứng trước bảng dán cáo thị có lưới che. Từ hai năm nay, chính từ chỗ ấy, lan đến chúng tôi mọi tin chẳng lành, những cuộc thất trận, những vụ trưng thu, những mệnh lệnh của ban chỉ huy Đức; và tôi nghĩ mà không dừng chân: “Lại có chuyện gì nữa đây?”.*  *Bác phó rèn Oát-stơ đang đọc cáo thị cùng cậu học việc thấy tôi chạy qua liền lớn tiếng bảo:*  *- Đừng vội vã thế cháu ơi, đến trường lúc nào cũng vẫn còn là sớm!*  *Tôi tưởng bác chế nhạo tôi và tôi hổn hển thở dốc, bước vào khoảng sân nhỏ nhà thầy Ha-men.*  *Thông thường, bắt đầu buổi học, tiếng ồn ào như vỡ chợ vang ra tận ngoài phố, nào tiếng ngăn bàn đóng mở, tiếng mọi người vừa đồng thanh nhắc lại rất to các bài học, vừa bịt tai lại cho dễ thuộc và tiếng chiếc thước kẻ to tướng của thầy gõ xuống bàn:*  *- Yên một chút nào!*  *Tôi định nhân lúc ồn ào, hỗn độn ấy lẻn vào chỗ ngồi để không ai trông thấy; nhưng đúng ngày hôm đó, mọi sự đều bình lặng y như một buổi sáng chủ nhật. Qua cửa sổ mở, tôi thấy các bạn đã ngồi vào chỗ, và thầy Ha-men đi đi lại lại với cây thước sắt khủng khiếp kẹp dưới nách. Phải mở cửa đi vào giữa sự lặng ngắt đó, các bạn tưởng tượng xem tôi đỏ mặt tía tai và sợ đến chừng nào!*  *Thế mà không. Thầy Ha-men nhìn tôi chẳng giận dữ và bảo tôi thật dịu dàng:*  *- Phrăng, vào chỗ nhanh lên con; lớp sắp bắt đầu học mà vắng mặt con.*  **Câu 1:** Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào của ai? Tác giả là người nước nào?  **Câu 2**: Truyện kể bằng lời kể của nhân vật nào?Tác dụng của ngôi kể đó?  **Câu 3:** Tâm trạng chú bé Ph răng diễn ra như thế nào qua đoạn trích trên?  **Câu 4:** Bài học rút ra từ câu chuyện trên? Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Buổi học cuối cùng của An phông Xơ Đô Đê, nhà văn là người nước Pháp

Câu 2: Nhân vật Ph Răng. Ngôi kể này có tác dụng giúp người nghe kể chuyện một cách linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật

**Câu 3:** Lúc đầu ham chơi, lười học, ân hận xúc động.

**Câu 4:** - Vui chơi thoải mái nhưng không sao nhãng việc học hành để sau này phải ân hận, nuối tiếc.

- Học tập không chỉ lấy kiến thức cho mình để sau này có một tương lai tươi sáng mà còn là trách nhiệm của người học sinh đối với gia đình, đối với đất nước.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Tôi bước qua hàng ghế dài và ngồi ngay xuống trước bàn mình. Chỉ đến lúc ấy, đã hơi hoàn hồn, tôi mới nhận ra thầy giáo chúng tôi mặc chiếc áo rơ-đanh-gốt màu xanh lục, diềm lá sen gấp nếp mịn và đội cái mũ tròn bằng lục đen thêu mà thầy chỉ dùng vào những hôm có thanh tra hoặc phát phần thưởng. Ngoài ra, lớp học có cái gì đó khác thường và trang trọng. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả, là trông thấy ở phía cuối lớp,, trên những hàng ghế thường bỏ trống, dân làng ngồi lặng lẽ như chúng tôi, cụ già Hô-de, trước đây là xã trưởng với cái mũ ba sừng, bác phát thư trước đây, và nhiều người khác nữa.*  *(Ngữ văn 6, tập 1, trang 26)*  **Câu 1**: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Của ai? Trình bày hoàn cảnh sáng tác văn bản. Tài liệu của Nhung tây  **Câu 2**: Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản chứa đoạn văn trên  **Câu 3**: Tại sao nhân vật “tôi” cảm thấy “lớp học có cái gì đó khác thường và trang trọng”?  **Câu 4**: Tìm và xác định ý nghĩa của phó từ trong câu:“Chỉ đến lúc ấy, đã hơi hoàn hồn, tôi mới nhận ra thầy giáo chúng tôi mặc chiếc áo rơ-đanh-gốt màu xanh lục, diềm lá sen gấp nếp mịn và đội cái mũ tròn bằng lục đen thêu mà thầy chỉ dùng vào những hôm có thanh tra hoặc phát phần thưởng” |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- Đoạn văn trích trong văn bản Buổi học cuối cùng

- Tác giả: An - phông- xơ Đô- đê

- Hoàn cảnh sáng tác: Lấy bối cảnh từ một biến cố lịch sử: Sau cuộc chiến trang Pháp – Phổ năm 1870- 1871, khi nước Pháp thua trận và phải cắt 2 vùng An-dát và Lo- ren cho Phổ, truyện viết về buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở môt trường thuộc An-dat

**Câu 2:**

- PTBĐ chính: Tự sự

**Câu 3:**

- Nhân vật tôi cảm thấy: ““*lớp học có cái gì đó khác thường và trang trọng”*bởi cậu thấy người thầy giáo của mình ăn mặc khác bình thường , lớp học lại có sự hiện diện của những người dân làng và cụ Ho-de. Lớp học khác thường bởi hôm nay là buổi học cuối cùng.

**Câu 4:**

- Phó từ:

+ đã: bổ sung ý nghĩa cho ĐT “hoàn hồn” về quan hệ thời gian

+ hơi: bổ sung ý nghĩa cho ĐT “hoàn hồn” về mức độ

+ mới: bổ sung ý nghĩa cho ĐT “nhận” về quan hệ thời gian

+ ra: bổ sung ý nghĩa cho ĐT “nhận” về hướng

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Bỗng đồng hồ nhà thờ điểm mười hai giờ, rồi đến chuông cầu nguyện buổi trưa. Cùng lúc đó, tiếng kèn của bọn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ… Thầy Ha-men đứng dậy trên bục, người tái nhợt. Chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế.*  *- Các bạn, thầy nói, hỡi các bạn, tôi… tôi…*  *Nhưng cái gì đó khiến thầy nghẹn ngào, không nói được hết câu.*  *Thầy bèn quay về phía bảng, cầm một hòn phấn và dằn mạnh hết sức, thầy cố viết thật to: “NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!”.*  *Rồi thầy đứng đó, đầu dựa vào tường, và chẳng nói, giơ tay ra hiệu cho chúng tôi:*  *“Kết thúc rồi… đi đi thôi!”.* Tài liệu của Nhung tây  **Câu 1.** Đoạn văn kể về sự kiện gì?  **Câu 2.** Tìm chi tiết thể hiện đặc điểm nhân vật thầy Ha-men. Qua đó cho em cảm nhận gì?  **Câu 3.** Đoạn trích đã gửi đến cho em thông điệp nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Đoạn văn kể về nỗi đau đớn, xúc động của thầy Ha-men ở giây phút cuối của buổi học tiếng Pháp cuối cùng khi tiếng chuông nhà thờ và tiếng kèn vang lên báo hiệu việc cấm dứt học tiếng Pháp.

**Câu 2.**

+ Nỗi đau đớn, xúc động trong lòng thầy lên đến cực điểm khi tiếng chuông nhà thờ điểm 12 tiếng và tiếng kèn quân Phổ báo hiệu hết giờ học, báo hiệu việc chấm dứt học tiếng Pháp.

+ Thầy Ha-men "*người tái nhợt","nghẹn ngào, không nói được hết câu", "cầm một hòn phấn và dằn mạnh hết sức, thầy cố viết thật to: "NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!" và " đầu dựa vào tường', "chẳng nói", chỉ "giơ tay ra hiệu".*

=> Biểu hiện của thầy thể hiện nỗi đau đớn, thất vọng. Đó là người yêu nghề dạy học, yêu tiếng mẹ đẻ, người yêu nước sâu sắc, là người truyền lửa cho các thế hệ học sinh.

**Câu 3.**

**-** Hãy biết trân trọng, có tình yêu tiếng mẹ đẻ, yêu tiếng nói ông cha.

- Tình yêu tiếng nói ông cha chính là tình yêu nước.

- Phải có trách nhiệm giữ gìn tiếng nói dân tộc.

**3. Dạng ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

**Buổi học thể dục**

*1.Hôm nay có buổi học thể dục. Thầy giáo dẫn chúng tôi đến bên một cái cột cao, thẳng đứng. Chúng tôi phải leo lên đến trên cùng, rồi đứng thẳng người trên chiếc xà ngang.*

*Đê-rốt-xi và Cô-rét-ti leo như hai con khỉ. Xtác-đi thì thở hồng hộc, mặt đỏ như chú gà tây. Ga-rô-nê leo dễ như không. Tưởng chừng cậu có thể vác thêm một người nữa trên vai vì cậu khỏe chẳng khác gì một con bò mộng non.*

*2. Đến lượt Nen-li bạn này được miễn học thể dục vì bị tật từ nhỏ, nhưng cố xin thầy cho được tập như mọi người.*

*Nen-li bắt đầu leo một cách rất chật vật. Mặt cậu đỏ như lửa, mồ hôi ướt đẫm trán. Thầy giáo bảo cậu có thể xuống. Nhưng cậu vẫn cố sức leo. Mọi người vừa thấp thỏm sợ cậu tuột tay ngã xuống đất, vừa luôn miệng khuyến khích: “Cố lên ! Cố lên !”.*

*Nen-li rướn người lên và chỉ còn cách xà ngang hai ngón tay. “Hoan hô ! Cố tí nữa thôi !” - Mọi người reo lên. Lát sau, Nen-li đã nắm chặt được cái xà.*

*3. Thầy giáo nói: “Giỏi lắm ! Thôi, con xuống đi !” Nhưng Nen-li còn muốn đứng lên cái xà như những người khác.*

*Sau vài lần cố gắng, cậu đặt được hai khuỷu tay, rồi hai đầu gối, cuối cùng là hai bàn chân lên xà. Thế là cậu đứng thẳng người lên, thở dốc, nhưng nét mặt rạng rỡ chiến thắng, nhìn xuống chúng tôi.*

*( Theo A-MI-XI- Hoàng Thiếu Sơn dịch)*

**Câu 1**: Vì sao Nen Li được miễn tập thể dục?

**Câu 2:** Chi tiết nào nói lên quyết tâm của Nen Li?

**Câu 3:** Vì sao Nen li cố xin thầy tập?

**Câu 4:** Qua câu chuyện em hiểu gì và học được gì ở Nen Li?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Vì em bị tàn tật từ nhỏ

**Câu 2:** Nen li một cách rất chật vật, mặt đỏ như lửa, mồ hôi ướt đẫm trán. Thầy giáo bảo cậu có thể xuống, cậu vẫn cố sức leo. Cậu rướn người lên, thế là nắm chặt được cái xà.

**Câu 3:** Ni len muốn vượt qua chính mình, muốn làm được việc như các bạn.

**Câu 4:** Em học được ý chí nghị lực, sự quyết tâm.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Vào một buổi học, thầy giáo chúng tôi mang vào lớp rất nhiều túi nhựa và một bao khoai tây thật to. Thầy chậm rãi giải thích với mọi người rằng, mỗi khi cảm thấy oán giận hoặc không muốn tha thứ lỗi lầm cho ai, hãy viết tên của người đó lên một củ khoai tây rồi cho vào túi nhựa. Chúng tôi thích thú viết tên những người mình không ưa hay ghét hận rồi cho vào túi. Chỉ một lúc sau, chiếc túi nào của chúng tôi cũng đã căng nặng, đầy khoai tây. Thậm chí có người một túi không chứa hết khoai, phải thêm một túi nhỏ kèm theo. Sau đó, thầy yêu cầu chúng tôi hãy mang bên mình túi khoai tây đó bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào trong thời gian một tuần lễ. Đến lớp thì mang vào chỗ ngồi, về nhà thì mang vào tận giường ngủ, thậm chí khi vui chơi cùng bạn bè cũng phải đem theo. Chỉ sau một thời gian ngắn, chúng tôi bắt đầu cảm thấy mệt mỏi và phiền toái vì lúc nào cũng có một túi khoai tây nặng nề kè kè bên cạnh. Tình trạng này còn tệ hơn nữa khi những củ khoai tây bắt đầu thối rữa, rỉ nước. Cuối cùng, chúng tôi quyết định xin thầy cho quẳng hết số khoai ấy đi và cảm thấy thật nhẹ nhàng, thoải mái trong lòng. Lúc ấy, thầy giáo của chúng tôi mới từ tốn nói: “Các em thấy không, lòng oán giận hay thù ghét người khác đã làm chúng ta thật nặng nề và khổ sở! Càng oán ghét và không tha thứ cho người khác, ta càng giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng. Lòng vị tha, sự cảm thông với những lỗi lầm của người khác không chỉ là món quà quý giá để ta trao tặng mọi người, mà đó còn là một món quà tốt đẹp mỗi chúng ta dành tặng bản thân mình”.*  (Nguồn internet) **Câu 1**.Tìm một lời dẫn ở đoạn cuối cùng và cho biết đó là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp? **Câu 2**.Theo em cách giáo dục của thầy giáo có điều gì thú vị? **Câu 3**. Ở cuối văn bản, thầy giáo khuyên học sinh: “Càng oán ghét và không tha thứ cho người khác, ta càng giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng. Lòng vị tha, sự cảm thông với những lỗi lầm của người khác không chỉ là món quà quý giá để ta trao tặng mọi người, mà đó còn là một món quà tốt đẹp mỗi chúng ta dành tặng bản thân mình”. Em có đồng ý với ý kiến của thầy giáo không? Vì sao? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Lời dẫn trực tiếp*“Các em thấy không, lòng oán giận hay thù ghét người khác đã làm chúng ta thật nặng nề và khổ sở! Càng oán ghét và không tha thứ cho người khác, ta càng giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng. Lòng vị tha, sự cảm thông với những lỗi lầm của người khác không chỉ là món quà quý giá để ta trao tặng mọi người, mà đó còn là một món quà tốt đẹp mỗi chúng ta dành tặng bản thân mình”.***Câu 2:** Theo em cách giáo dục của thầy giáo có điều gì thú vị:

+ Thầy giáo chúng tôi mang vào lớp rất nhiều túi nhựa và một bao khoai tây thật to. Thầy chậm rãi giải thích với mọi người rằng, **mỗi khi cảm thấy oán giận hoặc không muốn tha thứ lỗi lầm cho ai, hãy viết tên của người đó lên một củ khoai tây**rồi cho vào túi nhựa. Chỉ sau một thời gian ngắn, chúng tôi bắt đầu cảm thấy**mệt mỏi và phiền toái vì lúc nào cũng có một túi khoai tây nặng nề kè kè**bên cạnh. Lúc ấy, thầy giáo của chúng tôi mới từ tốn nói: “Các em thấy không**, lòng oán giận hay thù ghét người khác đã làm chúng ta thật nặng nề và khổ sở! Càng oán ghét và không tha thứ cho người khác, ta càng giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng.**

**Câu 3:** Ở cuối văn bản, thầy giáo khuyên học sinh: “Càng oán ghét và không tha thứ cho người khác, ta càng giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng. Lòng vị tha, sự cảm thông với những lỗi lầm của người khác không chỉ là món quà quý giá để ta trao tặng mọi người, mà đó còn là một món quà tốt đẹp mỗi chúng ta dành tặng bản thân mình”. Em có đồng ý với ý kiến của thầy giáo .Vì trong cuộc sống không ai là không mắc sai lầm cả. Nếu mắc sai lầm điều quan tọng họ có biết sửa lỗi hay không. Bởi đối phương khi bị làm tổn thương nếu họ oán ghét và không tha thứ cho thì họ phải giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng. Chính bởi vậy mà lòng vị tha, sự cảm thông với những lỗi lầm của người khác sẽ làm cuộc sống ta tốt hơn, nhẹ nhỏm hơn.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| *Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp 1 vẽ về điều gì làm các em thích nhất trong đời. Cô giáo thầm nghĩ "Rồi các em cũng lại vẽ những gói quà, những ly kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh". Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh Douglas: bức tranh vẽ một bàn tay.*  *Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi một hình ảnh đầy biểu tượng này. Một em phán đoán "Đó là bàn tay của bác nông dân". Một em khác cự lại "Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật....". Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả. Douglas cười ngượng nghịu "Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!".*  *Cô giáo ngẩn ngơ. Cô nhớ lại những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Douglas ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không đuợc xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác, nhưng hóa ra đối với Douglas bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương.*  (Trích *Bàn tay yêu thương*, NXB Trẻ, 2004)  **Câu 1**:Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?  **Câu 2***:* Tìm biện pháp tu từ so sánh ở đoạn cuối và cho biết kiểu so sánh gì ?  **Câu 3**: Nêu nội dung của văn bản? Tài liệu của Nhung tây  **Câu 4**: Bài học rút ra cho bản thân em qua câu chuyện?. |

**GỢI Ý TRẢ LỜI:**

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chinh được sử dụng trong văn bản: Tự sự.

**Câu 2**: - Khuôn mặt không đuợc xinh xắn như những đứa trẻ khác.

- So sánh không ngang bằng

**Câu 3**: Nội dung: Câu ca ngơi ý nghĩa lớn lao của tình yêu thương , nó sẽ là nguồn động viên an ủi để những người bất hạnh có động lực vươn lên trong cuộc sống.

**Câu 4**: - Bài học: cần có tình yêu thương , đặc biệt là đối với những người bất hạnh.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  **Bàn tay yêu thương**  *Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp một vẽ về điều gì làm các em thích nhất trong đời. Cô giáo thầm nghĩ: “Rồi các em sẽ lại vẽ những gói quà, những li kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh…”. Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh tên là Đắc-gờ-lốt: bức tranh vẽ một bàn tay. Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi một hình ảnh đầy tính biểu tượng này. Một em phán đoán :“Đó là bàn tay của bác nông dân”. Một em khác cự lại: “Bàn tay thon thả thế này hẳn là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật”…Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả. Đắc-gờ-lốt cười ngượng nghịu: “Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!”*  *Cô giáo ngẩn ngơ. Cô thường nhớ những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Đắc-gờ-lốt ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác, nhưng hoá ra*  *với Đắc-gờ-lốt, bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương.*  *(Trích Quà tặng cuộc sống, dẫn theo Ngữ văn 6, tập một)*  **Câu 1**: Giải nghĩa từ “biểu tượng”.  Đặt một câu có sử dụng từ này ở bộ phận vị ngữ.  **Câu 2:** Trong câu chuyện trên, nhân vật Đắc-gờ-lốt được miêu tả như thế nào? Bức tranh Đắc-gờ-lốt vẽ có gì khác lạ so với tranh của các bạn?  **Câu 3**: Vì sao bức tranh ấy lại được coi là “*một biểu tượng của tình yêu thương*”?  **Câu 4:** *“Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự* *với các em khác, nhưng hoá* *ra với Đắc-gờ-lốt, bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương”.*  Còn em từ câu chuyện trên, em hiểu ra điều gì? Em thấy mình cần phải làm gì khi gặp những người khuyết tật, những người có hoàn cảnh bất hạnh trong cuộc sống? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**

|  |
| --- |
| **-** Giải nghĩa “biểu tượng”: là hìnhảnh sáng tạo nghệthuật mang ý nghĩatượng trưng. |
| - Đặt câu đúng với yêu cầu |
| Ví dụ: *Chim bồ* *câu là biểu tượng của hoà bình*. |
| **Câu 2:** Nhân vật Đắc-gờ-lốt được miêu tả qua các chi tiết: *là một cô bé khuyết tật,* |
| *khuôn mặt không được xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo.* |
| - Các bạn em vẽ những gói quà, li kem hoặc những món đồ chơi mà cácbạn yêu thích, còn bức trnah em vẽ là một bàn tay. Đó là một bức tranh rất khác lạ gây tò mò cho cả lớp |
| HS có thể viết thành đoạn hoặc thể hiện riêng từng ý, có thể có nhiều |
| cảm nhận nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: |
| **Câu 3:** Bức tranh được coi là biểu tượng của tình yêu thương vì: |
| - Bức tranh vẽ điều mà Đắc-gờ-lốt yêu thích nhất: bàn tay cô giáo; |
| - Bức tranh bày tỏ lòng biết ơn, tình yêu thương của Đắc-gờ-lốt tới côgiáo; |
| - Bức tranh thể hiện tình cảm, sự dìu dắt yêu thương của cô giáo dànhcho học sinh của mình. |
| **Câu 4** HS tự do thể hiện điều ý nghĩa mà mình cảm nhận được từ câu chuyện |
| - Việc cần làm với những người khuyết tật, những người có hoàn cảnh khó khăn là không kì thị, xa lánh; luôn cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ họ…. |

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: DỌC ĐƯỜNG XỨ NGHỆ**

*(Trích Búp sen xanh - Sơn Tùng)*

**I. Tác giả tác phẩm**

**a. Tác giả**

- Nhà văn Sơn Tùng sinh năm 1928, mất năm 2021. Tên thật của ông là Bùi Sơn Tùng. Quê ở Nghệ An. Ông là một nhà văn có nhiều tác phẩm viết về cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một vài tác phẩm tiêu biểu như Búp sen xanh, Bên khung cửa sổ, Nhớ nguồn, Kỷ niệm tháng năm…

- Ông sớm có ý tưởng sưu tầm tìm hiểu những tư liệu về cuộc đời, gia đình Chủ tịch Hồ Chí Minh để viết sách lưu lại cho thế hệ sau

-Là nhà văn Việt Nam với nhiều tác phẩm về lãnh tụ Hồ Chí Minh và các danh nhân cách mạng, danh nhân văn hóa Việt Nam,

Tác phẩm tiêu biểu nhất là tiểu thuyết ***Búp sen xanh*** viết về cuộc đời Hồ Chí Minh.

**b. Tác phẩm Búp sen xanh:**

**- Tác phẩm Búp sen xanh:**là tiểu thuyết đầu tiên viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh và cũng là tiểu thuyết lịch sử nổi tiếng nhất của nhà văn Sơn Tùng. Xây dựng nên hình tượng Hồ Chí Minh từ khi cất tiếng khóc chào đời tại Làng Chùa quê ngoại tới khi rời Bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước, tác phẩm được tác giả dày công sưu tầm tư liệu có liên quan và chấp bút trong thời gian dài, bắt đầu từ năm 1948 và hoàn thành năm 1980. Tác phẩm được nhà văn chia làm 3 chương: "Thời thơ ấu", "Thời niên thiếu" và "Tuổi hai mươi".

**- Đoạn trích Dọc đường xứ Nghệ:** Kể về tuổi thơ của Bác Hồ. Khi còn là cậu bé Nguyễn Sinh Côn, Người đã cùng anh trai là Nguyễn Sinh Khiêm theo cha vào kinh thành Huế. Sau khi đỗ Phó bảng ông Sắc vinh quy về quê. Văn bản trong SGK kể chuyện người cha sau khi về quê đi thăm bạn bè và cho hai con theo cùng.

+ TP được nhà văn sưu tầm tư liệu và thai nghén suốt hơn 30 năm. Hoàn thành năm 1981

+ Xuất bản lần đầu năm 1982 tại NXB Kim Đồng

- Thể loại: Tiểu thuyết lịch sử

- Phương thức biểu đạt: Dọc đường xứ Nghệ là tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm

**- Xuất xứ**

- Trích tiểu thuyết Búp sen xanh

**- Ngôi kể:** Ngôi 3

=>Tác dụng: kể khách quan, linh hoạt những sự việc và kết hợp miêu tả, biểu cảm hợp lí.

- Nội dung: Tp viết về Bác Hồ từ khi còn nhỏ đến khi ra đi tìm đường cứu nước năm 1911)

- Là tác phẩm văn học đầu tiên viết về những năm tháng tuổi thơ của Bác Hồ.

**+ Bố cục Dọc đường xứ Nghệ**

Văn bản Dọc đường xứ Nghệ được chia thành 3 phần:

- Phần 1 (từ đầu đến “không cam chịu nộp mình cho giặc”): Câu chuyện tình sử Mị Châu - Trọng Thủy và đền thờ Thục Phán

- Phần 2 (tiếp theo đến “có chứa trọng quyền cao đó, con ạ”): Câu chuyện về vùng Ba Hòn và đền Qủa Sơn

- Phần 3 (còn lại): Câu chuyện về đền thờ Nguyễn Du

**\* Nội dung chính:** Văn bản kể lại hành trình quan Phó bảng Sắc dẫn hai người con trai đi thăm bạn bè họ hàng dọc các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh sau khi thi đỗ Phó bảng với cuộc trò chuyện về thiên nhiên, con người, văn hoá của dải đất Miền Trung.

**Tóm tắt:** Trên đường cùng cha và anh qua địa phận Diễn Châu, cậu bé Côn hỏi cha về ngôi đền thờ Thục Phán và được cha kể cho nghe câu chuyện về Mỵ Châu – Trọng Thuỷ. Nghe xong cậu cảm kích trước cách vua Thục chém con rồi tự vẫn để giữ trọn chữ tín. Quan Phó bảng Sắc còn kể cho con nghe câu chuyện người xưa lí giải về hính dáng núi Hai Vai, núi Trống Thủng, núi Cờ Rách làm cậu bé Côn thêm thấm thía khát vọng của cha ông xưa. Khi đi qua đền Quả Sơn, cậu bé Côn rất thắc mắc về sự uy nghi của ngôi đền và công trạng của vị quan được thờ. Ông Sắc đã kể lại cho các con nghe công trạng của Uy Minh hầu Lí Nhật Quang giúp con không chỉ biết rõ hơn về vị tướng mà còn hiểu ra ý nghĩa sâu xa trong câu vè dân gian bà ngoại từng đọc cho nghe. Hai anh em Khiêm, Côn được cha dẫn qua nhiều nơi có phong cảnh đẹp, những di tích lịch sử của Nghệ An rồi qua Hà Tĩnh, thăm mộ cụ Nguyễn Du. Côn tần ngần không hiểu vì sao người tài thơ văn như vậy mà không được lập đền thờ, còn kẻ ăn trộm bị đánh chết thì lại có miếu thờ thật trang nghiêm…

**II. NỘI DUNG**

**1. Cụ Phó bảng**

**a. Có vốn hiểu biết sâu rộng.**

- Đi đến đâu cũng kể cho các con nghe về các truyền thuyết gắn với các địa danh lịch sử

- Giải thích các địa danh gắn với các sự kiện lịch sử của dân tộc.

**b. Giáo dục các con về tình yêu quê hương đất nước**

- Đền thờ Thục Phán An Dương Vương: Phó bảng dạy các con là người thì phải biết giữ trọn khí tiết giống như vua Thục Phán nhận ra lỗi lầm của mình khiến đất nước rơi vào tay giặc đã tự kết liễu đời mình chứ không chịu đầu hàng trước quân giặc.

- Khi giải thích cho con về hòn Hai Vai, hòn Trống Thủng, núi Cờ Rách: muốn nói với các con nhân dân chính là những người đã tạo nên tên núi sông, đất nước, nhân dân luôn có những ước vọng cao đẹp.

- Đền Quả Sơn thờ quan Lý Nhật Quang: ông Phó đã giải thích cho các con hiểu không phải quan nào cũng là quan tham có rất nhiều vị quan tốt bụng, giúp đỡ dân mang tới lợi ích cho nhân dân.

- Thăm mộ Đại thi hào Nguyễn Du: Lan tỏa tới các con tinh thần yêu văn chương, nghệ thuật

→ Qua đó, thấy được cụ Phó bảng là người vừa có trí tuệ, tài năng, lại có tinh thần yêu quê hương đất nước sâu sắc. Cụ giáo dục anh em Khiêm và Côn từ chính những câu chuyện giản dị về quê hương, từ những con người con người cống hiến cho quê hương đất nước để lan tỏa tình yêu nước tới hai anh em.

**2. Cậu bé Nguyễn Sinh Côn (Chủ tịch Hồ Chí Minh)**

**a. Ham học hỏi tìm hiểu**

- Đến đâu cậu bé cũng hỏi cha về các địa danh lịch sử các ngọn núi con sông.

- Sau mỗi câu chuyện cha kể cậu bé lại tự rút ra những bài học

**b. Tinh thần dân thể hiện trong lời nói và suy nghĩ:**

**-**Khi nghe cha kể về tình sử Mỵ Châu, Trọng Thủy

+ Nhận ra được âm mưu, toan tính của nhà Thục

+ Sự cả tin và coi trọng chữ tín của vua An Dương Vương và Mỵ Châu đã dẫn đến cơ sự đất nước rơi vào tay giặc.

+ Nhận ra Vua nhà Thục vẫn là người đáng tôn trọng vì có khí tiết

→ Cậu bé còn nhỏ tuổi nhưng đã hiểu được những vấn đề lớn lao của dân tộc.

**3. Đánh giá**

**+ Nghệ thuật:**

- Sử dụng ngôi kể thứ ba với các tình tiết, diễn biến hợp lí.

- Xây dựng nhân vật thông qua ngôn ngữ đối thoại, hành động, suy nghĩ giúp nhân vật hiện lên sinh động, chân thực, có chiều sâu.

- Kết hợp kể, tả và bộc lộ cảm xúc suy nghĩ 🡪 Giúp câu chuyện hấp dẫn, gửi gắm nhiều thông điệp ý nghĩa.

**+ Nội dung:**

**-** Văn bản kể lại hành trình anh em Khiêm, Côn được cha dẫn qua những nơi của Nghệ An, Hà Tĩnh.

**-** Qua đó, tác giả tái hiện sinh động chân thực chân dung cậu bé Côn với những quan sát tinh tế, tâm hồn nhạy cảm và suy nghĩ sâu sắc trước mọi cảnh sắc và câu chuyện trong cuộc sống; đồng thời phần nào giúp người đọc cảm nhận được tình cảm yêu thương, cách dạy đạo lí của Quan Phó bảng Sắc với các con và tấm lòng của ông với quê hương mình

- VB cũng thể hiện thái độ ngợi ca, trân trọng và biết ơn của tác giả với những vẻ đẹp và giá trị lịch sử văn hoá của vùng đất xứ Nghệ nói riêng và của cả dân tộc nói chung.

**III. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Câu chuyện được kể theo ngôi kể nào?**

**A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ 2**

**C. Ngôi thứ 3 D. Ngôi thứ 4**

**Câu 2: Văn bản Dọc đường xứ nghệ thuộc thể loại**

A. Truyện ngắn B. Truyện dài

C. Truyện kí **D. Tiểu thuyết lịch sử**

**Câu 3: Ý nghĩa các địa danh được nhắc tới trong văn bản**

**A. Nhắc nhở về truyền thống lịch sử**

**B. Khơi gợi tinh thần yêu nước**

**C.** Hình dung về nguồn gốc hình thành và thể hiện khát vọng của con người.

D. Cả ba nội dung trên

**Câu 4: Tính cách và tâm hồn cậu bế Côn được thể hiện như thế nào qua văn bản**

**A.** Côn là cậu bé có tâm hồn lương thiện và suy nghĩ thấu đáo, lo xa về những việc trọng đại.

B. Nhân vật Côn có tính cách ngoan ngoãn, hiếu học.

C. Cậu bé Côn là người coi trọng lịch sử

**D. Cả 3 nội dung trên đều đúng**

**2. Dạng Đọc hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Thưa cha, con muốn được cha chỉ bảo chúng con về sự tích ngôi đền ni, về tên của các hòn núi kia, trông lạ mắt quá cha ạ.*  *Thấy con ham muốn tìm hiểu về cội nguồn, ông Sắc bước đến bên gốc cây tùng già, giở cơm nắm cho hai con ăn. Dưới bóng cây cổ thụ, ba cha con quan Phó bảng cùng nhìn về phía núi non biêng biếc trải tận chân trời xa, ông kể cho con nghe trọn câu chuyện tình sử My Châu - Trọng Thuỷ. Côn ngạc nhiên hỏi cha:*  *- Thành Cổ Loa ở mãi tận đâu, thưa cha?*  *Cha chưa đi tới đó, nhưng cha đọc sách thấy xa... xa lắm, con ạ.*  *Khiêm lắc đầu, giọng hơi kéo dài:*  *- Người đời xưa có lẽ họ bịa chuyện chứ nàng Mỵ Châu kiếm đâu cho đủ lông ngỗng mà rải khắp con đường dài ấy cha?*  *Ông Sắc cười. Côn nói, vẻ thán phục: Chuyện Mỵ Châu – Trọng Thuỷ hay tuyệt, tài tình lắm. Con nhận thấy vua nhà Triệu nước Tàu nham hiểm ghê gớm. Chàng Trọng Thuỷ ngoan ngoãn làm theo mẹo của cha bày đặt. Còn vua nhà Thục nước ta lại trọng chữ tín, thành thật muốn hai nước ở kề nhau có hoà hiếu để dân được sống yên ổn làm ăn. Nhưng vua nước ta lại không đề phòng sự gian giảo, bội ước của vua nhà Triệu. Nàng My Châu lại ruột để ngoài da. Cha vậy, con vậy thì giữ nước làm sao được? Nhưng câu chuyện lại cho thấy điều đáng trọng, không khinh được của vua Thục là: Người đã phải tự chém con gái mình và tự xử án mình bằng hành động nhảy xuống biển về tội để mất nước chứ không cam chịu nộp mình cho giặc.*  **Câu 1:** Cho biết tên văn bản và tác giả của đoạnvăn trên?  **Câu 2:** Đoạn văn trên kể theo ngôi kể nào? Nêu tác dụng?  **Câu 3:** Những câu hỏi về các sự kiện lịch sử cho thấy Côn là cậu bé như thế nào?  **Câu 4:** Cách giáo dục con của cụ phó bảng cho thấy ông là người như thế nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Văn bản Dọc đường xứ Nghệ của Sơn Tùng

**Câu 2:** Câu chuyện được kể theo ngôi kể thứ ba.

Ngôi kể này có tác dụng giúp người nghe kể chuyện một cách linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật

**Câu 3:** Những câu hỏi và sự lí giải về sự kiện lịch sử cho thấy Côn là cậu bé có tâm hồn yêu quê hương đất nước, ham muốn tìm hiểu về cội nguồn gốc gác.

**Câu 4:** Cụ Phó bảng giáo dục con tu dưỡng làm người thông qua các bài học lịch sử của ông cha. Cách giáo dục và chỉ bảo con của cụ cho thấy cụ Phó bảng là một người yêu nước, am hiểu lịch sử nước nhà. Cụ luôn điềm tĩnh và nhẹ nhàng, dẫn dắt con vào các câu chuyện lịch sử để từ đó rút ra bài học làm người

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Quan Phó bảng Sắc hơi sững sờ nhìn hai con, nhìn ngôi đền thờ Thục Phán:*  *- Con nói đúng. Nước có lúc thịnh, lúc suy. Đó là điều thường thấy trong trời đất. Nhưng con người ta lại phải biết giữ trọn khí tiết. Vua Thục Phán thuộc loại đó. Con hãy để ý về phong cảnh núi non, đền đài. Con vừa hỏi cha về hòn núi kia giống một người cụt đầu. Người ta thường gọi nó là hòn Hai Vai hoặc là núi “Tướng quân rơi đầu” đó con ạ. Còn phía xa xa kia là hòn Trống Thủng. Từ hòn Trống Thủng, một dãy núi dài dằng dặc sát chân trời, đó là núi Cờ Rách.*  *Hai mắt Côn chơm chớp nhìn theo hướng tay chỉ của cha. Khiêm thì ngạc nhiên thốt lên:*  *- Ai tưởng tượng ra đầu tiên hình dáng các hòn núi nớ hẳn là mắt tiên, cha nhể?*  *- Từ lòng người mà suy ngẫm ra... con ạ. Người ta còn gọi vùng núi ấy là vùng Ba Hòn. Theo chuyện kể từ hồi xửa hồi xưa thì nước ta có giặc từ phương Bắc tràn vào, dân ở khắp miền đất nước ta nhất tề đứng dậy chống giặc giữ nước. Từ vùng Nghệ Tĩnh ni có một vị tướng kéo đại binh ra Bắc đánh dư trăm trận, chẳng may trong một trận giáp chiến, con ngựa của ông vấp phải cọc, quy chân trước, bọn giặc xúm lại, ông bị một lát đại đao đi qua cổ, đầu rơi xuống đất. Ông nhoại người ra lấy được đầu lắp lên cổ và phi ngựa mở đường máu chạy trở về. Quân sĩ của ông cũng kéo cờ mở trống về theo. Trên đường về, vị tướng này đã gặp một ông lão tại phía bắc sông Mã (Thanh Hoá). Vị tướng dừng ngựa, hỏi:*  *- Thưa ông, từ xưa đã có người nào bị chặt đầu, lại chắp lên cổ được không?*  *- Thưa tướng quân, sống được ạ.*  *Vị tướng lại thúc ngựa phi về tới Diễn Châu, quân sĩ bủa ra tận vùng Yên Thành. Vị tướng gặp một bà già ở phía nam sông Bùng liền hỏi:*  *- Thưa cụ, xưa nay có người nào bị chặt đầu, lại tự mình chặp vào cổ mà vẫn sống được không?*  *Bà cụ lắc đầu:*  *- Loài quỷ, loài yêu tinh thì mới có thể bị chặt đầu này mọc ra đầu khác, còn loài người thì nếu bị chặt đầu là chết.*  *Bà cụ vừa nói dứt lời, đầu vị tướng quân rơi xuống đất. Và ông đã hoá thành hòn núi Hai Vai. Ngựa của ông chạy thêm một đoạn lên vùng Yên Thành, hoá núi Mã Phục, tại làng Yên Mã. Trống, cờ cũng hoá thành núi Trống Thủng, núi Cờ Rách...*  *(Trích Dọc đường xứ Nghệ SGK Văn 7 kì I)*  **Câu 1:** Đọan truyện trên giúp em hiểu gì về nhân vật cậu bé Côn?  **Câu 2:** Tại sao đang nói chuyện Thục Phán – An Dương Vương, nhân vật quan bảng lại chuyển sang nói về núi non quê hương với những hòn Hai Vai, Trống Thủng, núi Cờ Rách,...?  **Câu 3:** Bài học mà nhân vật quan Phó bảng muốn nhắn nhủ hai con ở đây là gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Cậu bé có tinh thần trọng nghĩa khinh tài, có cái nhìn lịch sử khách quan, tỉnh táo và trên hết là tấm lòng yêu nước, thương dân sớm hình thành từ truyền thống quê hương, gia đình ở cậu bé Côn.

**Câu 2:** Đang nói chuyện Thục Phán – An Dương Vương, quan Phó bảng lại chuyển sang nói về núi non quê hương với những hòn Hai Vai, Trống Thủng, núi Cờ Rách,... là có ý muốn con mình hướng tới câu chuyện quê hương, nhớ tới những sự tích oai hùng của nhân dân mình hiện vẫn để lại dấu tích ngay trên quê hương, đất nước.

**Câu 3:** Bài học mà quan Phó bảng muốn nhắn nhủ hai con ở đây là cha ông mình một thời đã anh dũng, bất khuất, không chịu sống quỳ, luôn giữ trọn khí tiết, thà chết núi “Tướng quân rơi đầu”... Còn phía xa xa kia là hòn Trống Thủng, ... là núi trong chứ không sống đục nên “hòn núi kia giống một người cụt đầu ... là Cờ Rách.”. Mỗi địa danh đều là sự tích về sự thất thủ, hi sinh nhưng luôn “giữ trọn khí tiết”.

**3. Dạng viết ngắn**

**Bài 1: Câu chuyện Dọc đường xứ Nghệ gợi cho em suy nghĩ gì về các nhân vật trong truyện?**

**Bài tham khảo 1**

Câu chuyện Dọc đường xứ Nghệ của cha con cụ Phó bảng gợi cho em hoài niệm về các câu chuyện, danh nhân lịch sử đã được học trong các tiết lịch sử. Cách kể chuyện và dạy con của cụ Phó bảng khiến em thêm biết ơn thế hệ cha anh đi trước và tự hào về truyền thống dân tộc. Từ đó suy nghĩ về cách tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để trở thành một công dân có ích, sau này tiếp bước ông cha xây dựng và kiến thiết đất nước thêm tươi đẹp.

**Bài tham khảo 2:**

Câu chuyện Dọc đường xứ Nghệ của cha con cụ Phó bảng gợi cho em những suy nghĩ về những địa danh (núi Hai Vai, hòn Trống Thủng, núi Cờ Rách, đền thờ Thục Phán…), những nhân vật lịch sử (Lý Nhật Quang), cách đối đãi ứng xử đối với nhân dân, với con người xung quanh. Bên cạnh đó còn gợi cho em về một phương pháp giáo dục hữu ích đó là học thông qua trải nghiệm, học bằng phương pháp thảo luận.

**Câu 2: Suy nghĩ của em sau khi đọc văn bản "Dọc đường xứ Nghệ"**

**Bài tham khảo số 1**

Câu chuyện Dọc đường xứ Nghệ của cha con cụ Phó bảng gợi cho em những suy nghĩ về những địa danh (núi Hai Vai, hòn Trống Thủng, núi Cờ Rách, đền thờ Thục Phán…), những nhân vật lịch sử (Lý Nhật Quang), cách đối đãi ứng xử đối với nhân dân, với con người xung quanh. Bên cạnh đó còn gợi cho em về một phương pháp giáo dục hữu ích đó là học thông qua trải nghiệm, học bằng phương pháp thảo luận.

**Bài tham khảo số 2**

Câu chuyện Dọc đường xứ Nghệ của cha con cụ Phó bảng gợi cho em những suy nghĩ về quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của ông cha ta. Qua lời kể chuyện và dạy con của cụ Phó bảng khiến em thêm biết ơn thế hệ cha anh đi trước và tự hào về truyền thống dân tộc. Cũng từ đó, em văn bản gợi cho em suy nghĩ về việc cha ông ta đã bảo vệ đất nước từ ngàn xưa, con cháu ta ngày nay phải có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ đất nước

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

*(Ngôn ngữ các vùng miền)*

**I. Lí thuyết**

**1. Từ địa phương**

**a.** Từ địa phương là những từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.

Ví dụ: Từ **“mẹ”** là từ toàn dân, nhưng người ở các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh thì gọi là **“mệ”**, người ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị thì gọi là **“mạ”,** người ở các tỉnh Nam Bộ thì gọi là **“má”,** người ở các tỉnh Trung du Bắc Bộ thì gọi là **“bầm”,** người ở một số tỉnh đồng bằng Bắc Bộ thì gọi là **“u”.**

=> Như vậy các từ: **mệ, mạ, má, u, bầm** là những từ địa phương.

**b.** Từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân có thể có những quan hệ như sau:

\* *Từ ngữ địa phương không có từ ngữ toàn dân tương đương*

Ví dụ: chôm chôm, măng cụt…

Đó là những từ ngữ biểu thị các sự vật, hiện tượng chỉ có ở địa phương đó. Các từ ngữ này dễ dàng trở thành các từ ngữ toàn dân có sự giao lưu rộng rãi giữa các vùng miền.

\* *Từ ngữ địa phương có từ ngữ toàn dân tương đương*. Ở đây xảy ra hai trường hợp:

- Từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân tương đương nhau hoàn toàn: mè – vừng, trốc – đầu…

- Từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân tương đương nhau không hoàn toàn:

+ hòm (từ ngữ địa phương Nghệ-Tĩnh) có các nghĩa khác nhau, ở nghĩa trong “hòm đạn, “hòm phiếu”, nó tương đương với từ “hòm” toàn dân; còn ở nghĩa hòm là “quan tài”, nó không tương đương với từ “hòm” toàn dân.

=> Cần lưu ý cả trường hợp có những từ ngữ địa phương đồng âm với từ ngữ toàn dân nhưng nghĩa khác nhau: “mận” (từ địa phương Nam Bộ) chỉ cây doi, quả doi…

**c. Phân loại từ địa phương**

- Theo vùng miền, từ địa phương được chia làm 3 loại là:

+ Từ ngữ địa phương Bắc Bộ: bố, mẹ, bát, béo, cốc, chăn, cơm rang, dọc mùng, dứa, hoa,…

+ Từ ngữ địa phương Trung Bộ: mi – mày, tau – tao, chủi – chổi, đọi – bát, tru – trâu, bổ – ngã, mần – làm, vô – vào, mô – đâu / nào,…

+ Từ ngữ địa phương Nam Bộ: ba, má, bạc hà, chả lụa, chảnh, bắp, trễ, nói xạo, xỉn,…

- Theo ý nghĩa, từ địa phương được chia làm 2 loại:

+ Từ ngữ địa phương có nghĩa tương ứng với nghĩa của từ toàn dân: tô – bát, tê – kia, honda - xe máy, xỉn – say, trứng gà – hột gà, xà bông – xà phòng,…

+ Từ đồng âm nhưng khác nghĩa so với từ toàn dân: cậu (nghĩa toàn dân là em trai của mẹ, nghĩa địa phương là anh trai của mẹ), té (nghĩa toàn dân là hắt nước, nghĩa địa phương là ngã), râu (nghĩa toàn dân chỉ một bộ phận trên cơ thể, nghĩa địa phương là trâu), lái (nghĩa toàn dân chỉ hành động điều khiển các phương tiện vận tải đi đúng hướng, nghĩa địa phương là lưới – vật thường dùng để ngăn chắn hoặc đánh bắt cá),…

**II. Thực hành tiếng Việt**

**Bài 1.** Tìm và giải thích nghĩa của các từ địa phương trong những câu dưới đây (ở đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng của Đoàn Giỏi). Các từ đó được sử dụng ở vùng miền nào và chúng có tác dụng gì trong việc phản ánh con người, sự vật?

a. Tía thấy con ngủ say, tía không gọi.

b. Điều đó, má nuôi tôi quả quyết…

c. Chú em cầm hộ lọ muối chỗ vách kia đưa giùm qua chút!

d. Bả không thua anh em ta một bước nào đâu.

**Gợi ý trả lời:**

- Tìm và giải thích nghĩa:

a. Tía: bố

b. má: mẹ Tài liệu của Nhung tây

c. vách: tường

d. bả: bà ấy

- Các từ địa phương trên được sử dụng ở Nam Bộ.

- Tác dụng: Tô đậm màu sắc địa phương, tầng lớp xã hội và tính cách của nhân vật.

**Bài 2.** Những từ nào trong các câu dưới dây là từ địa phương? Chúng được sử dụng ở vùng miền nào? Giải thích nghĩa của các từ địa phương đó và nêu tác dụng của việc sử dụng chúng trong đoạn trích “Dọc đường xứ Nghệ” của Sơn Tùng.

a. Ai tưởng tượng ra đầu tiên hình dáng các hòn núi nớ hẳn là mắt tiên, cha nhể?

b. Đền ni thờ một ông quan đời nhà Lý đó, con ạ.

c. Việc đời đã dớ dận, mi lại “thông minh” dớ dận nốt.

**Gợi ý trả lời:**

- Từ ngữ địa phương:

a. nớ: kia; nhể: nhỉ

b. ni: này

c. dớ dận: vớ vẩn; mi: mày

- Chúng được sử dụng ở Nghệ An (miền Trung).

- Tác dụng: Tô đậm màu sắc địa phương, tầng lớp xã hội và tính cách của nhân vật.

**Bài 3.** Viết đúng và luyện phát âm một số từ có đặc điểm sau:

a. Từ có tiếng chứa phụ âm đầu là l, n, v:

- l, ví dụ: lo lắng, lạnh lùng,...

- n, ví dụ: no nê, nao núng,...

- v, ví dụ: vội vàng, vắng vẻ,...

b. Từ có tiếng chứa vần với âm cuối là n, t:

- n , ví dụ: bàn bạc, bền bỉ, ngăn cản,...

- t , ví dụ: bắt bớ, luật lệ, buốt giá,...

c. Từ có tiếng chứa các thanh hỏi, thanh ngã :

- Thanh hỏi , ví dụ: tỉ mỉ, nghỉ ngơi,...

- Thanh ngã , ví dụ: nghĩ ngợi, mĩ mãn…

**Bài 4**: Tìm các từ địa phương trong các câu sau và diễn đạt lại bằng từ ngữ toàn dân:

1. Nó giả vờ nghểnh cổ như phân bua: Ủa! Chớ con giun đâu mất rồi hè?

(Võ Quảng)

2. Một em bé gái bận bộ quần áo bằng xa-tanh màu đỏ, tóc tết quả đào, chân mang đôi hài vải đen bước ra, cúi chào khán giả.

(Đoàn Giỏi)

3. Sáng giăng chia nửa vườn chè

Một gian nhà nhỏ đi về có nhau

Vì tằm tôi phải chạy dâu

Vì chồng tôi phải qua cầu đắng cay.

(Nguyễn Bính, Thời trước)

4. Gió theo lối gió mây đường mây

Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chở trăng về kịp tối nay?

(Hàn Mặc Tử)

5. Mạ non bầm cấy mấy đon  
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần.  
 Mưa phùn ướt áo tứ thân  
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu!  
 Bầm ơi, sớm sớm chiều chiều  
Thương con, bầm chớ lo nhiều bầm nghe!

(Tố Hữu)

6. Chuối đầu vườn đã lổ

Cam đầu ngõ đã vàng

Em nhớ ruộng nhớ vườn

Không nhớ anh răng được

(Trần Hữu Chung)

7. Trên mấy nhà sàn buồn tênh, ba bốn bà ké nhìn ra, nhớ những ngày vui của các đồng chí đóng tại nhà mình.

(Nguyễn Huy Tưởng)

8. Ngọt thơm sau lớp vỏ gai  
Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng  
 Mời cô, mời bác ăn cùng  
Sầu riêng mà hoá vui chung trăm nhà

(Phạm Hổ)

9. Gan chi gan rứa, mẹ nờ?

  Mẹ rằng: Cứu nước, mình chờ chi ai?

       Chẳng bằng con gái, con trai

  Sáu mươi còn một chút tài đò đưa

        Tàu bay hắn bắn sớm trưa

   Thì tui cứ việc nắng mưa đưa đò...

(Tố Hữu)

10. Con bé thấy lạ quá, nó chợp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên; “Má! Má”. Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy.

(Nguyễn Quang Sáng)

11. Mẹ nó đâm nổi giận quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trổng:

- Vô ăn cơm!

(Nguyễn Quang Sáng)

12. Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nó gọi “Ba vô ăn cơm”. Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra […]

(Nguyễn Quang Sáng)

13. Xuống bến, nó nhảy xuống xuồng, mở lòi tói cố làm cho dây lòi tói khua rổn rảng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông.

(Nguyễn Quang Sáng)

14. Còn anh, anh không kìm được xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết thẹo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ.

(Nguyễn Quang Sáng)

15. Nhà chúng tôi ở cạnh nhau, gần vàm kinh nhỏ đổ ra sông Cửu Long.

(Nguyễn Quang Sáng)

16. Từ Bắc vô Nam nối liền nắm tay. Ta đi từ đồng hoang vu vượt hết núi đồi

(Trịnh Công Sơn)

17. Yêu hoa sầu đâu không để vào đâu cho hết, nhớ hoa sầu đâu ở quê hương ta không biết mấy mươi.

(Đoàn Giỏi)

18. Gà bà Kiến là gà trống tơ, lông đen, chân chì, có bộ giò cao, cổ ngắn

(Võ Quảng)

19. Con lớn tính điềm đạm, mới mười hai tuổi mà nói năng như người lớn, nó ăn uống từ tốn, biết nhường phần ngon cho em. Thằng thứ ba, mười tuổi, thắng liếng khỉ nhất nhà, thích làm giàng thun bắt chim, nó chan húp lia lịa.

(Nguyễn Sáng)

20. Đứa con gái thứ tư, tám tuổi, người mảnh khảnh, mắt sáng, môi mỏng, miệng nói tía lia, nó gắp từng miếng cá nhỏ, ăn nhỏ nhẻ như mèo.

(Nguyễn Sáng)

**Bài 5.** Tìm các từ địa phương mà em biết tương ứng với từ toàn dân: *tao, mày, nó*

**Bài 6**. Những từ ngữ sau đây là từ ngữ địa phương, em hãy tìm những từ ngữ tương đương trong vốn từ toàn dân:

a. Từ địa phương Bắc Bộ: *giăng, thấm chớp, thâu róm.*

b. Từ địa phương Trung Bộ: *nác, tru, nỏ, thẹn.*

c. Từ địa phương Nam Bộ: *anh hai, bàn ủi, cây viết, chả lụa, đậu phộng, hột gà.*

**Bài 7.** Trong các từ đồng nghĩa: ***cọp, khái, hổ*** từ nào là từ địa phương từ nào là từ toàn dân? Vì sao?

**Bài 8.** Đọc bài thơ sau đây của nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi tặng vợ và cho biết bài thơ này gợi cho em những cảm nghĩ gì xung quanh vấn đề từ ngữ địa phương và việc sử dụng từ ngữ địa phương.

*Cái gầu thì bảo cái****đài***

*Ra sân thì bảo ra ngoài cái****cươi***

***Chộ****tức là thấy em ơi*

***Trụng****là nhúng đấy đừng cười nghe em.*

*Thích****chi****thì bảo là sèm*

*Nghe ai bảo****đọi****thì đem bát vào*

*Cá quả lại gọi cá****tràu***

***Vo trốc****là bảo gội đầu đấy em…*

*Nghe em giọng Bắc êm êm*

*Bà con hàng xóm đến xem chật nhà*

***Răng****chưa sang****nhởi****nhà****choa***

*Bà****o****đã nhốt con****ga****trong****truồng***

*Em cười bối rối mà thương*

*Thương em một lại trăm đường thương quê*

*Gió lào thổi rạc bờ tre*

*Chỉ nghe giọng nói đã nghe nhọc nhằn*

*Chắt từ đá sỏi đất cằn*

*Nên yêu thương mới sâu đằm đó em.*

*(Báo Văn nghệ, số 28/ 2006)*

**Bài 9.** Đọc đoạn trích sau *(trong bài thơ Mẹ Suốt của Tố Hữu)* và chỉ ra những từ ngữ địa phương có trong đoạn trích. Những từ ngữ đó thuộc phương ngữ nào? Việc sử dụng những từ ngữ địa phương trong đoạn thơ có tác dụng gì?

*Gan chi gan rứa, mẹ nờ?*

*Mẹ rằng: Cứu nước, mình chờ chi ai?*

*Chẳng bằng con gái, con trai*

*Sáu mươi còn một chút tài đò đưa*

*Tàu bay hắn bắn sớm trưa*

*Thì tui cứ việc nắng mưa đưa đò…*

*Ghé tai mẹ, hỏi tò mò:*

*Cớ răng ông cũng ưng cho mẹ chèo?*

*Mẹ cười: Nói cứng, phải xiêu*

*Ra khơi ông còn dám, tui chẳng liều bằng ông!*

*Nghe ra ông cũng vui lòng*

*Tui đi, còn chạy ra sông dặn dò:*

*“Coi chừng sóng lớn, gió to*

*Màn xanh đây mụ, đắp cho kín mình!”*

**Bài 10.** Tìm một số biệt ngữ xã hội mà em biết, giải thích nghĩa của những từ đó và đặt câu.

**ĐÁP ÁN**

**Bài 4**:

1. ủ, hè 🡪 Ôi, vậy

2. - bận: mặc

- mang: đi

3. - Giăng: trăng

4. - bắp: ngô

5.- đon: bó

- bầm: mẹ

6. lổ: trổ (Đây là những từ thuộc phương ngữ Trung Bộ. Khi sử dụng, nó đã làm tăng tính địa phương của tác phẩm)

răng: sao

7. - bà ké: bà mẹ ("Bà ké" gợi cho ta hình ảnh bà mẹ người dân tộc thiểu số Việt Bắc. Trong kháng chiến, những người mẹ đó không quản ngại hy sinh, gian khổ giúp bộ đội trên đường hành quân đi chiến dịch)

8. - Sầu riêng: không có từ toàn dân thay thế

9. - chi: sao

- rứa: thế

- nờ: ơi

- hắn: nó

- tui: tôi

10.

- má: mẹ

11. - Nói trổng: nói trống không

- Vô: vào

12. - Ba: bố

13. - Lòi tói: dây thừng

14. - Vết thẹo: vết sẹo

15. - Vàm kinh: cửa kênh

16. - Vô: vào

17. - sầu đâu: hoa xoan

18- giò: chân

19. - liếng khỉ: nghịch ngợm

- giàng thun: sung cao su

20. - tía lia: liến láu

**Bài 5.**

- tao: tui, tau, ta…

- mày: mi, o…

- nó: hắn…

**Bài 6.** Từ toàn dân tương ứng với:

a. Từ địa phương Bắc Bộ: giăng - trăng; thấm chớp - sấm chớp, thâu róm - sâu róm.

b. Từ địa phương Trung Bộ: nác - nước, tru - trâu, nỏ - không, thẹn - xấu hổ…

c. Từ địa phương Nam Bộ: anh hai - anh cả; bàn ủi - bàn là; cây viết - cây bút; đậu phộng – lạc; hột gà - trứng gà….

**Bài 7.** *Gợi ý:* “Khái" là từ địa phương miền Trung Trung Bộ, cọp là từ toàn dân, hổ là từ toàn dân.

**Bài 8.**

- Nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi quê ở Nghệ An. Vợ nhà thơ là người miền Bắc. Trong bài thơ này, có nhiều từ ngữ địa phương Nghệ – Tĩnh đã được tác giả giải thích bằng từ ngữ toàn dân. Nhưng có mấy từ ngữ tác giả không giải thích. Đó là từ *răng* có nghĩa là *sao* (từ nghi vấn), *nhởi* (chơi), *choa* (đại từ ngôi thứ nhất, tự xưng đối với người ngang bậc hoặc ở bậc dưới), *o* (chị hoặc em gái của cha), *ga* (gà), *truồng* (chuồng).

- Qua bài thơ, em cảm nghĩ như thế nào về tình cảm của con người đối với tiếng nói của quê hương; về những khó khăn trong việc giao tiếp do tiếng địa phương gây ra và tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ văn hoá ngôn ngữ, nâng cao sự hiểu biết về từ ngữ toàn dân để mọi người ở các địa phương có thể hiểu nhau dễ dàng hơn.

**Bài 9.**

- Trong đoạn trích bài thơ Mẹ Suốt của Tố Hữu có các từ địa phương là: *chi, rứa, nờ, tui, cớ, răng, ưng, mụ.*

 - Đó là các từ thuộc phương ngữ Trung, phổ biến ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế (vùng Bắc Trung Bộ)

- Tác dụng của việc sử dụng các từ địa phương này trong đoạn thơ: góp phần thể hiện chân thực hơn hình ảnh một vùng quê và tình cảm, suy nghĩ, tính cách của người mẹ trên vùng quê ấy; làm tăng sự sống động, gợi cảm cho tác phẩm.

**Bài 10.**

+ Giới chọi gà: chầu (hiệp), chêm (đâm cựa), chiến (đá khoẻ), dốt (nhát) …

+ Của học sinh: ngỗng (điểm hai), quay (nhìn, sao chép tài liệu), học gạo (học nhiều, không còn chú ý đến việc khác)…

Đặt câu:

Ví dụ: Con lông trì và con lông cảo bắt đầu vào chầu hai.

**Bài 11.**Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) trình bày ý kiến của em về tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc.

**Gợi ý:**

Trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” có sử dụng nhiều từ ngữ địa phương. Có thể kể đến một số từ như tía, má, vách, bả… Việc sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, giúp cho tác phẩm mang đậm chất Nam Bộ và phù hợp với nội dung của tác phẩm. Ngoài ra, các từ ngữ địa phương cũng sẽ góp phần thể hiện tính cách nhân vật một cách chân thực, sống động hơn. Tài liệu của Nhung tây

**Bài 12:** Viết một đoạn văn khoảng 5-7 dòng trình bày ý kiến của em về tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc.

**Gợi ý Trả lời**

Trong văn bản Người đàn ông cô độc giữa rừng, tác giả Đoàn Giỏi đã sử dụng các từ ngữ địa phương Nam Bộ rất phù hợp với nội dung được đề cập đến. Cụ thể, văn bản được trích trong tiểu thuyết Đất rừng phương Nam. Những từ ngữ Nam Bộ đã góp phần tạo nên một không gian Nam Bộ sống động, chân thật. Nói cách khác, là hình thức ngôn ngữ và nội dung được đề cập hoàn toàn phù hợp, bổ trợ cho nhau. Nếu như Đất rừng phương Nam được viết bằng từ ngữ toàn dân, chắc chắn người đọc sẽ không khỏi thắc mắc tại sao viết về phương Nam mà tác giả lại không có chút am hiểu nào về từ ngữ địa phương nơi đây. Điều đó hẳn sẽ không thể tạo được thành công cho tác phẩm Đất rừng phương Nam như nó vốn có.

**Câu 13:** **Viết một đoạn văn em đã được học và đọc nêu tác dụng về việc sử dụng ngôn ngữ địa phương.**

Bài thơ Bầm ơi của nhà thơ Tố Hữu có câu “Bầm ơi có rét không bầm/ Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn; Bầm ra ruộng cấy bầm run/ Chân lội dưới bùn tay cấy mạ non”. Bốn câu thơ nói riêng và bài thơ nói riêng là hình ảnh người mẹ hết lòng thương con, lo lắng, hi sinh vì các con (các chiến sĩ) và để diễn tả tình cảm đó nhà thơ sử dụng từ địa phương “bầm”, theo nghĩa toàn dân là “mẹ”. Từ “bầm” được sử dụng rộng rãi ở khu vực phía Bắc (Phú Thọ, Tuyên Quang...), khi đi vào trong thơ Tố Hữu nó thể hiện được tình cảm thân mật gần gũi, thân mật giữa người lính/ các con và bầm. Hình ảnh người bầm hiện lên thật xúc động, trong một buổi sáng mưa phùn tay run cắm từng mảnh mạ xuống bùn mà làm con người ta thêm phần xót xa, quặn đau. Chúng ta thử thay từ “bầm” bằng từ “mẹ” vào các câu thơ trên: “Mẹ ơi có rét không mẹ/ heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn”. Khi thay như vậy mặc dù ý nghĩa không đổi nhưng câu văn mất đi sự vần vè nhịp nhàng, mất đi sự gần gũi thân thương giữa bầm và các con. Như vậy bằng việc sử dụng từ địa phương “bầm”  Tố hữu không chỉ khắc họa hình ảnh người mẹ tảo tần vất vả vì các con mà còn thể hiện mối quan hệ gần gũi thân thương và câu thơ trở nên uyển chuyển nhịp nhàng dễ đi vào lòng người.

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT KỂ LẠI MỘT SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ**

**Dàn ý chung**

**1. Mở bài:**

+ Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại

+ Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan

**2. Thân bài**:

Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện

+ Câu chuyện, huyền thoại liên quan đến nhân vật, sự kiện

+ Dấu tích liên quan

Thuật lại nội dung/ diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử

+ Bắt đầu - diễn biến - kết thúc

+ Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn,...); kết hợp kể chuyện với miêu tả

Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/ sự kiện lịch sử

**3. Kết bài:**

- Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc.

**Tìm hiểu câu chuyện Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác bài tiến quân ca SGK trang 34**

**1. Định hướng**

- Văn bản **Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác Tiến quân ca** kể lại sự việc bài hát Tiến quân ca ra đời như thế nào, do tác giả Ngọc An tổng hợp lại.

- Sự việc Tiến quân ca ra đời liên quan đến nhạc sĩ Văn Cao và liên quan đến sự kiện lịch sử là đất nước sắp bước sang một thời kì mới, thời kì kháng chiến chống Nhật năm 1945.

- Những câu văn kết hợp yếu tố tự sự với yếu tố miêu tả là:

+ “Tôi chưa được cầm một khẩu súng, chưa được gia nhập đội vũ trang nào, tôi chỉ biết đang làm một bài hát. Tôi chưa được biết chiến khu, chỉ biết những con đường ga, đường Hàng Bông, đường Bờ Hồ theo thói quen.”

+ Nhưng với tất cả lòng nhiệt huyết của chàng trai trẻ yêu nước, trên căn gác nhỏ… Văn Cao thấy mình như đang sống ở một khu rừng nào đó trên kia.

+ Bài hát Tiến quân ca được hàng ngàn người hòa nhịp cất cao tiếng hát trước Quảng trường Nhà hát Lớn. Tài liệu của Nhung tây

+ Bài Tiến quân ca đã nổ ra như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Xung quanh tôi, hàng ngàn giọng hát cất vang lên theo những đoạn sôi nổi

+ Ở cánh tay áo mọi người, những băng cờ đỏ sao vàng đã thay băng vàng…Anh là người đã buông cờ đỏ sao trên kia và xuống cướp loa phóng thanh hát.

**2. Thực hành**

Chọn một trong hai đề sau:

**Đề 1:** Các em đã học và đọc nhiều câu chuyện lịch sử, hãy viết bài văn kể lại sự việc liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích.

**Đề 2:** Dựa vào văn bản ở mục “Định hướng”, em hãy đóng vai nhạc sĩ Văn Cao, viết bài văn kể lại sự ra đời của bài hát “Tiến quân ca”.

**a. Chuẩn bị**

- Xem lại cách viết bài văn kể chuyện với các yếu tố thời gian, địa điểm, nhân vật, sự việc, tình tiết, cốt truyện và ngôi kể, ...

- Đọc lại văn bản Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác “Tiến quân ca”.

- Xác định ngôi kể, trình tự kể, ghi chép lại các chi tiết, sự việc, lời nói của các nhân vật cần chú ý từ văn bản đã đọc.

**b. Tìm ý và lập dàn ý**

- Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

+ Ai là người kể chuyện?

- Nhạc sĩ Văn Cao là người kể chuyện, sử dụng ngôi thứ nhất, xưng tôi.

+ Câu chuyện xảy ra ở đâu, khi nào?

- Câu chuyện xảy ra tại căn gác nhỏ ở phố Nguyễn Thượng Hiền - Hà Nội khi đất nước sắp bước sang thời kì mới: khóa quân chính kháng Nhật sắp mở và cần một bài hát cổ vũ tinh thần. Tài liệu của Nhung tây

+ Trong câu chuyện, có những nhân vật nào?

- Câu chuyện, có những nhân vật: Anh Ph.D, Vũ Quý, Nam Cao

+ Những sự kiện nào liên quan đến sự và đời của bài hát Tiến quân ca?

- Trước khi sáng tác bài hát Tiến quân ca tôi (Nam Cao) không còn khát vọng, ước mơ của tuổi thanh niên, cuộc sống buồn chán và thất vọng. Đúng lúc đó gặp được Vũ Quý thông qua người bạn Ph.D, Vũ Quý giao cho Nam Cao sang tác nghệ thuật.

- Khi viết bài hát Tiến quân ca: tôi chưa cầm súng, chưa ra chiến khu, chưa gặp chiến sĩ nhưng tại căn gác nhỏ tại phố Nguyễn Thượng hiền, tôi đã viết lên những lời ca Tiến quân ca.

- Sau khi bài hát Tiến quân ca ra đời, được công bố, chào đón: lần đầu trong ngày 17-8-1945, khi diễn ra cuộc mít tinh của công chức Hà Nội; Lần thứ hai, trong cuộc mít tinh vào ngày 19-8, hàng ngàn người và các em thiếu nhi cùng hát Tiến quân ca.

+ Người kể có suy nghĩ gì về sự kiện bài hát Tiến quan ca ra đời?

- Bài hát được chọn làm Quốc ca Việt Nam cho đến ngày nay.

- Bài hát là niềm tự hào không phải của riêng tôi mà là của cả dân tộc.

- Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

\*Mở bài

- Nêu lí do kể chuyện.

- Ví dụ: Ngày nay, bài hát Tiến quân ca đã quá quen thuộc và gần gũi với tất cả mọi người dân Việt Nam vì đó là Quốc ca. Những bài hát đó đã ra đời như thế nào thì không phải ai cũng rõ. Tôi xin kể lại câu chuyện về sự kiện lịch sử ấy.

\*Thân bài

Dựa vào câu chuyện Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác Tiến quân ca, lần lượt kể lại quá trình sáng tác bài hát đó theo một trình tự nhất định.

+ Tôi trước khi sáng tác bài hát Tiến quân ca ...

+ Tôi khi viết bài hát Tiến quân ca ...

+ Tôi sau khi bài hát Tiến quân ca ra đời, được công bố, chào đón,...

- Bài hát được hát lần đầu trong ngày 17-8-1945, khi diễn ra cuộc mít tinh của công chức Hà Nội. Bài hát Tiến quân ca được hàng ngàn người hoà nhịp cất cao tiếng hát trước Quảng trường Nhà hát Lớn. Những kỉ niệm của buổi hôm đó …

- Lần thứ hai, trong cuộc mít tinh vào ngày 19-8, hàng ngàn người và các em thiếu nhi cùng hát Tiến quân ca. Những kỉ niệm của lần thứ hai ...

\*Kết bài

Phát biểu suy nghĩ của người kể lại câu chuyện.

+ Bài hát Tiến quân ca đã ra đời như thế. Sau đó, bài hát được chọn làm Quốc ca Việt Nam cho đến ngày nay.

+ Bài hát là niềm tự hào không phải của riêng tôi mà là của cả dân tộc.

Dựa vào hướng dẫn trên đây các em có thể lập dàn ý cho đề 1 của riêng mình

**c. Viết**

**\*Đoạn văn mẫu tham khảo đề 2**

Quốc ca thể hiện khí thế, tinh thần của một dân tộc, một đất nước. Mỗi người dân Việt Nam đều tự hào hát vang Quốc ca trong mỗi sự kiện quan trọng, qua đó thấy được niềm tự hào dân tộc. Hôm nay, tôi sẽ kể cho mọi người nghe về sự ra đời của bài hát Tiến quân ca hay chính là Quốc ca của nước Việt Nam ta.

Tuổi thanh niên là tuổi của ước mơ, của hoài bão khát vọng. Ấy vậy mà tôi lúc ấy không còn khát vọng, ước mơ của tuổi thanh niên, buồn chán và thất vọng bủa vây cuộc đời tôi. Đúng lúc tuyệt vọng nhất tôi gặp được Vũ Quý thông qua người bạn thân Ph.D. Khi gặp Vũ Quý tôi mong muốn được tham gia chiến khu cùng các anh em cầm súng giết giặc. Nhưng có lẽ Vũ Quý theo dõi sự nghiệp sáng tác nghệ thuật của tôi nên giao cho tôi sáng tác nghệ thuật để cổ vũ tinh thần cho quân đội cách mạng.

Khi bắt tay viết bài hát Tiến quân ca, tôi chưa được cầm một khẩu súng, chưa được gia nhập đội vũ trang nào; tôi chưa được ra chiến khu, và cũng chưa từng gặp chiến sĩ cách mạng trong khóa quân chính ấy. Nhưng tại căn gác nhỏ ở phố Nguyễn Thượng Hiền, tôi lại hình dung đó là chiến khu, là khu rừng nào đó trên Việt Bắc, và cứ thế lời ca ra đời, con chữ tự nhiên hiện ra dưới ngòi bút. Tại căn gác nhỏ đó Ph.D đã chứng kiến sự ra đời của Tiến quân ca, và Vũ Quý là người đầu tiên biết đến bài hát này.

Bài hát Tiến quân ca ra đời được chào đón rất nồng nhiệt. Bài hát được công bố lần đầu trong ngày 17-8-1945, khi diễn ra cuộc mít tinh của công chức Hà Nội. Tại đây bài hát Tiến quân ca được hàng ngàn người hoà nhịp cất cao tiếng hát trước Quảng trường Nhà hát Lớn. Tại buổi hôm đó bài hát đã nổ ra như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Xung quanh tôi hang ngàn giọng hát cất vang theo những đoạn sôi nổi. Trong một lúc những tờ truyền đơn in Tiến quân ca được phát cho từng người trong hàng ngũ các công chức dự mít tinh. Lúc này anh bạn Ph.D của tôi đã buông lá cờ đỏ sao vàng trên kia xuống và cướp loa phóng thanh hát vang Tiến quân ca. Con người trầm lặng ấy đã có sức hát hấp dẫn hang vạn quần chúng ngày hôm đó, cũng là người hát trước quần chúng lần đầu tiên và cũng là một lần duy nhất. Lần thứ hai bài hát Tiến quân ca của tôi xuất hiện là trong cuộc mít tinh vào ngày 19-8, hàng ngàn người và các em thiếu nhi cùng cất lời ca, thét lên tiếng căm thù vào mặt bọn đế quốc với sự hào hùng chiến thắng của cách mạng.

Bài hát Tiến quân ca của tôi đã ra đời như thế đấy. Sau đó, bài hát được chọn làm Quốc ca Việt Nam cho đến ngày nay. Bài hát là niềm tự hào không phải của riêng tôi mà là của cả dân tộc Việt Nam.

**\*Đoạn văn mẫu tham khảo đề 1**

Khi Trần Quốc Tuấn còn nhỏ, thân phụ ông với vua Trần Thái Tông, vốn là hai anh em trở nên bất hòa. Năm 1251, trước khi qua đời, Trần Liễu trăng trối với con trai rằng: "Con hãy vì cha mà lấy thiên hạ. Nếu không, nơi chín suối, cha không thể nhắm mắt!". Trần Quốc Tuấn tuy gật đầu, nhưng ông không cho đó là điều phải mà luôn tìm mọi cách xóa bỏ mọi hiềm khích trong hoàng tộc. Tài liệu của Nhung tây

Cuối năm 1284, giặc Nguyên - Mông sắp kéo đại binh sang xâm lược nước ta, Trần Quốc Tuấn được vua Trần Nhân Tông cử làm Tiết chế thống lĩnh. Từ Vạn Kiếp, Vương kéo quân mã về Thăng Long để cùng Triều đình bàn kế chống giặc.

Một hôm, Trần Quốc Tuấn mời Thái sư Thượng tướng quân Trần Quang Khải xuống chiếc thuyền đóng tại Đông Bộ Đầu để đàm đạo. Trần Quốc Tuấn đã dùng nước thơm tắm cho Trần Quang Khải. Vừa dội nước thơm lên người Thái sư, vị Tiết chế Quốc công nói:

Thật hạnh ngộ, tôi được tắm hầu Thái sư.

Diễm phúc biết bao, tôi được Quốc công tắm cho.

Từ đó, mối tị hiềm giữa hai người được xóa bỏ hẳn.

Lúc bấy giờ thế giặc mạnh lắm, ta nên "đánh" hay nên "hòa"? Trần Quốc Tuấn đã xin Thái Thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông mời các bô lão cao tuổi nhất, danh vọng nhất về Thăng Long để bàn kế giữ nước. Tại điện Diên Hồng tiếng hô "Quyết chiến! Quyết chiến!" của các bô lão rung chuyển Kinh thành.

Trần Quốc Tuấn viết "Hịch tướng sĩ" và "Binh thư yếu lược". Tướng sĩ hăm hở luyện tập cung tên, giáo mác, chiến mã. Hàng vạn hùng binh thích vào cánh tay hai chữ "Sát Thát".. Mùa hè năm 1285, 50 vạn quân xâm lược Nguyên - Mông bị đánh tơi tả. Toa Đô bị quân ta chém đầu. Thoát Hoan phải chui vào ống đồng tránh mũi tên tẩm thuốc độc mới thoát chết!

**d. Kiểm tra và chỉnh sửa**

- Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa.

- Tự phát hiện và biết cách sửa các lỗi về viết như:

+ Lỗi về ý: thiếu ý, ý lộn xộn, lạc ý, ý tản mạn, …

+ Lỗi về diễn đạt (dùng tử, viết câu), chính tả,...

**Đề 3: Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**

Tháng tư vừa rồi, trường em có tổ chức một buổi tham quan nằm trong chuỗi hoạt động ngoại khóa của trường. Điểm đến lần này là Đền Hùng tại Việt Trì-Phú Thọ. Đây là nơi thờ phụng các đời Vua Hùng và tôn thất của nhà vua. Nơi đây gắn với Giỗ tổ Hùng Vương được tổ chức hàng năm vào ngày 10 tháng 3 Âm lịch. Đây là một dịp để thế hệ con cháu đến viếng đền, tưởng nhớ đến những người đã có công dựng nước.

Em đã được nghe nhiều câu chuyện về các Vua Hùng qua các sự tích nổi tiếng như Sự tích bánh chưng bánh dày, Sơn Tinh Thủy Tinh… và thấy được sự uy nghiêm và trí tuệ của các vị vua. Điều đó khiến tôi càng mong đợi chuyến đi này hơn.

Dưới chân núi là khung cảnh uy nghiêm, hùng vĩ của núi Nghĩa Lĩnh với rừng cây và sương mù bao phủ. Nơi thờ các vị vua được đặt trên núi với ba đền chính là đền Hạ, đền Trung và đền Thượng. Đền Hạ tương truyền là nơi mẹ Âu Cơ đẻ ra một bọc trăm trứng. Trăm trứng ấy đẻ ra trăm người con, năm mươi người theo cha xuống biển, bốn chín người theo mẹ lên núi. Người con ở lại làm vua, lấy tên là Hùng Vương (thứ nhất). Đền Trung là nơi các vị vua họp bàn chính sự. Đền Thượng là lăng thờ Hùng Vương thứ sáu. Lễ hội đền Hùng được tổ chức hàng năm bao gồm những hoạt động văn hóa, văn nghệ mang tính chất nghi thức truyền thống và những hoạt động văn hóa dân gian khác… Các hoạt động văn hóa mang tính chất nghi thức còn lại đến ngày nay là lễ rước kiệu vua và lễ dâng hương. Dưới tán lá mát rượi của những cây trò, cây mỡ cổ thụ và âm vang trầm bổng của trống đồng, đám rước như một con rồng uốn lượn trên những bậc đá huyền thoại để tới đỉnh núi Thiêng.

Trước khi đi tham quan các đền, chúng tôi được làm lễ dâng hương và nghe diễn thuyết về các vị Vua Hùng. Không khí trang nghiêm, hào hùng ấy khiến tôi không khỏi tự hào về lịch sử dân tộc mình. Họ đã dựng nước, giữ nước để đời sau con cháu được hưởng thụ nền độc lập, hòa bình ấy. Và nay chúng em đến đây để thể hiện lòng biết ơn, sự tôn trọng của mình đối họ, thể hiện đúng truyền thống đạo lý “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Họ đã gây dựng nền móng cho nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa hiện tại và chúng em đều biết ơn điều đấy.

Sau đó, chúng em được đi thăm các đền thờ vua trên núi. Cách trang trí, sắp xếp các di vật  đều được bố trí một cách ngay ngắn, trang nghiêm. Em ấn tượng với tấm bia ở đền Hạ khắc dòng chữ của Bác Hồ: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta cùng nhau giữ lấy nước.” Nó như một lời hứa hẹn Bác thay thế hệ trẻ nói lên trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với đất nước.

Đó thực sự là một chuyến đi đầy bổ ích và ý nghĩa. Mặc dù nó chỉ kéo dài trong một buổi sáng ngắn ngủi nhưng nó đã giúp em hiểu ra trách nhiệm của mình đối với đất nước. Phải biết kính trọng, biết ơn thế hệ đi trước đặc biệt là các vị Vua Hùng và phải ghi nhớ:

*“Dù ai đi ngược về xuôi*

*Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba.”*

**HƯỚNG DẪN NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**TRONG ĐỜI SỐNG**

**1. Định hướng**

a. Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống là nêu lên những suy nghĩ của người nói trước một vấn đề trong đời sống, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của mình, nhằm thuyết phục người nghe.

- Vấn đề nêu lên để trao đổi có thể lấy từ cuộc sống hằng ngày như:

+ Thế nào là lòng nhân hậu, vị tha?

+ Thế nào là lòng dũng cảm?

+ Tình cảm và giáo dục trong gia đình có vai trò quan trọng như thế nào?

- Nhưng vấn đề cũng có thể đặt ra từ tác phẩm văn học. Ví dụ:

+ Suy nghĩ về lòng yêu nước sau khi đọc một tác phẩm, như Người đàn ông cô độc giữa rừng (Đoàn Giỏi), Dọc đường xứ Nghệ (Sơn Tùng) và Buổi học cuối cùng (Đô-đê), …

b. Để trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống, các em chú ý:

- Xác định được vấn đề cần có ý kiến.

- Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói.

- Chuẩn bị các thiết bị hỗ trợ như tranh, ảnh, máy chiếu, ... (nếu có) và chú ý kĩ năng thuyết trình trước tập thể.

**2. Thực hành**

**Bài tập** **(trang 34 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**: Các văn bản đã học: “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Đoàn Giỏi), “Dọc đường xứ Nghệ” (Sơn Tùng) và “Buổi học cuối cùng” (Đô-đê) đều có những nội dung thể hiện lòng yêu nước. Ý kiến của em như thế nào?

**a. Chuẩn bị:**

- Xem lại nội dung của ba văn bản đã học.

- Xác định các nội dung thể hiện lòng yêu nước có trong ba văn bản.

- Chuẩn bị các thiết bị như tranh, ảnh, video, ... và phương tiện trình bày (nếu có).

**b. Tìm ý và lập dàn ý**

- Tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

***+ Nội dung nào của các văn bản nêu trong bài tập liên quan đến lòng yêu nước?***

- Nội dung của các văn bản nêu trong bài tập liên quan đến lòng yêu nước là: tình cảm trân trọng, yêu mến tiếng mẹ đẻ; làm vũ khí đánh giặc bảo vệ Tổ Quốc; am hiểu về các nhân vật, sự kiện và các di tích lịch sử.

***+ Lòng yêu nước được biểu hiện cụ thể trong mỗi văn bản ấy như thế nào?***

Lòng yêu nước được biểu hiện cụ thể trong mỗi văn bản là:

- Người đàn ông cô độc giữa rừng: đó là hành động làm những múi tên tẩm độc để giết giặc của Võ Tòng; hành động giết tên địa chủ tham lam độc ác.

- Dọc đường xứ Nghệ: là câu chuyện về nhân vật lịch sử như Lý Nhật Quang, vua Thục Phán, thi hào Nguyễn Du của cụ Phó bảng và các con; về các địa danh như hòn Hai Vai, núi Trống Thủng, núi Cờ Rách….

- Buổi học cuối cùng: là tình yêu tiếng Pháp, yêu tiếng mẹ đẻ của thầy Ha- men, Ph răng và dân làng.

***+ Tại sao đó lại là những biểu hiện của lòng yêu nước?***

- Những biểu hiện trên được coi là biểu hiện của lòng yêu nước bởi vì xuất phát từ tấm lòng của con người, từ ý thức của mỗi người không phải bắt buộc hay gượng ép: yêu nước không chỉ là làm mũi tên giết giặc mà còn là yêu tiếng mẹ đẻ, muốn giữ gìn và phát triển đến những giây phút cuối cùng thứ ngôn ngữ dân tộc; còn là kính trọng, biết ơn những người đã có công lao với nhân dân…

- Lập dàn ý cho bài nói bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở đầu** | Nêu vấn đề cần trình bày. Ví dụ: Cả ba văn bản đều có nội dung liên quan đến tinh thần yêu nước nhưng mỗi văn bản có cách thể hiện rất khác nhau. |
| **Nội dung chính** | Dựa vào các ý đã tìm được, trình bày ý kiến của mình theo một trình tự nhất định. Ví dụ:  + Nêu cách hiểu về lòng yêu nước thể hiện cụ thể ở mỗi văn bản; ví dụ: Lòng yêu nước thể hiện ở văn bản Buổi học cuối cùng là tình cảm trân trọng và yêu quý tiếng Pháp của thầy Ha-men, của dân làng và cậu bé Phrăng,... Ở văn bản Dọc đường xử Nghệ là... Ở văn bản Người đàn ông cô độc giữa rừng là...  + Nêu lí lẽ vì sao những biểu hiện đó được coi là lòng yêu nước. Ví dụ:  - Hành động chế vũ khí (tên, nỏ) bắn giặc Pháp xâm lược là biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước ở chú Võ Tòng.  - Giải thích vì sao những cảnh vật dọc đường với những thắc mắc của bé Côn hay câu trả lời của cụ Phó bảng, tuy chỉ là những suy nghĩ, cảm xúc, không phải là hành động cụ thể nhưng vẫn là biểu hiện của lòng yêu nước.  - Lí giải vì sao yêu tiếng mẹ đẻ được coi là biểu hiện của lòng yêu nước ,... |
| **Kết thúc** | Tóm tắt, khẳng định lại ý kiến đã nêu của mình và liên hệ với cuộc sống hiện nay. Ví dụ: Không nên hiểu lòng yêu nước một cách hạn hẹp, chẳng hạn quan niệm: chỉ ra trận đánh giặc mới là yêu nước. Yêu nước còn được thể hiện bằng nhiều cách thức, nhiều hành động, ... khác nhau. |

**c. Nói và nghe**

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nói** | **Người nghe** |
| - Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp...  - Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp: thực hiện đúng thời gian dự kiến.  - Chú ý điều chỉnh giọng điệu, cách trình bày, quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  - Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời từng phần trong khi trình bày. | - Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từ người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  - Sử dụng cử chỉ, nét mặt, ánh mất để khích lệ người nói.  - Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết, trao đổi lại về các chi tiết, nội dung chưa thuyết phục. |

**Đề bài ( Dành cho hs khá giỏi) Suy nghĩ của em về lòng yêu nước sau khi đọc các văn bản như : "Người đàn ông cô độc giữa rừng" (Đoàn Giỏi), "Dọc đường xứ Nghệ" (Sơn Tùng), "Buổi học cuối cùng" (Đô-đê)**

**\* Bài nói mẫu tham khảo 2:**

**1. Mở đầu bài nói**

 Kính thưa thầy/ cô giáo và các bạn! Trong những tiết học trước chúng ta đã được tìm hiểu các văn bản: “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Đoàn Giỏi), “Dọc đường xứ Nghệ” (Sơn Tùng) và “Buổi học cuối cùng” (Đô-đê), các văn bản đó đều có những nội dung thể hiện lòng yêu nước. Vậy lòng yêu nước là gì và được biểu hiện cụ thể như nào chắc hẳn trong mỗi bạn ngồi đây đều có câu trả lời riêng của mình. Bản thân tôi nhận thấy cả ba văn bản đều có nội dung liên quan đến tinh thần yêu nước nhưng mỗi văn bản có cách thể hiện rất khác nhau.

**2. Nội dung bài nói**

Trước hết chúng ta cần hiểu yêu nước là yêu mảnh đất mình sinh ra và lớn lên, yêu tiếng nói, yêu con người; là hành động sẵn sàng đấu tranh bảo vệ Tổ Quốc mỗi lúc nguy nan. Vì thế mà biểu hiện của lòng yêu nước cũng khác nhau ở mỗi thời, mỗi hoàn cảnh.

          Trong thời chiến tranh loạn lạc, tình yêu nước được biểu hiện là đấu tranh chống giặc ngoại xâm, như nhân vật Võ Tòng trong “*Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Đoàn Giỏi)*. Võ Tòng yêu nước được thể hiện ở việc giết tên địa chủ tham lam độc ác, ở việc làm những mũi tên tẩm độc để bắn giặc Pháp. Hành động làm vũ khí thầm lặng nhưng lại thể hiện được tấm lòng lớn lao, chính vì thế mà ông Hai đã trịnh trọng cảm ơn người anh em của mình “xin đa tạ chú! Đa tạ chú!”. Lời cảm ơn không chỉ của ông Hai mà còn của nhân dân, đất nước.

Tình yêu nước còn được thể hiện ở việc yêu tiếng mẹ đẻ, trân trọng, giữ gìn tiếng mẹ đẻ. Nhân vật thầy Ha-men trong *“Buổi học cuối cùng*” (Đô-đê) là gương mặt tiêu biểu cho tấm lòng yêu nước tha thiết ấy. Được tin buổi học cuối cùng, thầy đã ăn vận trang trọng khác mọi ngày với chiếc *áo rơ-đanh-gốt màu xanh lục diềm lá sen…mũ lụa đen thêu*, thái độ dịu dàng ân cần với học trò. Bài giảng cuối cùng của thầy say sưa dịu dàng về thứ tiếng mà thầy cho là *hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vững vàng nhất* và thầy nhấn mạnh *phải giữ lấy nó trong chúng ta và đừng bao giờ quên lãng nó*. Tình cảm của thầy H-men còn được thể hiện trong những dòng chữ cuối cùng, *cầm một hòn phấn dằn mạnh hết sức* và thầy viết thật to “NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM”.

Đó là tình yêu nước trong thời chiến tranh, lọa lạc, còn ở thời bình tình yêu nước lại được biểu hiện ở tình yêu gia đình, tình yêu giữa con người với von người, ở việc giữ gìn bản sắc dân tộc. Trong văn bản “*Dọc đường xứ Nghệ*” (Sơn Tùng) tình yêu nước là câu chuyện về nhân vật lịch sử như Lý Nhật Quang chăm lo cho đời sống nhân dân, là phê phán vua Thục Phán chủ quan khinh địch để mất nước của cụ Phó bảng và các con. Yêu nước còn là việc am hiểu, giải thích cặn kẽ về các địa danh như hòn Hai Vai, núi Trống Thủng, núi Cờ Rách… là nhớ ơn đại thi hào Nguyễn Du…

          Như vậy chúng ta không nên hiểu lòng yêu nước một cách hạn hẹp, chẳng hạn quan niệm: chỉ ra trận đánh giặc mới là yêu nước. Yêu nước còn được thể hiện bằng nhiều cách thức, nhiều hành động ... khác nhau. Bản thân tôi còn ngồi trên ghế nhà trường cũng thể hiện lòng yêu nước của mình bằng việc học hành thật tốt, nghe lời ông bà cha mẹ và thầy cô, hòa thuận với an hem, bạn bè.

**3. Kết thúc bài nói**

Trên đây là bài nói của tôi về lòng yêu nước qua các văn bản đã học, cảm ơn thầy/cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự góp ý từ phía thầy/cô và các bạn.

**d. Kiểm tra và chỉnh sửa**

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nói** | **Người nghe** |
| - Đối chiếu với dàn ý để xem xét nội dung ý kiến đã trình bày, cách dẫn dắt, các lí lẽ và bằng chứng.  - Rút kinh nghiệm về cách phát biểu: cách diễn đạt, ngôn ngữ, cử chỉ, thái độ, ...  - Xem xét lại nội dung, cách thức trả lời câu hỏi và ý kiến trao đổi với các bạn. | - Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin từ người nói bằng văn bản (ý kiến, lí lẽ, ... về vấn đề lòng yêu nước có thể biểu hiện ở những dạng thức khác nhau).  - Tập trung chú ý theo dõi người nói; thể hiện sự mạnh dạn, cầu thị và thái độ hoà nhã, lịch sự khi trao đổi với người nói. |

**=================================================**

**CHUYÊN ĐỀ 2 THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: MẸ**

*( Đỗ Trung Lai )*

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Về kiến thức:**

- Vài nét chung về nhà thơ Đỗ Trung Lai.

- Một số yếu tố hình thức (về vần, nhịp, dòng và khổ thơ), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa,…) của bài thơ bốn chữ.

- Nội dung bài thơ : thể hiện sự vất vả của người mẹ, tình yêu thương chân thành của người con dành cho mẹ và sự đau đớn, buồn tủi khi quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều, dường như ngày con xa mẹ đang đến gần.

- Đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ.

**2. Về năng lực:**

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thể thơ bốn chữ thể hiện trong bài “Mẹ”- Đỗ Trung Lai.

- Chỉ ra được kết cấu bài thơ;

- Nhận biết và thông hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong bài thơ;

- Cảm nhận được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ Mẹ;

- Cảm nhận được tình cảm yêu thương, trân trọng mẹ mà nhà thơ gửi gắm;

- Thấm thía tình yêu thương cha mẹ dành cho chúng ta.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu thương, biết ơn, trân trọng và hiếu thảo với cha mẹ.

**II. NỘI DUNG**

**I. Tác giả tác phẩm**

**1. Tác giả**

- Nhà thơ, nhà báo Đỗ Trung Lai (1950)

- Quê quán: Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Tây cũ (nay là Hà Nội)

- Ông tốt nghiệp khoa Vật lý Đại học Sư phạm Hà Nội

- Nhập ngũ năm 1972

- Sau dạy học trong quân đội về làm báo Quân đội Nhân dân

- Các tác phẩm tiêu biểu: Đêm sông cầu (1990), Anh,em và những người khác (1990), Thời thơ ấu của chàng Lau Sậy hay là Tha hương (2008)...

**2. Tìm hiểu chung**

**a. Xuất xứ**: trích tập thơ Đêm sông Cầu

**b. Thể loại**: thơ bốn chữ

**c. Phương thức biểu đạt**: biểu cảm

**II. Phân tích văn bản**

### 1. Hình ảnh người mẹ

- Hình ảnh người mẹ được đối chiếu với hình ảnh cây cau.

=> Cây cau là hình ảnh quen thuộc xuất hiện trong nhiều câu chuyện dân gian, tượng trưng cho tình nghĩa thủy chung của con người Việt Nam. Nó còn gắn với liền với làng quên, với hình ảnh người phụ nữ Việt Nam, các bà các mẹ thường nhai trầu cau. Hình ảnh mẹ được đặt bên cạnh một hình ảnh quen thuộc trong văn hóa Việt Nam.

+Hình dáng của mẹ

=> Theo thời gian, cây cau ngày càng phát triển, cao lớn, xanh tốt. Nhưng thời gian cũng rất khắc nghiệt, nó làm mẹ ngày càng già đi. Hình ảnh mẹ và cây cau được đặt cạnh nhanh cho thấy sự đối lập tương phản và nỗi xót xa của người con khi mẹ ngày càng già yếu.

+ Hành động của mẹ: Tài liệu của Nhung tây

- Khi con còn bé: bổ cau làm tư.

- Hiện tại: Cau bổ tám mẹ còn ngại to.

=> Tác giả mượn hình ảnh nhai trầu quen thuộc để khắc họa người mẹ. Miếng trầu bổ nhỏ gợi ra tuổi già móm mém của mẹ.

### 2. Tình cảm của người con dành cho mẹ

- Nỗi buồn, xót xa của người con trước tuổi già của mẹ.

=> Vào tuổi xế chiếu, bao lo toan vất vả của cuộc đời đã rút cạn sức lực của mẹ.

+ Tình cảm của người con:

- Nâng: sự trân trọng, nâng niu miếng trầu - hình ảnh tượng trưng cho mẹ.

- Cầm: tình cảm dồn nén, chứa đựng bao xót xa, tình cảm của con dành cho mẹ

=> Qua hình ảnh miếng cau khô, ta cảm nhận được nỗi niềm của con dành cho mẹ. Con thấu hiểu những khó nhọc, cay đắng của đời mẹ, trân trọng những hi sinh mẹ đã dành cho con nhưng không khỏi đau đớn trước những vất vả của mẹ.

- Với sự xót xa, con tự vấn trời đất cũng là tự vấn bản thân mình: Sao mẹ ta già?

=> Câu hỏi tu từ thể hiện sự vô vọng, sự bất lực của người con không thể níu kéo thời gian chậm lại, níu kéo mẹ ở lại mãi mãi bên con. "Mây bay về xa" như mái tóc mẹ hòa vào mây trắng. Lời thơ mở ra dư âm nghẹn ngào, nỗi xúc động dưng dưng.

**3. Đánh giá**

**a. Giá trị nội dung**

Bài thơ mượn hình ảnh cây cau quen thuộc để khắc họa mẹ. Qua đó, bài thơ thể hiện sự vất vả của cuộc đời mẹ, tình yêu thương chân thành của con dành cho mẹ và sự đau đớn, buồn tủi khi quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều, dường như ngày con xa mẹ đang đến gần.

**b. Giá trị nghệ thuật**

- Thể thơ bốn chữ.

- Lời thơ giản dị, tự nhiên.

- Hình ảnh thơ gần gũi.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Những bài thơ viết về mẹ luôn có sức lay động, truyền cảm đặc biệt. Bởi tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng đối với mỗi con người. Ai trong thẳm sâu tâm hồn, trái tim mình đều có hình bóng người mẹ kính yêu. Người mẹ đã dành cho ta tất cả yêu thương bằng đức hi sinh vô bờ bến.

Bài thơ "Mẹ" của Đỗ Trung Lai là một trong số những bài thơ hay viết về mẹ. Trong bài thơ, tác giả đã chọn hình ảnh cây cau, trái cau xuất hiện song hành cùng mẹ. Đây là một phát hiện khá tinh tế, nhiều biểu cảm. Cây cau muôn đời thẳng, lưng mẹ mỗi ngày còng; lá cau mãi vẫn xanh, tóc mẹ ngày thêm bạc; cau cao rồi cao mãi, mẹ lại thấp dần đi; trái cau xưa bổ sáu, nay bổ tám ngại to. Duy nhất một nét tương đồng giữa mẹ và cau thì gợi lên bao xót xa: Cau khô - khô như mẹ. Vậy là thời gian đã lấy đi tuổi xanh, rút cạn sức lực của mẹ, khiến con đau lòng mà tự vấn trời xanh. Nhưng câu hỏi đâu có lời hồi đáp.. Sinh, lão, bệnh, tử là quy luật muôn đời của loài người. Tài liệu của Nhung tây

Bao nỗi đắng cay, buồn vui cuộc đời của mẹ đều được miếng trầu cau chứng kiến. Túi trầu mẹ nhẹ hay nặng cũng gắn với bao đầy vơi nỗi niềm.

Nhà thơ **Đỗ Trung Lai** đã chọn hình ảnh cây cau để ví von so sánh với mẹ là một phát hiện khá tinh tế, nhiều biểu cảm, không chỉ về hình thể bên ngoài mà cả sự sâu lắng bấm đốt thời gian thân phận của một đời người…

Làng quê nông thôn Việt Nam vườn ai mà chẳng thấy bóng dáng cây cau cũng như xóm thôn làm sao thiếu vắng được bóng mẹ. Mẹ tựa vào cây cau không như là gậy chống mà còn là khát khao từng nấc như ước vọng về tương lai con cháu về sự sum vầy sum suê của buồng cau trĩu quả.

Mẹ thì bao mong mỏi nhưng rồi thời gian khắc nghiệt như một quy luật luân hồi muôn đời: “Lưng mẹ còng rồi - Cau thì vẫn thẳng” và: “Cau - Ngọn xanh rờn, Mẹ - Đầu bạc trắng”. Hai sắc màu trái ngược nhau, hai hình dáng tương phản nhau tạo ra một ám ảnh lập tứ cho tiếng thơ tiếng lòng quạn bao nỗi thắt khi: “Cau gần với trời - Mẹ thì gần đất”.

Trời và đất, cao và thấp cứ chênh chao nhất là khi nhà thơ sử dụng nhịp thơ bốn chữ cứ có cảm giác cứ như lập cập, thổn thức, gieo gieo từng giọt nước mắt lặn vào trong buốt nhói với bao chiêm nghiệm.

Miếng cau bổ ra ngày càng nhỏ cũng đủ gợi cho ta tuổi già món mém của mẹ. Cau bổ tư rồi cau bổ tám như những chia sẻ, san sẻ hút dần sức lực của mẹ.

Chỉ qua hình ảnh miếng cau: “Một miếng cau khô - Khô gần như mẹ” cũng đủ bao cảm thông héo hắt khi: “Con nâng trên tay - Không cầm được lệ”. Hai chữ “nâng” và “cầm” đều chỉ động thái của tình cảm. Nếu “nâng” trang trọng kính trọng biết bao thì “cầm” lại nén bao đắng đót bấy nhiêu. Tài liệu của Nhung tây

Từng cặp biểu cảm được song hành tạo ra bao chất chứa, lời ít mà vọng xa. Chính đây cũng là sự vận động cảm xúc của bài thơ “Mẹ” dồn nén để buột ra câu cảm thán mang âm hưởng điệu hành trong thơ văn cổ: “Ngẩng trời hỏi vậy - sao mẹ ta già”.

Câu hỏi tự vấn đất trời cũng chính là tự vấn lòng mình. Thơ đã chạm được đến nỗi người, cõi người vừa đăm đăm vừa trống trải. Một sự cô đơn ngỡ như vô vọng: “Không một lời đáp - Mây bay về xa”.

Nhưng lại không thất vọng vì hàng cau còn đó vun vút cao như một nỗi lòng và niềm tin của mẹ. Một niềm tin bền bỉ ấm áp miếng trầu. Và “mây bay về xa” hay mái đầu mẹ bạc hòa vào mây trắng…

**III. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

Câu 1: Bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai) gieo vần nào?

A. Vần chân B. Vần liền C. Vần cách **D. Vần hỗn hợp**

**Câu 2: Bai thơ Mẹ được trích trong tập thơ nào của tác giả Đỗ Trung Lai**

**A. Đêm sông Cầu (thơ, 1990)**

B. Anh em và những người khác (thơ, 1990)

C. Đắng chát và ngọt ngào (thơ, in chung, 1991)

D. Thơ và tranh (1998)

**Câu 3: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?**

**A. Bốn chữ** B. Năm chữ C. Lục bát D. Thất ngôn tứ tuyệt

**Câu 4: Bài thơ được viết theo phương thức biểu đạt nào?**

A. Miêu tả B. Tự sự  **C. Biểu cảm** D. Nghị luận

**Câu 5:** Câu thơ: “*Lưng mẹ còng rồi - Cau thì vẫn thẳng”*sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. So sánh B. Nhân hóa **C. Đối lập** D. Ẩn dụ

**Câu 6: Bài thơ thể hiện tình cảm gì của tác giả?**

**A. Tình cảm nâng niu trân trọng, thấu hiểu những khó nhọc, cay đắng của mẹ**

B. Tình cảm yêu mến tự hào về quê hương

C. Tình cảm gia đình yêu thương gắn bó

D. Cả ba nội dung trên

**2. Dạng đọc hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**  *Lưng mẹ còng rồi Cau thì vẫn thẳng Cau - ngọn xanh rờn Mẹ - đầu bạc trắng  Cau ngày càng cao Mẹ ngày một thấp Cau gần với giời Mẹ thì gần đất!  Ngày con còn bé Cau mẹ bổ tư Giờ cau bổ tám Mẹ còn ngại to!  Một miếng cau khô Khô gầy như mẹ Con nâng trên tay Không cầm được lệ  Ngẩng hỏi giời vậy - Sao mẹ ta già? Không một lời đáp Mây bay về xa.*  *(Trích Mẹ - Đỗ Trung Lai)*  **Câu 1.** Bài thơ được làm theo thể thơ nào? Chỉ ra đặc điểm của thể thơ đó ở các yếu tố: Số tiếng và nhịp ở các dòng thơ; vần của bài thơ. **Câu 2.** Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ. **Câu 3.** Bài thơ Mẹ là lời của ai? Bộc lộ cảm xúc gì? Nêu cảm nhận chung của em sau khi đọc bài thơ. **Câu 4.** Hình ảnh mẹ trong bài thơ được đặt trong sự đối sánh với hình ảnh nào, trên những phương diện nào? Vì sao tác giả lại chọn hình ảnh đó? **Câu 5.** Liệt kê những từ ngữ được tác giả dùng để nói về mẹ và cau trong bài thơ. Để thể hiện hình tượng mẹ và cau, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào? Hãy chỉ ra tác dụng của các biện pháp tu từ đó. |

**Gợi ý​ trả lời**

**Câu 1.**  
- Bài thơ được làm theo thể thơ 4 chữ.  
- Đặc điểm của thể thơ 4 chữ:  
+ Số tiếng và nhịp ở các dòng thơ: Số tiếng 4, nhịp chủ yếu là 2/2, có câu ngắt nhịp 1/3 (*Cau - ngọn xanh rờn - Mẹ - đầu bạc trắng* ).  
+ Vần của bài thơ: Bài thơ gieo vần ở cuối câu 2 và câu 4 của mối khổ thơ.  
**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: Biểu cảm  
**Câu 3.**  
- Bài thơ *Mẹ* là lời của người con  
- Bài thơ bộc lộ nhiều cung bậc cảm xúc: Yêu thương, xót xa, ngậm ngùi trước tuổi già của mẹ; trách giận thời gian.  
- Cảm nhận chung của em sau khi đọc bài thơ: Bài thơ ngắn, ngôn ngữ, hình ảnh giản dị mà đọng lại cảm xúc, thể hiện được tình cảm yêu kính đối với mẹ và tâm trạng buồn, day dứt của người con khi mẹ ngày càng già và đến gần hơn với sự chia lìa cõi sống. Không nhiều dụng công nghệ thuật nhưng bài thơ vẫn gây xúc động người đọc bởi cảm xúc chân thành, chạm đến những gì thiêng liêng nhất của mỗi người: Tình mẫu tử.  
**Câu 4.**  
- Hình ảnh mẹ trong bài thơ được đặt trong sự đối sánh với hình ảnh cau. Đối sánh trên những phương diện: Hình dáng, màu sắc (màu lá, màu tóc) ; chiều cao.  
- Tác giả chọn hình ảnh cau vì: Cau là thứ cây gần gũi trong đời sống ở mỗi làng quê. Cau gắn liền với mẹ trong thói quen sinh hoạt hàng ngày: Thói quen ăn trầu. Cau và mẹ luôn song hành trên hành trình sống. Đặc biệt là nhà thơ đã nhận thấy nhiều điểm tương đồng và khác biệt giữa mẹ và cau.  
**Câu 5.**  
- Liệt kê những từ ngữ được tác giả dùng để nói về mẹ và cau trong bài thơ:  
Lưng còng – thẳng  
Ngọn xanh rờn - đầu bạc trắng  
Cao – thấp  
Gần giời – gần đất  
Cau khô – (mẹ) gầy  
- Để thể hiện hình tượng mẹ và cau, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ:  
+ Đối lập: Giữa mẹ và cau trong dáng hình, màu sắc, chiều cao..  
+ So sánh: *Một miếng cau khô - Khô gầy như mẹ*  
  
- Tác dụng của các biện pháp tu từ đó:  
+ Gợi lên một cách xót xa hình ảnh người mẹ khi già đi, biểu đạt niềm thương cảm của người con đối với mẹ.  
+ Làm cho bài thơ tăng tính gợi hình, biểu cảm.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**  *Lưng mẹ còng rồi Cau thì vẫn thẳng*  *Cau - ngọn xanh rờn Mẹ - đầu bạc trắng   Cau ngày càng cao  Mẹ ngày một thấp Cau gần với giời Mẹ thì gần đất!*  ***(Trích*** Mẹ*- Đỗ Trung Lai)*  **Câu 1.** Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai), các dòng thơ được bố trí thành từng cặp có sự đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa. Hãy chỉ ra điều đó và cho biết cách bố trí như vậy có tác dụng gì.  **Câu 2.** Nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ dưới đây:  Một miếng cau khô  Khô gầy như mẹ  Con nâng trên tay  Không cầm được lệ |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1.**

- Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai), các dòng thơ được bố trí thành từng cặp có sự đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa:

+ Lưng mẹ còng đối lập với cau vẫn thẳng

+ Cau - ngọn xanh rờn đối lập với mẹ - đầu bạc trắng

+ Cau ngày càng cao đối lập với mẹ ngày một thấp

+ Cau gần với giời đối lập với mẹ thì gần đất

- Tác dụng của cách bố trí như vậy cho thấy được sự tương phản giữa hình ảnh cau và mẹ. Theo thời gian, cau càng ngày càng phát triển, cao, xanh tốt, còn mẹ theo thời gian lại già đi. Cách bố trí này làm tăng tính biểu cảm cho hình ảnh người mẹ, cho thấy nỗi niềm của người con khi thấy mẹ mình ngày một già đi, đồng thời khơi gợi cảm xúc trong lòng người đọc.

**Câu 2.** Trong khổ thơ "Một miếng... được lệ", tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh để miêu tả hình ảnh người mẹ. Hình ảnh mẹ không được miêu tả trực tiếp theo cách: "Mẹ khô gầy", mà là miêu tả gián tiếp bằng cách so sánh. Cụ thể ở đây là so sánh cau với hình ảnh của mẹ. Như vậy mẹ đã trở thành thước đo của sự "khô gầy". Tính từ "khô gầy" cho thấy dáng vẻ già nua, thiếu sức sống. "Khô gầy" hoàn toàn đối lập với "tươi tắn". Hình ảnh mẹ già khiến người con thấy bùi ngùi, xúc động. Nhưng nếu nói thẳng ra là "mẹ đã già" thì thật không còn là thơ và cũng chẳng cho thấy sự tế nhị của người con. Cách so sánh cau "khô gầy như mẹ" là một cách so sánh mang tính miêu tả, để nói rằng người mẹ có dáng vẻ "khô gầy", dáng vẻ đã già đi nhiều rồi. Cái ý tác giả muốn truyền đạt ở đây ẩn đằng sau câu chữ và biện pháp tu từ so sánh. Sự ẩn giấu ấy làm cho khổ thơ trở nên ý tứ và xúc động.

**3. Dạng câu hỏi đọc hiểu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:  *Cảm ơn mẹ vì luôn bên con*  *Lúc đau buồn và khi sóng gió*  *Giữa giông tố cuộc đời*  *Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.*  *Bỗng thấy lòng nhẹ nhàng bình yên*  *Mẹ dành hết tuổi xuân vì con*  *Mẹ dành những chăm lo tháng ngày*  *Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.*  *Mẹ là ánh sáng của đời con*  *Là vầng trăng khi con lạc lối*  *Dẫu đi trọn cả một kiếp người*  *Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru…*   (Trích lời bài hát  *Con nợ mẹ*, Nguyễn Văn Chung)  **Câu 1**. Xác định các từ láy có trong lời bài hát trên.  **Câu 2**. Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *đi* trong câu: *“Dẫu đi trọn cả một kiếp người”?*  **Câu 3**. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong những câu sau:  *Mẹ dành hết tuổi xuân vì con*  *Mẹ dành những chăm lo tháng ngày*  *Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.*  **Câu 4.**  *Cảm ơn mẹ vì luôn bên con*  *Lúc đau buồn và khi sóng gió*  *Giữa giông tố cuộc đời*  *Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.*  Những câu ca trên gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa của lời cảm ơn trong cuộc sống? |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1**. - Các từ láy: *vỗ về, nhẹ nhàng.*

**Câu 2.** - Nghĩa của từ *đi*: *sống, trải qua.*

**Câu 3**. - Nghệ thuật: Điệp ngữ (*Mẹ dành*).

+ Tác dụng:

- Nhấn mạnh sự chăm lo, hi sinh tuổi xuân, đánh đổi cả cuộc đời để con được trưởng thành, được chạm tới những ước mơ, khát vọng.

- Khẳng định vai trò và tầm quan trọng của người mẹ trong cuộc đời mỗi con người.

**Câu 4.**

*- Giải thích:* *Cảm ơn* là từ đáp thể hiện sự biết ơn của mình với lòng tốt hay sự giúp đỡ của người khác. Nó chính là cách thể hiện tình cảm, lối ứng xử của con người có văn hóa, lịch sự và biết tôn trọng những người xung quanh mình.

*- Chứng minh:*

+ Khẳng định ý nghĩa và đưa ra những biểu hiện cũng như vai trò, tác dụng của lời *cảm ơn* trong cuộc sống. Tài liệu của Nhung tây

+ Lấy một số dẫn chứng, những câu chuyện nhỏ trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ.

+ Khẳng định: *Cảm ơn* là nét sống văn minh của con người có học thức, có giáo dục. *Cảm ơn* hoàn toàn không phải là hình thức phức tạp hóa ứng xử, là sự khách sáo mà nó là một sự cần thiết, là quy tắc giao tiếp giữa con người với con người. Bạn đang tự làm đẹp mình khi biết nói hai từ *cảm ơn*!

- Phê phán những hành động đi ngược lại lối sống tốt đẹp và văn minh này, đặc biệt trong xã hội ngày nay. Tài liệu của Nhung tây

-  Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:**  **MẸ ỐM**  *Cánh màn khép lỏng cả ngày*  *Ruộng vườn vắng mẹ cuốc cày sớm trưa*  *Nắng mưa từ những ngày xưa*  *Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan.*  *Khắp người đau buốt, nóng ran*  *Mẹ ơi! Cô bác xóm làng đến thăm*  *Người cho trứng, người cho cam*  *Và anh y sĩ đã mang thuốc vào.*  *Sáng nay trời đổ mưa rào*  *Nắng trong trái chín ngọt ngào bay hương*  *Cả đời đi gió đi sương*  *Bây giờ mẹ lại lần giường tập đi.*  *Mẹ vui con có quản gì*  *Ngâm thơ, kể chuyện rồi thì múa ca*  *Rồi con diễn kịch giữa nhà*  *Một mình con sắm cả ba vai chèo.*  *Vì con, mẹ khổ đủ điều*  *Quanh đôi mắt mẹ đã nhiều nếp nhăn*  *Con mong mẹ khỏe dần dần*  *Ngày ăn ngon miệng, đêm nằm ngủ say.*  *Rồi ra đọc sách, cấy cày*  *Mẹ là đất nước, tháng ngày của con ...*  *(Trần Đăng Khoa)*  **Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt trong văn bản trên?  **Câu 2**:  *“Nắng mưa từ những ngày xưa*  *Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan”*  Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ trên?  **Câu 3:** Tác dụng của biện pháp tu từ thể hiện trong hai câu thơ trên.  **Câu 4**: Tình cảm của tác giả đối với mẹ thể hiện như thế nào trong bài thơ?  **Câu 5** Từ nội dung phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (*khoảng 10 đến 15 dòng*) trình bày cảm nghĩ về mẹ của em. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp biểu cảm.

**Câu 2:** - Biện pháp tu từ ẩn dụ.

**Câu 3**: - Tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ qua từ ‘’*lặn*’’ trong câu thơ thứ hai.

- Với việc sử dụng từ ‘’lặn’, câu thơ thể hiện được sự gian lao vất vả của người mẹ trong cuộc sống.

- Thấy được nỗi gian truân, cực nhọc của đời mẹ không thể thay đổi, bù đắp ... (nếu thay các từ *ngấm*, *thấm*, ... chỉ nỗi vất vả chỉ thoảng qua, có thể tan biến đi ...)

- Qua đó thêm yêu quý, kính trọng người mẹ hơn.

**Câu 4**: + Tình cảm của tác giả đối với mẹ trong bài thơ:

- Tác giả đã bộc lộ tình cảm của một người con với mẹ - một tình cảm rất hồn nhiên của tuổi niên thiếu.

- Thấu hiểu nỗi vất vả cực nhọc của mẹ trong cuộc sống lam lũ mà em đã từng chứng kiến và cảm nhận.

- Nhìn những nếp nhăn hằn trên khuôn mặt mẹ, nhà thơ cảm động và thấy vô cùng biết ơn mẹ, đó cũng chính là tình cảm của mỗi chúng ta khi nghĩ về mẹ: Con yêu mẹ nhất trên đời, con yêu mẹ như yêu đất nước và mẹ cũng chính là Tổ quốc của riêng con!

- Trong cuộc sống lao động cực nhọc, mẹ đã từng trải qua và vượt lên tất cả để vì cuộc sống và vì tương lai tốt đẹp của các con.

**Câu 5:** *Hs có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau*:

- Giới thiệu khái quát về mẹ.

- Biểu cảm cụ thể về mẹ: ngoại hình, tính tình, tài năng (nét tiêu biểu) => yêu, quý, khâm phục.

- Vai trò của mẹ đối với mình (quan trọng thế nào, nếu có, nếu không).

- Khẳng định tình cảm yêu quý của mình về mẹ.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Hạt gạo làng ta*  *Có bão tháng bảy*  *Có mưa tháng ba*  *Giọt mồ hôi sa*  *Những trưa tháng sáu*  *Nước như ai nấu*  *Chết cả cá cờ*  *Cua ngoi lên bờ*  *Mẹ em xuống cấy…*  *( Trích - Hạt gạo làng ta - Trần Đăng Khoa)*  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.  **Câu 2.** Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?  **Câu 3.** Chỉ ra và nêu hiệu quả biểu đạt của phép tu từ được sử dụng trong hai câu thơ *Nước như ai nấu/Chết cả cá cờ*  **Câu 4.** Đoạn thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ, tình cảm gì đối với những người làm ra hạt gạo? (Trình bày khoảng 5 đến 7dòng) |

**Đáp án**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt: miêu tả

**Câu 2**. Thể thơ 4 chữ

**Câu 3**. Phép tu từ so sánh: Nước như ai nấu.

- Hiệu quả: làm hình ảnh hiện lên cụ thể hơn, gợi được sức nóng của nước – mức độ khắc nghiệt của thời tiết; đồng thời gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân trong quá trình tạo ra hạt gạo.

**Câu 4.** Đoạn văn Thể hiện suy nghĩ, tình cảm tích cực: thấu hiểu nỗi vất vả của người dân, trân trọng sản phẩm lao động của họ,… từ đó nâng niu, trân trọng những sản phẩm lao động; biết ơn và quý trọng những người đã làm ra những sản phẩm ấy.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *“Con thường sống ngẩng cao đầu mẹ ạ*  *Tính tình con hơi ngang bướng kiêu kì*  *Nếu có vị chúa nào nhìn con vào mắt*  *Con chẳng bao giờ cúi mặt trước uy nghi.*  *Nhưng mẹ ơi, con xin thú thật*  *Trái tim con dù kiêu hãnh thế nào*  *Đứng trước mẹ dịu dàng chân chất*  *Con thấy mình bé nhỏ làm sao.”*  *( Hen-rích Hai-nơ: Thư gửi mẹ . Tế Hanh dịch)*  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ ?  **Câu 2.**  Hãy chỉ ra một từ có nhiệm vụ liên kết hai khổ thơ trên? Liên kết về nội dung hay hình thức?  **Câu 3.**Trong đoạn thơ có sử dụng một cặp từ trái nghĩa. Hãy phát hiện và nêu tác dụng của cặp từ đó?  **Câu 4.** Qua đoạn thơ, em hiểu điều tâm sự của người con muốn nói với mẹ những gì? (viết thành đoạn văn từ 5 - 7 dòng). |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính:  Biểu cảm

**Câu 2**. - Từ: *Nhưng* (đầu khổ thơ 2)

- Từ có tác dụng liên kết về hình thức

**Câu 3**. - Tác giả sử dụng  cặp từ trái nghĩa trong đoạn  thơ: ngẩng >< cúi

-Tác dụng: thể hiện cách sống không chịu khuất phục trước uy quyền của nhà thơ

**Câu 4**. HS có thể nêu cách hiểu của mình về lời tâm sự của người con với mẹ. Trọng tâm cần đạt được một số ý cơ bản sau:

   Đoạn thơ là lời tâm sự của người con với mẹ: con thường sống ngẩng cao đầu, uy quyền không khuất phục được con nhưng trước mẹ dịu dàng, chân chất, bao giờ con cũng thấy mình bé nhỏ khiêm nhường. Tài liệu của Nhung tây

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

|  |
| --- |
| **Đọc kĩ khổ thơ sau trong bài Đồng dao mùa xuânvà trả lời các câu hỏi:**  *Có một người lính Đi vào núi xanh Những năm máu lửa.  Một ngày hoà bình Anh không về nữa.  Có một người lính Chưa một lần yêu Cà phê chưa uống Còn mê thả diều  Một lần bom nổ Khói đen rừng chiều Anh thành ngọn lửa Bạn bè mang theo  Mười, hai mươi năm Anh không về nữa Anh vẫn một mình Trường Sơn núi cũ*  *( Trích Đồng dao mùa xuân- Nguyễn Khoa Điềm)*  **Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?  **Câu 2:** Xác định phương thức biểu đạt?  **Câu 3.** Dấu hiệu nào giúp em biết bài thơ *Đồng dao mùa xuân* thuộc thể thơ bốn chữ?  **Câu 4.** Bài thơ *Đồng dao mùa xuân* được gieo vần như thế nào?  **Câu 5.** Hãy xác định một số hình ảnh tiêu biểu trong bài thơ. Hình ảnh nào là trung tâm, xuyên suốt bài thơ? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1 :** Đoạn thơ trên được trích trong văn bản Đồng dao mùa xuân của tác giả Nguyễn Khoa Điềm.

**Câu 2 :** Phương thức biểu đạt : Biểu cảm

**Câu 3:** Đếm số câu số chữ của bài thơ

**Câu 4:** Gieo vần cách

**Câu 5.** Một số hình ảnh tiêu biểu trong bài thơ: người lính, Trường Sơn núi cũ, bom nổ, hoa đại ngàn, suối biếc, ngày xuân,…

Hình ảnh trung tâm bao trùm, xuyên suốt cả bài thơ là hình ảnh người lính. Đó là người còn rất trẻ (*Chưa một lần yêu/Cà phê chưa uống/Còn mê thả diều*); dũng cảm kiên cường; giản dị, khiêm nhường (*Ba lô con cóc/Tấm áo màu xanh/Làn da sốt rét/Cái cười hiền lành*); Yêu nước và sẵn sàng hi sinh tuổi xuân để bảo vệ đất nước, Tổ quốc (*Một lần bom nổ/Khói đen rừng chiều/Anh thành ngọn lửa/Bạn bè mang theo*).

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi**  *Anh ngồi lặng lẽ Dưới cội mai vàng Dài bao thương nhớ Mùa xuân nhân gian  Anh ngồi rực rỡ Màu hoa đại ngàn Mắt như suối biếc Vai đầy núi non...  Tuổi xuân đang độ Ngày xuân ngọt lành Theo chân người lính Về từ núi xanh...*  *( Tháng 12-1994 Trích Đồng dao mùa xuân – Nguyễn Khoa Điềm SGK Ngữ văn 7)*  **Câu 1.** Em hãy chỉ ra cách ngắt nhịp và tác dụng của cách ngắt nhịp trong bài thơ.  **Câu 2.** Em cảm nhận như thế nào về ba khổ thơ cuối?  **Câu 3.** Cảm xúc chủ đạo của bài thơ *Đồng dao mùa xuân* là gì?  **Câu 4.** Tình cảm của tác giả được thể hiện trong bài thơ như thế nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Cách ngắt nhịp gieo vần linh hoạt

=>Tác dụng: Tạo nên sự nhịp nhàng sinh động cho bài thơ, gây ấn tượng với người đọc.

**Câu 2.** Đây là câu hỏi mở, tuỳ cảm nhận của HS, nhưng cần chú ý các yếu tố như: Tư thế của người lính; không gian, thời gian được miêu tả,…

=>Ba khổ thơ thể hiện sự hiện hữu của người lính bất tử cùng thời gian và nhân gian; tấm lòng trân trọng, biết ơn những người lính đã hi sinh để làm nên mùa xuân cho đất nước.

**Câu 3.** Bài thơ *Đồng dao muà xuân* là một khúc hát đồng dao ca ngợi sự bất tử của người lính trẻ. Hình ảnh của các anh còn mãi trong lòng nhân dân như mùa xuân trường tồn cùng vũ trụ. Bài thơ cũng là sự biết ơn sâu sắc của nhân dân và những người đang sống trong hoà bình dành cho các anh – những người lính dũng cảm đã hi sinh cả cuộc đời mình cho đất nước bình yên. Có những tuổi hai mươi như thế: trẻ trung, dũng cảm và sẵn sàng hiến dâng cho Tổ quốc: “*Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình/Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc/ Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?”* (Thanh Thảo).

**Câu 4.** Tình cảm: tiếc thương, lòng biết ơn, trân trọng và tự hào về những người lính còn rất trẻ đã sẵn sàng hi sinh tuổi xanh và cuộc đời mình cho độc lập của dân tộc. Đất nước Việt Nam đã có biết bao những người con hi sinh như thế để đem lại hoà bình cho chúng ta hôm nay. Dân tộc Việt Nam và các thế hệ hôm nay vẫn luôn nhớ tới các anh.

**ÔN TẬP VĂN BẢN: ÔNG ĐỒ**

*(Vũ Đình Liên)*

**I. Kiến thức cơ bản**

**1. Tác giả:**

- Vũ Đình Liên (1913 - 1996), quê Hà Nội, là một nhà thơ, nhà dịch thuật, nhà giáo.

- Thơ ông thường mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ.

- Ông đồ là bài thơ thành công xuất sắc nhất của Vũ Đình Liên.

- Nhà thơ Vũ Đình Liên đã xuất bản: Đôi mắt (thơ, 1957); Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam (nghiên cứu, 1957); Nguyễn Đình Chiểu (nghiên cứu, 1957) Thơ Bô-đơ-le (dịch thuật, 1995). Face book Nhung Tây

- Tập thơ Bô-đơ-le công trình 40 năm lao động dịch thuật say mê và nghiên cứu của ông đã được tặng thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam (1996).

**2. Tác phẩm**

- Ông đồ là bài thơ thành công xuất sắc nhất của Vũ Đình Liên.

**c. Bố cục**

- Phương thức biểu đạt: Tự sự + Miêu tả + Biểu cảm

- Thể thơ: Ngũ ngôn

- Bài thơ được chia làm 3 phần

- Phần 1: Khổ 1, 2: Hình ảnh ông đồ xưa.

- Phần 2: Khổ 3,4: Hình ảnh ông đồ thời suy tàn.

- Phần 3: Khổ 5: Nỗi niềm của tác giả.

**II. Phân tích tác phẩm**

**1. Khổ 1, 2: Hình ảnh ông đồ thời xưa**

"Mỗi năm hoa đào nở.... người qua"

- Tết đến, hoa đào nở, phố xá tưng bừng, người xe nườm nượp qua lại → một khung cảnh đông vui, nhộn nhịp, một bức tranh giàu màu sắc.

→ Ông đồ xuất hiện khi tết đến xuân về.

"Bao nhiêu người thuê viết.

Tấm tắc ngợi khen tài".

- Ông là trung tâm chú ý, là đối tượng được mọi người ngưỡng mộ, tôn vinh.

- Hình ảnh ông đồ thân quen hoà cùng cái đông vui, náo nức của phố phường ngày giáp Tết. Ông chính là một  
trong những nơi gặp gỡ, hội tụ của văn hoá - tâm linh người Việt một thời.

**2. Khổ 3, 4: Ông đồ thời suy tàn**

"Ông đồ vẫn ngồi đó...qua đường không ai hay"

- Ông đồ "vẫn ngồi đấy", giữa phố xá đông đúc người qua lại nhưng lẻ loi, lạc lõng, không ai biết, "không ai hay".

- Tác giả không miêu tả tâm trạng ông đồ, nhưng bằng biện pháp nhân hoá, hai câu thơ: "Giấy đỏ buồn không thắm - Mực đọng trong nghiên sầu". Nỗi buồn tủi thấm đẫm lên cả những vật vô tri vô giác. Face book Nhung Tây

- Ông đồ "ngồi đấy" chứng kiến và nếm trải tấn bi kịch của cả một thế hệ. Đó là sự tàn tạ, suy sụp hoàn toàn của nền Nho học.

- Hình ảnh "lá vàng" lìa cành và "mưa bụi bay" trong trời đất mênh mang là những ẩn dụ độc đáo cho sự tàn tạ, sụp đổ đó.

- Hai khổ thơ tả cảnh nhưng chính là để thể hiện nỗi lòng của người trong cảnh. Đó là nỗi xót xa lặng lẽ, nỗi đau đớn ngậm ngùi của lớp nhà nho buổi giao thời.

**3. Khổ thơ cuối: Nỗi niềm của tác giả**

- Hoa đào vẫn nở, Tết vẫn đến, quy luật thiên nhiên vẫn tuần hoàn, nhưng người thì không thấy nữa: "Không thấy ông đồ xưa". Tài liệu của Nhung tây

- Tứ thơ: Cảnh cũ còn đó, người xưa ở đâu và hình ảnh "người muôn năm cũ" người đọc niềm cảm thương, tiếc nuối vô hạn.

- "Người muôn năm cũ", trước tiên là các thế hệ nhà nho và sau đó còn là "bao nhiêu người thuê viết" thời đó.

- Vì vậy, "hồn" ở đây vừa là hồn của các nhà nho, vừa là linh hồn của nét sinh hoạt văn hoá truyền thống tốt đẹp đã từng gắn bó thân thiết với đời sống của con người Việt Nam hàng trăm nghìn năm.

- Hai câu cuối là câu hỏi nhưng không để hỏi mà như một lời tụ vấn. Dấu chấm hỏi đặt ở cuối bài thơ như rơi vào im lặng mênh mông nhưng từ đó dội lên bao nỗi niềm. Đó là nỗi day dứt, tiếc nhớ, thương xót ngậm ngùi của tác giả và cũng là của cả một thế hệ các nhà thơ mới. Đó còn là nỗi mong ước tìm lại, gặp lại vẻ đẹp của một thời đã qua  
**4. Đánh giá**

- "Có như­ng nhà thơ không bao giờ có thể làm đư­ợc một câu thơ. Những ng­ười ấy hẳn là nhữ­ng ng­ười đáng th­ương nhất trong thiên hạ. Sao ng­ười ta lại th­ương hại nhữ­ng kẻ bị tình phụ nuôi một giấc mộng ái ân không thành, mà không ai th­ương lấy những kẻ mang một mối tình thơ u uất chịu để tan tành giấc mộng lớn nhất và quý nhất ở đời: giấc mộng thơ?

**+ Giá trị nội dung**

- Cảm nhận được tình cảnh tàn tạ của nhân vật ông đồ, qua đó thấy được niềm cảm thương và nỗi nhớ tiếc của tác giả đối với cảnh cũ người xưa gắn liền với một nét đẹp văn hóa cổ truyền.

**+ Giá trị nghệ thuật**

- Thể thơ ngũ ngôn vừa phù hợp với lối kể chuyện, vừa thích hợp để diễn tả tâm tình.

- Kết cấu đầu cuối tương ứng chặt chẽ của bài thơ đã làm nổi bật chủ đề tác phẩm: quá trình tàn tạ, suy sụp của nền nho học.

- Ngôn ngữ, hình ảnh trong sáng, bình dị nhưng hàm súc, đầy ám ảnh, giàu sức gợi.

**II. Định hướng phân tích văn bản**

**Dàn ý chi tiết**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu đối tượng cần phân tích.

Vũ Đình Liên là nhà thơ mở đường cho phong trào Thơ mới của dòng văn học dân tộc. Các sáng tác của ông đã góp phần làm mới nền thơ ca đương thời, mà “Ông đồ” là nét bút tiêu biểu xuất sắc nhất. Ông đồ là hình ảnh trung tâm của bài thơ, là hình ảnh khiến ta thực sự phải suy ngẫm về sự thay đổi của lòng người trước nét đẹp truyền thống của dân tộc.

**II. Thân bài**

**1. Hình ảnh ông đồ thời hoàng kim của Nho giáo**

**Phân tích hai khổ thơ đầu**

**a. Khổ 1:**

*“Mỗi năm hoa đào nở*

*Lại thấy ông đồ già*

*Bày mực tàu giấy đỏ*

*Bên phố đông người qua"*

- Thời gian: Tết đến xuân về, khi “hoa đào nở”.

- Không gian: với “mực tàu”, “giấy đỏ”, “bên phố đông người qua”.

- Ông đồ cùng hoa đào xuất hiện như cặp hình ảnh báo hiệu tiết xuân của đất trời, báo hiệu một năm mới lại bắt đầu.

- Cặp từ “Mỗi năm…lại…” thể hiện sự xuất hiện của ông đồ vào mỗi dịp xuân đến đã trở nên quen thuộc, như một nhịp sống không thể thiếu mỗi khi sắc đào hồng khoe sắc trên cành xanh. Ông đồ với mực tàu và giấy đỏ giữa dòng người đông đúc nới phố xá ngày xuân đã in đậm như một thói quen khi Tết đến, đã thành thường lệ của dịp xuân sang.

**b. Khổ 2:**

*“Bao nhiêu người thuê viết*

*Tấm tắc ngợi khen tài:*

*“Hoa tay thảo những nét*

*Như phượng múa, rồng bay””*

- Ông đồ xuất hiện trong không gian ngày Tết như trung tâm của phố xá đi du xuân.

- Nghệ thuật so sánh trong hai câu thơ cuối khổ đã cho thấy tài nghệ của ông đồ. Đó là nghệ thuật viết chữ\_nét đẹp văn hóa dân gian của Việt Nam phát triển rực rỡ khi Nho giáo vẫn còn hưng thịnh.

- “Như phượng múa rồng bay”: nét chữ phóng khoáng, bay bổng, thể hiện một nét đẹp cao quý.

- Lời ngợi ca cho thấy sự tôn trọng của tác giả đối với ông đồ\_người lưu truyền nét đẹp cổ truyền của dân tộc, đồng thời cũng thể hiện ý thức giữ gìn giá trị truyền thống ấy của Vũ Đình Liên.

**2. Hình ảnh ông đồ thời kì suy tàn**

**Phân tích ba khổ thơ cuối.**

**a. Khổ 3:**

*“Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

*Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu...”*

- Không gian: đìu hiu, vắng vẻ.

- Cụm từ “mỗi năm một vắng” không chỉ thể hiện khung cảnh hiu quạnh mà còn thể hiện sự suy tàn dần của nét đẹp truyền thống. Theo thời gian, truyền thống cho chữ ngày xuân ngày càng bị quên lãng, bị phai nhạt dần.

- Câu hỏi tu từ “Người thuê viết nay đâu?” là nỗi lòng đầy xót xa của tác giả trước sự mai một của nét văn hóa cổ truyền, về sự thay đổi của lòng người.

- Giấy “không buồn thắm”, mực “đọng trong nghiên sầu”: hình ảnh đượm nỗi buồn làm cho không gian ngày xuân của ông đồ trở nên đìu hiu và quạnh quẽ, nỗi buồn của một người, của một nét đẹp bị lãng quên

**b. Khổ 4:**

*“Ông đồ vẫn ngồi đấy*

*Qua đường không ai hay*

*Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài trời mưa bụi bay”*

- Hình ảnh “lá vàng rơi” mang đượm nét buồn của tiết trời khô héo, gợi lên không goan ảm đạm, lạnh lẽo.

- Ông đồ, vẫn giữa dòng phố xá du xuân, nhưng lạc lõng, đơn độc như một cái bóng vô hình. Không ai để ý và cũng chẳng ai hay có một ông đồ với mực tàu và giấy đỏ như thế.

- Dường như ta thấy một ông đồ: buồn bã, chán nản như một khối sầu thảm giữa cái rộng ràng của phố phường ngày xuân.

**c. Khổ 5:**

*“Năm nay đào lại nở*

*Không thấy ông đồ xưa*

*Những người muôn năm cũ*

*Hồn ở đâu bây giờ?”*

- Mỗi năm một vắng, nay đã thành “không thấy ông đồ xưa”. Không gian xuân trước kia là ông đồ và hoa đào, nay chỉ còn lại sắc hồng của đào xuân mà không thấy nét chữ của ông đồ.

- Hai chữ “ông đồ” nay đã đi kèm thêm chữ “xưa”, nó gợi lên một cái gì đó cũ kĩ, như là lỗi thời lạc hậu, một điều gì đó chỉ còn là dĩ vãng.

- Hai câu thơ cuối là tiếng nói của tác giả trước sự xuống dốc của nét đẹp truyền thống và sự thay đổi của lòng người. Câu hỏi tu từ như xoáy sâu vào lòng người đọc và sự mai một truyền thống dân tộc, khiến lòng người day dứt mà ăn năn. Tài liệu của Nhung tây

**3. Đánh giá, mở rộng vấn đề**

- Nghệ thuật khắc họa hình tượng: Ông đồ được đặt trong mối liên hệ so sánh giữa xưa và nay. Xưa-nay đối lập cũng như ông đồ ngày càng bị quên lãng. Tác giả đã khéo léo sử dụng những hình ảnh để gợi lên không gian và thời gian.

- Hình ảnh ông đồ là biểu tượng cho sự mai một của giá trị văn hóa cổ truyền. Ông đồ bị bỏ rơi giữa dòng người tấp nập cũng là hình ảnh của nét đẹp truyền thống bị phai mờ giữa dòng sống hiện đại. Có lẽ là lòng người đã đổi thay, có lẽ bởi lòng người không còn mặn mà với những điều mà họ cho là xưa là cũ nữa.

- Ta thấy được tấm lòng của nhà văn, lòng ngợi ca và tôn trọng văn hóa truyền thống, một lòng muốn gìn giữ mà không biết làm sao để níu kéo lòng người, chỉ có thể mượn đến thơ mà nói, mượn thơ mà giãi bày.

- Qua đó, tác giả cũng đặt ra một hiện trạng xã hội đang dần quên lãng nét đẹp dân gian truyền thống của dân tộc, đặt ra vấn đề cấp thiết cho xã hội là cần thay đổi thái độ và cách ứng xử với nét văn hóa cổ truyền.

**III. Kết bài**

- Nêu cảm nhận của bản thân.

Hình ảnh ông đồ trong bài thơ khiến lòng người thực sự phải day dứt. Từng lời thơ, từng nét chữ khiến ta thấy hổ thẹn với truyền thống dân tộc, thấy thương những nghiên mực giấy đỏ, thấy chính mình phải có trách nhiệm với nét đẹp văn hóa cổ truyền ấy.

**IV. Luyện tập**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1:** Bài thơ Ông đồ của tác giả nào?

A. Xuân Diệu B. Nguyễn Nhược Pháp **C. Vũ Đình Liên** D. Thế Lữ

**Câu 2:** Bài thơ Ông đò làm theo thể thơ nào?

A. Thể thơ tự do B. Thất ngôn tứ tuyệt

###### **C. Ngũ ngôn** D. Thất ngôn bát cú

**Câu 3:** Hình ảnh nào lặp lại trong khổ thơ đầu và khổ thơ cuối của bài thơ "ông Đồ"?

A. Lá vàng. **B. Hoa đào.**  C. Mực tàu. D. Giấy đỏ.

**Câu 4:** Bài thơ sáng tác năm nào?

A. 1935 **B. 1936**  C. 1937 D. 1938

**Câu 5:** Những ông đồ trong xã hội cũ trở nên thất thế và bị gạt ra lề cuộc đời khi nào?

A. Đã quá già, không còn đủ sức khỏe để làm việc.

B. Khi tranh vẽ và câu đối không còn được mọi người ưa thích.

###### **C. Khi chế độ thi cử phong kiến bị bãi bỏ, chữ Nho bị xem nhẹ.**

D. Khi các trường học mọc lên nhiều và chữ quốc ngữ trở nên phổ biến trong nhân dân.

**Câu 6:** Mạch thời gian trong bài thơ được tác giả sắp xếp theo trình tự nào?

A. quá khứ - hiện tại - tương lai **B. quá khứ - hiện tại**

C. hiện tại - quá khứ D. hiện tại - quá khứ - tương lai

**Câu 7:** Hai câu thơ: “Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa rồng bay” nói lên điều gì?

A. Ông đồ rất tài hoa. B. Ông đồ viết văn rất hay.

###### **C. Ông đồ có hoa tay, viết câu đối rất đẹp.** D. Ông đồ có nét chữ bình thường.

**Câu 8:** Câu thơ cuối "Những người muôn năm cũ/ Hồn ở đâu bây giờ?" thể hiện tâm sự gì của tác giả?

A. Lo lắng cho số phận những ông đồ thời xưa

###### **B. Nuối tiếc phong tục bị lụi tàn và cảm thương cho kiếp người bị bỏ rơi**

C. Thương cảm cho kiếp người đã hết thời

D. Xót xa cho một nét phong tục đẹp của dân tộc đã hết thời.

Câu 9: "Những người muôn năm cũ" trong bài thơ Ông đồ là ai?

###### **A. Ông đồ và những người thuê ông viết.** B. Ông đồ.

C. Ông đồ và người qua đường. D. Người qua đường.

**Câu 10:** Nghĩa của từ "ông Đồ" trong bài thơ ông "ông Đồ" của Vũ Đình Liên là:

A. Người dạy học nói chung.

C. Người chuyên viết câu đối bằng chữ nho.

###### **B. Người dạy học chữ nho xưa.**

D. Người viết chữ nho đẹp, chuẩn mực

Câu 11: Hai câu thơ "Giấy đỏ buồn không thắm - Mực đọng trong nghiên sầu" trong bài thơ sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Hoán dụ. B. Ẩn dụ. **C. Nhân hóa.** D. So sánh.

**2. Dạng bài tập Đọc - Hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HOC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *“Năm nay đào lại nở*  *Không thấy ông đồ xưa.*  *Những người muôn năm cũ*  *Hồn ở đâu bây giờ?”*  *(Ngữ văn 8- tập 2)*  **Câu 1:** Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả của văn bản ấy là ai?  **Câu 2:** Đoạn thơ trên đã thể hiên cảm xúc gì của nhà thơ?  **Câu 3**: Khái quát giá trị nội dung - nghệ thuật văn bản. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Đoạn thơ trên trích trong bài thơ ông Đồ của Vũ Đình Liên

**Câu 2:** Đoạn thơ trên đã thể hiên nỗi niềm xót xa, thương tiếc của nhà thơ trước việc vắng bóng hình ảnh ông đồ vào mỗi dịp xuân về. Từ hình ảnh ông đồ, thi sĩ đã liên tưởng tới hình ảnh “Những người muôn năm cũ” và tự hỏi. Câu hỏi tu từ đặt ra là một lời tự vấn, tiềm ẩn sự ngậm ngùi day dứt. Đó là nỗi niềm trắc ẩn, xót thương cho những người như ông đồ đã bị thời thế khước từ.

**Câu 3:**

\* Giá trị nội dung

- Tác phẩm khắc họa thành công hình cảnh đáng thương của ông đồ thời vắng bóng, đồng thời gửi gắm niềm thương cảm chân thành của nhà thơ trước một lớp người dần đi vào quá khứ, khới gợi được niềm xúc động tự vấn của nhiều độc giả

\* Giá trị nghệ thuật

- Bài thơ được viết theo thể thơ ngũ ngôn gồm nhiều khổ

- Kết cấu đối lập đầu cuối tương ứng, chặt chẽ

- Ngôn từ trong sáng bình dị, truyền cảm

**2. Dạng Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc phần văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**  [...] *Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ có bóng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt của ông đồ. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay. Thể thơ năm chữ vốn có sức biểu hiện những câu chuyện dâu bể, hoài niệm, đã tỏ ra rất đắc địa, nhịp điệu khơi gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm. Màu mưa bụi khép lại đoạn thơ thật ảm đạm, lạnh, buồn, vắng. Như vậy cũng chỉ với tám câu, bốn mươi chữ, đủ nói hết những bước chót của một thời tàn. Sự đối chiếu chi tiết ở đoạn này và đoạn trên: mực với mực, giấy với giấy, người với người, càng cho ta cái ấn tượng thảng thốt xót xa của sự biến thiên.* [...]  *(Vũ Quần Phương)*  **Câu 1:** Đoạn văn trên khiến em liên tưởng tới văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 7 kì 1? Trình bày hoàn cảnh sáng tác của văn bản ấy.  **Câu 2**: Văn bản được viết theo thể thơ nào? Xác định PTBĐ của văn bản.  **Câu 3**: Em hiểu gì về khoảng thời gian “một thời tàn” mà tác giả Vũ Quần Phương nhắc đến trong phần văn bản trên? Qua đó, em có suy nghĩ gì về số phận ông đồ trong thời buổi ấy?  **Câu 4:** Trong văn bản được gợi nhắc từ đoạn văn trên có hai câu:  *“Hoa tay thảo những nét*  *Như phượng múa rồng bay.”*  Cho biết tên và tác dụng của biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong hai dòng thơ ấy. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Văn bản Ông Đồ của Vũ Đình Liên

- Hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác 1936 khi Hán học, chữ Nho ngày càng suy tàn.

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt: Tự sự + Miêu tả + Biểu cảm

- Thể thơ: Ngũ ngôn

**Câu 3:**

- Khoảng thời gian “một thời tàn” mà tác giả Vũ Quần Phương nhắc đến trong phần văn bản trên là giai đoạn Hán học suy vi, các nhà nho (ông đồ) từ vị trí trung tâm được coi trọng bị thời cuộc bỏ quên trở nên thất thế.

- Số phận ông đồ trong thời điểm ấy rất đáng thương và tội nghiệp.

**Câu 4:** Trong văn bản được gợi nhắc từ đoạn văn trên có hai câu:

*“Hoa tay thảo những nét*

*Như phượng múa rồng bay.”*

Cho biết tên và tác dụng của biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong hai dòng thơ ấy.

- Phép hoán dụ: hoa tay (Ông đồ rất tài hoa, viết câu đối đẹp)

- Phép so sánh: thảo - như - phượng múa rồng bay.

- Sử dụng thành ngữ: “phượng múa rồng bay”: làm nổi bật vẻ đẹp trong nét chữ của ông: Nét chữ rất đẹp, bay bướm, uốn lượn, vừa phóng khoáng, bay bổng, song lại cao quý, oai phong, sống động, có hồn. Tài liệu của Nhung Tây

=> Với bút pháp miêu tả tinh tế, ngôn ngữ điêu luyện, trong hai câu thơ, tác giả như khắc hoạ trước mắt người đọc hình ảnh của ông đồ với đôi bàn tay già, gầy guộc đưa lên hạ xuống như bay như múa, như đang tung hoành trên nền giấy điều thắm tươi. Lúc này đây ông đồ như một người nghệ sĩ tài hoa trước công chúng.

**3. Dạng Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: TIẾNG GÀ TRƯA**

*(Xuân Quỳnh)*

**I. Tác giả tác phẩm**

**1. Tác giả**

- Xuân Quỳnh sinh năm 1942 và mất năm 1988, tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh.

- Quê ở làng An Khê, ven thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).

- Bà là một trong những nhà thơ nữ xuất sắc của Việt Nam, được mệnh danh là nữ hoàng thơ tình yêu của Việt Nam.

- Thơ của Xuân Quỳnh thường viết về những tình cảm gần gũi, bình dị, trong sáng của đời sống gia đình và cuộc sống hàng ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, tha thiết và đằm thắm.

- Xuân Quỳnh được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật vào năm 2011.

- Một số tác phẩm tiêu biểu:

- Các tập thơ: Chồi biếc (1963), Hoa dọc chiến hào (1968), Lời ru trên mặt đất (1978), Chờ trăng (1981), Tự hát (1984). Trong đó có một số bài thơ đặc biệt nổi tiếng: Thuyền và biển, Sóng, Tiếng gà trưa, Thơ tình cuối mùa thu…

- Một số tác phẩm viết cho thiếu nhi: Mùa xuân trên cánh đồng (truyện thiếu nhi, 1981), Bầu trời trong quả trứng (thơ văn thiếu nhi, 1982)...

**2. Tác phẩm**

- Tiếng gà trưa là một bài thơ ngũ ngôn, được Xuân Quỳnh sáng tác vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Mĩ. Tiếng gà trưa đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Từ đó, nó khắc sâu hơn tình yêu đối với đất nước, quê hương.

### - Phương thức biểu đạt bài thơ Tiếng gà trưa

PTTBĐ tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm

**3. Bố cục:** 3 đoạn

- Đoạn 1 (khổ 1): Tiếng gà khơi dậy kí ức tuổi thơ.

- Đoạn 2 (khổ 2 => khổ 6): Những kỉ niệm thơ ấu và người bà.

- Đoạn 3 (khổ 7, 8): Những suy nghĩ, giấc mơ người lính.

**II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Những rung cảm ban đầu của cháu khi nghe tiếng gà trưa**

- Hoàn cảnh: Người cháu đang trên đường hành quân, nhìn thấy xóm làng liền ghé vào nghỉ ngơi.

- Âm thanh: tiếng gà “cục tác cục ta”.

- Tâm trạng: điệp từ “nghe” kết hợp với ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “xao động nắng trưa”, “bàn chân đã mỏi”, “trở về tuổi thơ.

=> Tiếng gà trưa trở thành âm thanh gọi về những kỉ niệm tuổi thơ.

**2. Tiếng gà trưa gợi về những kỉ niệm tuổi thơ**

- Kỉ niệm tuổi thơ bên người bà lần lượt hiện ra qua dòng hồi tưởng của người cháu:

- Hình ảnh: con gà mái mơ - mình hoa đốm trắng, con gà mái vàng - lông óng như màu nắng. Đó là hình ảnh thân thuộc, gần gũi với nông thôn.

- Kỉ niệm: người cháu tò mò xem gà đẻ trứng, bị bà mắng “Gà đẻ mà mày nhìn/Rồi sau này lang mặt” khiến đứa cháu lo lắng. Đó là những nỗi lo âu hồn nhiên rất con trẻ.

- Hình ảnh:

- Bà khum soi trứng, chắt chiu từng quả để đem bán lấy tiền mua quần áo mới cho cháu.

- Mùa đông tới, trời trở lạnh, bà lại lo lắng đàn gà sẽ chết.

=>Thể hiện tình cảm của bà dành cho đứa cháu đầy yêu thương, lo lắng.

**3. Những suy tư của người cháu từ tiếng gà trưa**

- Ý nghĩa của tiếng gà trưa: mang bao nhiêu hạnh phúc, kỉ niệm về người bà.

- Nghệ thuật điệp từ “vì”:

- “lòng yêu tổ quốc”: lòng yêu nước

- “xóm làng thân thuộc”: yêu quê hương

- “bà ơi cũng vì bà”: tình cảm gia đình

=> Mục đích chiến đấu cao cả, thiêng liêng.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Xuân Quỳnh là nhà thơ nữ xuất sắc của nền văn học hiện đại. Bà thường viết về những gì bình dị gần gũi trong đời sống thường ngày. Thơ của bà thường có giọng điệu sôi nổi trẻ trung mạnh bạo và giàu chất trữ tình. "Tiếng gà trưa" được viết vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Mĩ thể hiện tình yêu thương tổ quốc, quê hương trong đó sâu lặng và thắm thiết là tình bà cháu.  
Tiếng gà trưa là âm thanh giản dị, quen thuộc của làng quê Việt. nó gợi về cuộc sống yên ả, sự lao động yên vui, ấm áp của người nông dân quanh năm sau lũy tre làng. Ở đây, bằng những cảm xúc mới mẻ, nồng nàn rất riêng Xuân Quỳnh đã thổi vào thứ âm thanh ấy một vẻ đẹp rất thiêng liêng của những cảm xúc ấu thơ của người lính hành quân. Nó làm xao động cái nắng trưa trên đường hành quân.

Âm thanh ấy làm cho anh như đang sống lại thời thơ ấu đẹp đẽ của mình, nó như tiếp thêm sức mạnh cho đôi chân anh bớt mỏi, cho lòng anh xúc động dạt dào. Với ý nghĩa như vậy, tiếng gà trưa là âm thanh, tiếng gọi của quê hương, gia đình, xóm làng còn in đậm trong lòng người lính ra trận, trở thành hành trang của người lính trẻ.

“Cục...cục tác cục ta  
Nghe xao động nắng trưa  
Nghe bàn chân đỡ mỏi  
Nghe gọi về tuổi thơ”

Đến đoạn thơ thứ hai, trong hai mươi sáu câu thơ, câu thơ Tiếng gà trưa được nhắc lại ba lần, âm thanh ấy gọi về bao kỉ niệm thân yêu. Xa xa tiếng gà trưa vọng lại, người chiến sĩ nhớ về người bà thân yêu chắt chiu từng quả trứng hồng. Những quả trứng hồng, đàn gà chi chít đông đúc.

“Tiếng gà trưa  
Ổ rơm hồng những trứng  
Này con gà mái mơ  
Khắp mình hoa đốm trắng  
Này con gà mái vàng  
Lông óng như màu nắng”

Tiếng gà trưa cất lên nơi xóm nhỏ, người chiến sĩ nhớ về người bà thân yêu. Tuổi thơ sống bên bà có biết bao kỉ niệm đáng nhớ, tính hiếu kỳ, tò mò của trẻ thơ quan sát con gà đẻ trứng. Rồi bị bà mắng, sợ mặt bị lang, trong lòng cháu hiện lên lo lắng:

“Tiếng gà trưa  
Có tiếng bà vẫn mắng  
Gà đẻ mà mày nhìn  
Rồi sau này lang mặt  
Cháu về lấy gương soi  
Lòng dại thơ lo lắng

Khi gió mùa đông tới  
Bà lo đàn gà toi  
Mong trời đừng sương muối  
Để cuối năm bán gà  
Cháu được quần áo mới”

Nổi bật qua suốt những câu thơ ấy là hình ảnh người bà chắt chiu, dành dụm yêu thương cháu. Bà đã luôn ân cần, hi sinh và mệt nhọc để mong có được một đàn gà tốt giúp cháu có những bộ quần áo mới, dù nó chỉ nhỏ thôi nhưng mà thấm thía biết bao nhiêu.

Đoạn thơ nghe giản dị mà thật gần gũi nhường nào, những chi tiết tác giả miêu tả gắn bó thân thuộc với quê hương làng xóm, hơn thế nó là những kỉ niệm không bao giờ phai nhạt trong tâm trí trẻ thơ. Nỗi lo của bà thật cảm động xiết bao, đàn gà kia sẽ bị chết nếu như sương muối giá lạnh và cháu bà lại chẳng được may áo mới.

“Ôi cái quần chéo go,  
Ống rộng dài quết đất  
Cái áo cánh trúc bâu  
Đi qua nghe sột soạt”

Cháu nhớ mãi sau mỗi lần gà được bán, bà lại ra chợ chọn mua cho cháu yêu bộ quần áo thật đẹp. Tình cảm yêu thương nồng hậu bà luôn dành trọn cho cháu, cho con. Tuổi thơ sống bên bà đây là quãng đời đầy ắp những kỉ niệm khó quên. Lần thứ tư “tiếng gà trưa” lại cất lên. Tiếng gà gọi về những giấc mơ của người lính trẻ.

“Tiếng gà trưa  
Mang bao nhiêu hạnh phúc  
Đêm cháu về nằm mơ  
Giấc ngủ hồng sắc trứng”

Âm thanh xao động của tiếng gà trưa bình dị mà thiêng liêng, nó gợi tình cảm đẹp trong lòng người chiến sĩ hành quân ra trận. Âm thanh ấy như tiếng của quê hương, đất mẹ thân yêu. Tiếng gà trưa, đâu chỉ là âm thanh của một con vật vô tri mà nó là tiếng gọi của tuổi thơ, của yêu thương hồng, là những âm thanh của ký ức tươi đẹp, trong sáng đã theo cháu suốt một đời. nó cứ ám ảnh, âm vang day dứt mãi trong lòng nhà thơ, trong những giấc mơ tuổi nhỏ.

Âm thanh ấy đã đi vào tiềm thức đứa cháu nhỏ, đầy dịu dàng mà xúc động thiêng liêng vì nó gắn với tình bà cao cả. Đó cũng là lý do để người cháu sống cống hiến:

“Cháu chiến đấu hôm nay  
Vì lòng yêu tổ quốc  
Vì xóm làng thân thuộc  
Bà ơi, cũng vì bà  
Vì tiếng gà cục tác  
Ổ trứng hồng tuổi thơ”

Điệp từ "vì" được lặp lại bốn lần liên tiếp nhấn mạnh mục đích chiến đấu của người chiến sĩ. Đó là vì tổ quốc thân thương, vì xóm làng quê thuộc nơi chôn rau cắt rốn của tuổi thơ, nhưng đất nước quê hương vô cùng vô tận, mênh mông ấy cũng chỉ mãi hữu hình trong dáng bà thầm lặng hi sinh, gắn với âm thanh của tiếng gà trưa quen thuộc. Hai tiếng "bà ơi" vang lên nghe mới tha thiết mà đằm thắm làm sao, nó vừa xúc động thiêng liêng, vừa bỏng sôi mãnh liệt.

Bài thơ “Tiếng gà trưa” là một nốt trầm sâu lắng, da diết của người lính trên bước đường hành quân gian khổ. Nhưng tiếng gà ấy còn là tên gọi khác của kỉ niệm, của hồi ức, của tình bà cháu thiêng liêng bất diệt. Với cách sử dụng linh hoạt điệp từ, các hình ảnh giản dị mà xúc động, Xuân Quỳnh đã truyền tải được thật chính xác lòng mình tới độc giả.

**III. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1:** Bài thơ được Xuân Quỳnh sáng tác vào thời gian nào?

A. thời kì đầu kháng chiến chống Pháp B. thời kì cuối kháng chiến chống Pháp

###### **C. Thời kì đầu kháng chiến chống Mĩ** D.thời kì cuối kháng chiến chống Mĩ

**Câu 2:** Bài thơ "Tiếng gà trưa" được viết chủ yếu theo thể thơ nào?

A. Lục bát.  B. Bốn chữ. C. Song thất lục bát.  **D. Năm chữ.**

**Câu 3:** Mạch cảm xúc trong bài diễ biến theo trình tự nào?

A. Quá khứ - hiện tại **B. Hiện tại – quá khứ - hiện tại**

C. Quá khứ - hiện tại - tương lai D. Hiện tại -  quá khứ - tương lai

**Câu 4:** Điệp khúc "tiếng gà trưa"được lặp đi lặp lại 4 lần Có tác dụng như thế nào ?

A. Tạo nhịp điệu cho bài thơ dồn dập, lôi cuốn

B. Tạo sợi dây liên kết giữa các kỉ niệm

C. Để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh cho bài thơ

###### **D. Tất cả đều đúng**

**Câu 5:** Hình ảnh, kỉ niệm của tuổi thơ nào đã được gợi lại từ tiếng gà trưa?

###### **A. Hình ảnh đàn gà, tiếng bà mắng cháu, hình ảnh người bà**

B. Tiếng bà mắng cháu, hình ảnh mâm cơm tuổi thơ

C. Hình ảnh người bà, hình ảnh bếp lửa, hình ảnh cánh đồng lúa chín

D. Hình ảnh quả trứng, hình ảnh đàn gà, hình ảnh người bà

**Câu 6:** Nhân định nào đúng nét đặc sắc của nội dung, nghệ thuật của bài?

A. Gợi kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ đẹp đẽ, tình bà cháu nồng ấm.

B. Tình cảm gia đình đã làm sâu sắc thêm tình quê hương đất nước.

C. Thể thơ 5 chữ, gieo vần linh hoạt

###### **D. Tất cả đều đúng**

**Câu 7:** Hình ảnh nổi bật nhất xuyên suốt bài thơ là:

###### **A. Tiếng gà trưa.** C. Người bà.

B. Quả trứng hồng.  D. Người chiến sĩ.

**Câu 8:** Câu thơ "Tiếng gà trưa" được lặp lại mấy lần trong bài thơ?

A. 3 **B. 4** C. 5 D. 6

**Câu 9:** Điệp ngữ "Tiếng gà trưa" có tác dụng gì trong bài thơ?

A. tạo điểm nhấn cho bài thơ.

B. gợi lại những kỉ niệm bên bà những ngày thơ ấu.

 C. thôi thúc trong lòng người chiến sĩ tình cảm mới mẻ về nhiệm vụ chiến đấu để bảo vệ quê hương.

###### **D. Tất cả đều đúng**

**Câu 10:** Từ “chắt chiu” trong câu “Dành từng quả chắt chiu” có nghĩa gì?

A. Tiết kiệm, dè sẻn **B. Giữ gìn, nâng niu**

C. Quan tâm, chăm sóc D. Âu yếm, vỗ về

**Câu 11:** Đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ trên là?

A. Ngôn ngữ cô đọng, hàm súc

###### **B. Cách diễn đạt tự nhiên với những hình ảnh giản dị chân thực**

C. Sử dụng các biện pháp so sánh, nhân hóa có giá trị biểu cảm cao

D. Sử dụng rộng rãi lối liên tưởng, tưởng tượng

**2. Dạng bài tập Đọc Hiểu**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“Cục...cục tác cục ta”*  ***Nghe*** *xao động nắng trưa*  ***Nghe*** *bàn chân đỡ mỏi*  ***Nghe*** *gọi về tuổi thơ*  *(Ngữ văn 7- tập 1)*  **Câu 1**: Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai ?  **Câu 2**: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?  **Câu 3**: Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng thông qua các từ in đậm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?  **Câu 4**: Khái quát nội dung khổ thơ trên bằng một câu văn ?  **Câu 5:** Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về tình bà cháu trong bài thơ |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** - Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Tiếng gà trưa”

- Tác giả: Xuân Quỳnh

**Câu 2:**  Thể thơ: thơ 5 chữ (hoặc ngũ ngôn)

**Câu 3:** - Biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ

- Tác dụng:

+ Diễn tả tâm trạng vô cùng xúc động của người chiến sĩ khi nghe âm thanh quen thuộc của làng quê. (hoặc nhấn mạnh cảm xúc dâng trào của người chiến sĩ)

+ Tác động của tiếng gà: Tiếng gà đã làm xao động nắng trưa và cả hồn người, gợi âm thanh của tiếng gà nơi quê hương và gợi về quá khứ của tuổi thơ.

**Câu 4**: - Đoạn thơ nói về tâm trạng của người chiến sĩ trên đường hành quân xa. (Hoặc: Tác động của tiếng gà đối với người chiến sĩ, hoặc cảm xúc của người chiến sĩ khi nghe tiếng gà trưa...)

**Câu 5:** Trong bài thơ “tiếng gà trưa” nổi bật lên tình cảm bà cháu vô cùng đẹp đẽ, thiêng liêng. Tình cảm ấy được gợi lại từ tiếng gà trưa thân thuộc trong một lần hành quân xa của người chiến sĩ. Tiếng gà trưa khơi nguồn những kỉ niệm tuổi thơ, những kí ức vui tươi, ấm áp bên bà. Trong kí ức của cháu bà là người tần tảo chắt chiu, luôn yêu thương cháu hết mực. Cháu cũng luôn dành tới bà tình yêu và niềm biết ơn vô bờ. Tình cảm già đình, tình bà cháu tốt đẹp đó sẽ mãi là hành trang theo bước chân của người chiến sĩ, tiếp thêm sức mạnh cho anh trong cuộc chiến đấu hôm nay.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc khổ thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“Cục... cục tác cục ta”*  *Nghe xao động nắng trưa*  *Nghe bàn chân đỡ mỏi*  *Nghe gọi về tuổi thơ*  *(Trích Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh Ngữ văn 7 Tập 1)*  **Câu 1.** Tiếng gà trưa vọng vào tâm trí người chiến sĩ vào thời điểm nào?  **Câu 2.** Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ và nêu tác dụng của nó.  **Câu 3.** Tại sao trong rất nhiều âm thanh, người chiến sĩ lại chỉ ám ảnh với âm thanh của tiếng gà trưa?  **Câu 4.** Tiếng gà trưa đem lại cho người chiến sĩ cảm xúc nào? Cảm nhận của em về cảm xúc gợi lên trong lòng anh chiến sĩ. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Thời điểm cụ thể :

*+Trên đường hành quân xa*

*+ Dừng chân bên xóm nhỏ*

*+ Buổi trưa nắng*

**Câu 2.** Biện pháp nghệ thuật:

+ Hình ảnh ngôn ngữ chân thực, giản dị;

+ Điệp từ “nghe”,điệp cấu trúc câu “nghe…”, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “Tiếng gà trưa” được cảm nhận bằng thính giác qua điệp từ “nghe” cùng tâm tưởng, hồi ức, cảm xúc của tâm hồn.

+ Tác dụng: Tạo giọng điệu nhịp nhàng cho câu thơ, tạo sự liên kết chặt chẽ; nhấn mạnh sự tác động mạnh của tiếng gà trưa đến tình cảm cảm xúc của người chiến sĩ.

**Câu 3.Âm thanh:**

*Tiếng gà ai nhảy ổ:  
Cục... cục tác cục ta*

+ Âm thanh của làng quê bình dị, thân thuộc

+ Phá tan cái tĩnh lặng buổi trưa của làng quê

+ Mang lại niềm vui cho con người chốn thôn quê

+ Gợi kỉ niệm ấu thơ.

**Câu 4.**

- Âm thanh bình dị, gần gũi của quê hương, biểu hiện những giây phút bình yên của cuộc chiến;

-Làm cho cho cái nắng hè trở nên xao động, bàn chân không thấy mỏi sau cuộc hành trình chiến đấu;

- Khơi dậy kí ức tuổi thơ trong lòng người chiến sĩ; đem lại những cảm giác vừa bồi hồi, xúc động, vừa hạnh phúc.

=> Đó chính là tình làng quê thắm thiết, sâu nặng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi**  *Tiếng gà trưa Ổ rơm hồng những trứng Này con gà mái mơ Khắp mình hoa đốm trắng Này con gà mái vàng Lông óng như màu nắng  Tiếng gà trưa Có tiếng bà vẫn mắng: - Gà đẻ mà mày nhìn Rồi sau này lang mặt! Cháu về lấy gương soi Lòng dại thơ lo lắng*  *Tiếng gà trưa Tay bà khum soi trứng Dành từng quả chắt chiu Cho con gà mái ấp*  *(Trích Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh Ngữ văn 7 Tập 1)*  **Câu 1.** Tiếng gà trưa lặp lại mấy lần trong bài thơ? Điều đó có tác dụng gì?  **Câu 2.** Tiếng gà trưa đã khơi gợi ở người cháu hình ảnh và kỉ niệm nào của tuổi thơ?  **Câu 3.** Em ấn tượng với hình ảnh, kỉ niệm nào nhất? Vì sao?  **Câu 4.** Hình ảnh người bà hiện lên qua những chi tiết, hình ảnh nào? Qua đó em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của bà và tình cảm của người cháu đối với bà? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Tiếng gà trưa lặp lại ba lần trong bài thơ. Điều đó có tác dụng: Kết nối các đoạn thơ; điểm nhịp cho từng cảm xúc; nhấn mạnh ấn tượng, tình cảm của người cháu với âm thanh thân thuộc….

**Câu 2.** Mỗi lần “*Tiếng gà trưa*” vang lên là một kỉ niệm được gợi về:

*+* Kỉ niệm về ổ trứng và đàn gà;

+ Kỉ niệm về nỗi lo lắng của bà, niềm hạnh phúc tuổi thơ của cháu;

+ Kỉ niệm giấc mơ hạnh phúc tuổi thơ.

**Câu 3.** Hình ảnh ấn tượng:

**- Kỉ niệm ổ trứng và đàn gà:**

*Ổ rơm hồng những trứng*

*Này con gà mái mơ*

*Khắp mình hoa đốm trắng*

*Này con gà mái vàng*

*Lông óng như màu nắng…*

- Nghệ thuật kể, tả, điệp từ “này”, đảo ngữ“Khắp mình hoa đốm trắng”;

- Tính từ chỉ màu sắc: “hồng, đốm trắng, vàng óng”.

*- Tạo bức tranh kí ức nhiều màu sắc hài hòa, tươi sáng, bình dị của làng quê;*

*- Gợi tả màu sắc tươi sáng, hình ảnh đẹp, bình dị, thân thuộc.*

**- Hình ảnh bà chăm chút từng quả trứng:**

*Tiếng gà trưa*

*Tay bà khum soi trứng*

*Dành từng quả chắt chiu*

*Cho con gà mái ấp*

+ Động từ: “khum”, “soi”

+ Từ láy “chắt chiu”

*=>Người bà thôn quê tần tảo, chịu thương chịu khó, chắt chiu từng niềm vui nhỏ trong cuộc sống đầy lo toan, vất vả.*

**- Hình ảnh nỗi lo lắng của bà và niềm vui tuổi thơ của cháu:**

*Cứ hàng năm hàng năm*

*Khi gió mùa đông tới*

*Bà lo đàn gà toi*

*Mong trời đừng sương muối*

*Để cuối năm bán gà*

*Cháu được quần áo mới*

+ Điệp ngữ: “hằng năm”: *Gợi ra một quãng thời gian dài, triền miên những nỗi lo âu của bà*. Cho thấy tuổi thơ của người chiến sĩ gắn liền với niềm vui, trong trẻo, đầy tình yêu thương của gia đình, làng quê.

**- Hạnh phúc tuổi thơ của cháu:**

*Ôi cái quần chéo go*

*Ống rộng dài quét đất*

*Cái áo cánh trúc bâu*

*Đi qua nghe sột soạt.*

-Những ước mơ nhỏ bé, đơn sơ, giản dị đó được gợi ra hình ảnh người bà chắt chiu từng quả trứng, nâng niu từng sự sống để cuối năm có tiền mua quần áo mới cho cháu.

*=> Bà đã thực hiện ước mơ tuổi thơ của cháu.*

**Câu 4.**

*- Hình ảnh bà hiện lên:*

+ Cách bà chăm chút từng quả trứng;

+ Những lỗi lo âu của bà.

*- Thể hiện tình cảm của bà:*

+ Yêu thương, quan tâm tha thiết -một tình thương bao la, to lớn, cho đi mà không cần nhận lại điều gì.

+ Bà chăm lo cho đàn gà, nâng niu những quả trứng với niềm ao ước, mong muốn một điều ước nhỏ nhoi để cuối năm bán gà mua cho cháu quần áo mới.

- *Tình cảm của người cháu:*

+ Cháu luôn nhớ và biết ơn bà về những lo to toan quan tâm.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Cháu chiến đấu hôm nay”*  *(Ngữ văn 6- tập 1)*  **Câu 1**: Hãy chép 5 câu thơ tiếp theo để hoàn thành đoạn cuối bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh. Tài liệu của Nhung tây  **Câu 2**: Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào? Nêu xuất xứ của văn bản?  **Câu 3**: Em hiểu thế nào là điệp ngữ? Chỉ ra điệp ngữ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên và cho biết đó là dạng điệp ngữ nào? Viết đoạn văn khoảng 6-8 câu nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp điệp ngữ trên.  **Câu 4:** Vì sao người cháu có thể nghĩ rằng cuộc chiến đấu của mình còn là “Vì tiếng gà cục tác. Ổ trứng hồng tuổi thơ”  **Câu 5:** Em cảm nhận được gì về hình ảnh người bà và tình bà cháu trong bài thơ.  **Câu 6:** Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1: C**hép lại chính xác đoạn thơ

*“ Cháu chiến đấu hôm nay*

*Vì lòng yêu Tổ quốc*

*Vì xóm làng thân thuộc*

*Bà ơi, cũng vì bà*

*Vì tiếng gà cục tác*

*Ổ trứng hồng tuổi thơ.”*

**Câu 2:** Hoàn cảnh sáng tác: thời kỳ đầu cuộc KC chống Mỹ

- Xuất xứ: In trong tập “Hoa dọc chiến hào” (1968)

**Câu 3:** - Khái niệm điệp ngữ: Khi nói hoặc viết, người ta có thể dùng biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ; từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ.

- Điệp ngữ: “vì” lặp lại 4 lần

- Kiểu: Điệp ngữ cách quãng

**- Nêu tác dụng điệp ngữ:**

**- Hình thức:** đoạn văn

+ Lùi đầu dòng, đánh số câu

+ Đủ số câu yêu cầu

+ Không mắc lỗi chính tả, diễn đạt trôi chảy

**- Nội dung:**

+ Tạo nhịp thơ nhanh, mạnh, dồn dập như bước chân hành quân trên con đường ra trận vững vàng hơn, tự tin hơn với mục đích, lí tưởng cao đẹp.

+ Nhấn mạnh và mở ra mục đích, nguyên nhân động lực của hành động chiến đấu của người chiến sĩ hôm nay: chiến đấu vì những gì thiêng liêng cao cả (lòng yêu Tổ quốc, yêu quê hương) và cũng vì những gì bình dị thân thuộc nhất (vì bà, vì tiếng gà, vì ổ trứng hồng).

Bài thơ tuy viết về đề tài bình dị những vẫn hướng tới chủ đề bao trùm của văn học thời đại đó là sự cổ vũ tinh thần chiến đấu và lòng yêu đất nước quê hương.

=>BPTT góp phần thể hiện chân lí cuối cùng: lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng yêu những vật bình thường nhất

**Câu 4**: - Tiếng gà trưa và những ổ trứng hồng là hình ảnh của cuộc sống chân thật, bình yên, no ấm.

- Tiếng gà trưa thức dậy bao tình cảm bà cháu, gia đình, quê hương

- Đó là âm thanh bình dị của làng quê của làng quê VN.

- Vì :

+ Ổ trứng và tiếng gà là những điều chân thật, thân thương, quí giá. Là biểu tượng hạnh phúc ở mỗi miền quê .

+ Cuộc chiến đấu hôm nay còn có thêm ý nghĩa bảo vệ những điều chân thật và quí giá đó.

**Câu 5**: Hình ảnh người bà: Tần tảo, chắt chiu trong cảnh nghèo. dành trọn vẹn tình yêu thương chăm lo cho cháu, bảo ban, nhắc nhở cháu, ngay cả khi có trách mắng thì cũng là vì tình yêu thương cháu

Tình bà cháu thật sâu nặng, thắm thiết. Bà chắt chiu, chăm lo cho cháu; cháu thương yêu, kính trọng và biết ơn bà.

**Câu 6:** **Nghệ thuật:**

+ Điệp ngữ

+ Thể thơ 5 tiếng, ngôn ngữ thơ tự nhiên, chân thực

+ Hình ảnh thơ gần gũi

**- Nội dung:**

+ Tiếng gà trưa gợi lại những kỉ niệm tuổi thơ và tình bà cháu.

+ Tình yêu nước, lí tưởng chiến đấu của người chiến sĩ bắt nguồn từ tình cảm bà cháu, từ kỉ niệm tuổi thơ trong sáng, nghĩa tình.

**3. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài chương trình**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc kỹ bài thơ rồi trả lời các câu hỏi sau:**  **ĐÁNH THỨC TRẦU**  *Đã ngủ rồi hả trầu ?*  *Tao đã đi ngủ đâu*  *Mà trầu mày đã ngủ*  *Bà tao vừa đến đó*  *Muốn có mấy lá trầu*  *Tao không phải ai đâu*  *Đánh thức mày để hái*  *Trầu ơi hãy tỉnh lại*  *Mở mắt xanh ra nào*  *Lá nào muốn cho tao*  *Thì mày chìa ra nhé*  *Tay tao hái rất nhẹ*  *Không làm mày đau đâu*  *Đã dậy chưa hả trầu ?*  *Tao hái vài lá nhé*  *Cho bà và cho mẹ*  *Đừng lụi đi trầu ơi !*  1966  *(Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời, NXB Văn hóa dân tộc, 1999)*  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của bài thơ.  **Câu 2:** Chỉ ra phép tu từ mà nhà thơ sử dụng trong bài thơ.  **Câu 3:** Nêu tác dụng của phép tu từ mà tác giả sử dụng trong bài thơ  **Câu 4:** Vẻ đẹp tâm hồn của con người nhà thơ hiện lên qua bài thơ như thế nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: biểu cảm

Thể thơ: 5 chữ

**Câu 2**: Phép tu từ được tác giả sử dụng trong bài thơ: nhân hóa

**Câu 3**: - Tác dụng:

+ Cây trầu trở nên gần gũi như một người bạn. Cây trầu cũng có suy nghĩ, buồn vui, đau đớn

+ Con người và thiên nhiên có mối giao hòa

**Câu 4**: Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ:

- Tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, nhạy cảm, yêu mến, nâng niu cỏ cây vạn vật xung quanh mình (yêu thiên nhiên)

- Yêu quý, quan tâm người thân (bà, mẹ)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc VB sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:**  **GỬI EM VÀ CON**  *Lần đầu tiên nghe con trở đạp*  *Em quặn lòng nhưng náo nức yêu thương*  *Tháng thứ tám mang thai, em mệt*  *Da xanh gầy đôi mắt cũng to hơn.*    *Từ nay trong em có hai trái tim*  *Tim của mẹ đập dồn mong đợi*  *Trái tim con mong manh êm ái*  *Anh đếm thầm trong mỗi đêm sâu.*    *Ơi người thương sắp tới ngày làm mẹ*  *Anh nhìn em như mới gặp lần đầu*  *Dẫu yêu nhiều chưa hiểu hết em đâu*  *Trong đáy mắt có gì như ánh lửa.*    *Em nhẹ bước đi nâng niu gìn giữ*  *Cắt áo mềm may mũ bé cho con*  *Anh quên đi bao nỗi lo buồn*  *Nghe con khoẻ ngày thêm đạp mạnh.*    *Anh mong đợi ngày cha con gặp mặt*  *Con thân yêu người bạn nhỏ của cha*  *Mẹ là cây con là trái là hoa*  *Trong gian khổ con là mầm xanh biếc.*    *Buổi ra đời thấy trời cao có ngợp*  *Con hãy nhìn vào mắt mẹ con ơi*  *Đời chông gai vẫn mong con ra đời*  *Bài thơ đẹp cha dành cho buổi ấy.*    *Mẹ bấm ngón tay mong con lắm đấy*  *Cha chờ con càng yêu mẹ của con*  *Thay đổi đời cha sinh nở đời con*  *Mẹ là bến của mênh mông biển thắm*  *Mẹ là mái che đời cha mưa nắng*  *Con là cánh buồm cha gửi đến mai sau.*  *(1970 - Lưu Quang Vũ, Gửi em và con, trích Lưu Quang Vũ thơ và truyện ngắn, Lưu Khánh Thơ biên soạn, NXB Hội Nhà văn, 1998)*  **Câu 1.** Ấn tượng của em sau khi đọc VB Gửi em và con là gì? Vì sao em có ấn tượng đó?  **Câu 2.** Văn bản Gửi em và con thể hiện những đặc điểm nào của thể loại thơ?  **Câu 3.** Xác định và nêu tác dụng biểu đạt của các yếu tố miêu tả và tự sự trong hai khổ thơ sau:  *Lần đầu tiên nghe con trở đạp*  *Em quặn lòng nhưng náo nức yêu thương*  *Tháng thứ tám mang thai, em mệt*  *Da xanh gầy đôi mắt cũng to hơn.*  *….*  *Em nhẹ bước đi nâng niu gìn giữ*  *Cắt áo mềm may mũ bé cho con*  *Anh quên đi bao nỗi lo buồn*  *Nghe con khoẻ ngày thêm đạp mạnh.*  **Câu 4.** Qua ngôn ngữ và cách trình bày của bài thơ, em biết được gì về tình cảm, cảm xúc của tác giả? |

**GỢI Ý:**

**Câu 1.** Ấn tượng của em sau khi đọc VB Gửi em và con là tình cảm tha thiết, yêu thương vợ, con mà tác giả đã đặt hết vào bài thơ. Bởi vì em cảm nhận được tình cảm ấy qua từng hình ảnh, từng từ ngữ mà tác giả thể hiện trong bài thơ.

**Câu 2:** Bài thơ có 7 đoạn, 3 dòng

Viết theo thể thơ thất ngôn

**Câu 3:** - Yếu tố miêu tả: tác giả đã miêu tả rõ hình ảnh người me mệt mỏi, da xanh gầy, mắt to nhưng lòng náo nức yêu thương vì thai ngày càng lớn.

- “Tháng thứ tám mang thai, em mệt”

- “quặn lòng nhưng náo nức yêu thương”

- “Da xanh gầy đôi mắt cũng to hơn”

- Yếu tố tự sự: tác giả đã kể lại sự việc người vợ mang thai với những chỉ tiết cụ thể như con trở đạp, mẹ mệt và đi lại cần thận hơn đề giữ an toàn cho thai nhi, mẹ may mũ cho con...

=> Tác dụng: làm cho bài thơ giàu hình ảnh, sinh động và góp phần tạo nên nét độc đảo riêng.

**Câu 4**.Qua ngôn ngữ và cách trình bày của bài thơ, em biết được tình cảm, cảm xúc của tác giả đặt vào là tình yêu thương vợ, thương con, niềm hy vọng vào đứa con của mình.

**4. Dạng viết ngắn**

**Câu 1: Cảm nghĩ về tình bà cháu trong Tiếng gà trưa**

**Trả lời:**

Trên chặng đường hành quân vất vả, dừng chân nghỉ giải lao bên làng quê thanh bình. Tiếng gà trưa văng vẳng đã gợi lại những kí ức tuổi thơ của cháu bên bà. Bà hiện lên hiền từ như bà tiên trong câu chuyện cổ tích. Những quả trứng hồng bên ổ rơm vàng óng của gà mái vàng, mái mơ của bà chăm chút đầy yêu thương. Những tiếng mắng đầy yêu thương, những lo lắng của bà khi đàn gà trời giá rét, cũng chỉ mong cho cháu có một cuộc sống đủ đầy hơn. Những vất vả, tảo tần của bà ngày nào để giờ đây cháu được khôn lớn, trưởng thành. Trong lòng người cháu trào dâng tình yêu thương, lòng biết ơn về sự hi sinh, tảo tần của bà. Tiếng gà gáy quê hương và tình yêu thương bên bà đã góp phần thôi thúc người cháu quyết tâm chiến đấu, để cuộc sống yên bình sẽ còn mãi trên làng quê thân thương.

**Câu 2: Dòng thơ “Tiếng gà trưa” được lặp lại mấy lần trong bài thơ? “Tiếng gà trưa” đã khơi gợi ở người cháu những hình ảnh và kỉ niệm gì của tuổi thơ? Em ấn tượng với hình ảnh hoặc kỉ niệm nào nhất? Vì sao?**

**Gợi ý**

Đọc bài thơ và đếm số lần lặp lại của câu thơ. Liệt kê các hình ảnh gắn với tiếng gà trưa và chọn ra hình ảnh ấn tượng nhất

**Lời giải chi tiết:**

- Dòng thơ “Tiếng gà trưa” được lặp lại 3 lần ở đầu của 3 khổ thơ 2,3 và 5.

- Tiếng gà trưa đã gợi lại trong tâm trí người chiến sĩ hình ảnh những con gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng đẹp xinh, một kỉ niệm thời thơ dại tò mò xem gà đẻ trứng nên đã bị bà mắng. Tiếng gà trưa đặc biệt đã gợi lại hình ảnh người bà giàu lòng yêu thương, luôn luôn đùm bọc chắt chiu chăm lo trọn lòng cho cháu nhỏ và niềm mong ước nhỏ bé của tuổi thơ được bộ quần áo mới có từ tiền bán gà. Ước mong tươi đẹp hồn nhiên ấy đi vào cả trong giấc ngủ của tuổi thơ. Tài liệu của Nhung tây

- Em ấn tượng nhất với hình ảnh người bà lo lắng chăm nuôi đàn gà, đùm bọc chắt chiu để dành dụm tiền mua quần áo mới cho người cháu, xây lên những ước mơ tươi đẹp tuổi thần tiên. Hình ảnh đó thể hiện được tình cảm bà cháu thân thuộc, bà hết lòng tần tảo hy sinh để cháu có cuộc sống ấm no hạnh phúc

**Câu 3: Theo em, vì sao chúng ta luôn nghĩ về những người thân trong gia đình mỗi khi xa nhà hoặc gặp khó khăn?**

**Gợi ý**

Liên hệ với bản thân để trả lời câu hỏi

**Lời giải chi tiết:**

Mỗi khi xa nhà hoặc gặp khó khăn, ta phải một mình chống đỡ và giải quyết những vấn đề phức tạp. Khi ấy, những ký ức về ngày bé thơ được chăm bẵm nâng niu sẽ bất giác hiện lên. Một cách vô thức, ta chợt nhớ tới bố mẹ, ông bà và gia đình thân yêu, những người đã chăm sóc lo lắng cho ta từng miếng ăn giấc ngủ, để ta có được ngày này, dũng cảm đối diện với những khó khăn phía trước.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ**

**A. LÍ THUYẾT**

**I. Phép đối lập**

**1. Khái niệm**

**- Phép đối lập**là cách sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, các thành phần câu, vế câu song song, cân đối trong lời nói nhằm tạo hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh về ý, gợi liên tưởng, gợi hình ảnh sinh động, tạo nhịp điệu cho lời nói, biểu đạt cảm xúc tư tưởng…

#### ****2. Đặc điểm:****

- Số lượng âm tiết của hai vế đối phải bằng nhau.

***Ví dụ:***

“Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng”

**(Tục ngữ)**

- Các từ ngữ đối nhau phải cùng từ loại với nhau (danh từ đối với danh từ, động từ – tính từ đối với động từ – tính từ).

***Ví dụ:***

“Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ  
Người khôn người đến chốn lao xao”.

**(Nhàn – Nguyễn Bỉnh Khiêm)**

- Các từ đối nhau hoặc phải trái nghĩa với nhau, hoặc phải cùng trường nghĩa với nhau, hoặc phải đồng nghĩa với nhau để gây hiệu quả bổ sung, hoàn chỉnh về nghĩa.

***Ví dụ:***

“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh  
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn”

***(Hồ Xuân Hương)***

#### ****3. Phân loại:****

Có hai loại đối:

+ Tiểu đối (tự đối): Các yếu tố đối xuất hiện trong nội bộ một câu, một dòng.

***Ví dụ:***

“Hoa cười ngọc thốt đoan trang  
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”

***(Truyện Kiều – Nguyễn Du)***

**+ Trường đối (bình đối): dòng trên và dòng dưới, đoạn trên và đoạn dưới đối nhau.**

***Ví dụ:***

“Lom khom dưới núi tiều vài chú  
Lác đác bên sông chợ mấy nhà”

***(Qua đèo Ngang - Bà huyện Thanh Quan)***

#### ****4. Tác dụng của đối lập:****

- Gợi sự phong phú về ý nghĩa (tương đồng và tương phản).

“Còn tiền, còn bạc, còn đệ tử  
Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi”

**(Nguyễn Bỉnh Khiêm)**

- Tạo ra sự hài hoà về thanh: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù” **(Hịch tướng sĩ – Trần Quốc Tuấn)**

- Phép đối lập tạo nên sự hài hòa về âm thanh, tạo nên sự dồn dập, thôi thúc, căm phẫn.

- Nhấn mạnh ý: “Bán anh em xa mua láng giềng gần” **(Ca dao)**

- Phép đối trong câu tục ngữ thường phục vụ cho sự so sánh, đối chiếu để khẳng định, nhân mạnh những kinh nghiệm, những bài học về cuộc sống xã hội hay hiện tượng tự nhiên.

**II. ÔN TẬP SO SÁNH**

**1. Khái niệm:**

- Là việc đối chiếu hai hay nhiều sự vật có những điểm tương đồng nhằm làm nổi bật lên những đặc điểm riêng biệt của đối tượng đó và làm sự diễn đạt trở nên sống động, giàu hình ảnh, cảm xúc. So sánh được phân thành hai loại: so sánh ngang bằng hoặc không ngang bằng.

=>So sánh là sự đối chiếu sự vật, sự việc với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: *Trẻ em như búp trên cành*

*Biết ăn biết ngủ, biết hoc hành là ngoan.*

So sánh: Trẻ em = búp trên cành =>Đều non tơ, trẻ trung, bụ bẫm, đáng yêu.

**2. Cấu tạo của phép so sánh**

+ Mô hình cấu tạo đầy đủ của một phép so sánh gồm:

- Vế A (nếu lên sự vật, sự việc được so sánh)

- Vế B (nêu tên sự vật, sự việc dùng để so sánh với sự vật, sự việc nói ở vế).

- Từ ngữ chỉ phương diện so sánh

- Từ ngữ chỉ ý so sánh ( gọi tắt là so sánh)

- Trong thực tế, mô hình cấu tạo nói trên có thể biến đổi ít nhiều:

- Các từ ngữ chỉ phương diện so sánh và chỉ ý so sánh có thể được lược bớt.

**3. Các kiểu so sánh**

Có hai kiểu so sánh:

- So sánh ngang bằng

- So sánh không ngang bằng

Ví dụ: "Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời."

 Những hình ảnh so sánh trong đoạn thơ trên là:

**“Những ngôi sao thức**” – “chẳng bằng” – **“mẹ đã thức”**

=> So sánh ko ngang bằng

Ví dụ 2: Cô giáo như mẹ hiền

Hình ảnh so sánh: Cô giáo với mẹ hiền => So sánh ngang bằng

**4. Tác dụng của so sánh**

- So sánh có tác dụng gợi hình, giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể sinh động

- Vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng tình cảm.

**III. Câu hỏi tu từ**

**1. Khái niệm**

**- Câu hỏi tu từ** là câu hỏi được đặt ra nhưng không nhằm mục đích tìm kiếm câu trả lời hoặc câu trả lời đã nằm ngay trong câu hỏi, nhằm nhấn mạnh nội dung người dùng muốn gửi gắm. Câu hỏi tu từ được đặt ra nhằm tập trung sự chú ý của người nghe, người đọc vào một mục đích cụ thể nào đó. Do đó, câu hỏi tu từ về hình thức là một câu hỏi nhưng thực chất đó là câu phủ định có cảm xúc hay câu khẳng định. Tài liệu của Nhung tây

**-** Loại câu này thường được dùng nhiều trong các văn bản nghệ thuật, có tác dụng làm cho lời văn trở nên sinh động, đem lại cho người đọc những tưởng tượng lý thú.

### ****2. Đặc điểm của câu hỏi tu từ****

- Câu hỏi tu từ có những đặc điểm mà bạn cần ghi nhớ để phân biệt so với các dạng câu văn khác, cụ thể bao gồm:

- Câu hỏi tu từ được thể hiện với hình thức nghi vấn với một dấu hỏi ở cuối câu

- Câu hỏi tu từ sẽ luôn ngầm ẩn một nội dung phán đoán phủ định hoặc khẳng định của người đặt câu hỏi.

- Người ta dùng câu hỏi tu từ nhằm mục đích khẳng định, nhấn mạnh ý mà mình muốn nói. Hoặc dùng câu hỏi tu từ theo cách ẩn dụ, nói lái đi để thể hiện ý kiến chê trách điều gì đó.

- Câu hỏi tu từ có chứa từ phủ định nhưng có nội dung khẳng định ngầm với mệnh đề tương ứng. Ngược lại, những câu không có từ phủ định nhưng nội dung lại ngầm thể hiện ý phủ định của mệnh đề tương ứng.

- Câu hỏi tu từ bao gồm câu hỏi tu từ có giá trị phủ định và câu hỏi tu từ có giá trị phủ định.

## ****2. Phân biệt câu hỏi tu từ với biện pháp tu từ****

- Nếu câu hỏi tu từ là câu hỏi được đặt ra nhằm mục đích nhấn mạnh vào hàm ý nhất định nào đó mà không đòi hỏi câu trả lời. Trong khi đó, biện pháp tu từ dùng trong văn nói và viết bằng cách sử dụng ngôn ngữ một cách đặc biệt, khác thường trong một đơn vị ngôn ngữ về từ, câu hay văn bản trong ngữ cảnh nhất định nhằm tăng sức gợi cảm, gợi hình cho diễn đạt, tạo ấn tượng với người đọc về một cảm xúc, một hình ảnh hay câu chuyện trong tác phẩm.

**B. LUYỆN TẬP**

**Câu 1.** Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai), các dòng thơ được bố trí thành từng cặp có sự đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa. Hãy chỉ ra điều đó và cho biết cách bố trí như vậy có tác dụng gì.

**Câu 2.** Nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ dưới đây:

Một miếng cau khô

Khô gầy như mẹ

Con nâng trên tay

Không cầm được lệ

(Đỗ Trung Lai)

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1.** - Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai), các dòng thơ được bố trí thành từng cặp có sự đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa:

+ Lưng mẹ còng đối lập với cau vẫn thẳng

+ Cau - ngọn xanh rờn đối lập với mẹ - đầu bạc trắng

+ Cau ngày càng cao đối lập với mẹ ngày một thấp

+ Cau gần với giời đối lập với mẹ thì gần đất

- Tác dụng của cách bố trí như vậy cho thấy được sự tương phản giữa hình ảnh cau và mẹ. Theo thời gian, cau càng ngày càng phát triển, cao, xanh tốt, còn mẹ theo thời gian lại già đi. Cách bố trí này làm tăng tính biểu cảm cho hình ảnh người mẹ, cho thấy nỗi niềm của người con khi thấy mẹ mình ngày một già đi, đồng thời khơi gợi cảm xúc trong lòng người đọc.

**Câu 2.** Trong khổ thơ "Một miếng... được lệ", tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh để miêu tả hình ảnh người mẹ. Hình ảnh mẹ không được miêu tả trực tiếp theo cách: "Mẹ khô gầy", mà là miêu tả gián tiếp bằng cách so sánh. Cụ thể ở đây là so sánh cau với hình ảnh của mẹ. Như vậy mẹ đã trở thành thước đo của sự "khô gầy". Tính từ "khô gầy" cho thấy dáng vẻ già nua, thiếu sức sống. "Khô gầy" hoàn toàn đối lập với "tươi tắn". Hình ảnh mẹ già khiến người con thấy bùi ngùi, xúc động. Nhưng nếu nói thẳng ra là "mẹ đã già" thì thật không còn là thơ và cũng chẳng cho thấy sự tế nhị của người con. Cách so sánh cau "khô gầy như mẹ" là một cách so sánh mang tính miêu tả, để nói rằng người mẹ có dáng vẻ "khô gầy", dáng vẻ đã già đi nhiều rồi. Cái ý tác giả muốn truyền đạt ở đây ẩn đằng sau câu chữ và biện pháp tu từ so sánh. Sự ẩn giấu ấy làm cho khổ thơ trở nên ý tứ và xúc động.

**Bài 3:Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ trong các câu sau:**

**a.** *Thuyền ơi có nhớ bến chăng*

*Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyề*

(Ca dao)

b. Bây giờ mận mới hỏi đào

Vườn hồng đã cố ai vào hay chưa ?

(Ca dao)

c.

*Thác bao nhiêu thác cũng qua*

*Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời*

(Tố Hữu)

d. *Con cò mà đi ăn đêm*

*Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.*

*Ông ơi! Ông vớt tôi nao,*

*Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.*

*Có xáo thì xáo nước trong,*

*Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

(Ca dao)

e. *Uống nước nhớ nguồn*

**Gợi ý trả lời**

**a.** Ẩn dụ: thuyền, bến  
 - Thuyền: Là vật thường xuyên thay đổi - biểu tượng cho người con trai (tình cảm dễ đổi thay)  
 - Bến : vật cố định - tình cảm thủy chung của ngýời con gái  
Cách nói ẩn dụ làm cho câu ca thêm tế nhị, phù hợp với việc bày tỏ nỗi nhớ, tình cảm thủy chung của người con gái

**b. Ẩn dụ**: *Mận, đào, vườn hồng*.

- *Mận* (chỉ người con trai)

- *Đào* (Chỉ người con gái)

- *Vườn hồng* (Chỉ tình cảm, cảm xúc trong lòng,...)

=>Chàng trai muốn ướm hỏi cô gái liệu xem cô đã có người thương hay chưa, liệu xem tình cảm, ý tứ của cô gái như thế nào.

**c.** Ẩn dụ: “thác”, “thuyền”

Thác: những khó khăn trở ngại.  
 Thuyền : ý chí, nghị lực của con người

**d.** Ẩn dụ:“Con cò" chỉ người nông dân trong xã hội phong kiến xưa.

Tác giả dân gian mượn hình ảnh con có để nói về thân phận của người nông dân trong xã hội phong kiến xưa. Con cò là hiện thân của những người nông dân lao động bình thường: chất phác, siêng năng, cần mẫn, trải nhiều vất vả gieo neo. Bài ca dao Con cò mà đi ăn đêm mượn tiếng kêu thương của con cò khi lâm nạn để nói về con người lao động với phẩm chất vốn có của họ: chết vinh còn hơn sống nhục:  
**e.** Ẩn dụ: “uống nước”, “nhớ nguồn”

+ “Uống nước” là hình ảnh ẩn dụ cho việc hưởng thụ những điều tốt đẹp, những thành quả tốt đẹp mà người khác để lại.

+ "nhớ nguồn" là ẩn dụ của việc tưởng nhớ, khắc ghi những công ơn mà mình nhận được từ người khác. Từ đó, tổng thể nội dung câu tục ngữ truyền tải nội dung về bài học phải khắc ghi công ơn và thành quả mà mình nhận được từ người khác.

**Bài 4:** Viết một đoạn văn tả cảnh bình minh, trong đó có sử dụng phép so sánh.

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1:**

Khi ông mặt trời vén những đám mây thức dậy vươn mình ban phát ánh nắng xuống trần gian, ấy là lúc ngày mới bắt đầu trên quê hương em. Sớm bình minh, những tia nắng mới nhuộm đỏ cả một khoảng trời. Những chú chim bắt đầu cất cao giọng hát chào mừng ngày mới. Những đóa hoa trong vườn thi nhau tỏa hương khoe sắc. Trên những kẽ lá, ***những hạt sương long lanh đọng lại như những viên pha lê, kim cương quý quá, sáng lấp lánh dưới ánh mai.*** Tất cả nhưu bừng sáng, rực rỡ, tươi đẹp trong bình minh

**Bài mẫu 2:**

Bình minh quê em rất đẹp. Bình minh bắt đầu khi chú gà trống cất cao tiếng gáy gọi ông mặt trời thức giấc. Ông mặt trời kéo cỗ xe lửa ban phát ánh nắng xuống trần gian. Líu lo trên cành cây là những chú chim tinh nghịch. Dòng sông đỏ nặng phù sa dưới ánh nắng mai lấp lanh, khẽ đem dòng nước mát lành tưới tiêu cho ruộng lúa vườn cây.**Những anh gọng vó tựa như những nghệ sĩ mua ba lê điêu luyện lướt mình trên mặt nước. Cánh đông lúa chín vàng như tấm thảm khổng lồ trải dài tít tắp đến tận chân trời**. Ngôi làng bắt đầu trở nên tấp nập đón chào ngày mới.

**Bài 5***:* Viết một đoạn văn khoảng 5 đến 7 dòng miêu tả cảnh sân trường em giờ ra chơi có sử ít nhất 2 phép so sánh

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1**:

" Tùng ! Tùng ! Tùng ! " tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi đã đến. **Chúng em đứng dậy chào cô rồi ùa ra ngoài như đàn ong vỡ tổ.** Khuôn mặt của đứa nào cũng hào hứng, vui tươi hơn!  Các bạn bắt đầu vui đùa, nhảy dây, đá bóng, chạy nhảy nói cười rộng ràng cả khoảng sân, phá tan đi không gian yên tĩnh trước đó.**Những cành cây như cũng đang vui cười, trò chuyện cùng mấy bạn học sinh**. Ôi ! Giờ ra chơi thật vui !

**Bài mẫu 2**:

Khi tiếng trống trường vang lên báo hiệu giờ ra chơi đã đến, ấy là lúc học sinh chúng em có cho mình những giây phút thư giãn sau những giời học tập mệt mỏi. **Học sinh từ cá lớp ùa ra sân trường như đàn ong vỡ tổ**. Bạn nào bạn nấy vui chơi thỏa thích dưới bóng cây xanh mát. Chỗ này bạn nam đá cầu, chỗ kia bạn nữ nhảy dây, bịt mắt bắt dê,.... **ồn ào như chợ vỡ**. Dưới bóng cây xanh mát, lũ học trò tinh quái bày đủ trò nghịch ngợm cùng nhau . Cảnh vui tươi, nhộn nhịp trở thành những kỉ niệm vô cùng đáng nhớ của tuổi thơ.

**Bài 6:**

Viết một đoạn văn tả cảnh mặt trời lặn, trong đó có sử dụng phép so sánh.

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1:**

Hoàng hôn dần bao trùm cả làng quê. **Những đám mây**trên nền trời không mang màu trắng tươi sáng, trong lành của ban mai mà**dần khoác trên mình tấm áo màu hồng tím sầu buồn của buổi hoàng hôn.** Trên tấm màn to lớn màu hồng tím ấy,  ta có thể thấy rõ**ông mặt trời như trái bóng tròn khổng lồ màu đỏ** từ từ khuất bóng dưới ngọn tre già. Ngay sau đó, từng đàn cò trắng bay thẳng hàng vội vã bay qua. Đồng ruộng màu lúa chín vàng ruộm, ta có thể ngửi thấy mùi lúa chín thơm thoang thoảng, ngọt ngào đưa hương. Hoàng hôn buông xuống, mọi người bắt đầu trở về nhà sau một ngày làm việc vất vả.

Biện pháp so sánh: Ông mặt trời- trái bóng tròn khổng lồ

Biện pháp nhân hóa: Những đám mây- khoác trên mình tấm áo màu hồng tím sầu buồn của hoàng hôn

**Bài mẫu 2:**

Hoàng hôn đang dần buông trên bở biển dài rì rào từng đợt sóng vỗ xô vào bờ cát để lại những vỏ ốc, vò sò lấm tấm trắng trên nền cát nâu sẫm. ***Ông mặt trời*** như hòn than rực đỏ đang từ từ chuyển động chìm dần xuống đại dương sâu thẳm. Phía xa xa, vài chú cá phi trên mặt nước làm nổi lên những từng bọt sóng nhỏ tạo nên một cảnh đẹp hùng vĩ mà rất đỗi thân thuộc. Hoàng hôn, cũng là lúc thủy triều dâng, **những cơn sóng thi nhau xô bờ tựa như những đứa trẻ con nô đùa mãi không bao giờ biết chán**.Tít tắp ngoài khơi xa, những con thuyền đánh cá xa bờ đang trở về sau một ngày dài làm việc với biển cả, những cánh buồm trắng dương cao nổi bật trong không gian. Biển vốn đẹp là thế, nó càng thêm tráng lệ khi chiều về , đẹp đến rung động lòng người.

Biện pháp so sánh: những cơn gióng thi nhau xô bờ - những đứa trẻ nô đùa

Biên pháp nhân hóa: ông mặt trời.

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC XONG MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**Bước 1: Tìm hiểu về đối tượng cần cảm nghĩ**

Việc phân tích và phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học đòi hỏi học sinh phải là người có kiến thức và kỹ năng thì mới có thể viết tốt được. Cũng như vậy việc lập dàn ý cũng vậy, để lập dàn ý tốt thì học sinh cần phải nắm rõ những kiến thức về tác phẩm cầm cảm nghĩ. Việc nắm rõ nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thì sẽ giúp cho học sinh cảm nhận tốt được tác phẩm văn học. Đây là một bước vô cùng quan trọng mà khi làm bất cứ một tác phẩm nào học sinh cũng đều phải thực hiện.

**Bước 2: Tìm ra những nét đặc sắc nổi bật của đối tượng cảm nghĩ**

Sau khi tìm hiểu kĩ về đối tượng cần cảm nghĩ thì bước tiếp theo là tìm ra những nét nổi bật của tác phẩm cần cảm nghĩ. Việc tìm ra những nét nổi bật trong tác phẩm sẽ tạo nên độ sâu cho bài văn. Xác định được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong phần gạch ý sẽ giúp cho các em không bị quên ý và sẽ tạo được hệ thống cho bài văn khi viết, không bị tràn lan, loãng ý.

**Bước 3: Xác định luận điểm cho bài văn**

Đối với bài văn cảm nghĩ về tác phẩm văn học việc xác định luận điểm rất quan trọng. Khi lập dàn ý, cần nêu rõ các luận điểm cần viết trong bài văn. Luận điểm rất quan trọng đối với tất cả các bài văn trong đó có bài cảm nghĩ về tác phẩm văn học.

**Bước 4: Tiến hành lập dàn ý**

Sau khi đã tìm hiểu kỹ các bước trên các em tiến hành lập dàn ý ra giấy. Khi lập dàn ý cần chú ý sắp xếp các luận điểm theo thứ tự để đảm bảo các ý được sắp xếp khoa học có hệ thống. Tài liệu của Nhung tây

Lập dàn ý là một bước vô cùng quan trọng đối với quá trình viết văn. Đối với bài văn phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học việc lập dàn ý lại càng chiếm vị trí quan trọng. Khi lập dàn ý người viết sẽ không bị sa vào cảm xúc của bài văn và viết được hay và đủ ý

**a.Yêu cầu**

- Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm thơ đòi hỏi người viết phải nên lên những cảm xúc suy nghĩ của mình trên cơ sở cảm thụ bài thơ đó.

- Phải nêu được cảm xúc đối với cảnh, đối với người, với hình ảnh độc đáo, câu chữ hay trong bài thơ.

- Cần vận dụng linh hoạt các cách lập ý để bài làm có sự mạch lạc.

**b. Gợi ý**

- Đọc kỹ bài thơ, nắm vững thời điểm ra đời, tác giả, nội dung chính và nét đặc sắc về nghệ thuật.

- Cảm nhận và hình thành ấn tượng, cảm xúc chung nhất về bài thơ.

- Đi sâu vào hình ảnh tâm trạng, câu chữ, nhịp điệu mà bài thơ gợi lên cảm xúc và ấn tượng.

- Có thể tham khảo các ý kiến phân tích đánh giá bài thơ nhưng cần chú ý trình bày cảm xúc, ấn tượng của riêng mình chứ không nhắc lại ý kiến người khác.

**1. Trước khi viết**

a. Lựa chọn bài thơ

Có thể chọn bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ viết về những đề tài như tình cảm gia đình, tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước,..

b. Tìm ý

Em hãy thực hiện những thao tác sau đây để tìm ý:

- Đọc bài thơ nhiều lần để có được cảm nhận chung về bài thơ.

- Nêu cảm xúc của em về những nét đặc sắc trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật (thể thơ, vần, nhịp, yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,...) của bài thơ.

- Ghi lại cảm xúc chung của em về bài thơ.

**c. Dàn ý chung**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu sơ lược về bài thơ và cảm nhận chung

**2. Thân bài:**

- Cảm xúc về hoàn cảnh ra đời bài thơ  
- Cảm xúc về hình ảnh trong bà thơ, tâm trạng của tác giả  
- Cảm xúc và suy nghĩ về câu thơ.  
- Cảm xúc về tiết tấu, nhịp điệu, các biện pháp tu từ  
- Cảm nghĩ về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài

**3. Kết bài:**

- Tình cảm của người viết, dự cảm về sức sống của bài thơ.

**2. Viết bài**

Dựa vào dàn ý đã lập, em viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Trong quá trình viết, hãy lưu ý:

- Đoạn văn cần có đầy đủ ba phần Mở đoạn, Thân đoạn, Kết đoạn.

- Các câu trong đoạn tập trung thể hiện nội dung chính của đoạn.

- Lựa chọn từ ngữ phù hợp để thể hiện cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

- Trình bày đúng hình thức đoạn văn.

**3. Chỉnh sửa**

Hãy rà soát bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| Giới thiệu được tác giả và bài thơ; nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ. | Nếu còn thiếu, hãy bổ sung. |
| Diễn tả được những cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. | Đối chiếu với mục tìm ý xem đoạn văn đã nêu được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ chưa. Nếu còn thiếu hoặc diễn đạt chưa rõ, chưa phù hợp, hãy bổ sung, điều chỉnh. |
| Khái quát được cảm xúc về bài thơ. | Đọc lại câu văn cuối đoạn, kiểm tra xem đã khái quát được cảm xúc về bài thơ chưa. Hãy bổ sung nếu còn thiếu. |
| Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt. | Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... và chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi. |

**II. LUYỆN TẬP**

**Đề 1: Em hãy viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một trong các bài thơ bốn chữ, năm chữ đã học (Ông đồ - Vũ Đình Liên).**

**Dàn ý tham khảo**

**1. Mở đoạn:**

- Giới thiệu tác giả Vũ Đình Liên, bài thơ Ông đồ (Vì viết đoạn văn nên học sinh lưu ý viết mở đoạn ngắn gọn): Mỗi dịp tết đến xuân về, trong mỗi chúng ta không khỏi thổn thức, có những tục lệ tốt đẹp đang dần bị mai một đi, trong đó phải kể đến tục cho chữ. Tác giả Vũ Đình Liên đã tái hiện thành công ý nghĩa này qua bài thơ Ông đồ.

**2. Khái quát nội dung bài thơ:**

- Bài thơ kể về câu chuyện ông đồ những năm tháng ngày xưa được xã hội và mọi người tôn trọng, kính mến, mỗi năm tết đến xuân về lại bày mực viết chữ với đường nét đẹp đẽ. Nhưng càng ngày khi xã hội càng phát triển, con người lãng quên đi ông và không còn tôn vinh tục xin chữ nữa, ông đồ bơ vơ giữa đất trời lúc xuân về.

Nêu cảm nghĩ về bài thơ qua nội dung: bài thơ nói về tục cho chữ trong bản sắc văn hóa dân gian, vốn là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta nhưng đang bị con người lãng quên và mai một đi. Sự mai một này là niềm tiếc nuối cho bao thế hệ con người không chỉ lúc đấy mà còn đến cả thế hệ sau này. Tài liệu của Nhung tây

Bài học rút ra: Hãy biết bảo vệ những tục lệ truyền thống tốt đẹp của đồng bào, dân tộc ta để dù cho đất nước, xã hội có phát triển thế nào cũng không bị mai một đi và con cháu thời sau cũng luôn nhớ về, biết đến những truyền thống đó.

**3. Kết đoạn:**

- Khái quát lại tầm quan trọng của các truyền thống văn hóa đồng thời liên hệ đến trách nhiệm của bản thân: bài thơ đã cho chúng ta cái nhìn chân thực về một khía cạnh văn hóa trong đời sống. Từ đây, mỗi chúng ta cần tự nhìn nhận lại trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và đưa đất nước phát triển tích cực hơn.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Mỗi dịp tết đến xuân về, trong mỗi chúng ta không khỏi thổn thức, có những tục lệ tốt đẹp đang dần bị mai một đi, trong đó phải kể đến tục cho chữ. Tác giả Vũ Đình Liên đã tái hiện thành công ý nghĩa này qua bài thơ Ông đồ.

"Hoa tay thảo những nét  
Như phượng múa rồng bay"

Hoa đào nở tươi đẹp. Giấy đỏ đẹp, mực Tàu đen nhánh. Nét chữ bay lượn tài hoa. Còn gì vui sướng hơn:

"Bên phố đông người qua  
Bao nhiêu người thuê viết  
Tấm tắc ngợi khen tài".

Thời thế đã đổi thay. Hán học lụi tàn trong xã hội thực dân nửa phong kiến: "Thôi có ra gì cái chữ Nho - Ông Nghè, ông Cống cũng nằm co..." (Tú Xương). Ông đồ già là một khách tài tử sinh bất phùng thời. Xưa "phố đông người qua ", nay “mỗi năm mỗi vắng". Xưa kia "Bao nhiêu người thuê viết", bây giờ "Người thuê viết nay đâu?". Một câu hỏi cất lên nhiều ngơ ngác, cảm thương. Nỗi sầu, nỗi tủi từ lòng ông đồ như làm cho mực khô và đọng lại trong "nghiên sầu", như làm cho giấy đỏ nhạt nhòa "buồn không thắm". Giấy đỏ, nghiên mực được nhân hóa, thấm bao nỗi buồn tê tái của nhân tình thế sự:

"Giấy đỏ buồn không thắm  
Mực đọng trong nghiên sầu..."

Cảnh vật buồn. Lòng người buồn. Vũ Đình Liên đã xuất thần viết nên hai câu thơ tuyệt bút lay động bao thương cảm trong lòng người.

Nỗi buồn từ lòng người thấm sâu, tỏa rộng vào không gian cảnh vật. Dưới trời mưa bụi "Ông đồ vần ngồi đáy" như bất động. Lẻ loi và cô đơn: "Qua đường không ai hay". Cái vàng của lá, cái nhạt nhòa của giấy, của mưa bụi đầy trời và cơn mưa trong lòng người. Một nỗi buồn lê thê:

"Lá vàng rơi trên giấy  
Ngoài trời mưa bụi bay".

Thơ tả ít mà gợi nhiều. Cảnh vật tàn tạ mênh mang. Lòng người buồn thương thấm thìa.

Khép lại bài thơ là một câu hỏi diễn tả một nỗi buồn trống vắng, thương tiếc, xót xa. Hoa đào lại nở. Ông đồ già đi đâu về đâu…

"Năm nay đào lại nở  
Không thấy ông đồ xưa  
Những người muôn năm cũ  
Hồn ở đâu bây giờ?"

Thương ông đồ cũng là thương một lớp người đã vĩnh viễn lùi vào quá khứ. Thương ông đồ cũng là xót thương một nền văn hóa lụi tàn dưới ách thống trị của ngoại bang. Sự đồng cảm xót thương của Vũ Đình Liên đối với ông đồ đã trang trải và thấm sâu vào từng câu thơ, vần thơ. Thủ pháp tương phản, kết hợp với nhân hóa, ẩn dụ, đã tạo nên nhiều hình ảnh gợi cảm, thể hiện một bút pháp nghệ thuật điêu luyện, đậm đà.

Ông đồ không còn nhưng hồn có nghĩa là linh hồn ông vẫn còn phảng phất đâu đây. Hồn, cách gọi đến chính xác lạ lùng những gì đã qua không thể mất, hồn là bất tử vì thác là thể phách, còn là tinh anh. Hồn có lẽ cũng có thể hiểu là vẻ đẹp tâm hồn Việt, văn hoá Việt chỉ có thăng trầm chứ không bao giờ mất. Bài thơ đã chạm đến những rung cảm sâu xa nhất thuộc về tâm linh của giống nòi nên còn tha thiết mãi.

## Đề 2: Đoạn văn ngắn về tình bà cháu trong bài thơ Tiếng gà trưa

Trong số những tác phẩm văn họ ,bài thơ "tiếng gà trưa" đã để lại trong em nhiều ấn tượng sâu sắc nhất. Nổi bật ở đây là vẻ đẹp bình dị, gần gũi của tình bà cháu. Bà chăm chút, nâng niu từng quả trứng cho con gà mái ấp để cuối năm bán gà, dành dụm tiền để mua cho cháu bộ quần áo mới cho cháu mặc Tết. Sự tần tảo, yêu thương của bà đã in đậm vào trong tâm trí của người cháu. Chỉ một tiếng gà nhảy ổ thôi nhưng đã gợi về bao kỉ niệm đẹp thời thơ ấu đc sống trong tình yêu thương bao la của bà. Những kỉ niệm đó như tiếp thêm động lực chiến đấu cho anh chiến sĩ chiến đấu vì Tổ quốc, vì bà, vì xóm làng. Tóm lại, bằng những hình ảnh gần gũi và lời thơ bình dị, bài thơ đẫ cho em thấy được tình cảm bà cháu thiêng liêng, đẹp đẽ.

## Đề 3: Đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về tình bà cháu trong bài thơ Tiếng gà trưa

Xuân Quỳnh là cây bút xuất sắc của nền văn học hiện đại Việt Nam, thuộc thế hệ những nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng nói của một tâm hồn phụ nữ giàu lòng trắc ẩn và khao khát hạnh phúc bình dị đời thường. Bài thơ "Tiếng gà trưa" là một trong những thi phẩm nổi tiếng của bà. Bài thơ viết về tình bà cháu thiêng liêng và cảm động. Trong một buổi hành quân, người cháu đã nghe được tiếng gà trưa và những kỉ niệm về bà ùa về trong kí ức. Cả một tuổi thơ gắn bó bên bà, được bà yêu thương chăm sóc. Bà dành dụm, chắt chiu từng quả trứng, chăm đàn gà từng con một kể cả khi trời gió rét mưa dầm. Những gì thu được từ đàn gà, bà đều dành cho cháu: nào là cái quần chéo go, ống rộng dài quét đất, nào là cái áo cánh trúc bâu... Tình yêu của bà thể hiện qua những điều giản dị, bình thường. Chính tình yêu thương của bà đã trở thành động lực để người cháu chiến đấu. Qua bài thơ, người đọc cảm nhận tình bà cháu thắm thiết, đồng thời đó cũng là tình yêu gia đình, yêu Tổ quốc. Đúng như một nhà văn nước ngoài đã nói: Tình yêu Tổ quốc bắt đầu từ những tình cảm nhỏ bé, thiêng liêng, đó là yêu những gì gần gũi nhất với mình.

## Đề 4: Nêu cảm nghĩ của em về tình bà cháu trong bài thơ Tiếng gà trưa

Có lẽ đi cùng với tuổi thơ của nhiều người. Từ trước đến nay,tiếng 'bà' vẫn luôn là một tiếng nói hết sức bình dị và thân thương. Nó chan chứa nhiều loại cảm xúc, trìu mến, dịu dàng mà thấm đẫm trong tim của mỗi người đọc, mỗi người nghe. Bà vốn dĩ là một người rất đặc biệt, người mang những giấc mơ của cháu qua tiếng quạt gió mát, bà mang theo ước mơ, theo hi vọng cho cháu qua từng câu chuyện cổ tích đầy mơ mộng nhưng cũng chất chứa bao nhiêu điều nhân văn. Mà sau khi đọc bài thơ Tiếng Gà Trưa của tác giả Xuân Quỳnh thì trong em lại còn gợi thêm một cảm xúc đặc biệt về bà. Về tình cảm của bà cháu, nó đẹp đẽ và thiêng liêng biết nhường nào. Bằng thể thơ tự do 5 chữ, tác giả cho em đi qua từng kỉ niệm đẹp về tình bà cháu của anh chiến sĩ và người bà của mình. Cho em thấy được lòng yêu nước nồng nàn của anh chiến sĩ. Dòng cảm xúc trong em lại càng ùa về khi từng câu chữ của bài thơ gợi nhớ những kỉ niệm sâu sắc thời thơ ấu sống trong tình yêu thương tuy giản dị nhưng lại vô cùng to lớn của bà của người bà. Những lần bị bà la mắng "yêu" một cách chân thật, tuy mắng nhưng có thể thấy được rõ ràng hơn tình yêu của bà dành cho người cháu của mình. Qua từng nét miêu tả của Xuân Quỳnh, em lại càng thêm khâm phục những người chiến sĩ đã chiến đầu vì cách mạng và hơn nữa là những thanh âm kỉ niệm gợi lên trong em hình ảnh về tình bà cháu đẹp đẽ đến nao lòng. Quả thật là một bài thơ giàu cảm xúc và dạt dào những tình cảm đáng quý.

## Đề 5. Đoạn văn cảm nghĩ về tình bà cháu trong bài thơ Tiếng gà trưa

Tiếng "Bà" là một tiếng gọi rất dỗi bình dị, giản đơn nhưng lại chan chứa đầy tình yêu thương. Từ thuở nhỏ, hình ảnh người bà đã trở thành một hình ảnh quen thuộc trong lòng mỗi người. Bà hiền hậu ôn tồn dạy bảo con cháu, người bà kể chuyện cổ tích dưới ánh trăng, người bà chở che trước những trận đòn của ba,... Tất cả hình ảnh đó là một phần tuổi thơ tôi.

Ta cũng tìm được một người bà như vậy Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh, nó đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng sâu sắc, nhiều cảm xúc đọng lại trong lòng tôi về tình bà cháu.

Bài thơ năm chữ tự do đã cho ta thấy những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ, tình bà cháu nồng hậu và lòng yêu nước sâu nặng của một người chiến sĩ xa nhà. Trên đường hành quân xa, người chiến sĩ dừng chân bên xóm nhỏ. Nghe tiếng gà “cục tác…cục ta”, anh xúc động và nhớ nhà. Dòng cảm xúc từ hiện tại trôi về quá khứ với bao kỉ niệm cảm động lại tràn về.

Bài thơ cũng đã gợi nhớ những kỉ niệm sâu sắc thời thơ ấu sống trong tình yêu thương bình dị của người bà. Những lần bị bà la, những lời mắng chân thật, giản dị mà chan chứa tình thương của bà. Bà chăm sóc đàn gà, mong sao cuối năm bán gà mua quần áo mới cho cháu, cái ước muốn giản đơn vậy thôi và dù ống quần rộng, áo trúc bâu thì người cháu cũng không chê vì hiểu được tình yêu thương và sự vất vả mà bà đã dành cho mình. Người chiến sĩ trong bài không chỉ là chiến đấu cho tổ quốc, mà còn là vì bà, vì tiếng gà, vì ổ trứng hồng tuổi thơ.

Tiếng gà trưa là một âm thanh giản dị mà lại gần gũi, quen thuộc, nó làm âm vang kỉ niệm, gợi nhớ những kỉ niệm đẹp. Hình ảnh người bà trong bài thơ đã làm tôi xúc động, tôi chỉ có thể nói rằng bài thơ này quá hay!

**Đề 6: Cảm nhận về bài thơ Mẹ của Đỗ Trung Lai**

Bài thơ Mẹ là lời của người con, bộc lộ cảm xúc xót xa thương cảm khi thấy mẹ ngày một già đi, tuổi cao sức yếu, không còn khỏe mạnh minh mẫn như ngày xưa. Bao nỗi đắng cay, buồn vui cuộc đời của mẹ đều được miếng trầu cau chứng kiến. Nhà thơ Đỗ Trung Lai đã chọn hình ảnh cây cau để ví von so sánh với mẹ là một phát hiện khá tinh tế, nhiều biểu cảm, không chỉ về hình thể bên ngoài mà cả sự sâu lắng bấm đốt thời gian thân phận của một đời người. Mẹ thì bao mong mỏi nhưng rồi thời gian khắc nghiệt như một quy luật luân hồi muôn đời: “Lưng mẹ còng rồi - Cau thì vẫn thẳng” và “Cau - ngọn xanh rờn, Mẹ - đầu bạc trắng”. Hai sắc màu trái ngược nhau, hai hình dáng tương phản nhau tạo ra một ám ảnh cho tiếng thơ tiếng lòng quặn bao nỗi thắt khi “Cau gần với trời - Mẹ thì gần đất”. Chỉ qua hình ảnh miếng cau: “Một miếng cau khô - Khô gầy như mẹ” cũng đủ bao cảm thông héo hắt khi “Con nâng trên tay - Không cầm được lệ”. Hai chữ “nâng” và “cầm” đều chỉ động thái của tình cảm. Nếu “nâng” trang trọng kính trọng biết bao thì “cầm” lại nén bao đắng cay bấy nhiêu. Từng cặp biểu cảm được song hành tạo ra bao chất chứa, lời ít mà vọng xa. Chính đây cũng là sự vận động cảm xúc của bài thơ “Mẹ” dồn nén để buột ra câu cảm thán mang âm hưởng điệu hành trong thơ văn cổ: “Ngẩng trời hỏi vậy - Sao mẹ ta già”. Câu hỏi tự vấn đất trời cũng chính là tự vấn lòng mình. Thơ đã chạm được đến nỗi người, cõi người vừa đăm đăm vừa trống trải. Một sự cô đơn ngỡ như vô vọng: “Không một lời đáo - Mây bay về xa”. Như vậy, bài thơ là nỗi xót xa thưởng cảm của người con trước hình ảnh gầy guộc già nua của mẹ theo năm tháng.

**HƯỚNG DẪN NÓI VÀ NGHE: TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**1. Định hướng**

a. Để có thể hiểu đúng hơn một vấn đề, các em thường phải trao đổi về vấn đề đó. Vấn đề trao đổi có thể là một hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề văn học. Ví dụ:

- Trao đổi về hiện tượng thiếu tôn trọng trong giao tiếp.

- Trao đổi về nội dung hoặc nghệ thuật của một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

b. Để trao đổi về một vấn đề, các em cần chú ý:

- Lựa chọn vấn đề cần trao đổi (một hiện tượng đời sống hoặc đặc điểm nội dung, nghệ thuật của một khổ thơ, đoạn thơ hay cả bài thơ bốn chữ năm chữ).

- Xác định các nội dung ý kiến cần trao đổi.

- Trao đổi, thảo luận trong nhóm về vấn đề đó.

- Khi trao đổi, cần nêu rõ cách hiệu hoặc quan điểm của bản thân, đồng thời, tôn trong các ý kiến khác. Tài liệu của Nhung tây

**2. Thực hành**

*Bài tập: Trong các bài thơ “Mẹ” (Đỗ TrungLai), “Ông đồ” (Vũ Đình Liên), “Tiếng gà trưa”(Xuân Quỳnh), em thích nhất bài thơ nào? Vì sao?*

**a. Chuẩn bị** (Về bài thơ Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh)

- Xem lại nội dung đọc hiểu bài thơ *Tiếng gà trưa*.

- Xác định những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

**Trả lời:**

Những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Tiếng gà trưa*:

- Nội dung: Tiếng gà trưa đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình đã làm sâu sắc thêm tình quê hương đất nước.

- Nghệ thuật: Thể thơ 5 chữ với cách diễn đạt tự nhiên; điệp câu, điệp từ; hình ảnh thơ bình dị, chân thực.

**b. Tìm ý và lập dàn ý**

- Tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

+ Trong bài thơ, em thích hoặc ấn tượng với điều gì nhất?

- Trong bài thơ em ấn tượng nhất với cách triển khai ở khổ thơ cuối cùng.

+ Điều đó đã được thể hiện ở những yếu tố nào?

- Điều đó được thể hiện ở nội dung: tình yêu của người cháu được thể hiện thu hẹp dần, bao quát là tình yêu Tổ Quốc, tiếp đến là yêu xóm làng thân thuộc rồi đến yêu bà, yêu những gì gắn bó với bà (con gà, ổ trứng); được thể hiện ở hình thức điệp cấu trúc*: vì+…*

+ Vì sao em thích hoặc ấn tượng với điều đó?

- Em thích điều đó là bởi lặp lại cấu trúc gây ấn tượng, nội dung được nhấn mạnh và đặc biệt là thể hiện được tình cảm cảm xúc của tác giả rõ nét.

- Lập dàn ý cho bài nói bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở đầu** | Nêu điều em thích hoặc ấn tượng nhất ở bài thơ. Ví dụ: Trong bài thơ Tiếng gà trưa, tác giả đã rất thành công khi sử dụng một số biện pháp tu từ đặc sắc. |
| **Nội dung chính** | Nêu ý kiến cụ thể của em về các biện pháp tu từ đặc sắc đã xác định ở phần mở đầu. Ví dụ: Ở khổ thơ: “Nghe xao động nắng trưa - Nghe bàn chân đỡ mỏi / Nghe gọi về tuổi thơ", nhà thơ đã dùng biện pháp "ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, lấy thính giác (nghe) thay cho thị giác (thấy) và việc lặp lại ba lần ở đầu dòng thơ động từ nghe có tác dụng đem lại ấn tượng như tiếng gà ngưng lại, làm xao động không gian và cũng làm xao động cả lòng người. Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ." (Đinh Trọng Lạc). |
| **Kết thúc** | Khẳng định lại ý kiến của bản thân. Ví dụ: Các biện pháp tu từ đã mang lại cho bài thơ một vẻ đẹp rất đặc sắc về nghệ thuật ngôn từ. |

**c. Nói và nghe**

**Bài nói tham khảo:**

**1. Mở đầu bài nói**

Kính thưa thầy/ cô giáo và các bạn! Trong những tiết học trước chúng ta đã được tìm hiểu *các bài thơ “Mẹ” (Đỗ TrungLai), “Ông đồ” (Vũ Đình Liên), “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh). Trong các bài thơ đó em thích nhất khổ thơ cuối bài “Tiếng gà trưa”:*

*“Cháu chiến đấu hôm nay*

*Vì lòng yêu Tổ Quốc*

*Vì xóm làng thân thuộc*

*Bà ơi cũng vì bà*

*Vì tiếng gà cục tác*

*Ổ trứng hồng tuổi thơ”.*

**2. Nội dung bài nói**

Đoạn thơ trên là lời tâm sự chân thành của đứa cháu chiến sĩ trên đường ra tiền tuyến gửi về người bà kính yêu ở hậu phương. Từ tình cảm cụ thể là tình bà cháu đến tình cảm lớn lao như lòng yêu Tổ quốc, yêu xóm làng thân thuộc đều được biểu hiện bằng hình thức nghệ thuật giản dị, mộc mạc như lời ăn tiếng nói hằng ngày. Mục đích chiến đấu của người cháu được thể hiện rõ nét thông qua biện pháp điệp từ “vì” và điệp cấu trúc *“vì+ yêu Tổ Quốc”, “vì + xóm làng thân thuộc”, “vì+ bà”, “vì+ tiếng gà”.*Mục đích chiến đấu trước hết là yêu nước sau là yêu quê hương rồi mới đến gia đình. Đó là mục đích chiến đấu cao cả, thiêng liêng. Những vần thơ giản dị như lời ăn tiếng nói hàng ngày đó lại gây xúc động sâu sắc bởi nhà thơ đã nói giúp chúng ta những điều thiêng liêng nhất của tâm hồn.

**3. Kết thúc bài nói**

Trên đây là bài trình bày của tôi về một điều mà tôi ấn tượng nhất khi đọc bài thơ *Tiếng gà trưa*, cảm ơn thầy/cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự góp ý từ phía thầy/cô và các bạn.

**d. Kiểm tra và chỉnh sửa**

Tham khảo hướng dẫn kiểm tra và chỉnh sửa đã nêu ở Bài 1, mục d (trang 38).

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nói** | **Người nghe** |
| - Đối chiếu với dàn ý để xem xét nội dung ý kiến đã trình bày, cách dẫn dắt, các lí lẽ và bằng chứng.  - Rút kinh nghiệm về cách phát biểu: cách diễn đạt, ngôn ngữ, cử chỉ, thái độ, ...  - Xem xét lại nội dung, cách thức trả lời câu hỏi và ý kiến trao đổi với các bạn. | - Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin từ người nói bằng văn bản (ý kiến, lí lẽ, ...).  - Tập trung chú ý theo dõi người nói; thể hiện sự mạnh dạn, cầu thị và thái độ hoà nhã, lịch sự khi trao đổi với người nói. |

**=============================================**

**CHUYÊN ĐỀ 3: TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Tri thức Ngữ văn (Truyện khoa học viễn tưởng, đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật....

- Số từ và phó từ

- Viết bài văn biểu cảm về con người và sự việc

- Thảo luận vấn đề gây tranh cãi

**2. Về năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua: cử chỉ, hành động, lời thoại, ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, lời người kể chuyện; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba).

- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.

- Nhận biết và vận dụng được phó từ và số từ vào đọc hiểu nói và nghe có hiệu quả

- Viết được bài văn biểu cảm về con người và sự vật .

- Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi.

**3. Phẩm chất**

- Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

**B. NỘI DUNG**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: BẠCH TUỘC**

*(Trích tiểu thuyết Hai vạn dặm dưới đáy biển- Giuyn Vec- nơ)*

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Khái niệm**:

- Truyện khoa học viễn tưởng là những tác phẩm văn học mà ở đó, tác giả tưởng tượng, hư cấu dựa trên thành tựu của khoa học công nghệ.

*\*Lưu ý:*

- Truyện khoa học viễn tưởng rất ít khi chứa các yếu tố thần kì, siêu nhiên mà luôn dựa trên những kiến thức hoặc lí thuyết khoa học tự nhiên tại thời điểm tác phẩm ra đời.

**2. Đặc điểm**

**+ Đề tài:**Đa dạng, phong phú thường gắn với các lĩnh vực khoa học như công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng trái đất.

**+ Sự kiện**: Từ sự kiện có thật nhà văn tưởng tượng ra nội dung câu chuyện (sự kiện thường trộn lẫn những sự kiện của thế giới thực tại với những sự kiện diễn ra trong thế giới giả định trong quá khứ, tương lai, ngoài vũ trụ).

Ví dụ: Từ việc bắt đầu cố tàu ngầm thơ sơ, Véc- Nơ đã tưởng tượng ra con tàu No-ti-lớt(Nautilus) có đặc điểm như một tàu ngầm hiện đại.

**+ Tình huống**: Đột ngột bất ngờ, có phần li kì mạo hiểm (tác giả thường đặt nhân vật vào những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hay mâu thuẫn cần giải quyết trong thế giới giả tưởng).

**+ Cốt truyện**:

- Gắn với các sự kiện khoa học công nghệ.

- Các sự kiện “đi trước thời gian”.

- Những tình huống táo bạo bất ngờ.

**+ Nhân vật:**

- Những con người thông thái(nhà khoa học, nhà phát minh, sáng chế, người ngoài hành tinh, quái vật…).

**+ Bối cảnh không gian, thời gian**: Gắn với đề tài của truyện (Mang tính giả định, chẳng hạn như thời gian trộn lẫn quá khứ, hiện tại và tương lai, không gian vũ trụ, lòng đất, đáy biển...).

Ví dụ: Câu chuyện trong tiểu thuyết “*Hai vạn dặm dưới đáy biển”* diễn ra trong nhiều ngày, nhiều thời điểm, ở một không gian biển cả rộng lớn(hai vạn dặm) hoành tráng và bí hiểm.

Hay truyện *“Đường vào trung tâm vũ trụ*” (Trích *“Thiên Mã*”, Hà Thủy Nguyên) Câu chuyện diễn ra trong hai không gian: không gian thánh địa Hy Lạp - nơi có đền thờ các vị thần trong thần thoại Hy Lạp; không gian Tâm Vũ Trụ - nơi có những loài thực vật và động vật khổng lồ, kì dị.

**3. Yêu cầu khi đọc hiểu truyện khoa học viễn tưởng:**

**Nhận biết các yếu tố:**

- Đề tài.

- Tình huống.

- Cốt truyện.

- Nhân vật.

- Bối cảnh.

- Cơ sở khoa học.

- Sự kiện.

**II. Tác giả tác phẩm**

**1. Tác giả**

- Giuyn Véc-nơ (1828- 1905), Pháp.

- Người đi tiên phong trong thể loại văn học Khoa học viễn tưởng và được coi là một trong những "cha đẻ" của thể loại này.

- Ông là người có tác phẩm được dịch nhiều thứ ba trên thế giới, những tác phẩm của ông cũng được chuyển thể thành phim nhiều lần.

**2. Tác phẩm**

- Xuất xứ: Trích tiểu thuyết Hai vạn dặm dưới đáy biển.

- Văn bản thuộc thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

- Sử dụng ngôi thứ nhất (lời kể của nhân vật Tôi).

- Văn bản chia làm 2 phần

+ P1: Từ đầu… đèn trên trần bật sáng

- Hình ảnh con bạch tuộc khổng lồ.

+ P2: Còn lại:

- Cuộc chiến của đoàn thủy thủ với những con bạch tuộc khổng lồ.

**III. Kiến thức cơ bản**

**1. Hình ảnh con bạch tuộc khổng lồ**

**a. Hoàn cảnh xuất hiện:**

## + Hoàn cảnh xuất hiện: Tàu No-ti-lớt lặn sâu xuống biển tới hai, ba ngàn mét và đến ngày 20 tháng 4 lại nổi lên “*cách mặt biển một ngàn năm trăm mét”.*

**+ Hình ảnh bạch tuộc khổng lồ:**

**- Hình ảnh con bạch tuộc xuất hiện qua lời kể của nhân vật tôi:**

*+ con bạch tuộc khổng lồ.*

*+ dùng các loại súng bắn nhưng vô hiệu vì lao nhọn và đạn xuyên qua thân bạch tuộc như qua một khối thịt đông.*

*+thòng lọng mắc vào thân bạch tuộc nhưng tới vây đuôi mới thắt lại được… mọi người cố sức kéo con vật lên tàu nhưng nó nặng quá đến nỗi đuôi bạch tuộc bị đứt ra.*

- Qua cuộc trò cuộc trò chuyện của Nét, Công-xây với giáo sư A-rôn-nác “*Con bạch tuộc dài chừng sáu mét”, “Trên đầu có tám cái vòi,ngọ ngoạy trong nước biển như một con rắn”, “Hai hàm của nó rất giống mỏ vẹt, nhưng lớn hơn nhiều”.*

=> Bạn đọc hình dung về những con bạch tuộc là con vật to lớn, khổng lồ, rất đáng sợ, bí ẩn dưới đại dương.

**- Hình ảnh bạch tuộc khi xuất hiện thực tế**:bằng trí tưởng tượng phong phú, miêu tả rất cụ thể, chi tiết, rõ ràng, tác giả giúp độc giả hình dung được bạch tuộc là một loài vật đáng sợ - một con vật rất to lớn, như một con quái vật dưới biển sâu...

*+ Dài chừng tám mét.*

*+ Nó bơi lùi rất nhanh.*

*+Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy.*

*+Tám chân từ đầu mọc ra, dài gấp đôi thân và luôn luôn uốn cong.*

*+ Có hai trăm rưỡi cái giác ở trong vòi.*

*+ Hàm răng giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại.*

*+ Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhọn, rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.*

*+Thân hình thoi.*

*+ Nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn.*

*+Màu sắc thay đổi từ xám chỉ sang nâu đỏ.*

*+ Vòi bạch tuộc có khả năng mọc lại.*

**\*Chi tiết thể hiện trí tưởng tượng phong phú về bạch tuộc**:

+ Bạch tuộc có đuôi và đuôi có thể mọc lại.

+ Khối thịt của bạch tuộc nặng chừng hai mươi,hai lăm tấn.

+ Mực đen của bạch tuộc không gây hại cho con người.

**\*Những yếu tố cho thấy người viết có những hiểu biết và dựa vào thành tựu của khoa học:**

+Tàu ngầm mới đang được thử nghiệm.

+Bạch tuộc đã được phát hiện.

**\*Chi tiết cho thấy không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên:**

+Cuộc thám hiểm bằng tàu ngầm mà không phải bằng một phương tiện thần kì.

+ Giao chiến với bạch tuộc bằng vũ khí và sức lực của con người,không cósự trợ giúp của thần linh.

**2. Cuộc giao chiến với con bạch tuộc**

**a. Hoàn cảnh:**

- Con tàu bị mắc kẹt, chân vịt không thể quay được nữa. Bạch tuộc hung dữ xuất hiện, những người trên tàu ngầm No-ti-lớt chiến đấu với những con bạch tuộc.

**b. Chi tiết về cuộc giao chiến với bạch tuộc và lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội của các thủy thủ đoàn**.

- Con bạch tuộc với “*Một cái vòi dài trườn xuống dưới thang như một con rắn, hai chục cái vòi nữa thì ngoằn ngoèo ở phía trên*” thì đoàn thủy thủ “*Sẵn sàng giáp chiến với con bạch tuộc khổng lồ*”.

- Con bạch tuộc tỏ vẻ hung dữ *“Một cái vòi lao tới nhấc bổng người thủy thủ lên*” thì *“Thuyền trưởng Ne-mô chặt đứt phăng cái vòi khủng khiếp*” còn “*Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba nhà khoa học chiến đấu với những con bạch tuộc khác đang bò trên thành tàu”.*

- Khi bạch tuộc*“Phun ra chất lỏng màu đen”, “cuốn theo một người thủy thủ xuống biển”,“Chúng tôi xông đến lũ bạch tuộc”,“Ai nấy đều sôi sục căm thù!”.*

- Một con bạch tuộc quật ngã Nét, định nuốt chửng anh “*Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã hác hốc ra ở phía trên Nét*” *“Nét Len phóng lao nhọn vào những cái mắt xanh xám của lũ quái vật”*Nê-mô lao đến cứu Nét *“Lưỡi rìu của Nê- mô cắm phập vào mồm quái vật”,“Nét thoát chết liền đứng dậy và phóng ngập mũi lao vào tim kẻ thù”.*

- Kết quả: Cuộc giáp chiến kéo dài mười lăm phút đàn bạch tuộc hung hãn, tàn bạo, sẵn sàng giết chết đoàn thủy thủ nhưng cuối cùng đã nhận kết cục thua trận, phải chạy trốn xuống biển*“Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lẩn xuống biển sâu”. “Thuyền trưởng Nê- mô, mình nhuốm đầy máu đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình. Mắt Nê- mô ứa lệ*”.

->Đoàn thủy thủ dũng cảm, kiên cường chống lại lũ quái vật biển sâu. Trong cuộc chiến đó, ta không chỉ thấy được sự anh dũng mà còn thấy được tinh thần đoàn kết, tình yêu thương. Những người thủy thủ không ngại nguy hiểm để cứu đồng đội của mình, và họ rất đau đớn trước sự hi sinh của một người đồng hương.

**\*Biểu hiện lòng dũng cảm, tình yêu thương, tinh thần đồng đội của đoàn thủy thủ.**

- Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện qua trận chiến đấu với bạch tuộc:

+ Mọi người cùng nhau dùng vũ khí chiến đấu với con quái vật, không ai nề hà run sợ hay lùi bước.

+ Thái độ nuối tiếc, xót thương khi có người bị mất tích sau cuộc chiến khốc liệt.

**\* Những chi tiết cho thấy tác giả dựa vào thành tựu của khoa học:**

- Sự ra đời của tàu ngầm.

- Hình ảnh con bạch tuộc - một loài vật mà có người đã trực tiếp thấy.

\* Những chi tiết tưởng tượng của nhà văn:

- Tàu No-ti-lớt lặn xuống sâu hai, ba ngàn mét. => Khi tác phẩm ra đời, tàu ngầm mới đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai nhưng tác giả đã tưởng tượng đến viễn cảnh chiếc tàu có thể lặn được thực tế ở độ sâu hai, ba ngàn mét.

- Chi tiết miêu tả những con bạch tuộc: lao nhọn, súng bắn đều vô hiệu, bạch tuộc rất to lớn, khổng lồ, vòi của bạch tuộc có khả năng mọc lại, đặc điểm của loài bạch tuộc... => Lúc này, chỉ một số người đi biển mới nhìn thấy bạch tuộc, nhưng tác giả đã có thể hình dung được những đặc điểm cụ thể của loài bạch tuộc (về kích cỡ), tưởng tượng ra trận chiến giữa chúng với đoàn thủy thủ. Tài liệu của Nhung tây

=> Tác giả đã dựa trên những thành tựu của khoa học và công nghệ cùng với những hiểu biết của mình và trí tưởng tượng phong phú để sáng tạo nên một câu chuyện kịch tính, li kì, hấp dẫn, mở ra một thế giới mới mẻ, thú vị cho độc giả.

**3. Đánh giá**

**+ Nghệ thuật**

- Ngôi kể thứ nhất làm câu chuyện chân thực, bộc lộ cảm xúc của người kể chuyện.

- Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, thú vị.

- Từ ngữ giàu gợi hình gợi cảm.

- Sử dụng nhiều từ ngữ bộc lộ cảm xúc, những câu cảm thán.

**+ Nội dung, Bài học**

- Văn bản kể về cuộc chiến đấu dũng cảm của đoàn thủy thủ trên tàu No-ti-lớt với quái vật của biển cả - những con bạch tuộc khổng lồ, hung dữ. Qua đó, độc giả thấy được lòng dũng cảm, kiên cường, trách nhiệm, tinh yêu thương và tinh thần đồng đội của những người thủy thủ.

- Bài học: Khi gặp khó khăn hay hiểm nguy, hãy dũng cảm đói mặt với nó, hãy “ chiến đấu” với những thử thách đến cùng. Chiến thắng sẽ thuộc về những người kiên cường, dũng cảm, mạnh mẽ.

Hãy biết yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ những người gặp khó khăn; không nên ích kỉ, chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình mà bỏ mặc người khác.

Đoàn kết sẽ taọ nên sức mạnh để vượt qua, chiến thắng được khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

**VI. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Văn bản Bạch tuộc thuộc thể loại nào?**

A. Truyện ngắn B. Truyện dài

**C. Truyện khoa học viễn tưởng** D. Tùy bút

**Câu 2:** Truyện được kể theo ngôi kể nào?

**A. Ngôi thứ nhất**  B. Ngôi thứ 2

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi một và ngôi ba

**Câu 3:** Nội dung của văn bản kể về việc gì?

**A. Cuộc chiến đấu dũng cảm của đoàn thủy thủ trên tàu No-ti-lớt với quái vật của biển cả - những con bạch tuộc khổng lồ, hung dữ**

B. Đàn bạch tuộc hung hãn, tàn bạo.

C. Cuộc nói chuyện giữa "tôi" và Nét về những con bạch tuộc khổng lồ.

D. Đoàn tàu No-ti-lớt lặn giữa biển

**Câu 4: Bài học rút ra từ văn bản này**

A. Khi gặp khó khăn hay hiểm nguy, hãy dũng cảm đói mặt với nó, hãy “ chiến đấu” với những thử thách đến cùng.

B. Chiến thắng sẽ thuộc về những người kiên cường, dũng cảm, mạnh mẽ.

C. Đoàn kết sẽ taọ nên sức mạnh để vượt qua, chiến thắng được khó khăn, thử thách trong cuộc sống

**D. Cả ba nội dung trên**

**2. Dạng bài tập Đọc Hiểu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:**  *Tàu No- ti- lớt lặn xuống sâu hai, ba ngàn mét và ngày 20 tháng 4 lại nổi lên cách mặt biển một ngàn năm trăm mét. Gần chúng tôi nhất là quần đảo Lu-cai(Lucayes). Từ đáy biển nổi lên những mỏm đá lớn dựng đứng, phủ đầy những loại tảo khổng lồ. Khoảng11h trưa, Nét len lưu ý tôi giữa đám tảo đỏ có một con vật gì đó rất đáng sợ. Tôi nói:*  *- Đúng, ở đây có nhiều hang thích hợp với bạch tuộc. Nếu có gặp những quái vật đó ở đây tôi cũng chẳng ngạc nhiên chút nào[…] Năm 1861, về phía tây bắc Tê-nê-ríp(Tenerife), cũng ở khoảng vĩ độ này, thủy thủ tàu A-lếch-tơn (Alec ton) phát hiện ra một con bạch tuộc khổng lồ đang bơi cùng tuyến đường. Thuyền trưởng Bu-ghê(Bauguer)cho tàu chạy sát con vật và dùng các loại súng bắn nhưng vô hiệu vì lao nhọn và đạn đều xuyên qua thân bạch tuộc như qua một khối thịt đông. Sau mấy lần thất bại, cánh thủy thủ bèn dùng thòng lọng để bắt. Thòng lọng mắc vào thân bạch tuộc nhưng tới vây đuôi mới thắt lại được. Lúc đó, mọi người cố sức kéo con vật lên tàu nưng nó nặng quá đến nỗi đuôi bạch tuộc bị đứt ra. Thế là nó lặng xuống, biến mất.*  *- Thế nào dài bao nhiêu?- Nét hỏi.*  *- Có phải chừng sáu mét không?- Công xây hỏi. Anh ta đứng bên cửa sổ và nhìn vào các hốc đá.*  *Công-xây hỏi tiếp:*  *- Có phải trên đầu nó có tám vòi, ngọ ngoạy trong nước biển như một bầy rắn không?*  *- Đúng vậy, Công-xây ạ.*  *- Có phải hai hàm của nó rất giống mỏ vẹt, nhưng lớn hơn nhiều không?*  *- Rất đúng.*  *-Thế thì, thưa giáo sư, có phải nó kia không ạ?*  *Tôi nhìn Công – xây, còn Nét thì lao đến cửa sổ.*  *Con vật khủng khiếp quá!- Nét la lên.*  (Trích *“Hai vạn dặm dưới đáy biển”-* Giuyn Véc- nơ)  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt và người kể chuyện, ngôi kể của đoạn trích.  **Câu 2**. Đoạn trích cho em biết tác phẩm “*Hai vạn dặm dưới đáy biển*” viết về đề tài gì? Nó được viết dựa trên cơ sở nào?  **Câu 3**.Trong đoạn trích,người kể chuyện gọi “bạch tuộc”là gì?  **Câu 4.** Tìm trong đoạn trích những chi tiết nói về hình ảnh của bạch tuộc? Qua đó em hình dung đó là con vật như thế nào?  **Câu 5.** Văn bản “Bạch tuộc”có chứa đoạn trích trên trên kể về kiện gì?Theo em,tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

- Người kể: Xưng “tôi”- kể ngôi thứ nhất.

**Câu 2.**

- Đề tài: Khám phá đại dương đầy bí ẩn.

- Căn cứ:Những hiểu biết và thành tựu khoa học:

+Tàu ngầm mới đang được thử nghiệm.

+Bạch tuộc đã được phát hiện.

\*Lưu ý: Tác phẩm “*Hai vạn dặm dưới đấy biển”* của Véc-nơ ra đời năm 1870. Khi đó, tàu ngầm mới đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai; bạch tuộc cũng chỉ mới được một số người đi biển bắt gặp.

**Câu 3:** Người kể chuyện gọi bạch tuộc là “quái vật”.

**Câu 4:**Hình ảnh con bạch tuộc xuất hiện qua lời kể, trò chuyện của các nhân vật:

- Qua lời kể của nhân vật tôi:

*+Con bạch tuộc khổng lồ”;*

*+ Dùng các loại súng bắn nhưng vô hiệu vì lao nhọn và đạn xuyên qua thân bạch tuộc như qua một khối thịt đông”;*

*+ thòng lọng mắc vào thân bạch tuộc nhưng tới vây đuôi mới thắt lại được… mọi người cố sức kéo con vật lên tàu nhưng nó nặng quá đến nỗi đuôi bạch tuộc bị đứt ra.*

- Qua cuộc trò cuộc trò chuyện của Nét, Công-xây với giáo sư A-rôn-nác:

+ *Con bạch tuộc dài chừng sáu mét;*

*+Trên đầu có tám cái vòi,ngọ ngoạy trong nước biển như một bầy rắn;*

*+ Hai hàm của nó rất giống mỏ vẹt, nhưng lớn hơn nhiều”.*

=> Những con bạch tuộc là con vật to lớn, khổng lồ, rất đáng sợ, bí ẩn dưới đại dương.

**Câu 5:**

- Đoạn trích “Bạch tuộc” kể lại sự kiện chiến đấu của những người trên tàu ngầm No-ti-lớt với những con bạch tuộc.

- Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, trong gang tấc anh đã được Nê-mô giải cứu.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:**  ***Tôi cũng đưa mắt nhìn qua ô cửa bất giác lùi lại. Trước mắt tôi, một quái vật đương bơi tới. Đó là một con bạch tuộc dài chừng tám mét. Nó bơi lùi rất nhanh về phía tàu. Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy.Tám cánh tay hay đúng hơn, tám chân từ đầu mọc ra phải gấp đôi thân và luôn luôn uốn con. Nhìn thấy rõ hai trăm rưỡi cái giá ở phía trong vòi. Hai hàm răng bạch tuộc giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại. Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhịn, rung lên bần bật mỗi khi thò ta khỏi mồm. Thân nó hình thoi phình ở giữa, là một khối thịt nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn. Màu sắc nó thay đổi rất nhanh từ màu xám chỉ sang màu nâu đỏ.***  ***Vì sao con bạch tuộc tức giận. Hẳn là vì sự xuất hiện của tàu No-ti-lớt to lớn hơn nó và vì vòi cũng như hai hàm răng của nó chẳng làm nên chuyện gì…***  ***Được gặp một con bạch tuộc như thế này đối với tôi thật là một dịp may hiếm có, nên tôi không bỏ lỡ cơ hội nghiên cứu nó cặn kẽ. Tôi cố nén sự sợ hãi mà cầm bút chì vẽ nó.***  ***- Có lẽ đây là con bạch tuộc mà tàu A-lếch-tơn đã gặp?- Công-xây hỏi .***  ***- Không,- Nét trả lời- con này còn nguyên vẹn, con kia đã mất đuôi.***  ***- Không phải thế đâu- Tôi phản đối- Vòi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại.[…]***  ***Tàu No-ti-lớt bỗng dừng lại, toàn thân tàu rung lên.***  ***Chẳng lẽ chúng ta lại vấp phải cái gì?- Tôi hỏi.***  ***- Nét trả lời:***  ***- Dù có vấp phải cái gì ta cũng không ngại vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong.***  ***Đúng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong, nhưng đứng yên không nhúc nhích. Chân vịt không quay nữa rồi. Một phút trôi qua.Thuyền trưởng Nê- mô và viên thuyền phó bước vào phòng khách. Đã mấy hôm nay tôi không gặp Nê-mô. Ông ta không nói chuyện với chúng tôi, có lẽ chẳng nhìn thấy chúng tôi nữa. Ông ta bước tới cửa sổ, nhìn lũ bạch tuộc rồi nói mấy câu với thuyền phó. Ông này đi ra. Cửa sổ lập tức đóng lại. Đèn trên trần bật sáng.***  **(**Trích *“Hai vạn dặm dưới đáy biển*”- Giuyn Véc- nơ)  **Câu 1. Xác định nội dung và phương thức biểu đạt của đoạn trích.**  **Câu 2. Tìm trong đoạn trích chi tiết về “*Quái vật đang bơi tới*” theo lời của nhân vật tôi.Nêu nhận xét về con vật đó.**  **Câu 3. Tìm trong đoạn trích một** số chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc.  **Câu 4**. Văn bản có đoạn trích trên kể về tình huống tàu No-ti-lớt gặp phải theo em đó là tình huống nào? Trong tình huống đó các thủy thủ trên con tàu đã làm gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Nội dung: Đoạn trích kể về sự xuất hiện của bạch tuộc và tình huống tài No-ti-lớt gặp phải.

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả.

**Câu 2:**Hình ảnh bạch tuộc khi xuất hiện thực tế:

*+ Dài chừng tám mét.*

*+ Nó bơi lùi rất nhanh.*

*+Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy.*

*+Tám chân từ đầu mọc ra, dài gấp đôi thân và luôn luôn uốn cong.*

*+ Có hai trăm rưỡi cái giác ở trong vòi.*

*+ Hàm răng giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại.*

*+ Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhọn, rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.*

*+Thân hình thoi.*

*+Nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn.*

*+Màu sắc thay đổi từ xám chỉ sang nâu đỏ.*

*+ Vòi bạch tuộc có khả năng mọc lại.*

- Các chi tiết miêu tả rất cụ thể, rõ ràng, cho thấy bạch tuộc là một loài vật đáng sợ - một con vật rất to lớn, như một con quái vật dưới biển sâu với các bộ phận đáng sợ, đe dọa trực tiếp tới tính mạng của người trên tàu cũng như các sinh vật khác dưới đáy đại dương.

**Câu 3. C**hi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc:

- *Bạch tuộc dài tám mét, mắt màu xanh xám nhìn thẳng không động đậy với tám chân mọc dài gấp đôi thân và luôn uốn cong.*

*- Hai hàm răng bạch tuộc cứng cáp, giống cái mỏ vẹt bằng sừng, nhọn và rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.*

*- Thân hình đồ sộ nặng hai mươi, hai lăm tấn, màu sắc thay đổi từ xám chỉ sang nâu đỏ.*

**Câu 4.**Văn bản có đoạn trích kể về tình huống con tàu gặp phải:

- Con tàu bị mắc kẹt, chân vịt không thể quay được nữa.

- Những người trên tàu ngầm No-ti-lớt chiến đấu với những con bạch tuộc.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**  *Nhưng Nê-mô đã xông đến và chặt đứt luôn cái vòi. Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba người chúng tôi dùng vũ khí chiến đấu quyết liệt với những con bạch tuộc đang bò trên thành tàu. Thật là khủng khiếp! Có lúc,tôi tưởng người bị nạn sắp được cứu thoát khỏi sức hút của vòi bạch tuộc. Con quái vật có tám vòi thì bảy vòi đã bị chặt đứt. Cái vòi còn lại vẫn quấn chặt vào người thủy thủvà ngoe nguẩy trên không.Khi Nê-mô và thuyền phó vừa lao tới thì quái vật liền phun ra một chất lỏng màu đen. Chúng tôi lập tức bị tối tăm mặt mày chẳng nhìn thấy gì. Khi đám “mây” đó tan đi thì quái vật đã biến mất, mang theo cả người đồng hương xấu số của tôi.*  *Chúng tôi xông đến lũ bạch tuộc. Ai nấy đều sôi sục căm thù! Trên boong tàu và ở thành tàu có độ mười, mười hai con. Chúng bị chém đứt và quằn quại trong mái xanh và “mực đen”. Nét Len phóng lao nhọn vào những cái mắt xanh xám của lũ quái vật, lần nào cũng trúng đích. Tuy vậy, khi anh bạn dũng cảm của tôi chưa kịp quay lại thì đã bị một đối thủ dùng vòi quật ngã. Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã há hốc ra ở phía trên Nét. Tôi lao tới cứu anh ta... Nhưng Nê- mô đã đến trước tôi. Lưỡi rìu của Nê- mô cắm phập vào mồm quái vật. Nét thoát chết liền đứng dậy và phóng ngập mũi lao vào tim kẻ thù.*  *- Tôi có bổn phận trả ơn ông!- Nê- mô bảo Nét. Nét chỉ nghiêng mình đáp laị.*  *Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lẩn xuống biển sâu. Thuyền trưởng Nê-mô, mình nhuốm đầy máu, đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình. Mắt Nê-mô ứa lệ.*  **(**Trích “*Hai vạn dặm dưới đáy biển”-* Giuyn Véc- nơ)  **Câu 1**.Đoạn văn kể về sự việc gì? Sự việc đó liên quan đến những nhân vật nào?  **Câu 2**.Tìm trong đoạn trích các chi tiết nói về tinh thần dũng cảm, tinh thần đồng đội của các thủy thủ.  **Câu 3**. Kết quả trận giao chiến của các thủy thủ với bạch tuộc thể hiện qua câu văn nào? Em học tập được điều gì trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả?  **Câu 4**. Tại sao mắt Nê-mô ứa lệ? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Sự việc: Kể về phần cuối cuối cuộc giao chiến của các thủy thủ trên tàu Na-ti-lớt với bạch tuộc và kết quả cuộc giao chiến.

**Câu 2.** Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện qua trận chiến đấu với bạch tuộc:

+ Mọi người cùng nhau dùng vũ khí chiến đấu với con quái vật, không ai nề hà run sợ hay lùi bước.

+ Thái độ nuối tiếc, xót thương khi có người bị mất tích sau cuộc chiến khốc liệt.

**Câu 3:**

- Kết quả trận giao chiến của các thủy thủ với bạch tuộc thể hiện qua câu văn *“Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu”.*

- Học tập nghệ thuật kể chuyện của tác giả:

+ Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, kịch tính, hấp dẫn.

+Sử dụng những từ ngữ giàu sức biểu cảm cùng những câu cảm thán bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của người tham gia cuộc chiến.

=>Giúp người đọc hình dung rõ được sự cam go, nguy hiểm của cuộc chiến.

**Câu 4**. Mắt Nê- mô ứa lệ vì: một con bạch tuộc đã dùng vòi quấn chặt lấy một thủy thủ. Sau khi chỉ còn một chiếc vòi quấn chặt lấy thủy thủ ấy, nó đã lặn xuống biển sâu. Người thủy thủ đã vĩnh viễn ra đi. Đó là biểu hiện tình yêu thương với người đồng đội xấu số.

**3. Dạng Bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIÊU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**  *Thuyền trưởng Nê-mô cáo từ rồi đi ra. Tôi ở lại với những ý nghĩ của mình. Tôi nghĩ về Nê- mô. Liệu sau này tôi có biết được quốc tịch của con người bí ẩn đã từ bỏ Tổ quốc mình không? Cái gì đã khiến ông ta căm ghét loài người, một lòng căm ghét, khao khát trả thù? Phải chăng ông ta là một trong sốnhững nhà bác học không được thừa nhận, là một thiên tài “bị người đời hắt hủi”, như Công-xây nói? Chẳng ai biết! Số phận đã ném tôi lên tàu ông ta, tính mệnh tôi nằm trong tay ông ta. Ông ta tiếp đón chúng tôi một cách lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo. Chưa lần nào ông ta bắt tay tôi. Cũng chưa lần nào đưa tay cho tôi bắt.*  *Tôi suy nghĩ liên miên suốt một tiếng đồng hồ và cố gắng đi sâu vào bí mật của con người ấy. Mắt tôi vô tình dừng lại nơi tấm bản đồ thế giới trải trên bàn. Tôi lần ngón tay trên bản đồ và tìm thấy giao điểm k độ kinh và độ vĩ mà thuyền trưởng Nê-mô đã chỉ. Các đại dương cũng như cũng các lục địa đều có những dòng sông của riêng mình. Đó là những hải lưu rất dễ nhận ra theo màu sắc và nhiệt độ. Hải lưu đáng kểnhất là Gơn-xtow-rim(Gulf Stream).Khoa học đã ghi vào bản đồ Trái Đất năm hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, thứ hai ở phía nam Đại Tây Dương, thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng ởphía nam Ấn Độ Dương.*  *Tàu No-ti-lớtchạy theo một hải lưu kể trên, có cái tên Nhật Bản là Xư-rô-xi-ô(Kuroshio), nghĩa là “Sông Đen”. Ra khỏi vịnh Băng-gan (Bengal) được những tia thẳng đứng của mặt trời sưởi nóng, hải lưu này chảy qua eo Ma-lắc-ca(Malacca), dọc theo bờ biển châu Á rồi vòng theo bờ biển phía bắc Thái Bình Dương, tới quần đảo A-lê-út(Aleutian). Nó cuốn theo những thân cây long não, những thực vật nhiệt đới, màu xanh thẳm của hải lưu ấm áp khác hẳn với nước đại dương lạnh ngắt.*  (Trích*“Hai vạn dặm dưới đáy biển*”- Giuyn Vec-nơ)  **Câu 1.** Nêu phương thức biểu đạt và nội dung chính của đoạn trích.  **Câu 2**: Đoạn trích có những nhân vật nào? Nêu tình huống mà các nhân vật gặp phải.  **Câu 3**. Tìm trong văn bản một số chi tiết về nhân vật Nê-mô và điền vào cột thứ 2 của bảng sau (làm vào vở):   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật Nê- mô** | **Chi tiết biểu hiện** | | Cử chỉ, hành động của Nê-mô | … | | Thái độ của A- rô- nắc về Nê-mô | … | | Thái độ của Công xây về Nê-mô | … | | Thái độ của Nét len về Nê-mô | … |   Từ những chi tiết đó, em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật Nê-mô?  **Câu 4**. Theo lời của người kể khoa học đã ghi vào bản đồ thế giới mấy dòng hải lưu lớn nhất? Đó là những dòng hải lưu nào?  **Câu 5**. Dựa vào hành trình mà giáo sư A-rô-nác đã kể, em hãy giải thích lí do giả lại đặt tên chương truyện có đoạn trích này là “Dòng Sông Đen”? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả.

- Nội dung: Kể lại suy nghĩ của tôi về thuyền trưởng Nê-mô và giới thiệu vềdòng Sông Đen.

**Câu 2:** Đoạn trích có các nhân vật:

+ Giáo sư: A-rô-nác(nhà nghiên cứu sinh vật học).

+ Công- xây(Conseil) người cộng sự của giáo sư nhận lời mời tham gia đoàn thám hiểm của Lin-côn(Loncoln) để truy tìm quái vật biển.

+ Nét Len(Ned Land) thợ săn cá voi.

+ Thuyền trưởng Nê-mô.

- Tình huống: Ba nhân vật giáo sư A-rôn-nác, Công-xây, NétLen rơi vào con tàu Nau-ti-lotx(No-ti-lớt) hiện đại với một người thuyền trưởng bí ẩn họ không thể biết được điều gì đón đợi họ ở phía trước.

**Câu 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật Nê-mô** | **Chi tiết biểu hiện** |
| Cử chỉ, hành động của Nê-mô | Đón tiếp 3 người họ lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo. |
| Thái độ của A- rô- nác về Nê-mô | Suy nghĩ rất nhiều và cảm thấy khó hiểu về ông Nê-mô. |
| Thái độ của Công-xây về Nê-mô | Gọi ông Nê-mô là một thiên tai “bị người đời hắt hủi”. |
| Thái độ của Nét Len về Nê-mô. | Hỏi A-rô-nắc về lai lịch, ý đồ của ông Nê-mô. |

**Câu 4:** *Khoa học đã ghi vào bản đồ Trái Đất năm hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, thứ hai ở phía nam Đại Tây Dương, thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng ở phía nam Ấn Độ Dương.*

**Câu 5.** Tác giả lại đặt tên chương truyện có đoạn trích này là “Dòng Sông Đen”vì:

+ Nó cuốn theo những thân cây long não, những thực vật nhiệt đói màu xanh thẳm của hải lưu ấm áp, khác hẳn với nước đại dương lặng ngắt.

+ Nó mất hút giữ Thái Bình Dương mênh mông.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Tôi nghiên cứu đường đi của hải lưu trên bản đồ và thấy nó bị mất hút giữa Thái Bình Dương mênh mông.Óc tưởng tượng đã làm tôi say sưa đến nỗi Nét Len và Công- xây vào phòng khách lúc nào không hay.*  *Nét và Công-xây sững sờ trước cảnh huyền diệu đang hiện ra trước mắt.*  *-Chúng ta đang ở đâu thế này? Ở đâu? - Nét kêu lên- Có phải ở Viện bảo tàng Quê-bếch (Que bec) không?*  *- Các bạn của tôi ơi,- Tôi mời họ xích lại gần- Không phải các bạn đang ở Ca-na-đa(Canada)hay ở Pháp đâu, mà đang ở trên tàu No-ti-lớtdưới mặt biển năm mươi mét.*  *- Giáo sư đã nói vậy thì phải tin thôi! Công-xây đáp- Nhưng xin thú thật rằng phòng khách có thể làm cho một người Phơ-le-mít (Plemish) như tôi cũng phải ngạc nhiên.*  *- Anh bạn ơi, bạn cứ ngạc nhiên đi và hãy xem kĩ những tủ kính này. Ở đây bạn sẽ thấy nhiều điều kì lạ đối với một người chuyên phân loại như bạn.*  *Công-xây thì chẳng cần phải cổ vũ nhiều. Anh ta cúi xuống xem xét và lẩm bẩm những thuật ngữ sinh vật học.*  *Trong khi đó Nét Len, vì không thạo lắm về nhuyễn thể học nên hỏi han tôi về cuộc gặp gỡ vừa qua với thuyền trưởng Nê-mô, về lai lịch ông ta,về ý đồ của ông ta. Tóm lại, anh ta hỏi tôi liên miên làm tôi không kịp trả lời.*  *Tôi nói lại với Nét tất cả những gì tôi biết, đúng hơn là những gì tôi không biết. Rồi tôi lại hỏi Nét về những điều anh ta nghe và thấy được.*  *Tôi chẳng nghe, chẳng nhìn thấy gì cả- Nét trả lời- Thậm chí chẳng thấy một bóng thủy thủ nào. Chẳng nhẽ thủy thủ cũng bằng điện?*  *-Bằng điện sao được!*  *- Ấy ấy, có thể bằng điện lắm chứ! Nhưng thưa ngài A-rô-nác,- Nét bị ý nghĩ của mình ám ảnh,- Ngài có thể cho tôi biết số người trên tàu này không? Mười người, hai mươi người, năm mươi người, một trăm người?*  *- Ông Nét ơi, tôi không thể trả lời ông được đâu! Ông hãy nghe tôi, hãy từ bỏ ngay cái ý định đoạt tàuNo-ti-lớt, hay bỏ trốn đi. Chiếc tàu này là một kì công của kĩ thuật hiện đại và tôi sẽ rất ân hận nếu không được tìm hiểu nó kĩ càng. Có lẽ nhiều người mong được ở vào địa vị chúng ta để được ngó qua những kì quan này! Vì vậy, ông hãy bình tĩnh lại, chúng ta cũng quan sát những gì đang xảy ra xung quanh.*  *- Quan sát những cái gì!- Nét hét lên- Trong cái ngục tù bằng sắt này thì còn thấy gì nữa mà quan sát! Chúng ta đang đi như những thằng mù.*  (Trích*“Hai vạn dặm dưới đáy biển*”- Giuyn Vec- nơ)    **Câu 1.** Qua lời kể của người kể chuyện trong đoạn trích em thấy tàu Nau-ti-lux đang ở vị trí nào dưới lòng đại dương?  **Câu 2.** Xác định tình huống, nhân vật, không gian, thời gian trong văn bản.  **Câu 3**. Các câu văn *“-Chúng ta đang ở đâu thế này? Ở đâu? - Nét kêu lên- Có phải ở Viện bảo tàng Quê-bếch (Que bec) không*?” thể hiện tâm trạng, thái độ nào của Nét? Vì sao Nét có thái độ, tâm trạng đó?  **Câu 4.**Tàu Nau-ti-lux được điều khiển hoàn toàn bằng điện năng, trong khi vào thời điểm tác phẩm ra đời, điện năng chưa phải là năng lượng chủ yếu trong công nghiệp. Tàu Nau-ti-lux có thể lặn xuống bất cứ độ sâu nào mà không bị vỡ cửa kính.Những khả năng vượt trội như vậy của tàu Nau-ti-lux giúp em hiểu thêm điều gì về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng?  **Câu 5.**Tác giả để cho giáo sư A-rô-nác và Nét Len tranh luận về vấn đề gì? Nêu quan điểm của mỗi người về vấn đề đó. Em đồng tình với cách giải quyết vấn đề của nhân vật nào? Vì sao? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Theo lời của người kể chuyện trong đoạn trích,tàu Nau- ti-lux đang ở độ sâu dưới mặt biển năm mươi mét.

**Câu 2**:

- Tình huống: cuộc tranh luận đầy mâu thuẫn của giáo sư A-rô-nác và Nét Len trong con Nau-ti-lúx của thuyền trưởng bí ẩn Nê-mô dưới lòng đại dương.

- Nhân vật: giáo sư A-rôn-nác, Nét Len, Công-xây.

- Không gian: dưới lòng đại dương.

**Câu 3:** Các câu văn thể hiện thái độ ngỡ ngàng, ngạc nhiên của Nét về những điều kì diệu anh nhìn thấy khi ở độ sâu dưới mặt biển năm mươi mét.

**Câu 4:** Những khả năng vượt trội của tàu Nau-ti-lux giúp em hiểu về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng: được viết theo thể hư cấu về một điều giả định được dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của người viết truyện.

**\* Lưu ý:** Với tài năng và trí tưởng tượng của mình Giuyn Vec-nơ đã thể hiện ước mơ, khát vọng chinh phục đại dương của con người lúc bấy giờ. Và sau gần hai thế kỉ chiếc tàu ngầm và nguồn năng lượng điện năng đã không còn xa lạ đối với nhân loại và điều đó đã chứng minh lý tưởng của ông, ước mơ của ông, khát vọng của ông không phải là những ý tưởng viển vông.

**Câu 5:** Cách giải quyết mâu thuẫn của tác giả: Để giáo sư A- rô- nác không đồng tình với NétLen khuyên anh từ bỏ ý định đó.

- Ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình:

+ Em đồng tình với cách giải quyết của tác giả vì với cách giải quyết này: Nét Len có cơ hội chiêm ngưỡng vẻ đẹp dưới đáy biển. Nếu bỏ trốn khỏi con tàu, anh sẽ không thấy và không thể trải nghiệm hành trình khám phá hai vạn dặm dưới biển.

+ Không đồng tình với cách giải quyết của tác giả vì với cách giải quyết này, mâu thuẫn trong Nét Len không được giải quyết, chỉ tạm lắng xuống khi Nét Len bị hấp dẫn bởi vẻ đẹp của đại dương bí ẩn. Trên thực tế, vào cuối cuộc hành trình, Nét Len, giáo sư A-rô-nác, Công-xây đã bỏ trốn khỏi tàu *No-ti-lớt.*

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi**  *“Chúng tôi đi chừng nửa tiếng đồng hồ. Đáy biển ngày càng nhiều đá. Những con sò, các lớp giáp xác nhỏ li ti phát ra ánh sáng lân tinh yếu ớt. Tôi thoáng thấy những đống đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín. Chân tôi trượt trên tấm thảm thực vật dính nhơm nhớp và nếu không có gậy thì tôi đã bị ngã nhiều lần. Quay lại, tôi vẫn thấy ánh sáng đèn pha tàu Nau-ti-lúx. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi. Những đống đá dưới đáy đại dương mà tôi vừa nói trên mang dấu vết một sự sắp đặt nhất định mà tôi không giải thích nổi. Ngoài ra còn một số hiện tượng kỳ lạ nữa. Tôi cảm thấy dưới đế giày bằng chì của tôi đang lạo xạo những xương khô. Phải chăng chúng tôi đang bước trên mảnh đất đầy xương?... Ánh sáng soi đường cho chúng tôi ngày càng rực đỏ, tựa như ánh lửa của đám cháy phía chân trời. Lửa cháy trong nước kích thích tính tò mò của tôi đến cao độ. Có phải đó là ánh điện không? Hay là tôi đang được chứng kiến một hiện tượng của thiên nhiên mà các nhà bác học chưa hề biết? Tôi thoáng có ý nghĩ: biết đâu cái lò lửa ngầm dưới biển này không do bàn tay con người duy trì? Biết đâu tôi chẳng gặp ở đây những người bạn, những người đồng chí của Nê-mô, đang sống một cuộc đời độc đáo như Nê-mô? Biết đâu tôi chẳng gặp cả một đám người vì chán ghét những ràng buộc trên mặt đất mà đi tìm độc lập tự do dưới đáy biển? Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi. Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước, thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên. Con đường chúng tôi đi ngày càng sáng tỏ. Một ánh hào quang trăng trắng phát ra từ phía sau ngọn núi cao hơn đáy biển hai trăm mét. Nhưng ánh hào quang đó chỉ phản ánh những tia sáng bị khúc xạ trong nước biển. Bản thân cái nguồn phát sáng thì ở bên kia ngọn núi. Thuyền trưởng Nê-mô vững bước giữa những đống đá ngổn ngang. ông ta rất thông thạo con đường này. Tôi yên tâm đi theo Nê-mô. Đối với tôi, Nê-mô giống như một vị thần biển! Tôi ngắm nhìn vóc người cao lớn của Nê-mô in trên ánh hồng. Một giờ đêm chúng tôi tới chân núi. Nhưng muốn trèo lên sườn núi dốc đứng thì phải theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa rừng cây rậm rạp. Đây đúng là một rừng cây đã chết, trụi hết lá, đã hóa đá vì tác động của muối biển... Cảnh tượng thật chẳng lời lẽ nào tả xiết! Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đi trước. Tôi không muốn bị tụt lại nên cố theo sát Nê-mô. Chiếc gậy rất được việc. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con đường hẹp. Tôi nhảy qua những khe núi sâu mà nếu ở trên cạn thì tôi đành chịu không dám vượt...”*  (Trích *Chương 33*-*Hai vạn dặm dưới đáy biển*- Junles Verne; Lê Anh - Đỗ Ca Sơn) dịch từ bản tiếng Nga; NXB Văn học)  **Câu 1:** Em hãy cho biết đoạn trích trên thuộc loại văn bản nào?  **Câu 2:** Điều gì kích thích tính tò mò của nhân vật “tôi” đến cao độ?  **Câu 3:** Đoạn văn trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?  **Câu 4:** Vì sao thuyền trưởng Nê-mô lại tự tin trong cuộc thám hiểm ở dưới đáy biển được nêu trong đoạn trích?  **Câu 5**: Câu sau dùng cụm chủ-vị để mở rộng thành phần nào?  *“Tôi thoáng thấy những đống đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín”*  **Câu 6:** Theo em, việc khám phá, thám hiểm những miền đất lạ có quan trọng đối mỗi người hay không? Vì sao?  **Câu 7:** Em hãy nêu hai đến ba cách để có thể khám phá được những vùng đất mới lạ. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản thông tin

**Câu 2**: Điều kích thích tính tính tò mò của nhân vật tôi lên đến cao độ là Lửa cháy trong nước.

**Câu 3:** Đoạn trích thuộc ngôi kể thứ nhất

**Câu 4:** Thuyền trưởng Nemo tự tin thám hiểm dưới đáy biển Ông đã từng thám hiểm ở vị trí này

**Câu 5:** Câu sau dùng cụm chủ-vị để mở rộng thành phần nào?

*“Tôi thoáng thấy những đống đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín”*

Mở rộng thành phần vị ngữ.

**Câu 6**: HS trả lời có hoặc không, có lý giải phù hợp.

**Câu 7:** HS nêu được ít nhất 02 cách thức khám phá những vùng đất mới lạ.

**4. Dạng viết ngắn**

**Đề bài: Nhân vật nào trong văn bản Bạch tuộc để lại cho em nhiều ấn tượng nhất? Hãy miêu tả (khoảng 4 – 5 dòng) hoặc vẽ trên giấy chân dung nhân vật này.**

**Gợi ý trả lời:**

- Trong văn bản Bạch tuộc, nhân vật em ấn tượng nhất là Nê-mô, đó là một con người gan dạ, dũng cảm nhưng cũng hết sức gần gũi và yêu thương mọi người.

- Miêu tả Nê-mô: thủy thủ cao lớn đầu quấn chiếc khăn kẻ đen cầm chiếc rìu trên tay lao tới bổ phập phập vào mép tàu –nơi cánh tay thủy quái đang bám vào. Mỗi nhát phập là một cánh tay tuột ra khỏi mép tàu và lặn dần xuống biển. Khi đồng đội bị một cánh tay thủy quái quấn chặt, Nê- mô liên tiếp xông tới chặt đứt vòi bạch tuộc để giải cứu cho đồng đội của mình nhưng đã bị chúng tấn công bằng loại “mực” đen. Cuộc giải cứu thất bại, Nê-mô mình nhuốm đầy máu, mặt rầu rĩ đứng dựa bên chiếc đèn pha mà ứa lệ.

**Đề bài**: Từ câu chuyện trên, em rút ra bài học gì khi gặp những tình huống khó khăn và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống?

**Gợi ý trả lời:**

- Từ câu chuyện trên em rút ra được bài học là: Khi gặp khó khăn hay hiểm nguy, hãy dũng cảm đói mặt với nó, hãy “ chiến đấu” với những thử thách đến cùng. Chiến thắng sẽ thuộc về những người kiên cường, dũng cảm, mạnh mẽ.

Hãy biết yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ những người gặp khó khăn; không nên ích kỉ, chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình mà bỏ mặc người khác.

Đoàn kết sẽ taọ nên sức mạnh để vượt qua, chiến thắng được khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

**ÔN TẬP VĂN BẢN: CHẤT LÀM GỈ**

**( RÂY BRET-BƠ-RY)**

**I. Tác giả tác phẩm**

**1. Tác giả**

\* Tiểu sử:

- Rây Bret-bơ-ry(Ray Bradbury Douglas) (22/8/1920- 5/6/2012) là một nhà văn chuyên về sáng tác các tác phẩm kinh dị, khoa học viễn tưởng và bí ẩn người Mĩ.

- Là một trong những nhà văn nổi tiếng nhất thế kỷ XX và XXI của nước Mĩ.

- Ông đã được giải thưởng Franh-klin (Franklin) và O Hen-ry (O Henry)

**2. Tác phẩm**

\* Các tác phẩm chính:

- Nổi tiếng với cuốn tiểu thuyết *451 độ F* (Fahrenheit 451, 1953) và tập hợp những câu chuyện khoa học viễn tưởng như *Xứ Tháng Mười*(The Martian Chronicles -1950) và *Người minh họa* (The Illustrated Man, 1951). Nhiều tác phẩm của ông đã được chuyển thể thành phim và chương trình truyền hình.

**\*Đề tài:** Công nghệ tương lai.

- Kể về anh trung sĩ chế ra “Chất làm gỉ” có thể phát hủy tất cả các vũ khí bằng kim loại để ngăn chặn chiến tranh.

- Em hiểu “chất làm gỉ” là chất khiến các loại súng máy, vũ khí chiến tranh bị hóa thành bột hoặc vô hiệu hóa, không thể thực hiện chức năng chiến đấu, giết người gây chết chóc.

**\*Sự kiện:**

+ Đại tá muốn điều chuyển viên trung sĩ đến nơi khác.

+ Viên trung sĩ nói về ý tưởng của mình.

+ Ý tưởng của viên trung sĩ được chứng minh và đại tá muốn tiêu diệt viên trung sĩ.

**\*Nhân vật:** Truyện có những nhân vật: đại tá, viên trung sĩ, bác sĩ Mét-thiu, người lính gác.

- Nhân vật chính trong truyện là viên trung sĩ- nhà sáng chế chất làm gỉ.

**\*Tình huống:**Khi chất làm gỉ là thật thì đại tá muốn giết trung sĩ nên đã điện cho người lính gác có thể giữ hoặc bắn trung sĩ nếu anh đi qua.

**\*Bố cục:**

- Phần 1 (từ đầu đến “Tạm biệt đại tá”): *Cuộc nói chuyện của trung sĩ và viên đại tá.*

- Phần 2 (còn lại): *Chất làm gỉ.*

**Nhan đề: CHẤT LÀM GỈ**

- Gỉ sét là gì?

Gỉ sét (hay rỉ sét) là sắt bị oxy hóa. Gỉ sét được hình thành do sắt kết hợp với oxy khi có mặt nước hoặc không khí ẩm. Trên bề mặt sắt thép bị rỉ hình thành những lớp vảy rất dễ vỡ, thường có màu nâu, nâu đỏ hoặc đỏ. Lớp gỉ này không có tác dụng bảo vệ sắt ở phía trong. Nếu có đủ thời gian, oxy và nước, bất kỳ khối sắt nào cũng sẽ bị gỉ hoàn toàn và phân hủy.

- Chất làm gỉ?

Sắt kết hợp với oxy và nước (ở môi trường) bị biến thành các oxít sắt, làm hư kết cấu sắt ban đầu. Tài liệu của Nhung tây

=>Dựa trên cơ sở khoa học về chất làm gỉ, viên trung sĩ đã nghiên cứu và tạo ra chất có thể phá hủy các loại vũ khí để ngăn chặn các cuộc chiến tranh => Ý tưởng về chất có thể làm cho thế giới được hòa bình => Tư tưởng nhân văn ngay từ nhan đề truyện.

**c. Ý nghĩa của chất làm gỉ**

- Mong muốn chấm dứt chiến tranh, thế giới được sống trong bình yên.

- Sự hình dung, tưởng tượng rất sinh động, phong phú về tác động của chất làm gỉ của tác giả.

**II. Định hướng phân tích văn bản**

**1. Cuộc nói chuyện giữa trung sĩ và viên đại tá**

**a. Cuộc nói chuyện giữa hai nhân vật:**

**\* *Mong muốn:***

**-** Viên đại tá muốn thuyên chuyển anh trung sĩ trẻ đi nơi khác, có thể là sang bên kia đại dương và phục vụ trong một quân đoàn nào đó thật xa.

- Muốn sống không có chiến tranh. Anh muốn biết làm cách nào đó để trong một đêm, những cỗ đại bác trên toàn thế giới biến thành sắt gỉ, những vi khuẩn trong ruột các quả bom trở thành vô hại, những chiếc xe tăng bỗng đổ rụi, chui qua mặt đường nhựa và giống như những con quái vật thời tiền sử, chúng nằm im trong các hố có lấp đầy nhựa đường.

**\* Niềm tin:**

- Viên đại tá không tin vào ý tưởng của viên trung sĩ.

- Trung sĩ rất tin tưởng vào ý tưởng của bản thân, bởi vì anh đã nghiên cứu về chất làm gỉ dựa trên cơ sở khoa học.

**\* Dự định:**

- Đại tá dự định gọi điện cho bác sĩ Mét-thiu vì đại tá nghĩ rằng viên trung sĩ cần có sự giúp đỡ của bác sĩ khám chữa.

- Anh trung sĩdự định phá hủy vũ khí chiến tranh bằng chất làm gỉ, đầu tiên là khắp châu Mỹ trong vài ngày, sau đó sẽ sang châu Âu. Trong vòng một tháng, sẽ làm cho cả thế giới tránh được thảm họa chiến tranh.

**\* Kết thúc cuộc nói chuyện:**

- Đến lúc này, đại tá vẫn chưa tin viên trung sĩ.

- Trung sĩ dùng chất làm gỉ để phá hủy tất cả các vũ khí để ngăn chặn chiến tranh.

=> Cuộc nói chuyện không mang tính xây dựng do viên đại tá và trung sĩ trẻ có cách nhìn nhận khác nhau về chiến tranh và sự tiến bộ của khoa học.

**b. Nhân vật trung sĩ trẻ:**

- Tên là Hô – lit. Là một người lính trẻ đã trải qua cuộc chiến tranh 16 năm.

- Mong muốn cao cả, tốt đẹp: Xóa bỏ vũ khí, chấm dứt chiến tranh.

- Ý tưởng thông minh, sáng tạo, dựa trên cơ sở khoa học để tạo ra chất làm gỉ phá hủy các loại vũ khí để kết thúc chiến tranh trên thế giới.

=>Trung sĩ trẻ là một người tài giỏi, có lí tưởng, có ước mơ cao đẹp.

**c. Nhân vật viên đại tá:**

- Là cấp trên của trung sĩ trẻ, có quyền lực chỉ huy đơn vị.

- Mong muốn tầm thường, vì lợi ích của cuộc chiến tranh

- Ông gạt phăng tất cả những dự định, ước mơ của trung sĩ và khăng khăng yêu cầu cấp dưới phải làm theo mệnh lệnh.

=>Viên đại tá là người có tính cách nóng nảy, bị kích động, không biết lắng nghe và tin tưởng cấp dưới, chuyên quyền độc đoán, bảo thủ.

**\* Nghệ thuật:**

- Xây dựng nhân vật qua lời đối thoại trực tiếp, từ đó bộc lộ tính cách, tâm lí của nhân vật.

- Nghệ thuật đối lập trong con người và tính cách của hai nhân vật chính thông qua đối thoại.

- Trí tưởng tượng độc đáo dựa trên sự tiến bộ của khoa học.

=> Làm nổi bật tư tưởng nhân văn của Rây Bret-bơ-ry về một thế giới không còn chiến tranh.

**2. Sự phá hủy của chất làm gỉ**

**b. Sự phá hủy của chất làm gỉ**

- Trung sĩ trẻ đã chứng minh chất làm gỉ là có thật dựa trên cơ sở khoa học.

- Chất làm gỉ có sự phá hủy ghê gớm, nó có thể biến những thiết bị quân sự, những vũ khí chiến tranh biến thành chất bột có màu vàng đỏ: Cái bút, khẩu súng, máy bay, tàu thuyền quân sự...

=>Tư tưởng nhân văn của tác giả Rây Bret-bơ-ry muốn thế giới thoát khỏi những cuộc chiến tranh, con người được sống trong hòa bình.

**\* Nghệ thuật:**

- Xây dựng tình huống bất ngờ, li kì, nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn.

- Xây dựng tâm lý, tính cách, hành động của nhân vật để bộc lộ chủ đề của tác phẩm.

=>Ước mơ chất làm gỉ dựa trên cơ sở của khoa học kĩ thuật sẽ trở thành hiện thực để cứu thế giới ra khỏi những cuộc chiến tranh.

**3. Đánh giá**

**+ Nội dung:**

Câu chuyện kể về cuộc nói chuyện giữa viên đại tá và trung sĩ trẻ về một loại chất làm gỉ có thể làm han gỉ tất cả các loại vũ khí để ngăn chặn chiến tranh trên thế giới và sự phá hủy của chất làm gỉ xảy ra thực sự bất chấp sự tức giận và sự bất lực trong việc ngăn cản trung sĩ trẻ của viên đại tá.

**+ Nghệ thuật:**

- Xây dựng nhân vật thông qua đối thoại trực tiếp, nghệ thuật đối lập làm nổi bật tính cách, hành động, lời nói của các nhân vật.

- Trí tưởng tượng phong phú, độc đáo dựa trên cơ sở của khoa học kĩ thuật.

- Xây dựng tình huống bất ngờ, li kì, nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn.

**LUYỆN TẬP**

**1. Dạng đề trắc nghiệm**

**Câu 1:** Truyện “Chất làm gỉ” thuộc thể loại nào?

A. Truyện trinh thám

B. Truyện khoa học

**C. Truyện khoa học viễn tưởng**

D. Truyện truyền kì

**Câu 2:** Dòng nào nêu đúng tên các nhân vật của truyện?

**A. Đại tá, viên trung sĩ (Hô-lít), bác sĩ Mét-thiu, người lính gác**

B. Đại tá, viên trung sĩ, người cận vệ

C. Đại tá Hô-lít, viên trung sĩ, bác sĩ Mét-thiu, người lính gác

D. Đại tá, viên trung sĩ Mét-thiu, bác sĩ Hô-lít, người lính gác

**Câu 3:** Đâu không phải là các sự kiện chính của truyện?

A. Đại tá muốn điều chuyển viên trung sĩ đến nơi khác.

B. Viên trung sĩ nói về ý tưởng muốn phá hủy tất cả vũ khí bằng chất gỉ sét.

C. Ý tưởng của viên trung sĩ được chứng minh và đại tá muốn tiêu diệt viên trung sĩ.

**D.Viên trung sĩ bị bắt giam chờ ngày xử tội.**

**Câu 4:** Dòng nào không nêu đúng những dự định mà viên trung sĩ đã nói với đại tá?

A. Sẽ phá hủy các vũ khí chiến tranh bằng chất làm gỉ.

**B. Sẽ phá hủy các căn cứ quân sự bằng khí độc.**

C. Đầu tiên sẽ đi khắp châu Mỹ trong vài ngày, sau đó sẽ sang châu Âu để phá hủy các vũ khí chiến tranh bằng chất làm gỉ.

D. Mục tiêu trong vòng một tháng, thế giới sẽ tránh được thảm họa chiến tranh.

**Câu 5:**

Em hiểu “chất làm gỉ” là gì?

A. Là một chất hóa học có thể phá hủy mọi thứ vũ khí.

**B. Là chất tạo ra phản ứng khiến cho các loại vũ khí bằng kim loại đều bị gỉ và tan thành bụi.**

C. Là một phép thuật có khả năng phá hủy mọi thứ.

D. Là một thiết bị mà con người có thể dùng để điều khiển theo ý muốn.

**Câu 6:**Ý tưởng làm hoen gỉ các vật bằng kim loại của viên trung sĩ dựa trên cơ sở nào?

**A. Dựa vào cấu trúc của các nguyên tử xác định.**

B. Không dựa trên cơ sở thực tế nào

C.Dựa vào cơ chế hoạt động của hơi nước.

D. Dựa vào một nhân tố bí ẩn có khả năng phá hủy các vật bằng kim loại.

**Câu 7:** Vì sao người lính gác không thể làm theo lệnh của đại tá?

A. Vì người lính gác đã bị ý tưởng của viên trung sĩ chinh phục.

**B. Vì khẩu súng của người lính gác đã biến thành vụn sắt gỉ màu vàng.**

C. Vì người lính gác đã bị khống chế.

**Câu 8:** Dòng nào không nêu đúng nhận xét về tính cách của nhân vật viên đại tá?

A. Thiếu tin tưởng người khác

B. Thiếu sự đồng cảm, lắng nghe

C. Nóng giận và kích động

**D. Bình tĩnh khi giải quyết vấn đề và tin tưởng cấp dưới**

**Câu 9:** Ý tưởng về chất làm gỉ của viên trung sĩ có ý nghĩa gì?

**A. Ý nghĩa nhân văn, muốn cho thế giới không có chiến tranh, tránh được các thảm họa do chiến tranh gây ra.**

B. Ca ngợi trí tưởng tượng phong phúc của con người.

C. Khẳng định tài năng của viên trung sĩ.

**Câu 10**: Truyện thể hiện ước mơ gì của người viết?

A. Ước mơ chinh phục vũ trụ

B. Ước mơ chinh phục những chân trời khoa học.

**C. Ước mơ về một thế giới hòa bình và sự tiến bộ của khoa học công nghệ.**

D. Ước mơ được khẳng định bản thân.

**2. Dạng đề Đọc Hiểu ngữ liệu SGk**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**  ***- Ngồi xuống đi, anh bạn trẻ- Viên đại tá nói:***  *- Cảm ơn đại tá- Người vừa bước vào nói.*  *- Tôi có nghe một số chuyện về anh- Đại tá nói với giọng thân tình- Thực ra không có gì đặc biệt lắm. Nghe nói anh bị căng thẳng thần kinh và làm việc gì cũng không thành. Tôi đã nghe được chuyện này từ cách đây vài tháng và bây giờ quyết định mời anh đến để nói chuyện. Tôi cũng đã nghĩ đến chuyện thuyên chuyển anh đi nơi khác không biết anh có muốn hay không. Có thể, anh muốn sang bên kia đại dương và phục vụ trong một quan đoàn nào đó thật xa chăng?Làm việc ở văn phòng có lẽ anh đã thấy chán? Có thể anh muốn ra mặt trận?*  *- Có lẽ không- Viên trung sĩ trẻ đáp.*  *- Vậy thì, thực sự anh muốn gì?*  *- Anh trung sĩ nhún vai, đưa mắt nhìn hai bàn tay mình.*  *- Tôi muốn sống không có chiến tranh. Tôi muốn biết làm cách nào đó để trong một đêm, những cỗ đại bác trên toàn thế giới biến thành sắt gỉ, những vi khuẩn trong ruột các quả bom trở thành vô hại, những chiếc xe tăng bỗng đổ rụi, chui qua mặt đường nhựa và giống như những con quát vật thời tiền sử, chúng nằm im trong các hố có lấp đầy nhựa đường. Đó, mơ ước của tôi là như vậy đó.*  *- Đó là ước mơ tự nhiên của mỗi người trong chúng ta.- Đại tá nói- Nhưng lúc này, hãy dẹp những câu chuyện lí tưởng này sang một bên, và hãy nói cho chúng tôi biết, chúng tôi phải gửi anh đi đâu. Anh có thể lựa chọn hoặc là quân đoàn phía tây, hoặc là quân đoàn phía bắc.- Ông goc ngón tay lên tấm bản đồ đang trải trên bàn.*  *Viên trung sĩ vẫn tiếp tục nói, giơ hai bàn tay lên và ngắm nhìn những ngón tay:*  *- Các vị chỉ huy như ông sẽ làm gì, những người lính chúng tôi sẽ làm gì, cả thế giới sẽ làm gì nếu như sáng mai kia khi thức dậy, bao nhiêu khẩu đại bác đều trở nên vô dụng?*  *Đến lúc này thì đại tá mới hiểu rằng cẩn thận trong khi nói chuyện với anh chàng này. Ông bình tĩnh mỉm cười.[...]*  (Trích “*Chất làm gỉ”*củaRây Bret-bơ-ry,*Truyện khoa học viễn tưởng chọn lọc*, Thái Hà dịch, NXB trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016)  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính và nội dung của đoạn văn bản.  **Câu 2**.Đoạn trích xuất hiện mấy nhân vật? Nêu quan hệ của các nhân vật và cách nhà văn thể hiện về các nhân vật đó.  **Câu 3. Đại tá muốn làm gì với trung sĩ? Ý muốn của đại tá thể hiện ở câu văn nào? Vì sao ông ta có ý tưởng đó?**  **Câu 4: Qua câu trả lời của trung sĩ em** hiểu "chất làm gỉ" là gì? Ý tưởng làm hoen gỉ các vật bằng kim loại của viên trung sĩ dựa trên cơ sở nào?  **Câu 5.**Sự hình dung, tưởng tượng rất sinh động, phong phú về tác động của chất làm gỉ được tác giả thể hiện rõ ở đoạn văn nào?  **Câu 6.** Ý tưởng dùng chất làm gỉ để vô hiệu hóa tất cả các vũ khí làm bằng kim loại của viên trung sĩ có ý nghĩa gì?  **Câu 7. Ước muốn của trung sĩt**hể hiện ước mơ gì của người viết? Điều đó còn có ý nghĩa với xã hội hiện nay không? Vì sao? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.**

- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

- Nội dung: Kể về cuộc trò truyện của đại tá với viên trung sĩ quanh sự kiện đại tá muốn điều chuyển viên trung sĩ đến nơi khác và ước muốn của trung sĩ.

**Câu 2:**

- Đoạn trích xuất hiện hai nhân vật**:** đại tá, viên trung sĩ. Đại tá là cấp trên của trung sĩ.

- Nhân vật chính trong truyện là viên trung sĩ.

**Câu 3.** Đại tá muốn chuyển trung sĩ đến nơi khác.

- Ý muốn của đại tá thể hiện ở các câu văn: “*Tôi cũng đã nghĩ đến chuyện thuyên chuyển anh đi nơi khác không biết anh có muốn hay không. Có thể, anh muốn sang bên kia đại dương và phục vụ trong một quan đoàn nào đó thật xa chăng? Làm việc ở văn phòng có lẽ anh đã thấy chán? Có thể anh muốn ra mặt trận?”*

- Lí do đại tá muốn chuyển trung sĩ: Vì cho rằng anh có những ý nghĩ điên rồ, *căng thẳng thần kinh và làm việc gì cũng không thành*

**Câu 4:**

**- Qua câu trả lời của trung sĩ em** hiểu "chất làm gỉ" ở đây là chất tạo ra phản ứng khiến cho các loại vũ khí bằng kim loại đều bị gỉ, tan thành bụi.

- Ý tưởng làm hoen gỉ các vật bằng kim loại của viên trung sĩ dựa trên cơ sở cấu trúc của các nguyên tử xác định.

**Câu 5.**Sự hình dung, tưởng tượng rất sinh động, phong phú về tác động của chất làm gỉ được tác giả thể hiện rõ ở những đoạn văn:

*"- Tôi muốn sống không có chiến tranh... như vậy đó".*

*"- Không, tôi nói hoàn toàn ... thành bụi ngay".*

*"Ông sờ các túi áo... những chiếc lốp cao su lăn đi một cách vô định trên mặt đường*".

**Câu 6.** Ý tưởng dùng chất làm gỉ để vô hiệu hóa tất cả các vũ khí làm bằng kim loại của viên trung sĩ có ý nghĩa nhân văn, muốn cho thế giới không có chiến tranh, tránh được các thảm họa do chiến tranh gây ra.

**Câu 7.**Truyện thể hiện ước mơ của người viết về một thế giới hòa bình và sự tiến bộ của khoa học công nghệ. Điều đó còn nguyên ý nghĩa với xã hội hiện nay. Vì xã hội hiện nay vẫn cần có sự phát triển của khoa học công nghệ, đồng thời cần gìn giữ được hòa bình.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**  *Ông nghe thấy tiếng “cạch" và bắt đầu quay số khác.*  *- A lô, lính gác đâu? Có một người mà chác anh cũng biết, tên là Hô-lít(Hollis), bất cứ lúc nào cũng có thể đi qua chỗ anh. Hãy giữ anh ta lại. Nếu cần, hãy bắn anh ta. Không phải hỏi han dì cả, hãy giết cái thằng vô lại ấy đi, hiểu chưa? Đại tá đây. Phải, hãy giết hắn ta... anh nghe rõ không?*  *- Nhưng… xin lỗi…- Từ đầu dây bên kia có giọng kinh ngạc phản đối- Tôi không thể…!*  *- Anh muốn nói gì vậy, quỷ tha ma bắt anh đi! Tại sao lại không thể?*  *- Tại vì…*  *Giọng nói đứt quãng, trong ống điện thoại nghe rõ tiếng thở hổn hển của người lính gác. Đại tá lắc mạnh ống điện thoại:’*  *- Chú ý! Hãy cầm lấy súng!*  *- Tôi không thể bắn được. - Người lính gác đáp.*  *Đại tá ngồi phịch xuống ghế, nhăn mặt và thở gấp trừng nửa phút. Ông không nhìn thấy và không nghe thấy gì, nhưng ông biết rằng ở đó, phía sau những bức tường này, những khẩu súng đang biến thành vụn sắt gỉ màu vàng, những chiếc máy bay thì tan vụn ra thành đám bụi xám bị gió cuốn đi bay lả tả, những chiếc xe tăng từ từ chìm vào lớp nhựa đường nóng chảy, như những con quái vật thời tiền sử một thời bị rơi vào những cái hố nhựa đường, đúng như lời viên trung sĩ trẻ nói lúc nãy. Những chiếc xe tải biến thành những đám mây màu da cam, chỉ còn lại những chiếc lốp cao su lăn đi một cách vô định trên mặt đường.*  *- Thưa ngài…- Viên lính gác nhìn thấy tất cả cảnh tượng đó nói- Tôi thề với ngài…*  *- Nghe đây! Hãy nghe tôi nói đây! - Đại tá hét to- Hãy đi theo hắn, trói tay hắn lại, phải giữ được hắn! Tôi sẽ đến chỗ anh ngay bây giờ!*  *Nói rồi ông quảng ống nghe xuống. Theo thói quen, ông kéo chiếc ngăn kéo cuối cùng ra để lấy súng lục. Cái bao da màu nâu đầy sắt vụn rỉ, Ông văng tục một cái và nhảy tránh xa cái bàn. Trong lúc chạy qua văn phòng, ông vớ được một cái ghế tựa “Bằng gỗ”- ông chợt nghĩ- Một loại “gỗ lim rất chắc”. Ông đập cái ghế vào tường hai lần làm nó long ra. Sau đó ông cầm lấy một cái chân ghế, nắm chặt trong tay. Mặt ông tím lại vì tức giận, mồm há rộng để hớp không khí. Để thử, ông cầm chân ghế đập mạnh một cái vào tay mình. “Được đấy!”- Ông hét to. Vừa gào lên như điên, ông vừa chạy ea ngoài và đóng sập cửa lại.*  (Trích “*Chất làm gỉ”* Rây Bret- bơ- ry, *Truyện khoa học viễn tưởng chọn lọc*, Thái Hà dịch, NXB trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016)  **Câu 1**. Đoạn trích kể chuyện gì?  **Câu 2**.Vì sao người lính gác không thể làm theo lệnh của đại tá? Câu 3.Kết thúc truyện có gì đặc sắc? Liệu đại tá có làm gì được viên trung sĩ không? **Câu 4.** Nêu nhận xét của em về tính cách đại tá. Qua thái độ của đại tá trước ý tưởng “Chất làm gỉ”của trung sĩ em có suy nghĩ gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.**Đoạn trích kể về ý định muốn giết trung sĩ của đại tá và sự thất bại của ông ta.

**Câu 2.** Người lính gác không thể làm theo lệnh của đại tá vì khẩu súng của người lính gác đã biến thành vụn sắt gỉ màu vàng.

**Câu 3.** Kết thúc truyện đặc sắc ở chỗ, đại tá đã không dùng đến vũ khí bằng sắt, thép mà dùng vũ khí bằng gỗ để tóm viên trung sĩ. Đại tá có thể làm gì được viên trung sĩ vì đại tá có sức khỏe và vũ khí gỗ chắc nịch. Đại tá cũng có thể không làm gì được viên trung sĩ vì anh ta đã có sự chuẩn bị từ trước.

**Câu 4.** Và những chi tiết miêu tả ta thấy nhân vật đại tá là một người có tính cách nóng nảyvà độc đoán, thiếu tin tưởng người khác, thiếu sự đồng cảm, lắng nghe, có sự kích động. Những sáng tạo khoa học mới không dễ gì được mọi người chấp nhận ngay.

**3. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 4**  *Đối với vi trùng, chúng ta có kháng sinh là vũ khí hỗ trợ đắc lực cho hệ miễn dịch của cơ thể. Song với virus, toàn bộ gánh nặng đều được đặt lên vai hệ miễn dịch. Điều này giải thích, tại sao virus corona gây chết người ở người lớn tuổi, có bệnh mãn tính nhiều hơn. Tất nhiên, vẫn còn hai bí ẩn: nó gây chết nam giới nhiều hơn, và trẻ em - người có hệ miễn dịch chưa phát triển tốt - lại ít bị nhiễm hơn.*  *Như vậy, trong đại dịch do virus corona gây ra lần này, vũ khí tối thượng mà chúng ta có là hệ miễn dịch của chính mình. Tất cả các biện pháp đang được khuyến cáo như mang khẩu trang, rửa tay, tránh tiếp xúc... chỉ hạn chế khả năng virus này xâm nhập vào cơ thể ta. Còn khi nó đã xâm nhập rồi, chỉ có hệ miễn dịch mới cứu được chúng ta.*  *Muốn cho hệ miễn dịch khỏe mạnh, cần ăn uống đủ chất, đủ vitamin, tập luyện thể thao. Đặc biệt, lối sống vui vẻ, lạc quan giúp hệ miễn dịch rất nhiều.*  *(Trích bài Cái giá của khẩu trang, Bác sĩ Võ Xuân Sơn trên báo vnexpressnet, 5/2/2020)*  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?  **Câu 2**. Câu: “*Tất cả các biện pháp đang được khuyến cáo như mang khẩu trang, rửa tay, tránh tiếp xúc... chỉ hạn chế khả năng virus này xâm nhập vào cơ thể ta*” xét theo mục đích nói thuộc kiểu câu gì?  **Câu 3**. Theo tác giả muốn cho hệ miễn dịch khỏe mạnh, ta cần phải làm gì? |

**Gợi ý trả lời**

|  |
| --- |
| **Câu 1**: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là **nghị luận** |
| **Câu 2**: Xét kiểu câu theo phân chia mục đích nói, câu: *“Tất cả các biện pháp đang được khuyến cáo như mang khẩu trang, rửa tay, tránh tiếp xúc... chỉ hạn chế khả năng virus này xâm nhập vào cơ thể ta”* thuộc kiểu **câu trần thuật** |
| **Câu 3**: Theo tác giả muốn cho hệ miễn dịch khỏe mạnh:  - Cần ăn uống đủ chất, đủ vitamin  - Tập luyện thể thao.  - Đặc biệt, lối sống vui vẻ, lạc quan giúp hệ miễn dịch rất nhiều |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn ngữ liệu sau:**  (*1)Đây là một xưởng quan trọng!- Ông Quơn-cơ nói lớn, lấy trong túi ra một chùm chìa khóa và tra một chiếc vào ổ khóa cửa. Đây là trung tâm thần kinh của toàn nhà máy, trái tim của toàn cộ công việc. Và nó mới đẹp làm sai! Ta rất chú trọng làm cho các xưởng của ta phải đẹp! Ta không thể chịu được sự xấu xí trong nhà máy! Vậy chúng ta vào nào! Nhưng phải cẩn thạn đáy, các chái thân mến của ta! Đừng có mất tỉnh táo, đừng có phấn khích! Hãy bình tĩnh!*  *Ông Quơn-cơ mở cửa. Năm đứa trẻ và chín người lớn bước vào,- Và ôi chao, một cảnh tượng kì lạ biết bao đập vào mắt họ!*  *Họ đang nhìn xuống một thung lũng rất đẹp với những đồng cỏ xanh rờn hai bên. Và ở đáy thung lũng, cuộn chảy một dòng sông nâu.*  *Điều kì dị nữa là giữa chừng luồng chảy của con sông, có một con thác lớn trên đỉnh một vách đá dựng đứng, nước cuồn cuộn trải thành một tấm màn rồi ào ào trút xuống thành một xoáy nước sôi sục đầy tia và bọt trắng xóa.*  *Bên dưới con thác(và đây là cảnh tượng đáng kinh ngạc hơn cả), là một mớ những đường ống thủy tinh kếch xù từ đâu đó tít trên trần rủ xuống vực lòng sông. Chúng quả là kếch xù, những cái đường ống ấy. Có ít nhất là một tá đường ống như vậy hút cái thứ nức bùn nâu nâu từ dòng sông lên và chở nó đi, có trời biết nó tới đâu.Vì đó là những ống thủy tinh, nên ta có thể thấy cái chất lỏng ấy chảy và sủi bọt trong đó, và trên cái nền của tiếng thác đổ, ta có thể nghe thấy tiếng ục- ục-ục không dứt của những ống hút đang hoạt động.*  *(2)Dọc hai bờ sông, cây cối mọc nom thật đẹp mắt: Liều, trác và những bụi đỗ quyên cao, với từng chìm các màu đỏ, hồng và tím nhạt. Trong những cánh đồng cỏ, hàng ngàn cây mao lương hoa vàng đua sắc.*  *-. Kia! Ông Quơn-cơ nói, vừa nhún nhảy vừa chĩa chiếc can đầu bịt vàng về phía dòng sông nâu.- Toàn sô-cô-la đấy! Từng giọt của dòng sông này đều là sô-cô-la nóng chảy thượng hảo hạng. Đích thị là thượng hảo hạng. Chỗ này có đủ sô-cô-la để đổ đầy tất cả các bồn tắm trong cả nước. Và tất cả các bể bơi nữa. Ghê không? Và hãy nhìn những đường ống của ta. Chúng hút sô-cô-la lên và tải đến tất cả các xưởng khác trong nhà máy, bất cứ nơi nào cần, Hàng ngàn lít mỗi giờ, các cháu thân mên ạ, Hàng ngàn và hàng ngàn lít.*  *Bọn trẻ và các phụ huynh sững sờ không nói nên lời. Họ bối rối. Họ bàng hoàng. Họ ngỡ ngàng và choáng váng, Họ hoàn toàn sửng sốt trước sự vĩ đại của toàn bộ cảnh tượng này. Họ chỉ biết đứng ngây ra nhìn.*  *Con thác là quan trọng bộc nhất- Ông Quơn-cơ tiếp tục- Nó nhào trộn sô-cô-la. Nó khuấy đảo sô-cô-la. Nó đập và giã sô-cô-la. Nó làm cho sô-cô-la nhẹ tơi và ngầu bọt. Không có nhà máy nào khác trên thế giới này nhào trộn sô-cô-la bằng thác nước. Nhưng đó là cách duy nhất thích hợp. Cách duy nhất. Các cháu có thấy những hàng cây của ta không?- Ông giơ chiếc can ra chỉ- Cả các bụi cây nhỏ kia nữa? Các cháu thấy chúng có có đẹp không? Ta đã nói với các cháu là ta ghét sự xấu xí mà. Cố nhiên là tất cả đều ăn được. Tất cả đều làm bằng một chất liệu khác ngon lành. Các cháu có thích đồng cỏ của ta không- cỏ và cây mao lương hoa vàng? Cỏ mà các cháu đang giẫm lên đó, các cháu thân mến của ta, đều được làm từ một loại đường mềm có bạc hà mà ta vừa sáng chế ra. Thử nếm một cọng cỏ coi. Xin mời. Rất ngon*.  (Trích: *Chaelie và nhà máy sô-cô-la*, Dương Tường dịch,  Phan Thành Đạt minh họa, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2021)  **Câu 1**. Đoạn trích cho em biết bối cảnh câu chuyện diễn ra ở đâu?  **Câu 2**. Truyện xoay quanh tình huống nào?  **Câu 3**. Lời thoại của ông Quơn-cơ mở đầu văn bản cho thấy rõ nhất thái độ nào của ông?  **Câu 4.** Cảnh tượng kì lạ được nói đến trong phần 1 của đoạn trích trên là gì?  **Câu 5**. Tính “khoa học” của đoạn truyện thể hiện yếu tố nào?  **Câu 6**. Chỉra yếu tố mang tính “viễn tưởng’ của đoạn truyện.  **Câu 7**.Tâm trạng nổi bật của những người được mời đến tham quan là gì? Tâm trạng đó được chi phối bởi yếu tố nào?  **Câu 8**. Đoạn trích khơi gợi trong em tình cảm, thái độ chủ yếu nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Bối cảnh câu chuyện diễn ra tại xưởng sản xuất sô-cô-la.

**Câu 2**. Truyện xoay quanh tình huống: Cuộc triển lãm công nghệ sản xuất sô-cô-la.

**Câu 3**. Lời thoại của ông Quơn-cơ mở đầu văn bản cho thấy rõ nhất thái độ kiêu hãnh, tự hào.

**Câu 4.** Cảnh tượng kì lạ được nói đến trong phần1 của đoạn trích trên là:

***+*** *Thung lũng với đồng cỏ xanh rờn.*

*+ Dòng sông nâu- dòng sông sô-cô-la đầy ấn tượng.*

*+ Con thác lớn, bên dưới có những đường ống thủy tinh kếch xù.*

**Câu 5**. Tính “khoa học” của đoạn truyện thể hiện yếu tố: khung cảnh nhà máy và các xưởng sản xuất sô-cô-la.

**Câu 6**.Chỉra yếu tố mang tính “viễn tưởng’ của đoạn truyện.

*+ Từng giọt nước của dòng sông đều là sô-cô-la nóng chảy thượng hảo hạng.*

*+ Con thác nhào trộn, khuấy đảo, đập và giã sô-cô-la, làm cho sô-cô-la nhẹ tơi và ngầu bọt.*

**Câu 7**.Tâm trạng nổi bật của những người được mời đến tham quan ngạc nhiên.

**Câu 8**. Đoạn trích khơi gợi trong em tình cảm, thái độ chủ yếu là: tự hào về tiềm năng đặc biệt của con người.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:**  **Câu 1**. Em thích yếu tố viễn tưởng nào trong đoạn trích nhất?Vì sao?  **Câu 2.** Tìm và lí giải về một chi tiết trong văn bản thể hiện tác giả có những hiểu biết về thanh tựu khoa học.  **Câu 3.** Em học tập được điều gì trong cách kể chuyện của tác giả?  **Câu 4.** Phần cuối văn bản có đoạn ngữ liệu trên tác giả có kể vềsự xuất hiện của những người tí hon trong xưởng sản xuất sô-cô-la “Những con người nhỏ xíu đó- Không lớn hơn những con búp bê cỡ trung bình- đã ngừng những gì họ đang làm vào lúc này, họ cũng đang nhìn lại đám người bên kia sông.Một trong số họ chỉ về phía lũ trẻ con thì thầm điều gì với bốn người kia và cả năm người phá lên cười khanh khách.  *- Cơ mà họ không thể là người thật được… Sacsli nói.*  *- Đương nhiên họ là người thaath mà*  *- Ông Quơn-cơ đáp- Họ là người Umpơ- Lum pơ(Umpa- Lumpa).*  Theo em hình ảnh những người tí hon xuất hiện cuối văn bản gợi nhắc thông điệp gì?  **Câu 5.** Tìm một số chi tiết miêu tả:  - Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về những điểm khác biệt trong cách ông sản xuất kẹo sô-cô-la mà không một nhà máy nào trên thế giới đó.  - Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp của không gian nhà máy, về những sáng chế cỏ, hoa có thể ăn được.  Từ những chi tiết đó, hãy cho biết nhân vật ông Quơn-cơ thể hiện những đặc điểm nào của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Thích yếu tố viễn tưởng: *một dòng sông nâu toàn sô-cô-la, từng giọt nước của dòng sông đều là sô-cô-la nóng chảy thượng hảo hạng. Dòng sông chứa sô-cô-la đủ để đổ đầy tất cả các bồn tắm, các bể bơi trong cả nước*.

- Lí giải: Yếu tố này vừa thể hiện sự liên tưởng logic của tác giả- dòng sông sô-cô-la, vừa cho thấy sự tưởng tượng táo bạo, thú vị có khả năng kích thích niềm vui sướng của trẻ em(vốn rất mê sô-cô-la).

**Câu 2.** Chi tiết miêu tả những ống thủy tinh hút nước khi vận chuyển sô-cô-la trong các đường ống, *chất lỏng chảy và sủi bọt bên trong, tiếng ục-ục-ục của những ống hút nước đang hoạt động.*Chi tiết gợi ra về cách thức sản xuất sô-cô-la trong một nhà máy công nghiệp hiện đại.

**Câu 3.** Em học tập được cách kể chuyện của tác giả:

+ Yếu tố tưởng tượng sáng tạo, thú vị.

+ Lời thoại tự nhiên, sinh động.

+ Hình ảnh miêu tả sắc nét, chi tiết, giàu sức gợi.

**Câu 4.** Thông điệp gợi ra từ hình ảnh những người tí hon:

- Cuộc sống luôn tiềm ẩn những điều kì lạ.

- Những người tí hoa đang sống với chúng ta một cách “hòa bình”, hãy chấp nhận họ- chấp nhận những điều kì lạ- như một phần tất yếu của cuộc sống.

**Câu 5**:

- Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về những điểm khác biệt trong cách ông sản xuất kẹo sô-cô-la mà không một nhà máy nào trên thế giới đó: *Kìa! Toàn sô-cô-la đấy. Chỗ này có đủ sô-cô-la để đổ đầy tất cả bồn tắm thượng hạng và cả bể bơi nữa. Ghê không? Và hãy nhìn những đường ống của ta ....*

- Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp của không gian nhà máy, về những sáng chế cỏ, hoa có thể ăn được: *Và các bụi cây nhỏ kia nữa? Các cháu thấy chúng có đẹp không? ...Cố nhiên là tất cả đều ăn được ...*

- Từ những chi tiết đó, nhân vật ông Quơn-cơ thể hiện những đặc điểm người có những phát minh sáng tạo kì lạ của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng.

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**NHẬT TRÌNH SOL 6**

*( Trích tiểu thuyết Người về từ sao Hỏa - Andy-Weir)*

**I. Tác giả tác phẩm**

**1. Tác giả**

- Andy Weir sinh ngày 16/06/1972 tại California, Mỹ. Năm 15 tuổi, ông được thuê làm lập trình viên cho một phòng thí nghiệm quốc gia và kể từ đó đến nay, vẫn làm việc như một kỹ sư phần mềm.

- Ông rất đam mê khoa học không gian, thích nghiên cứu thuyết tương đối, cơ học quỹ đạo và lịch sử du hành vũ trụ có người lái.

- Người về từ sao Hỏa (Tên gốc: The Martian) là tiểu thuyết đầu tay, được ông bắt đầu viết từ năm 2009. Bị từ chối bởi nhiều nhà xuất bản, Andy Weir đã quyết định đăng tác phẩm trên website cá nhân dưới dạng truyện dài kỳ cho độc giả đọc miễn phí. Sau đó, trước yêu cầu của người hâm mộ, ông đã phát hành phiên bản Amazon Kindle với giá tối thiếu 99 cent. Trong vòng ba tháng, phiên bản Kindle đã bán được 35,000 bản, nằm trong top sách khoa học giả tưởng bán chạy nhất của Amazon. Thành công này đã thu hút sự chú ý của các nhà xuất bản, và đến năm 2013, sách đã được ký hợp đồng xuất bản dưới dạng audiobook và sách giấy. Bộ phim cùng tên chuyển thể từ cuốn sách, với sự tham gia của Matt Damon, đã trở thành bom tấn của mùa thu 2015 và được giới chuyên môn đánh giá rất cao, nhận được 7 đề cử cho giải Oscar.

**2. Tác phẩm**

b. Xuất xứ: Trích tiểu thuyết Người về từ sao Hỏa

c. Thể loại: Văn bản thuộc thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

- Đề tài: Du hành vũ trụ

- Sử dụng ngôi thứ nhất (lời kể của nhân vật Tôi).

d. Bố cục: Văn bản chia làm 2 phần

+ P1: (Đầu – tình trạng này quá lâu): Nguyên nhân và quá trình mắc nạn của tôi

+ P2: Còn lại: Tình cảnh và những nguy cơ mà tôi gặp phải khi mắc kẹt lại sao hỏa.

**II. Phân tích văn bản**

**1. Nguyên nhân và quá trình mắc nạn của nhân vật tôi**

**a. Nguyên nhân:**

- Trận bão cát ác liệt đã khiến Na Sa hủy nhiệm vụ. Tôi cùng những người đồng hành phải từ căn cứ quay lại tàu không gian (MAV) trong bộ đồ chuyên dụng của phi hành gia.

**b. Quá trình mắc nạn và vượt qua của tôi**

- Đĩa liên lạc bị gió thổi bay đâm vào ăn ten thu tầm.

- Một trong những chiếc đăng tên đâm vào tôi xuyên qua áo du hành -> Tôi cảm nhận cơn đau đớn nhất cuộc đời xé toạc một bên người Tài liệu của Nhung tây

+ Áp xuất trong bộ đồ giảm, đôi tai ù lên đau đớn

- Tôi thức dậy nhờ tiếng báo động ôxi trong bộ đồ

+ Chiếc ăng –ten xuyên thủng bọ đồ và bên hông.

+ Tôi bị đánh bật xa về phía sau, lăn xuống một ngọn đồi dốc…

+ Máu tuôn trào từ vết thương…bộ đồ trung hòa trở lại -> Bộ đồ du hành đã cứu nhân vật tôi sống sót

- Sau khi tỉnh lại:

+ Cẩn thận xem xét bên hông, khắc phục lỗi hỏng trên bộ đồ

+ Rút đăng ten ra khỏi người dù đau đớn

=>Trí tưởng tượng phong phú, kết hợp với vốn hiểu biết sâu về KH, tác giả đã tạo ra một tình huống nguy hiểm đặc biệt khiến nhân vật đối diện với tử thần, làm nền tảng cơ sở cho những tình tiết truyện phát sinh về sau.

- Bằng một chút may mắn, vốn kiến thức tích lũy từ trước, cùng với sự dũng cảm, kiên cường, nhân vật tôi đa bình tĩnh xử lý trước những vấn đề khó khăn và TẠM THỜI vượt qua được nguy hiểm.

\* Những chi tiết cho thấy tác giả dựa vào thành tựu của khoa học:

- Những chuyến du hành vũ trụ, khám phá các hành tinh trong đó có sự thật con người đã đặt chân đến sao Hỏa. Tài liệu của Nhung tây

- Tàu vũ trụ, áo phi hành gia, các thiết bị liên lạc, thông tin ...

\* Những chi tiết tưởng tượng của nhà văn:

- Cơn bão cát trên sao Hỏa

- Căn cứ Háp

- Quá trình tôi gặp nạn và vượt qua tai nạn

=> Tác giả đã dựa trên những thành tựu của khoa học và công nghệ cùng với những hiểu biết của mình và trí tưởng tượng phong phú để sáng tạo nên một câu chuyện kịch tính, li kì, hấp dẫn, mở ra một thế giới mới mẻ, thú vị cho độc giả.

**2. Tình cảnh và những nguy cơ mà tôi phải đối mặt khi mắc kẹt tại sao Hỏa?**

- Điều khiến “*tôi vui mừng khôn tả”*: Căn Háp vẫn còn nguyên vẹn

- Điều khiến “*Tôi buồn da diết”:* Chiếc MAV đã đi rồi

=> MAV là thiết bị kết nối liên lạc với căn cứ dưới trái đất và là phương tiện duy nhất cỏ thể đưa đoàn phi hành gia trở về trái đất.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tâm trạng, suy nghĩ của tôi** | **Hành động** |
| **- Khi trở về Háp:** biết mình tàn đời nhưng không muốn chết  - Biết vô vọng không có cách nào liên lạc với Hơ - mét | - Lần mò tìm khóa khí, mở cửa vào căn cứ  - Sau khi vào: Cởi bộ đồ phi hành, xem xét rõ ràng vết thương, khâu nó lại  - Vẫn cố khởi động thiết bị liên lạc, kiểm tra bộ đồ của mình |

=>Suy nghĩ, nhìn nhận thẳng thắn vào tình cảnh của mình. Hành động nhanh nhẹn, dứt khoát, không chịu từ bỏ hy vọng dù trong hoàn cảnh tuyệt vọng.

\* Tình cảnh của nhân vật tôi

- Mắc kẹt trên sao Hỏa, không có cách nào liên lạc với trung tâm. Ở Trái đất ai cũng nghĩ rằng mình đã chết.

- Nguy cơ có thể gặp:

+ Nếu máy oxi hỏng => Chết ngộp

+ Máy lọc nước hóng => Chết khát

+ Căn Háp thủng lỗ => Tôi nổ tung

+ Hết thức ăn => Đói chết

=> Tình huống vô cùng khó khăn tuyệt vọng, phải đối diện với nhiều nguy cơ mang tính sinh tồn, chưa có cách giải quyết.

- Tình huống đột ngột bất ngờ, có phần li kì, mạo hiểm -> Đặc trưng về tình huống trong truyện KHVT

=> Tác dụng: Tăng sức hấp dẫn, thu hút người đọc dõi theo câu chuyện.

**3. Đánh giá**

**+ Nghệ thuật**

- Đề tài hấp dẫn, mang tính hiện đại

- Ngôi kể thứ nhất làm câu chuyện chân thực, bộc lộ cảm xúc của người kể chuyện.

- Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, thú vị khi tạo ra tình huống truyện bất ngờ li kì, hấp dẫn.

**+ Nội dung, Bài học**

- Văn bản kể về tình cảnh khi gặp nạn và những nguy cơ mà phi hành gia Mark Watney phải đối mặt

- Truyện này có tính chất viễn tưởng bởi nó có nhiều yếu tố tưởng tượng, hư cấu dựa trên những kiến thức thành tựu của khoa học vũ trụ hiện đại, đề tài mới lạ, gắn với công nghệ tương lai kết hợp với bối cảnh vũ trụ hùng vĩ, bí hiểm.

- Bài học: Khi gặp khó khăn hay hiểm nguy, hãy bình tĩnh dũng cảm đối mặt với nó. Kiến thức và những kĩ năng của bản thân sẽ giúp chúng ta vượt qua nguy hiểm. Trong mọi tình huống đừng bao giờ tuyệt vọng.

**III. Luyện tập**

**1. Dạng bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**  *Chiếc MAV là một con tàu không gian. Nó có nhiều bộ phận tinh xảo. Nó có thể chịu những cơn bão đến độ nào đó nhưng chỉ là nó không thể bị bão cát đánh vào mãi được. Sau một giờ rưỡi chịu trận, những cơn gió không dứt, Na Sa ra lệnh hủy nhiệm vụ. Không ai muốn ngừng một phi vụ một tháng chỉ mới sau sáu ngày nhưng nếu chiếc MAV chịu thêm sự trừng phạt nào nữa thì tát cả chúng tôi đều bị mắc kẹt ở đây.*  *Chúng tôi phải đi ra ngoài trong cơn bão từ chỗ căn Háp đến chiếc MAV. Chuyện đó khá là mạo hiểm, nhưng chúng tôi có sự chọn lựa nào khác chứ? Mọi người đều đến nơi, trừ tôi.*  *Đĩa liên lạc chính của chúng tôi, dùng để gửi tín hiệu từ căn Háp đén Hơ-mét, hoạt động như một cái dù bay, đã bị dỡ khỏi bệ đỡ của nó và bị thổi bay theo dòng xoáy. Trên đường bay, nó đâm sầm vào mạng ăng-ten thu tầm. Rồi một trong những chiếc ăng-ten dài mỏng bay thẳng, đâm vào người tôi. Nó xuyên thủng qua bộ đồ của tôi ngọt xớt như đạn bắn vào bơ sữa và tôi cảm nhận được cơn đau đớn nhất cuộc đời mình, như thể nó đã xé toạc một bên người tôi. Tôi nhớ mang máng bỗng dưng cơn gió hút mạnh vào người tôi và đôi tai tôi ù lên đau đớn khi áp suất trong bộ đồ của tôi giảm dần, xì hết ra ngoài.*  *Điều cuối cùng tôi nhớ là đã thấy Giô-han xen(Johanssen) tuyệt vọng nhìn theo hướng của tôi.*  *Tôi thức dậy nhờ tiếng báo động ôxi (ôxygen)trong bộ đồ. Tiếng bíp bíp đều đặn đáng ghét cuối cùng cũng kéo tôi trở lại từ khao khát mãnh liệt sâu sắc rằng xin được chết đi cho rồi.*  *Cơn bão đã dịu đi, tôi đang nằm sấp, gần như bị chôn vùi trong cát. Khi tôi chếnh choáng đứng lên, tôi tự hỏi vì sao tôi chưa chết, chết nữa, chết mãi cho rồi.*  *Chiếc ăng-ten có đủ lực để chọc xuyên thủng bội đồ và bên hông tôi, nhưng nó bị chung chậu của tôi chặn lại. Cho nên chỉ có một cái lỗ trên bộ đồ(và đương nhiên một cái lỗ trên người tôi).*  *Tôi đã bị đánh bật ra khá xa về phía sau và lăn xuống một ngọn đồi dốc. Bằng cách nào đó, mặt tôi tiếp đất, nhờ đó, chiếc ăng-ten phải nằm vào một góc chếch sắc đến độ đưa một lực xoáy rất lớn vào cái lỗ trên áo.*  (*Người về từ Sao Hỏa,* Nguyễn Thị Lan Hương dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2016)  **Câu 1.** Đoạn truyện kể về sự kiện gì?  **Câu 2**. Ai kể chuyện và kể ở ngôi thứ mấy?Nêu tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể ấy.  **Câu 3**. Dựa vào nội dung đoạn trích em hãy cho biết đề tài và bối cảnh không gian của câu chuyện thể hiện trong tác phẩm có đoạn trích trên là gì?  **Câu 4**. Vì sao nhân vật tôi bị thương?  **Câu 5.** Tại sao chiếc MAV được coi là quan trọng nhất? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Kể về sự cố bão cát trên Sao Hỏa mà đoàn phi hành gia Hơ-mét của nhân vật tôi gặp phải.

**Câu 2.** Ngôi kể: Ngôi 1.Người kể: Xưng “tôi”, “chúng tôi” đó là một phi hành gia, làm cho chuyện kể chân thực, người kể có thể bộc lộ suy nghĩ của mình.

**Câu 3.** Đề tài “du hành vũ trụ”.Không gian vũ trụ- trên sao hỏa.

**Câu 4**. Do bão cát , “*một trong những chiếc ăng-ten dài mỏng bay thẳng, đâm vào người tôi. Nó xuyên thủng qua bộ đồ của tôi,làm tôi bị thương.***Câu 5**. Chiếc MAV được coi là quan trọng nhất vì nó là một con tàu không gian có nhiều bộ phận tinh xảo. Đó là một con tàu không gian để các nhà du hành rời sao Hỏa về trạm vũ trụ trên quỹ đạo có tên Hơ-mét, sau khi hoàn thành công việc.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi sau:**  *Tôi loạng choạng đi lên đồi trở về căn Háp. Khi nhấp nhô bước lên tới đỉnh, tôi thấy một thứ khiến tôi vui mừng không tả và một thứ khiến tôi buồn da diết. Căn Háp vẫn nguyên vẹn và chiếc MAV đã đi rồi.*  *Ngay lúc đó tôi biết mình đã tàn đời. Nhưng tôi không muốn chết ngay trên bề mặt này. Tôi khập khiễng về căn Háp và lần mò tìm cái khóa khí.Ngay khi nó được trung hòa, tôi ném cái mũ của mình ra.*  *Bước vào căn Háp, tôi cởi bộ dồ phu hành và lần đầu được xem xét rõ ràng vết thương của mình. Nó cần được khâu lại.May thay, tất cả bọn tôi đều được huấn luyện những thủ thuật y tế cơ bản, và vật dụng y tế được trang bị trong căn Háp thật quá xuất sắc. Một mũi tiêm nhanh để gây tê, lau chùi sạch sẽ, chín mũi khâu, thế là xong. Tôi sẽ phải uống thuốc kháng sinh vài tuần, nhưng ngoài chuyện đó ra thì tôi sẽ ổn thôi.*  *Tôi biết đó là cô vọng, nhưng tôi vẫn cố khởi động thiết bị liên lạc. Không có tín hiệu, đương nhiên rồi. Đĩa vệ tinh chính đã tách rời, nhớ không nào? Và nó còn đemtheo cả chiếc ăng-ten thu tín hiệu nữa. Căn Háp có hệ thống liên lạc phục thứ hai và thứ ba, nhưng chúng chỉ để liên lạc với chiêc MAV, và nó lại phải dùng một hệ thống mạnh hơn thì mới chuyển tải thôg tin đến Hơ-mét được. Cái nữa là, cách đó chỉ thực hiện được khi chiếc MAV vẫn còn đây. Tôi không có cách nào để liên lạc được với Hơ-mét.*  *Khi kiểm tra bộ đồ của mình, tôi thấy chiếc ăng-ten đã quét thủng máy tính giám sát hoạt động sinh hoạt của tôi. Khi ở trên EVA, tất cả những bộ đồ của cả đoàn đều được nối mạng để chúng tôi có thể biết trạng thái của nhau. Những người còn lại trong phi hành đoàn đã thấy áp suất trong áo tôi tụt xuống gần con số không, kế đó là những tín hiệu sinh hoạt hoàn toàn không còn.Thêm vào cảnh tôi bị ngã lăn xuống đồi với một ngọn giáo xuyên thủng vào người giữa cơn bão cát... Vâng. Họ nghĩ rằng tôi đã chết. Làm sao mà không nghĩ thế cơ chứ.*  (*Người về từ Sao Hỏa,* Nguyễn Thị Lan Hương dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2016)  **Câu 1**. Nhân vật "tôi" lâm vào tình cảnh như thế nào?Nếu rơi vào tình trạng như nhân vật tôi thì người ta sẽ có những cách ứng xử nào? Nêu cách lựa chọn của nhân vật tôi?  **Câu 2**. Điều gì đã khiến nhân vật tôi “vui mừng khôn tả” và điều gì đã khiến “tôi buồn da diết”?  **Câu 3**. Trong quá trình tìm đường trở về, nhân vật tôi đã lâm vào tình cảnh như thế nào?  **Câu 4.**Những chi tiết nào trong văn bản “Nhật trình Sol 6” thể hiện tác giả có rất nhiều hiểu biết về ngành khoa học vũ trụ?  **Câu 5.** Giả sử ở trong hoàn cảnh của nhân vật "tôi", em sẽ có suy nghĩ và hành động như thế nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Nhân vật “tôi” lâm vào tình cảnh bị ngã lăn xuống đồi với một ngọn giáo xuyên thủng vào người giữa cơn bão. Bộ đồ du hành đã giúp cho nhân vật "tôi" vượt qua được tai hoạ.

**Câu 2.**Điều khiến “tôi vui mừng khôn tả” và “tôi buồn da diết” là: Căn Háp vẫn nguyên vẹn và chiếc MAV đã đi rồi. Vì căn Háp ở lại giúp nhân vật “tôi” có thêm thời gian sống còn chiếc MAV đã đi, nhân vật “tôi” không thể trở về Trái Đất.

**Câu 3.**Mặc dù đã rất cố gắng nhưng con đường trở về của nhân vật “Tôi” rất nhiều chông gai và thực sự rất ít cơ hội thành công.

**Câu 4.** Chi tiết chứng tỏ tác giả có rất nhiều hiểu biết về ngành khoa học vũ trụ

**\*Hiểu biết của tác giả:**

+ Biết về NASA - Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Hoa Kỳ.

+ Hiểu biết về việc luyện tập những tình huống khẩn cấp khi ra ngoài vũ trụ.

+ Hiểu biết về đồ bảo hộ phi hành gia và cách sửa chữa.

**\*Những chi tiết trong văn bản thể hiện tác giả có rất nhiều hiểu biết về ngành khoa học vũ trụ là:**

- Phi vụ bay được thiết kế để chịu được cơn bão cát với sức gió 150km/h.

- Đĩa liên lạc dùng để gửi tín hiệu từ căn Háp đến Hơ-mét.

**- Cách tác giả mô tả lại sự cố:**

+ Đĩa liên lạc đâm sầm vào mạng ăng-ten thu tầm, chiếc ăng-ten xuyên thủng bộ đồ bảo hộ khiến áp suất giảm dần.

+ Máu chảy ra ngoài nhanh chóng bị bốc hơi do dòng khí lưu thông và áp suất thấp để lại một đống cặn.

+ Khi áp suất giảm, bộ đồ du hành liên tục tự làm đầy bằng khí lấy từ bình nitơ.

**Câu 5.** Em sẽ rất sợ hãi và lo lắng. Có thể em sẽ mất một khoảng thời gian khủng hoảng vì cho rằng mình tàn đời rồi. Sau đó sẽ cố gắng tìm mọi cách để có thể duy trì sự sống, sửa chữa máy móc để có thể bắt tín hiệu và liên lạc với trái đất mong sớm được trở về.

**2. Dạng đề Đọc Hiểu ngữ liệu SGk**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi**  [...]*Chúng tôi dừng chân ở một bãi cỏ vắng người phía bên kia đền và trốn trong rừng. Sẽ rất bất tiện nếu để khách du lịch phát hiện ra một con ngựa có cánh đang lai vãng dần khu thánh địa của Hy Lạp! Chúng tôi thả Thần Thoại trong rừng và nó cũng đủ thông minh để biết cách tự bảo vệ mình. Thần Đồng rủ tôi đi xuống bảo tàng dưới chân núi, nơi trưng bày bức tượng Nhân Sư quý giá.*  *Pho tượng đã bị bào mòn, không còn sắc nét nhưng vẫn nguyên vẹn vẻ cao ngạo và thần thánh. Trong khi tôi xem xét pho tượng để tìm kiếm manh mối thì hắn lại lang thang ở quầy tạp phẩm.Tính mua quà lưu niệm chắc! Hừ! Hắn thật rảnh rỗi, chẳng biết lo công việc gì cả! Tôi đành cặm cụi làm một mình vậy. Mất một lúc lâu tôi vẫn không tìm thấy dấu vết gì.*  *Bộp! Tôi bị giáng một cú vào đầu đau điếng trong khi đang cúi xem từng vết tích. Hắn! Và một cuốn sách!*  *- Làm cái quái gì vậy? Sao lại đánh người ta!*  *Hắn nhún vai như không có gì, chia cho tôi xem quyển sách.*  *- Xem đi... Đây là nơi đặt hòn đá trung tâm của vũ trụ!*  *“Trung tâm của vũ trụ”? Tôi lặp lại lời hắn. Câu đố cũng nhắc tới “trung tâm của vũ trụ”. Tôi không thể hình dung trung tâm của vũ trụ sẽ như thế nào! Nhưng cũng chỉ là một tác phẩm nghệ thuật bình thường, chẳng ra dáng trung tâm vũ trụ gì cả. Có thể đây chỉ là bản cóp-pi mà người xưa tạo nên để đánh lạc hướng thiên hạ chăng!*  *-Tớ nghĩ rằng, phiến đá đó vẫn nằm đâu đó trong đền thờ! Để tối vào đó xem... Thần Đồng bặm môi suy tính.*  *- Chúng tôi phải đợi đến lúc tối mù mịt mới dắt Thần Thoại đột nhập đền. Dưới Trăng, những cột đá hoa cương ánh lên sắc sáng bạch như những ngọn nến trắng khổng lồ. Theo sơ đồ, chúng tôi lần đến vị trí đặt hòn đá trung tâm của vũ trụ. Chẳng hiểu thật giả thế nào nhưng đâu đó đã đề cập thì hắn phải có một manh mối nào đó.*  *Theo truyền thuyết, thần Dớt(Zeus) cho hai con đại bàng bay theo chiều vuông gốc với nhau, một con bay dọc và một con bay ngang, điểm giao nhau giữa chúng chính là “cái rốn” của vũ trụ. Cả Thần Đồng và tôi đều tin “cái rốn: ấy hẳn vẫn còn trong đền chứ không thể là hòn đá Ôm-phe-lốt kia. Chúng tôi lần mò từng ngóc ngách, từ điện thờ thần A-pô-lô( Apollo) đến thánh đường A-then na Pờ-rô-nai a(Athena peo naia), thậm chí không bỏ sót những vết tích còn lại của đấu trường, rạp hát... bên bờ xối Cát-xta-lic(Castatlic)*  *(Hà Thủy Nguyên, Thiên Mã, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2011)*  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt và ngôi kể của đoạn trích**.**  **Câu 2.** Qua lời của người kể chuyện, em hãy hình dung về con ngựa có cánh.  **Câu 3**. Văn bản trên viết về đề tài nào?  **Câu 4.** Xác định bối cảnh không gian, thời gian của câu chuyện  **Câu 5**. Tôi có suy nghĩ như nào về hòn đá Ôm-phe-lốp?  **Câu 6**. Trong văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ* có nhân vật con ngựa có cánh Thần Thoại, được tạo ra bằng công nghệ cấy ghép gen của thiên nga vào phôi ngựa. Nếu như ý tưởng công nghệ này thành hiện được điều đó có ý nghĩa gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.**Phương thức biểu đạt tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm. Ngôi kể: Ngôi 1.

**Câu 2.** Hình ảnh con ngựa có cánh:

- Tự biết bảo vệ bản thân mình.

- Rủ nhân vật tôi đến bảo tàng dưới chân núi.

- Con ngựa có cánh.

**Câu 3**. Đề tài thám hiểm vũ trụ.

**Câu 4.**Câu chuyện diễn ra trong hai không gian: không gian thánh địa Hy Lạp - nơi có đền thờ các vị thần trong thần thoại Hy Lạp; không gian Tâm Vũ Trụ - nơi có những loài thực vật và động vật khổng lồ, kì dị.

**Câu 5**.Hòn đá trung tâm của vũ trụ *“chỉ là một tác phẩm nghệ thuật bình thường, chẳng ra dáng trung tâm vũ trụ gì cả”.*

**Câu 6**.Nếu công nghệ gen trở thành hiện thực, những thí nghiệm nếu thành công sẽ mở ra triển vọng cứu sống hàng triệu người trên thế giới đang chờ thay tạng, ghép tạng mỗi năm.

**Câu 7.** Đắc sắc nghệ thuật của văn bản.

- Cốt truyện: tưởng tượng, dựa trên giả thuyết về công nghệ gen.

- Sự việc: li kì.

- Không gian: ngoài trái đất (tâm vũ trụ).

- Thời gian: dịch chuyển giữa hiện tại và cổ đại.

- Nhân vật: có trí thông minh, ưa phiêu lưu, mạo hiểm; nhân vật kì ảo (con ngựa có cánh, …)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi**:  *Tôi chạy lại những cây nấm khổng lồ cao hơn hai mét xen giữa những gốc dương xỉ cao ngất, rậm rạp. Đặt nhẹ tay lên đó, rồi cỗ thật mạnh một cái để kiểm chứng, tôi nói một lèo như thuyết trình.*  *- Giuyn Véc- nơ là tác giả tiểu thuyết khoa học viễn tưởng vĩ đại nhất thế giới. Từ thế kỉ XIX ông đã có thẻ tiên tri về viễn cảnh những tàu điện ngầm, những tòa cao ốc, thậm chí cả việc con người đặt chân lên Mặt Trăng. Ông ta từng viết một quyển sách nhan đề “Hành trình vào Tâm Trái Đất”. Trong đó kể về những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm... Nói chung, cái gọi là Tâm Trái Đất ấy cũng giống như một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất.*  *-Thần đồng mê mải những lời giảng giải của tôi. Hắn là nhà khoa học. Câu hỏi đầu tiên chạy qua đầu hắn chắc chắn là: Sao có thể lưu giữ được những “hiện vật” này? Hắn cũng sờ lên thân cây để chắc chắn đó không phải là hư ảnh được thời gian lưu giữ tại một chiều không gian thứ tư.*  *Chúng tôi nghe đâu đó tiếng vo ve của côn trùng đang đến gần. Ngẩng lên, chúng tôi thấy một con chuồn chuồn khổng lồ đang bay qua với sải cánh rộng như của loài đại bàng. Thân hình nó óng ánh lân tinh! Bốn cái cánh khỏe khoắc, đập nhanh như cánh quạt. Đứng giữa khu rừng cổ sinh này, chúng tôi chẳng khác gì loài vật kí sinh nhỏ bé, thậm chí, còn chẳng to hơn một con côn trùng.*  *(Hà Thủy Nguyên, Thiên Mã, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2011)*  **Câu 1.** Người kể chuyện kể ở ngôi mấy? Vì sao em biết?  **Câu 2**. Tâm trái đất theo như miêu tả của Giuyn Véc-nơ như thế nào?  **Câu 3**. Tìm trong đoạn trích chi tiết thể hiện trí tưởng tượng phong phú của tác giả về hình ảnh sự vật ở “Tâm Vũ Trụ”. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Người kể chuyện ở ngôi 1. Dấu hiệu: Xưng “tôi”.

**Câu 2.**Theo như Giuyn Véc-nơ, tâm Trái Đất cũng giống như một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất như là những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long, những con chim điện quý hiếm,....

**Câu 3**.

*+ Những cây nấm khổng lồ cao hơn hai mét xen giữa những gốc dương xỉ cao ngất, rậm rạp;*

*+ Con chuồn chuồn khổng lồ đang bay qua với sải cánh rộng như của loài đại bàng. Thân hình nó óng ánh lân tinh! Bốn cái cánh khỏe khoắn, đập nhanh như cánh quạt*

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: SỐ TỪ - PHÓ TỪ**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Phó từ là từ**

a. Luôn đi kèm với động từ, tính từ

b. Bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ đi kèm đó.Ví dụ:Các em chú ý :

– Phó từ không có khả năng gọi tên sự vật, hành động, tính chất như danh từ, động từ, tính từ. Vì vậy phó từ là một loại hư từ; còn danh từ, động từ,tính từ là những thực từ.

– Phó từ chuyên đi kèm với động từ, tính từ mà không đi kèm với danh từ.Ví dụ :+ Chỉ nói: đang học, sẽ tốt, luôn luôn cố gắng,…+ Không nói : đan bút, sẽ nhà, luôn luôn phấn,…

**2. Các loại phó từ:**

Dựa vào ý nghĩa khi làm yếu tố phụ, phó từ có thể chia thành các nhóm như sau :

a.  Nhóm phó từ chỉ thời gian : đã, sẽ, đang, vừa, mới, từng, sắp,…

Ví dụ : Gươm và rùa đã chìm đáy nước.

(Sự tích Hồ Gươm)

b. Nhóm phó từ chỉ mức độ : rất, hơi, khá, khí thường đứng trước động từ chỉ trạng thái và tính từ có mức độ. Nhóm phụ từ cực kì, cực, vô cùng, quá, lắm thường đứng sau động từ chỉ trạng thái tâm lí và tính từ có mức độ.

c. Nhóm phó từ chỉ sự phủ định : không, chưa, chẳng. Nhóm phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự thường đứng trước động từ, tính từ như : cũng, cùng, lại, vẫn, cứ, còn, đều.

d. Nhóm phó từ chỉ sự cầu khiến đứng trước động từ như : hãy, đừng, chớ ; đứng sau động từ có ý thúc giục như : đi, nào.

–  Nhóm phó từ chỉ sự hoàn thành như xong, rồi; chỉ kết quả như : được, mất, ra ; chỉ sự tương hỗ như nhau ; chỉ sự phối hợp như : với, cùng ; chỉ cách thức thường đi sau động từ như : ngay, liền, nữa, mãi, dần.

Chú ý : Dựa vào vị trí đứng trước hay sau động từ, tính từ, ta cũng có thể chia thành hai nhóm :

– Nhóm phó từ đứng trước động từ, tính từ bổ sung các ý nghĩa sau đây : thời gian, mức độ, sự tiếp diễn tương tự, sự khẳng định phủ định, sự cầu khiến.

– Nhóm phó từ đứng sau động từ, tính từ bổ sung các ý nghĩa sau đây : mức độ, khả năng, kết quả, chỉ sự hoàn thành, chỉ tình huống, chỉ cách thức.

Khi có hai phó từ trở lên cùng đứng trước động từ, tính từ thì chúng sắp xếp theo một thứ tự nhất định.

Ví dụ : Tôi vẫn cứ còn nhớ mãi tuổi thơ ấu.  
**3. Ý nghĩa của phó từ**

- Phó từ có thể bổ sung những ý nghĩa khác nhau cho động từ, tính từ. Ý nghĩa bổ sung thường gặp ở phó từ là :

- Bổ sung ý nghĩa thời gian : đang nói

- Bổ sung ý nghĩa tiếp diễn tương tự : vẫn nói

- Bổ sung ý nghĩa mức độ : nói lắm– Bổ sung ý nghĩa phủ định : chẳng nói

- Bổ sung ý nghĩa cầu khiến : đừng nói– Bổ sung ý nghĩa kết quả : nói được

- Bổ sung ý nghĩa khả năng : có thể nói– Bổ sung ý nghĩa tần số : thường nói

- Bổ sung ý nghĩa tình thái: đột nhiên rồi nói  
**4. Số từ**

- **số từ** là các từ để chỉ số lượng và thứ tự của các vật.

- Khi nói về số lượng vật thông thường số từ đứng trước danh từ còn khi biểu thị thứ tự của sự vật số từ thường nằm sau danh từ.

Có một số danh từ chỉ đơn vị mang ý nghĩa biểu thị số lượng, cần phân biệt với số từ.

Ví dụ: Hai chàng trai cùng hăng hái ra mặt giúp đỡ cô gái.

“Hai” đứng trước danh từ “chàng trai” nên là số từ.

**5. Chức năng của số từ**

- Về chức năng ngữ pháp: số từ thường đứng trước danh từ, tính từ, động từ để bổ sung ý nghĩa cho chúng, tạo thành các cụm từ.

VD: Tôi lấy **hai** **con búp bê** từ trong tủ ra đưa cho em.

Số từ (đứng trước danh từ búp bê tạo thành cụm DT)

Năm nay em // **hai mươi** **tuổi**

Số từDanh từ

- Về ý nghĩa: chúng cho biết số lượng và số thứ tự của sự vật trong không gian.

VD:

A: Có bao nhiêu chiếc ghế?

B: **Hai tám** (số từ)

**6. Phân loại số từ**

Số từ trong tiếng Việt được phân thành hai nhóm lớn: số từ chỉ lượng (số đếm) và số từ số thứ tự. Trong mỗi nhóm, căn cứ vào đặc điểm tính chất hoặc ý nghĩa có thể chia chúng ra thành những tiểu loại nhỏ hơn.

**a. Số từ chỉ lượng**

**\* Số từ chỉ lượng chính xác: Tiếng Việt sử dụng hai hệ thống số đếm chính xác là số đếm thuần Việt và số đếm Hán Việt.**

+ Hệ thống số đếm thuần Việt

- Được sử dụng trong tất cả các trường hợp để chỉ số lượng chính xác

VD: Hai trăm linh tám, ba mươi, sáu trăm năm mươi nghìn tỉ...

+ Có sự biến đổi âm của các số lớn hơn mười có hàng đơn vị là năm, mười thành lăm, mươi và các số có tận cùng là một biến thành mốt.

VD: 15 (mười lăm), 20 (hai mươi), 21 (hai mươi mốt), 31 (ba mươi mốt)....

+ Riêng số bốn, còn có thêm dạng số đếm khác là tư

VD: 24 (hai mươi tư), 54 (năm mươi tư), thứ tư, hàng tư,...

- Hệ thống số đếm Hán Việt (nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu, thập) chỉ được sử dụng trong một số trường hợp để tăng sự trang trọng cho từ ngữ.

VD: thể thơ song thất lục bát, thất ngôn bát cú; thiên binh vạn mã; mâm ngũ quả, đàn tam thập lục, thiên niên kỉ,...

**\* Số từ chỉ lượng không chính xác (tương đối/áng chừng)**

- Trong tiếng Việt sử dụng một số số từ áng chừng cơ bản: vài, dăm, mươi

VD: dăm ba ngày, vài ba người, mươi mười lăm ngày nữa....

- Ngoài ra còn một vài số đếm gộp là chục, tá

**B. LUYỆN TẬP**

**Bài 1.**Tìm phó từ trong các câu sau. Cho biết chúng đi kèm từ loại nào và bổ sung ý nghĩa gì cho từ trung tâm.

a) Con vật khủng khiếp quá! (Véc-nơ)

b) Đúng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong... (Véc-nơ)

c) Vòi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại. (Véc-nơ)

d) ... Anh đừng để tâm đến chuyện hôm nay. (Brét-bơ-ry)

**Trả lời:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phó từ** | **Đi kèm loại từ** | **Ý nghĩa bổ sung cho từ trung tâm** |
| a | quá | tính từ | bổ sung mức độ cho từ trung tâm: khủng khiếp. |
| b | đang | động từ | bổ sung ý nghĩa tiếp diễn cho hành động đỗ của con tàu. |
| c | lại | động từ | bổ sung ý nghĩa lặp lại cho hành động mọc đuôi của bạch tuộc. |
| d | đừng | động từ | bổ sung ý nghĩa cầu khiến cho động từ để tâm. |

**Bài 2.**Tìm số từ trong những câu dưới đây. Xác định nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm. Chỉ ra hiện tượng biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm đầu ở một số yếu tố cấu tạo trong các số từ là từ ghép.

a) Ở bên phải cửa sổ xuất hiện bảy con bạch tuộc nữa. (Véc-nơ)

b) Ở đó đã tập hợp chừng hai mươi người cầm rìu sẵn sàng chiến đấu. (Véc-nơ)

c) Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. (Véc-nơ)

d) ... Căn Háp (Hab) có hệ thống liên lạc phụ thứ hai và thứ ba. (En-di Uya)

**Trả lời:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Số từ** | **Nghĩa mà từ bổ sung cho danh từ trung tâm** | **Hiện tượng biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm đầu** |
| a | bảy | bổ sung ý nghĩa số lượng | x |
| b | hai mươi | bổ sung ý nghĩa số lượng | mười → mươi |
| c | mười lăm | bổ sung ý nghĩa số lượng | năm → lăm |
| d | hai, ba | bổ sung ý nghĩa thứ tự | x |

**Bài 3.**Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản Bạch tuộc, trong đó có sử dụng phó từ và số từ. Xác định nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm trong đoạn văn đó.

**Gợi ý**

 Sau khi học xong văn bản Bạch tuộc, tôi cảm thấy trí tưởng tượng của con người thực là phong phú. Ở thời điểm tác phẩm ra đời, tàu ngầm vẫn đang ở giai đoạn thử nghiệm sơ khai và chúng ta mới chỉ biết sơ qua về loài bạch tuộc. Thế nhưng Véc-nơ, tác giả của Hai vạn dặm dưới đáy biển đã đưa vào tác phẩm của mình những tưởng tượng phong phú đi trước thời gian. Những tưởng tượng đó đã khiến tôi khâm phục sự sáng tạo của con người.

- Phó từ: đang

- Số từ: hai vạn

-  Nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm: bổ sung ý nghĩa số lượng của chiều sâu dưới đáy biển.

**Bài 4.** Các tổ hợp "số từ + danh từ" in đậm trong những câu dưới đây giúp em hình dung về loài bạch tuộc như thế nào?

a. Đó là một con bạch tuộc dài chừng tám mét. (Véc-nơ)

b. Thân nó hình thoi phình ở giữa, là một khối thịt nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn. (Véc-nơ)

c. Con quái vật có tám vòi thì bảy vòi đã bị chặt đứt. (Véc-nơ)

**Gợi ý**

a. Số lượng và kích thước của con bạch tuộc. (Số lượng: một con; kích thước: tám mét)

b. Số lượng khối thịt và cân nặng của con bạch tuộc. (Số lượng khối thịt: một; cân nặng: hai mươi, hai lăm tấn).

c. Số lượng vòi của bạch tuộc. (Bạch tuộc có tám vòi, trong đó có bảy vòi đã bị chặt đứt).

**Bài tập 5:** **Xác định và phân loại số từ trong các câu sau:**

*Chúng bay chỉ một đường ra :*

*Một là tử địa hai là tù binh [...]*

*Nghe trưa nay, tháng năm mồng bảy*

*Trên đầu bay, thác lửa hờn căm!*

*Trông : bốn mặt, luỹ hầm sập đổ*

*Tướng quân bay lố nhố cờ hàng...*

(Tố Hữu)

**Gợi ý trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Số từ chỉ số lượng** | **Số từ chỉ thứ tự** |
| *một (****một*** *đường ra),*  *bốn (****bốn*** *mặt)* | - *Một , hai (****Một*** *là tử địa* ***hai*** *là tù binh ).*  Chú ý: ở câu thơ thứ hai , từ “đường” bị lược bỏ so với câu thứ nhất. HS có thể thêm cụm từ “con đường thứ” vào câu mà không làm thay đổi ý nghĩa của câu thơ: *Con đường thứ nhất (một) là tử địa, con đường thứ hai là tù binh.*  *- năm, bảy (tháng* ***năm*** *mồng* ***bảy*** *)* |

**Bài tập 6:** Xác định số từ trong các câu sau và phân loại:

a. *Một canh... hai canh... lại ba canh,  
 Trằn trọc băn khoăn, giấc chẳng thành;  
 Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,  
 Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

(Hồ Chí Minh)

b. Tôi làm việc tám giờ một ngày.

c. Bây giờ là tám giờ sáng.

**Gợi ý trả lời**

*a. Một (****một*** *canh), hai (****hai*** *canh), ba (****ba*** *canh*) là những số từ chỉ số lượng.

*Bốn (canh* ***bốn****), năm (canh* ***năm****)* là những số từ chỉ thứ tự.

b. *tám (****tám*** *giờ*) là số từ chỉ số lượng.

c. *tám (t****ám*** *giờ sáng*) là số từ chỉ thứ tự.

**GV giải thích rõ hơn cho HS**: Ngày xưa người ta chia thời gian của một đêm làm năm canh. Cho nên canh bốn, canh năm là số thứ tự. Ngày nay người ta chia một ngày làm 24 giờ. Vậy đồng hồ chỉ 1 giờ hay 8 giờ thì 1 và 8 đều là số thứ tự. Đáng lẽ chúng ta phải nói là “giờ một” và “giờ tám” nhưng đây là cách nói theo thói quen đã được mọi người chấp nhận. Trong ngôn ngữ, cái sai lâu ngày khi được cộng đồng chấp nhận lại trở thành cái đúng.

**Bài tập 7:**

Trong câu sau đây : *Nhất nước. nhì phân, tam cần, tứ giống*(Tục ngữ)

Các từ *nhất, nhì, tam, tứ* là số từ chỉ số lượng hay số từ chỉ thứ tự ? Vì sao ?

**Gợi ý trả lời**

Đây là tục ngữ, phải súc tích, cô đọng nên các từ ngữ đều bị rút gọn lại. Ta phải phục hồi lại để hiểu cho đúng. Câu trên có thể hiểu như sau : Thứ nhất là nước, thứ nhì là phân, thứ ba là chuyên cần, thứ tư là giống tốt.

Do đó, các từ *nhất, nhì, tam, tứ* là các số từ chỉ thứ tự của sự vật.

**Bài tập 8:** Xác định và nêu ý nghĩa bổ sung của các phó từ trong những câu sau đây :

1. Đêm khuya, cháu vẫn cứ thổn thức không sao ngủ được.
2. Em ăn ngay đi cho kịp giờ lên lớp.
3. Bạn Lan đi ra cổng từ lúc nãy.
4. *Ô vẫn còn đây, của các em*

*Chồng thư mới mở, Bác đang xem*.

(Tố Hữu)

e) Em tôi cũng vừa mới đi học.

f) Những ngày nghỉ, tôi thường ngồi nhà đọc sách và nghe nhạc.

g) Nó chẳng bao giờ ăn cơm tối cùng mọi người.

h) Câu chuyện tôi kể làm bà xúc động lắm.

**Gợi ý trả lời**

1. Phó từ “vẫn”, “cứ” chỉ sự tiếp diễn tương tự của hành động “thổn thức”.
2. Phó từ “ngay” chỉ cách thức; phó từ “đi” chỉ sự cầu khiến của hành động “ăn”.
3. Phó từ “ra” chỉ hướng của hành động “đi”
4. Phó từ “vẫn” chỉ sự tiếp diễn tương tự của hành động “còn”;

Phó từ “mới” chỉ thời gian của hành động “mở”;

Phó từ “đang” chỉ thời gian của hành động “xem”

1. Phó từ “vừa”, “mới” chỉ thời gian của hành động “đi học”
2. Phó từ “những” bố sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ “ngày nghỉ”
3. Phó từ “chẳng” chỉ sự phủ định của hành động “ăn”
4. Phó từ “lắm” chỉ mức độ của tính từ “xúc động”

**Bài tập 9**:

a)Đặt hai câu có phó từ đứng trước danh từ.

b) Đặt hai câu có phó từ đứng trước và hai câu có phó từ đứng sau động từ hoặc tính từ.

c)Đặt hai câu có hai phó từ đi liền nhau trước động từ.

**Gợi ý trả lời**

a) – **Từng** đàn chim rủ nhau bay về phương nam tránh rét.

- Trên **những** cánh đồng, **từng** đàn cò trắng bay rập rờn.

b) - Chúng ta **hãy** hành động vì Trái Đất xanh.

- Cửa hàng **sẽ** khai trường vào thứ 2 tuần sau.

- Trời hôm nay **hơi** nóng hơn mọi ngày.

- Bạn ấy**rất** chăm học.

- Bông hoa này thơm **lắm.**

**-** Chiếc loa tôi mua cho bố không sử dụng **được** nữa.

**-** Nó **vừa** đi **ra** ngoài.

c) - Tôi **vẫn cứ** nhớ mãi tuổi thơ ấu.

- Tôi **cũng vừa** mới tới trước bạn 5 phút.

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM**

**VỀ MỘT CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC**

**1. Yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc**

- Khái niệm: Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc là nêu lên những tình cảm, cảm xúc, những suy nghĩ và thái độ của người viết về con người, sự việc nào đó trong cuộc sống hoặc trong tác phẩm văn học.

**Yêu cầu:**

+ Xác định đối tượng biểu cảm: Con người, sự việc em định viết bài văn biểu cảm là ai hay là gì? Đó là một con người, một sự việc trong đời sống hay trong tác phẩm văn học?

+ Suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Con người hoặc sự việc ấy gợi cho em những cảm xúc, tình cảm và những suy nghĩ, bài học gì?

+ Lập dàn ý cho bài viết.

+ Viết bài văn theo một dàn ý hợp lí; nêu lên những tình cảm, cảm xúc và những suy nghĩ, thái độ của em một cách trung thực.

**Dàn ý bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc**

**1. Mở bài**

- Giới thiếu người và sự việc mà em muốn bày tỏ tình cảm, suy nghĩ.

- Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người, sự việc đó.

**2. Thân bài**

- Giới thiệu chung:

- Người đó là ai? Sự việc đó là gì?

- Người hoặc sự việc đó có đặc điểm nào nổi bật?

- Trình bày cảm xúc, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc:

- Nêu ấn tượng và người hoặc sự việc.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người, sự việc được nói tới.

**Đề 1: Cảm nghĩ về thầy cô để lại cho em nhiều ấn tượng nhất**

Từ xưa đến nay, dân tộc Việt Nam vẫn có truyền thống “tôn sư trọng đạo”. Thầy có là những người có công ơn dạy dỗ, dìu dắt chúng ta trong hành trình tìm đến với tri thức. Trong cuộc đời, mỗi người hẳn đều có một người thầy, cô giáo mà bản thân rất kính trọng. Và tôi cũng như vậy. Tài liệu của Nhung tây

Người giáo viên mà tôi yêu quý và kính trọng nhất là cô Nguyễn Thu Hà. Cô là giáo viên chủ nhiệm của lớp tôi, cũng là giáo viên dạy môn Ngữ văn. Năm nay, cô ba mươi sáu tuổi. Khuôn mặt của cô trông rất hiền dịu. Nước da trắng hồng, cùng mái tóc dài ngang vai. Đôi mắt với ánh nhìn dịu dàng. Nụ cười của cô luôn rạng rỡ trên môi. Mỗi khi đến lớp, cô thường mặc những trang phục đơn giản, nhưng toát lên vẻ thanh lịch. Tôi cảm thấy cô rất xinh đẹp, trẻ trung.

Trong giờ học, cô là một giáo viên rất nghiêm khắc. Dù vậy, cô cũng rất tâm lí. Cô luôn dành thời gian để truyền đạt cho học sinh kiến thức của môn học một cách tốt nhất. Giọng nói của cô vừa truyền cảm, vừa ấm áp. Tôi rất yêu thích giọng nói của cô. Mỗi khi có bạn không chú ý nghe giảng, cô đều nhắc nhở nhẹ nhàng. Cô rất hay ở lại lớp trong những giờ ra chơi để trò chuyện cùng chúng tôi. Cô tâm sự với cả lớp rất nhiều điều: từ việc học tập, đến vấn đề trong cuộc sống. Nhờ có cô, tôi cảm thấy học được rất nhiều điều bổ ích.

Tôi còn nhớ mãi một kỉ niệm về cô. Hôm đó, cô gọi tôi lên bảng để kiểm tra bài cũ. Nhưng tối hôm trước, tôi đã không học bài do mải xem phim. Khi nghe cô hỏi, tôi không trả lời được câu hỏi. Lúc đó, tôi nhìn thấy ánh mắt của cô rất buồn. Từ trước tới nay, tôi luôn là một học sinh chăm chỉ. Việc xảy ra ngày hôm nay có lẽ đã khiến cô cảm thấy thất vọng. Cô không trách mắng, mà yêu cầu tôi về chỗ. Cả buổi học hôm đó, tâm trạng của tôi rất nặng nề. Tôi tự trách bản thân. Cuối buổi học, tôi đã chủ động lên xin lỗi cô. Lời nhắc nhở của cô khiến tôi còn nhớ mãi. Nhờ có cô, tôi mới ý thức học tập chăm chỉ hơn.

“Một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy” - Đó là câu tục ngữ đề cao vai trò của người giáo viên. Bởi vậy, tôi luôn tự nhắc nhở bản thân phải yêu quý và kính trọng cô giáo của mình.

### Đề 2: Cảm nghĩ về tình bạn

**Dàn ý tham khảo:**

a. Mở bài:

- Nêu lên cảm xúc chung về tình bạn: Tình bạn là thứ tình cảm cao quý, thiêng liêng của mỗi con người.

b. Thân bài:

- Cảm nhận về một người bạn tốt.

- Hồi ức lại kĩ niệm về tình bạn thuở nhỏ và liên hệ tới tương lai.

- Tinh bạn gắn với những kí niệm vui buồn trong học tập và trong cuộc sống.

- Niềm hạnh phúc khi có một người bạn tốt.

c. Kết bài:

- Suy ngầm của em về tình bạn.

#### Bài mẫu tham khảo:

Con người, đặt bản thân là trung tâm, luôn có rất nhiều mối quan hệ xoay quanh. Có những người, những mỗi quan hệ chỉ thoáng qua nhưng cũng có những người hay những mối quan hệ bằng một cách nào đó luôn gắn bó với ta, đi theo ta trong suốt cuộc đời. Tình bạn là một mối quan hệ như vậy.

Trong cuộc đời mình, ai cũng có ít nhất là một vài người bạn. Tình bạn không đến từ một người, nó là sự sẻ chia, thông cảm, là sự thấu hiểu về nhau giữa hai người. Một tình bạn đẹp phải xuất phát từ sự chân thành, trong sáng, vô tư  và tin tưởng. Những điều này tưởng như đơn giản nhưng đó lại là điều kiện tiên quyết để khởi đầu một tình bạn đẹp. Con người luôn sợ cô đơn, luôn muốn có người đáng tin tưởng để có thể sẻ chia, tâm sự nhưng cũng luôn dè chừng, cảnh giác với những người muốn chạm vào cảm xúc của họ. Cũng phải thôi, thật tồi tệ nếu một người bạn coi là bạn, lắng nghe những điều họ sẻ chia biết đâu sau đó lại đem những câu chuyện của bạn ra làm trò đùa. Tình bạn cũng không thể bền vững nếu không trong sáng, có mục đích hay để lợi dụng lẫn nhau. Chúng ta không thể gọi một người là bạn mà luôn phải đề phòng họ.

Để hai người khác nhau trở thành bạn của nhau cần rất lớn sự thấu hiểu. Bởi mỗi người sẽ có một tính cách khác nhau. Dẫu có thể có nét tương đồng nhưng điểm khác nhau sẽ vẫn rất lớn. Sự thấu hiểu đối với nhau không dễ dàng có được, nó cần phải có thời gian để vun đắp, có khó khăn hoạn nạn để thử thách và trưởng thành. Phải có sự sẻ chia, thông cảm và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai người bạn mới có thể khiến họ hiểu nhau hơn. Mặt khác, con người không hoàn hảo, luôn có những thói quen xấu bên cạnh những cái tốt. Muốn tình bạn được bền lâu, ta không được bao che dung túng trước những thói quen xấu này.

Rất khó để có được một tình bạn nhưng một tình bạn đẹp sẽ khiến cuộc sống của ta thi vị hơn rất nhiều. Thật  bình yên khi gặp khó khăn mà luôn có người sẵn sàng đưa tay giúp đỡ hay khi có tâm sự có người yên lặng ngồi bên lắng nghe. Cũng thật hạnh phúc khi có tin tưởng chia sẻ với ta những điều giản dị. Và thật ấm áp khi có người luôn nhớ những thói quen nhỏ nhặt của ta để khi ta đi đâu, làm gì họ sẽ lại quan tâm, nhắc nhở. Nếu tìm được một người bạn như thế bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc và đầy đủ vì bạn sẽ không phải lo âu hay đối mặt với những nỗi cô đơn hay sợ hãi trước cuộc sống tẻ nhạt.

Tình bạn là một món quà thiêng liêng và cao quý mà chúng ta cần trân trọng. Phải có tình bạn thì cuộc sống của chúng ta mới thật sự có ý nghĩa. Coi trọng tình bạn, nó sẽ đơm hoa kết trái và nảy nở mãi mãi không tàn lụi, là một vi thuốc tinh thần giúp ta luôn vững vàng trong cuộc sống hay khi đối mặt với khó khăn thử thách.

### Đề 3: Cảm nghĩ về một món quà mà em được nhận thời thơ ấu

**Dàn ý tham khảo:**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về món quà nhận được thời thơ ấu (Đó là món quà gì? Do ai tặng? Được tặng nhân dịp nào?...)

**2. Thân bài**

- Miêu tả đôi nét về món quà: Hình dáng bên ngoài, tác dụng trong cuộc sống…

- Ý nghĩa của món quà: Người tặng quà với tình cảm như thế nào? Mong muốn điều gì qua món quà tặng?

- Cảm nhận về món quà: Khi nhận quà cảm xúc của em như thế nào? Em có những thay đổi gì sau khi nhận quà?

**3. Kết bài**

Cảm nghĩ của em về món quà, cũng như người tặng.

**Bài mẫu tham khảo**

Tuổi thơ là những ngày tháng rong chơi không lo nghĩ, là những nụ cười trong trẻo ngày nắng, những âm thanh vui vẻ lắng đọng ngày mưa. Tuổi thơ của tôi gói gọn trong một kỉ vật đến giờ vẫn được cất giữ trên vị trí đẹp nhất của tủ kính nơi phòng khách: con gấu bông.

Con gấu bông này tôi được mẹ tặng vào dịp sinh nhật sáu tuổi, khi mà ngày khai trường vào lớp một đã cận kề. Tôi vẫn còn nhớ cảm giác hạnh phúc đến vỡ òa khi bóc từng lớp giấy bọc quà, nhìn thấy chiếc tai gấu lấp ló phía trong hộp bìa carton. Cảm giác nghẹn ngào, xúc động đến mức tôi nhảy cẫng lên hò reo khiến cả nhà nhìn tôi thích thú trêu chọc. Tôi đã thích gấu bông từ rất lâu rồi, khi sang nhà chị họ chơi và thấy chị có một chú gấu Teddy để trên bàn học, tuy nhiên tôi biết gia đình mình không quá khá giả, mẹ và bố phải làm việc vất vả để kiếm tiền trang trải học phí và những lần ốm đau của tôi. Do đó, tôi không hề năn nỉ hay xin bố mẹ mua bất cứ món quà nào cả. Tuy nhiên, có lẽ vì nhìn thấy sự thích thú của tôi với chú gấu bông kia và muốn động viên tôi học tốt nên mẹ đã mua tặng tôi vào ngày sinh nhật món quà tuyệt vời đến vậy.

Tôi rất thích chú gấu mẹ tặng và đặt tên nó là Nhỏ, vì em cũng nhỏ xinh thôi, không quá to, vừa đủ để tôi ôm đi ngủ. Từ khi có chú gấu Nhỏ, tôi luôn mang theo em khi sang nhà hàng xóm chơi trò gia đình, em sẽ là em bé, tôi chăm em, cho em ăn, dỗ dành em khi ngủ... Tôi may áo cho em mặc, làm mọi thứ từ những tờ giấy lịch hay bất kể thứ gì tôi nghĩ ra để em có "một cuộc sống sung túc nhất".

Nhỏ toàn thân có màu nâu xám, đôi mắt đen láy như hai hạt nhãn và chiếc mũi xinh xinh hình tam giác. Tôi luôn cố gắng giữ gìn em, tuy nhiên có một ngày tôi ôm em sang nhà hàng xóm chơi như thường lệ, thì tôi làm em rách bục chỉ ở tay vì bị mắc vào đinh ở trên tường. Tôi lúc đó rất sợ, sợ vì mẹ sẽ trách mắng, lại buồn, buồn vì đây là món quà mẹ tặng, tôi không muốn em bị hỏng chút nào.

Tôi và một chị hàng xóm đã lấy kim chỉ và khâu lại nhưng vẫn bị lòi bông ra ngoài. Tôi càng trở nên lo lắng. Khi mẹ biết chuyện, mẹ đã khâu lại giúp tôi, cười và nói: mẹ rất tự hào khi tôi biết tự khâu lại vì lúc đó tôi còn nhỏ, nhưng cũng lưu ý tôi không nên quá lo lắng về những chuyện vô tình xảy ra, cứ thoải mái đón nhận và chuyện gì cũng có cách giải quyết. Khi ấy, tôi vẫn chưa hiểu rõ lời mẹ nói, nhưng giờ đây nhớ lại, tôi đã có thể hiểu phần nào. Tôi đã không còn luống cuống khi gặp phải tình huống bất ngờ nữa. Thay vào đó, tôi bình tĩnh hơn và suy nghĩ tìm cách giải quyết, nếu việc nào khó quá, tôi sẽ đi tìm người nào đó có thể giúp mình. Tài liệu của Nhung tây

Đó là bài học đầu tiên mẹ dạy tôi - một đứa trẻ nhỏ luôn lo lắng, luôn sợ hãi. Giờ đây, khi tôi đã lớn hơn, em gấu Nhỏ được mẹ cất trong ngăn tủ ở phòng khách, thỉnh thoảng được mẹ mang đi giặt cho đỡ bụi bặm. Mỗi khi nhìn thấy em gấu, tôi luôn tự nhủ với bản thân phải cố gắng, không được làm mẹ phiền lòng, phải mạnh mẽ và luôn bình tĩnh, lạc quan.

**Đề 4: Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em yêu thích trong đoạn trích "Bạch tuộc: (Véc-nơ) đã học.**

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

    Trong đoạn trích Bạch tuộc, nhân gây ấn tượng nhất đối với em là thuyền trưởng Nê-mô, một người vừa có vẻ đẹp của thể lực lẫn tinh thần.

    Thuyền trưởng Nê-mô trong đoạn trích Bạch tuộc hiện lên là một người sẵn sàng chiến đấu với lũ bạch tuộc, nói cách khác, ông là một người quyết đoán, gan dạ. Ông đã sẵn sàng chiến đấu với những con bạch tuộc bằng rìu và đã đã chém đứt các vòi của chúng. Khi Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, giáo sư A-rôn-nác đã lao tới cứu anh ta. Nhưng Nê-mô đã đến trước giáo sư. Lưỡi rìu của Nê-mô cắm phập vào mồm quái vật, và thế là Nét thoát chết trong gang tấc. Ở chi tiết này, có thê thấy sức mạnh cùng sự nhanh nhẹn của một thuyền trưởng. Phải có sức khỏe về thể chất, Nê-mô mới có thể sẵn sàng chiến đấu với lũ "quái vật" này và có những hành động vô cùng nhanh như vậy.

   Nê-mô không chỉ là một người có vẻ đẹp về thể lực mà còn có cả vẻ đẹp về tinh thần. Vì sao ông phải chiến đấu với lũ bạch tuộc? Đó không chỉ còn là vì lũ bạch tuộc khiến con tàu No-ti-lớt không đi được mà còn vì những con người trên chiếc tàu ấy. Nếu không chiến đấu với lũ bạch tuộc, sẽ không có cơ hội nào để cứu người thủy thủ kia, không có cơ hội nào để cứu Nét Len. Việc Nê-mô chặt đứt vòi bạch tuộc hay rìu của ông cắm phập vào mồm quái vật vừa cho thấy sức mạnh thể chất của ông, nhưng cũng nói lên sự giận dữ của ông với lũ "quái vật" dám động vào những người trên tàu. Nói cách khác, đó là tình cảm giữa người với người, tình cảm của những người đã thân thiết dành cho nhau. Tôi nhớ nhất là chi tiết mắt Nê-mô ứa lệ khi nghĩ về "biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình". Tôi ấn tượng bởi đó là sự xúc động của một con người dành cho một con người, của người có quê hương dành cho đồng hương của mình, của một thuyền trưởng dành cho thuyền viên. Tôi còn ấn tượng bởi ông không khóc nức nở, không khóc thành tiếng hay một sự xúc động thái quá. Ở đây, Nê-mô chỉ "ứa nước mắt", những giọt nước mắt của ông cứ trào ra, ông không hề kêu lên hay cố tình thể hiện mà nó là cảm xúc chất chứa đến hồi bộc phát. Chi tiết này là một chi tiết đắt giá nói lên vẻ đẹp tinh thần của Nê-mô.

    Nhân vật Nê-mô với sự gan dạ, quyết đoán và tình thương người đã để lại trong tôi sự cảm phục và ngưỡng mộ. Ông cũng cho tôi hiểu về sức mạnh của con người, sức mạnh của tinh thần đồng đội. Chính Nê-mô đã cho tôi biết cách cần phải rèn luyện bản thân cả về thể chất lẫn tinh thần. Tài liệu của Nhung tây

**HƯỚNG DẪN NÓI VÀ NGHE: THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**1. Định hướng**

a. Thảo luận nhóm về một vấn đề còn đang tranh luận là sử dụng hình thức nói (thuyết trình) để trao đổi, tranh luận về một vấn đề nào đó còn chưa thống nhất.

b. Các vấn đề cần chú ý:

- Chọn một vấn đề gây tranh cãi.

- Xác định những điểm đã thống nhất và những điểm còn lại khác biệt.

- Chuẩn bị ý kiến ​​cá nhân về những điểm không đồng ý.

- Chú ý thái độ, cử chỉ khi phát biểu, thảo luận.

**2. Thực hành**

Chủ đề: Một số người cho rằng các sự kiện và con người được kể trong văn bản “Con bạch tuộc” (Verner) hoặc “Phải làm gì” (Brexit) là không có thật, một số người cho rằng có thật. Bạn sẽ đưa ra ý kiến ​​của mình như thế nào trong cuộc thảo luận nhóm?

một. Chuẩn bị các

- Xem lại nội dung văn bản Bạch tuộc hoặc Chất làm gì.

- Dự đoán những điểm có thể tranh cãi.

- Tìm hiểu về những câu chuyện khoa học viễn tưởng.

- Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video… và màn chiếu.

**b. Tìm ý tưởng và lập dàn ý**

+ Mở bài: Nêu vấn đề cần nghị luận.

+ Nội dung chính:

- Tóm tắt câu chuyện.

- Đưa ra ý kiến ​​chung của bạn.

- Đưa ra lý do và bằng chứng.

- Cung cấp ý tưởng để giải quyết các vấn đề gây tranh cãi.

+ Kết bài:

- Khẳng định lại ý kiến ​​của cá nhân về vấn đề có thật hay chưa, chưa có trong văn bản.

**c. Nói và nghe**

- Nhóm trưởng chủ trì và nêu vấn đề cần thảo luận.

- Các cá nhân dựa trên dàn ý, nêu ý kiến ​​của mình trước nhóm hoặc lớp.

- Nhóm trưởng tóm tắt những điểm đồng ý và khác biệt.

**d. Kiểm tra và chỉnh sửa**

- Diễn giả: Cân nhắc nội dung ý kiến ​​đã đủ chưa, rút ​​kinh nghiệm về cách phát biểu.

- Người nghe: Hiểu đúng, tóm tắt thông tin từ người nói; Đặt câu hỏi nếu chưa rõ, trao đổi những ý kiến ​​cảm thấy chưa ổn.

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nói** | **Người nghe** |
| - Xem xét nội dung ý kiến đã đủ ý chưa:  + Tán thành điểm nào và không tán thành điểm nào?  + Lí lẽ tán thành và không tán thành là gì?  + Có nêu được các bằng chứng cụ thể không?  - Rút kinh nghiệm về cách phát biểu (Diễn đạt có rõ ràng, dễ hiểu không? Ngôn ngữ, điệu bộ, thái độ,... đã phù hợp chưa?). | - Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin từ người nói (Ý kiến, lí lẽ và bằng chứng về vấn đề đã trao đổi: sự việc trong truyện khoa học viễn tưởng có thực hay không).  - Tập trung chủ ý theo dõi người nói.  - Nêu câu hỏi nếu thấy chưa rõ; mạnh dạn trao đổi lại với ý kiến mình thấy chưa đúng. |

**BÀI NÓI THAM KHẢO**

**1. Mở đầu bài nói**

Kính thưa thầy/ cô giáo và các bạn! Như các bạn đã biết, truyện khoa học viễn tưởng là những tác phẩm mà ở đó tác giả tưởng tượng hư cấu dựa trên những thành tựu của khoa học và công nghệ. Văn bản Bạch tuộc nằm trong tiểu thuyết Hai vạn dặm dưới đáy biển của Véc-nơ là một trong những văn bản tiêu biểu cho thể loại này. Tuy nhiên khi đọc văn bản này vẫn còn điểm gây tranh cãi là sự việc và con người trong văn bản có thật hay không?

**2. Nội dung bài nói**

Văn bản Bạch tuộc kể lại câu chuyện là cuộc giáp chiến giữa các nhà thám hiểm trên con tàu No-ti-lớt với những con bạch tuộc khổng lồ của đại dương với các cảnh như tay bạch tuộc quấn chặt lấy tên thủy thủ, cảnh Nê- mô liên tiếp xông tới chặt đứt vòi bạch tuộc để giải cứu cho đồng đội của mình nhưng đã bị chúng tấn công bằng loại “mực” đen. Và kết quả của cuộc giáp chiến: một người đã bị bắt đi, bạch tuộc chết và bị thương phải lẩn xuống biển.

Đứng trước các sự việc diễn ra trong văn bản, có người cho là sự việc và con người được kể trong văn bản ấy không có thực; một số người cho là có thực. Bản thân em cho rằng những con bạch tuộc khổng lồ với những đặc điểm kì dị như: con vật khổng lồ mắt màu xanh, thân hình thoi và đổi màu từ xám sang nâu đỏ. Con bạch tuộc dài chừng 8m, có 8 râu dài uốn cong, hàm răng nhọn rung lên bần bật, thân hình là khối thịt tầm 20, 25 tấn. Con tàu lặn dưới biển hai, ba nghìn mét rồi nổi lên gần mặt biển năm trăm mét… là những chi tiết không có thật bởi trên thực tế con bạch tuộc rất nhỏ, những con tàu ngầm hiện đại cũng không lặn sâu như vậy. Còn những chi tiết sự hiểm nguy trong lòng biển cả, về lòng dũng cảm của con người, về mơ ước và khao khát có những con tàu ngầm hiện đại là có thật. Ngày nay, ước mơ chế tạo những con tàu ngầm hiện đại đã trở thành hiện thực. Tài liệu của Nhung tây

**3. Kết thúc bài nói**

Trên đây là bài trình bày của em về những điều có thực và tưởng tượng trong văn bản Bạch tuộc đang được thảo luận. Trong bài em cũng đưa ra và giải thích về những điều có thật và không có thật đó. Cảm ơn thầy/cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự góp ý từ phía thầy/cô và các bạn về vấn đề này!

==========================================  
**BÀI 4: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI**

**TRONG TRUYỆN “ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM”**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**\* Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của văn bản nghị luận văn học : mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản nghị luận.Ham tìm hiểu và yêu thích văn học

- Đọc hiểu nội dung: Nhận biết được nội dung mỗi văn bản thể hiện: Tình cảm cảm của nhà văn Đoàn giỏi trong các sáng tác của mình, tình yêu thiên nhiên, thêm tự hào về vẻ đẹp thiện nhiên và trân quí con người, trân quí tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình trong các tác phẩm văn học.

- Đọc hiểu hình thức: Nhận biết đặc trưng thể loại nghị luận ( ý kiến, luận điểm, lý lẽ, dẫn chứng) trong văn bản. Phát hiện và phân tích cách lập luận của giả.

- Liên hệ, mở rộng: Hiểu thêm về tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu quê hương qua văn bản “ Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”: hiểu thêm về tình cảm gia đình trong “ Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người qua “ Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển”.

**2. Về phẩm chất:**

**-** Có tình yêu thương con người, biết cảm thông và chia sẻ với người khác.

**B. NỘI DUNG**

**1. Tác giả**:

- Bùi Văn Hồng (05/12/1931), quê ở Phù Việt, Thạch Hà, Hà Tĩnh.

- Tham gia công tác Đoàn từ 8/1945; công tác tuyên huấn, tổ chức Đảng ở quê từ 1948.

- Bắt đầu viết và in các truyện ký, phê bình sách từ 1951.

- Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp ngành Văn. Từng làm Trưởng ban và Tổng biên tập NXB Kim Đồng.

- Tác phẩm chính: Trên đất Cẩm Bình (truyện ký, 1968); Cá rôn ron không vâng lời mẹ (truyện đồng thoại, 1969); Hoa trái đầu mùa (phê bình tiểu luận, 1987); Mười năm ghi nhận (phê bình tiểu luận, 1997); Cô gái bướng bỉnh (truyện ký, 2001); Hương cây - mối tình đầu của tôi (truyện ngắn - 2002); Từ mục đồng đến Kim Đồng (tức Mười năm ghi nhận, có bổ sung, 2002); Mai đây đi hết con đường... (chân dung và hồi ức, 2007)

- Giải thưởng văn học: Tặng thưởng của Ủy ban Thiếu niên nhi đồng và Hội Nhà văn Việt Nam cho tập Trên đất Cẩm Bình (truyện ký, 1968).

**2. Tác phẩm:**

- Thể loại: Nghị luận văn học

- Phương thức biểu đạt: Nghị luận

- Văn bản bàn luận về các chi tiết trong tác phẩm *Đất rừng phương Nam*. Từ đó, văn bản cho người đọc thấy được những vẻ đẹp của thiên nhiên, con người trong tác phẩm; hiểu rõ hơn về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.

**+ Nhan đề**

- Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

- Văn bản phân tích những giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc (như khung cảnh thiên nhiên và con người...) trong tác phẩm *Đất rừng phương Nam*. Từ nhan đề, người đọc có thể hiểu được nội dung mà văn bản truyền đạt.

**+ Bố cục: 3 phần**

Phần 1: Từ đầu...trẻ em (Giới thiệu những nét đặc sắc của tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”)

Phần 2: tiếp ...vô tận (Nghệ thuật miêu tả cảnh trong Đất rừng phương Nam)

Phần 3: còn lại (Nghệ thuật miêu tả con người trong Đất rừng phương Nam)

**Vấn đề nghị luận** trong văn bản: Đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm *Đất rừng phương Nam*.

- **Mục đích của văn bản:** Cho người đọc thấy được vẻ đẹp của khung cảnh và nghệ thuật miêu tả con người trong tác phẩm. Từ đó, người đọc có được những hiểu biết về con người, thiên nhiên Nam Bộ, khơi gợi sự yêu thích đối với nơi này.

**3. Những lưu ý khi đọc hiều văn bản nghị luận văn học**

- Xác định vấn đề nghị luận

- Hiểu mục đích của văn bản viết để làm gì?

- Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản như thế nào?

- Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích và chính văn bản nghị luận này.

### II. Định hướng phân tích văn bản

### 1. Đặc điểm khái quát của Đất rừng phương Nam

- Nhân vật: thuộc nhiều tầng lớp, nhiều ngành nghề.

- Kết cấu chương hồi kiểu truyền thống: không gian, thời gian rạch ròi, nhân vật thiện ác, trắng đen tách bạch và bộc lộ qua hành động, hình dáng, ngôn ngữ.

*=> Tác giả cho người đọc cái nhìn bao quát về những đặc sắc của tác phẩm.*

**2. Đặc sắc về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên trong tác phẩm Đất rừng phương Nam**.

 Tác giả có vốn hiểu biết sâu rộng về các loài vật. Tài liệu của Nhung tây

→ Dẫn chứng:

+ Ông đã từng viết nhiều sách về các con vật.

+ Các tác phẩm của ông không chỉ cung cấp kiến thức về các sinh vật mà còn kể những mẩu chuyện có thật, sinh động, xen lẫn những huyền thoại có xuất xứ.

- Ông đã đem đến cho người đọc những hiểu biết về cảnh vật, cây cối, con vật. Không chỉ đem đến hiểu biết mà những chi tiết miêu tả khơi gợi những cảm xúc ở người đọc.

+ Chi tiết miêu tả các con vật: ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc xuồng tam bản, cá sấu phải 12 trai tráng lực lưỡng mới khiêng nổi.

→ Những dẫn chứng cụ thể, giàu hình ảnh, sinh động, làm sáng tỏ lí lẽ, đem đến ngạc nhiên cho người đọc.

+ Tác giả đưa ra những câu văn được trích dẫn trong tác phẩm Đất rừng phương Nam. Những chi tiết đó làm cho người đọc vừa ngây ngất, say mê trước vẻ đẹp của khung cảnh: "Những thân cây tràm... xanh thẳm không cùng..." vừa thấy choáng ngợp với sự hùng vĩ: "nước ầm ầm đổ ra biển... trường thành vô tận...".

**3. Nghệ thuật miêu tả nhân vật**

- Tác giả chỉ dùng một vài chi tiết để khắc họa con người Nam Bộ sắc sảo, mang những phẩm chất, đặc điểm tính cách riêng.

- Điều đó được làm rõ qua các dẫn chứng:

+ Những lời nói ngọt nhạt, cái túi tiền thâm đen, căng phồng, bóng mỡ của dì Tư Béo.

+ Cái áo vắt vai và những câu đối thoại ngật ngưỡng, hài hước, dở tỉnh, dở say của lão Ba Ngù.

+ Nhân vật ông Hai bán rắn và chú Võ Tòng cùng có hoàn cảnh giống nhau. Đều không có đất, quanh năm ở đợ làm thuê cho địa chủ. Đều bị cướp công, cướp người yêu, cướp vợ. Đều đánh trả và bị tù.

+ Ông Hai:  Trốn tù, đón vợ rồi bỏ vào rừng U Minh.  Kiếm sống bằng đủ thứ nghề: câu rắn, lấy mật, săn cá sấu,... Gương mặt khoáng đạt, rất dễ mến. Làn da mặt như người trẻ, chỉ ở đôi khóe mắt và trên vầng trán cao là có xếp mấy đường nhăn

+ Chú Võ Tòng: Gây án tự đến nhà việc nộp mình. Mãn hạn tù trở về, con chết, vợ trở thành vợ nhỏ của địa chủ. Làm nghề săn bẫy thú. Hai hố mắt sâu hoắm, từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao. Mái tóc hung hung như bờm ngựa phủ dài xuống gáy. Chỗ gò má bên phải có năm cái sẹo dài sả xuống từ thái dương vắt đến cổ, như đầu móng cọp cào...

=> Những bằng chứng cụ thể, giàu hình ảnh, sinh động, làm sáng tỏ lí lẽ, đem đến ngạc nhiên cho người đọc.

=> Tác giả đưa ra những nhận định đúng đắn, giúp người đọc hiểu hơn về vẻ đẹp của *Đất rừng phương Nam*. Để làm sáng tỏ lí lẽ của mình, tác giả nêu rõ những dẫn chứng được trích từ trong tiểu thuyết của Đoàn Giỏi. Chắc hẳn phải rất yêu thích, hiểu rõ về tác phẩm, Bùi Hồng mới có thể đưa ra những nhận định xác đáng và dẫn chứng rõ ràng, thuyết phục như vậy.

### 4. Tìm hiểu về Nghệ thuật miêu tả nhân vật

 Tác giả chỉ dùng một vài chi tiết để khắc họa con người Nam Bộ sắc sảo, mang những phẩm chất, đặc điểm tính cách riêng.

- Điều đó được làm rõ qua các dẫn chứng:

+ Những lời nói ngọt nhạt, cái túi tiền thâm đen, căng phồng, bóng mỡ của dì Tư Béo.

+ Cái áo vắt vai và những câu đối thoại ngật ngưỡng, hài hước, dở tỉnh, dở say của lão Ba Ngù.

+ Nhân vật ông Hai bán rắn và chú Võ Tòng cùng có hoàn cảnh giống nhau - đi làm thuê bị cướp công, họ đánh trả và bị đi tù. Tuy nhiên họ cũng có những đặc điểm riêng biệt:

+ Ông Hai bán rắn có vẻ phóng khoáng, tự tin:

- Hành động: trốn tù, đưa vợ con vào rừng U Minh kiếm sống bằng đủ thứ nghề.

- Ngoại hình: gương mặt khoáng đạt, rất dễ mến; làn da mặt như người trẻ, chỉ ở đôi khóe mắt và trên vầng trán cao là có xếp mấy đường nhăn; đôi mắt to, sáng quắc, núp dưới cặp chân mày rậm đen...

=> Qua những chi tiết miêu tả, hình ảnh ông Hai rắn hiện lên đẹp đẽ, tự do.

+ Chú Võ Tòng:

- Lời truyền tụng: Chú gây án và bị đi tù. Khi mãn hạn tù, chú bỏ vào rừng làm nghề săn bẫy thú. Tài liệu của Nhung tây

- Không ai rõ chú tên gì, quê ở đâu. Tên của chú là từ một sự tích truyện Tàu.

=> Qua những chi tiết miêu tả, hình ảnh chú Võ Tòng hiện lên với tính cách cương trực, mạnh mẽ, dũng cảm và ngoại hình có phần bặm trợn, hung dữ.

+ Ông Hai bán rắn và chú Võ Tòng đã kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc.

=> Tác giả đã phân tích nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc trong tiểu thuyết: có sự kết hợp giữa chuyện thực và chuyện ảo; có sự trộn lẫn giữa cổ điển phương Tây và cổ điển phương Đông. Từ đó, tính cách của nhân vật được làm rõ.

***=>***Việc phân tích những chi tiết đã giúp người đọc hiểu hơn về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Bên cạnh đó, người đọc được mở rộng kiến thức về con người, cảnh vật Nam Bộ, để từ đó khơi gợi tình cảm yêu mến với mảnh đất này.

**5. Đánh giá**

### + Nghệ thuật

- Lí lẽ xác đáng, thuyết phục.

- Dẫn chứng cụ thể, rõ ràng.

- Ngôn ngữ giản dị, giàu cảm xúc.

**+ Nội dung**

Văn bản phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi.

**III. Luyện tập**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**1. Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?**

A. Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”

B. Kể chuyện về vùng đất phương Nam

C. Miêu tả về vùng đất phương Nam

D. Giới thiệu về nhà văn Đoàn Giỏi

**2. Vì sao văn bản “Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" là văn bản nghị luận?**

A. Vì văn bản tập trung miêu tả vùng đất phương Nam

B. Vì tác giả kể về cái hay cái đẹp của văn bản “ Người đàn ông cô độc giữa rừng”

C. Vì tác giả giúp người đọc hiểu người đàn ông cô độc là ai

D. Vì tác giả phân tích cái hay về nghệ thuật và nội dung của tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”

**3. Theo em mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì”?**

A. Ca ngợi Võ Tòng

B. Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên vùng đất phương Nam

C. Nêu lên cách xây dựng nhân vật của tác giả Đoàn Giỏi

D. Chỉ ra cái hay của tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”

**4. Người viết đã bày tỏ cảm xúc về tác phẩm qua câu văn nào?**

A. Nhân vật trong Đất rừng phương Nam có nhiều tầng lớp, nhiều ngành nghề như một xã hội thu nhỏ

B. Đoàn Giỏi đã từng viết một loạt sách về các con vật trên rừng dưới biển…

C. Người đọc không chỉ ngạc nhiên mà còn thấm đẫm cảm xúc bởi Đoàn Giỏi là một nhà thơ, một thi sĩ của đất rừng phương Nam.

D. Cả ba ý trên đều đúng

**Đáp án:** Câu 1: A; Câu 2: D; Câu 3: D; Câu 4: C

**2. Đọc hiểu ngữ liệu ngoài chương trình**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Lần đầu tiên tôi theo tía nuôi tôi và thằng Cò đi “ăn ong” đấy! Mấy hôm trước, má nuôi tôi đã kể tỉ mỉ cho tôi nghe cách gác kèo ong thế nào, nhưng tôi vẫn chưa hình dung được "ăn ong” ra sao. Những điều má nuôi tôi kể, trong các sách giáo khoa không thấy nói. Khoa học tự nhiên ở trường chỉ mới cho tôi một khái niệm chung chung về loài ong, về những lợi ích của con ong, đại khái vậy thôi. Hiển nhiên từ những thời xa xôi thuở con người ăn lông ở lỗ cho đến ngày nay, người ta vẫn đi tìm lấy mật rừng bằng cách theo dấu đường bay của những con ong về tổ. Người ta phải khó nhọc lắm mới đưa được con ong rừng về nuôi thành con ong nhà, vì như thế, việc lấy mật sẽ dễ dàng và đảm bảo hơn.*  *Trong kho tàng của những nhà nuôi ong trên thế giới ghi chép trong các sách vở mà tôi được nghe thầy giáo tôi kể, không thấy có nơi nào nói đến việc lấy mật bằng cách gác kèo như má nuôi tôi đã bảo cho tôi nghe vừa rồi.*  *- Thôi, dừng lại nghỉ một lát, bao giờ thằng An đỡ mệt, ăn cơm xong hẵng đi! - Tía nuôi tôi ra lệnh cho chúng tôi như vậy.*  *Quả là tôi đã mệt thật. Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu! Chúng tôi đã bơi xuồng đi từ lúc gà vừa gáy rộ canh tư. Thằng Cò thì coi bộ chưa thấm tháp gì. Cặp chân của nó như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!*  (Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)  **Câu 1.** Đoạn trích trên kể về sự việc gì? Kể theo ngôi thứ mấy? Người kể chuyện là ai?  **Câu 2**. Từ “*ăn ong*”; “*ăn lông ở lỗ*” nghĩa là gì?  **Câu 3.** Tìm chi tiết thể hiện tình yêu thương của tía nuôi dành cho An?  **Câu 4.** “*Khoa học tự nhiên ở trường chỉ mới cho một khái niệm chung chung; những nhà nuôi ong trên thế giới ghi chép trong sách vở cũng không thấy có nơi nào nói đến việc lấy mật bằng cách gác kèo*”. Chi tiết này nói lên điều gì?  **Câu 5.** Chi tiết “*Cặp chân của nó như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!*” cho biết nhân vật Cò là người như thế nào?  **Câu 6.** Qua câu chuyện trên, em có nhận xét gì về nhân vật An?  **Câu 7.** Hãy chia sẻ những điều độc đáo trong phong tục tập quán của quê hương em. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Đoạn trích trên kể về sự việc An theo tía nuôi đi lấy mật ong. Đoạn trích kể theo ngôi thứ nhất. Người kể chuyện là nhân vật An.

**Câu 2**. Từ “*ăn ong*”: gác kèo và lấy mật ong; “*ăn lông ở lỗ*”: là thành ngữ dùng để chỉ kiểu sống hoang dã, ăn sống nuốt tươi mất vệ sinh, hoặc rộng hơn là thiếu sự hiểu biết, thiếu văn hóa.

**Câu 3.** Chi tiết thể hiện tình yêu thương của tía nuôi dành cho An:

*- Thôi, dừng lại nghỉ một lát, bao giờ thằng An đỡ mệt, ăn cơm xong hẵng đi!*

*- Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu!*

**Câu 4.** “*Khoa học tự nhiên ở trường chỉ mới cho một khái niệm chung chung; những nhà nuôi ong trên thế giới ghi chép trong sách vở cũng không thấy có nơi nào nói đến việc lấy mật bằng cách gác kèo*”. Chi tiết này nói lên sự độc đáo, riệng biệt trong cách lấy mật của người dân vùng U Minh.

**Câu 5.** Chi tiết “*Cặp chân của nó như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!*” cho biết nhân vật Cò là người khỏe khoắn, vạm vỡ, từng trải, quen thuộc với việc đi bộ đường rừng. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 6.** Nhận xét về nhân vật An: Nhạy cảm, thích quan sát, suy xét, ham hiểu biết, so sánh; hiểu được tình cảm người khác dành cho mình.

**Câu 7.** HS tự chia sẻ những điều độc đáo trong phong tục tập quán của quê hương mình trong cách sống, sinh hoạt hằng ngày.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Chắc tôi ngủ một giấc lâu lắm thì phải. Khi tôi mở mắt ra, thấy xuồng buộc lên một gốc cây tràm. Không biết tía nuôi tôi đi đâu. Nghe có tiếng người nói chuyện rì rầm bên bờ. “A! Thế thì đến nhà chú Võ Tòng rồi!”. Tôi ngồi dậy, dụi mắt trông lên. Ánh lửa bếp từ trong một ngôi lều chiếu qua khung cửa mở, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành hình bậc thang dài xuống bến. Tôi bước theo ra khỏi xuồng, lần theo bậc gỗ mò lên. Bỗng nghe con vượn bạc má kêu” Ché… ét, ché… ét” trong lều, và tiếng chú Võ Tòng nói “Thằng bé của anh nó lên đấy!”.*  *- Vào đây, An! - Tía nuôi tôi gọi.*  *Tôi bước qua mấy bậc gỗ trơn tuột và dừng lại chỗ cửa. Con vượn bạc má ngồi vắt vẻo trên một thanh xà ngang, nhe răng dọa tôi. Tía nuôi tôi và chú Võ Tòng ngồi trên hai gộc cây. Trước mặt hai người, chỗ giữa lều, có đặt một cái bếp cà ràng, lửa cháy riu riu, trên cà ràng bắc một chiếc nồi đất đậy vung kín mít. Chai rượu đã vơi một đĩa khô nướng còn bày trên nền đất ngay dưới chân chủ và khách, bên cạnh hai chiếc nỏ gác chéo lên nhau.*  *- Ngồi xuống đây chú em.*  *- Chú Võ Tòng đứng dậy, lôi một gộc cây trong tối đặt bên bếp lửa. Chú cởi trần, mặc chiếc quần kaki còn mới nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần lính Pháp có những sáu túi). Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt, đúng như lời má nuôi tôi đã tả. Lạu còn thắt cái xanh- tuya- rông nữa chứ!*  (Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt và nội dung đoạn trích.  **Câu 2**. Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy? Ai là người kể chuyện? Kể theo ngôi kể đó có tác dụng gì?  **Câu 3.** Tìm những chi tiết về nhà cửa, cách ăn mặc và tiếp khách của chú Võ Tòng. Qua đó gợi lên trong em ấn tượng gì về chú Võ Tòng?  **Câu 4.** Tiếng kêu và hình ảnh của con vượn bạc má trong phần (1) gợi ra cảm giác về một bối cảnh không gian như thế nào?  **Câu 5.**Chỉ ra đặc sắc về ngôn ngữ phong cách, lối sống sinh hoạt của người dân Nam Bộ thể hiện trong đoạn trích. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Phương thức: Tự sự**.** Nội dung: bối cảnh gặp gỡ của cha con tía nuôi An với chú Võ Tòng.

**Câu 2**. Ngôi kể: thứ nhất. Người kể chuyện: Cậu bé An. Tác dụng: Truyện kể trở nên chân thực.

**Câu 3.**

**- Nhà cửa:***ngôi lều chiếu qua khung cửa mở, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành hình bậc thang dài xuống bến.*

**- Cách ăn mặc:**

*+ Chú cởi trần mặc chiếc quần kaki còn mới nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần lính Pháp có những sáu túi).*

*+ Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt, đúng như lời má nuôi tôi đã tả.*

*+ Thắt cái xanh- tuya- rông.*

**- Tiếp khách:**

*+ Chỗ giữa lều, có đặt một cái bếp cà ràng, lửa cháy riu riu, trên cà ràng bắc một chiếc nồi đất đậy vung kín mít.*

*+ Chai rượu đã vơi một đĩa khô nướng còn bày trên nền đất ngay dưới chân chủ và khách, bên cạnh hai chiếc nỏ gác chéo lên nhau.*

**- Ý nghĩa:**Những chi tiết về nhà cửa, cách ăn mặc và tiếp khách,... gợi lên ấn tượng về chú Võ Tòng là một người có lối sống dân dã, phóng khoáng, gần gũi với thiên nhiên.

**Câu 4.**Tiếng kêu và hình ảnh của con vượn bạc má trong phần (1) gợi ra cảm giác về một bối cảnh, không gian hoang sơ.

**Câu 5.**Một số yếu tố (ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sinh hoạt...) trong văn bản cho thấy tiểu thuyết của Đoàn Giỏi mang đậm màu sắc Nam Bộ:

+ Ngôn ngữ: sử dụng nhiều từ ngữ địa phương (tía, má, khô nai, xuồng...)

+ Phong cảnh: sông nước, rừng hoang sơ.

+ Tính cách con người: thẳng thắn, bộc trực, tình cảm.

+ Nếp sinh hoạt: đi xuồng, ăn ở phóng khoáng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Không ai biết tên thật của gã là gì.Mười mấy năm về trước, gã một mình bơi một chiếc xuồng nát đến che lều giữa khu rừng đầy thú dữ này. Gã sống đơn độc một mình, đến con chó để làm bạn cũng không có. Hồi ấy, rừng này còn nhiều hổ lắm. […] Một buổi trưa, gã đang ngủ trong lều, có con hổ chúa mò vào, từ ngoài sân phóng một cái phủ lên người gã. Bất thần gã tỉnh dậy. Gã vơ luôn cái mác bên người, cũng không kịp ngồi dậy nữ, cứ nằm ngửa thế mà xóc mũi mác lên đâm thẳng một nhát vào hàm dưới con hổi chúa, hai chân gã đá thốc lên bụng nó, không cho con ác thú kịp chụp xuống người.Con hổ chúa lộn vòng, rơi xuống đất. Lưỡi mác đâm từ hàm dưới thấu lên tận óc, làm nó không há họng được, nhưng vẫn còn cố vớt cái tát cuối cùng, để lại trên mặt gã một hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ. Không biết có phải do đấy mà gã mang tên“Võ Tòng” hay không? Chứ theo như một vài ông lão đa sự, thì ngày xưa gã là một chàng trai, ở tận một vùng xa lắm. Gã cũng có gia đình đàng hoàng như ai.Vợ gã là một người đàn bà trông cũng xinh mắt. Chị ấy, lúc chửa đứa đầu lòng, cứ kêu thèm ăn măng. Gã đàn ông hiền lành, quý vợ rất mực ấy bèn liều xách dao đến bụi tre đình làng xắn một mụt măng. Khi về qua ngang bờ tre nhà tên địa chủ, tên này bắt gã bỏ mụt măng xuống và vu cho gã lấy trộm măng tre của hắn. Gã một mực cãi lại, nhưng tên địa chủ quyền thế nhất xã ấy cứ vung ba toong đánh lên đầu gã. Đánh đâu thì còn nhịn được, chứ đánh lên đầu là nơi thờ phụng ông bà… thì số mày tới rồi! Lưỡi dao trên taygã không cho phép tên địa chủ ngang ngược kia giơ tay đánh ba toong lên đầu gã đến cái thứ hai. Nhát dao chém trả vào mặt gã đã gí tên bóc lột và hống hách này nằm gục xuống vũng máu. Nhưng gã không trốn chạy, gã đường hoàng xách dao đến ném trước nhà việc, bó tay chịu tội.*  (Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)  **Câu 1.** Người kể chuyện kể ở ngôi thứ mấy? Nêu ý nghĩa của ngôi kể đó.  **Câu 2.**Đoạn trích kể sự việc liên quan đến nhân vật nào? Đó là sự việc gì?  **Câu 3.**Tìm chi tiết thể hiện sự việc liên quan đến nhân vật. Qua các chi tiết đó đã cho thấy nhân vật là người như thế nào?  **Câu 4.** Tìm những từ ngữ mang tính địa phương Nam Bộ được sử dụng trong đoạn trích. Việc sử dụng các từ ngữ đó có có tác dụng gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.**Ngôi 3- Người giấu mặt kể về cuộc đời trước kia của chú Võ Tòng.

**Câu 2.** Đoạn trích kể về nhân vật Võ Tòng

+ Sự việc Võ Tòng đánh hổ.

+ Sự việc giết tên địa chủ.

**Câu 3. Các chi tiết thể hiện**

**\*Sự việc Võ Tòng đánh hổ:**

- Vơ luôn cái mác bên người, cũng không kịp ngồi dậy nữa, cứ nằm ngửa thế mà xóc mũi mác lên đâm thẳng một nhát vào hàm dưới con hổi chúa, hai chân gã đá thốc lên bụng nó, không cho con ác thú kịp chụp xuống người.

- Lưỡi mác đâm từ hàm dưới thấu lên tận óc, làm nó không há họng được.

- Trên mặt gã một hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ. Tài liệu của Nhung tây

**\*Giết tên địa chủ:**

- Vợ kêu thèm ăn măng Võ Tòng, liều xách dao đến bụi tre đình làng xắn một mụt măng.

- Bị địa chủ vu cho ăn trộm “mụt măng”, gã một mực cãi lại, nhưng tên địa chủ quyền thế nhất xã ấy cứ vung ba toong đánh lên đầu gã. Võ Tòng đã “chém trả vào mặt gã đã gí tên bóc lột và hống hách này nằm gục xuống vũng máu”.

- “Nhưng gã không trốn chạy, gã đường hoàng xách dao đến ném trước nhà việc, bó tay chịu tội”.

**\*Qua hành động thể hiện tính cách nhân vật:**

+Hiền lành, quý vợ rất mực.

+Sống đường hoàng, chính trực: giết địa chủ, thẳng thắn thú nhận và sẵn sàng ngồi tù.

+ Không trốn chạy... đường hoàng xách dao đến trước nhà bó tay chịu trói.

**3. Từ mang tính địa phương:**

*+ Gã, hắn.*

*+ Mụt măng.*

**4. Các yếu tố thể hiện yếu tố địa phương Nam Bộ**

\*Một số yếu tố (ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sinh hoạt...) trong văn bản cho thấy tiểu thuyết của Đoàn Giỏi mang đậm màu sắc Nam Bộ:

+ Ngôn ngữ: sử dụng nhiều từ ngữ địa phương (*tía, má, khô nai, xuồng*...)

+ Phong cảnh: sông nước, rừng hoang sơ.

+ Tính cách con người: thẳng thắn, bộc trực, gan dạ, tình cảm.

+ Nếp sinh hoạt: đi xuồng, ăn ở phóng khoáng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:  *“Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đên như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng . Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận”*  *(Ngữ văn 6- tập 2, trang 19)*  **Câu 1**: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Văn bản ấy thuộc tác phẩm nào? Tác giả là ai?  **Câu 2**: Cho biết phương thức biểu đạt chính của **đoạn văn trên**?  **Câu 3**: Đoạn văn trên có sử dụng một biện pháp tu từ, cho biết đó là biện pháp tu từ nào ? Tác giả sử dụng biện pháp tu từ này mấy lần, liệt kê từng lần? Nêu tác dụng của phép tu từ đó.  **Câu 4:** Đoạn văn trên miêu tả đối tượng nào? Đối tượng ấy được miêu tả thông qua những chi tiết, hình ảnh nào?  **Câu 5:** Em rút ra **bài học** gì từ **văn bản chứa đoạn văn** nói trên? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- Đoạn văn trên trích từ văn bản Sông nước Cà Mau

- Tác phẩm: Đất rừng phương Nam

- Tác giả: Đoàn Giỏi

**Câu 2:**

- PTBĐ chính: Miêu tả

**Câu 3:**

- Biện pháp tu từ: so sánh

- Sử dụng 3 lần:

+ *Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đên như thác*

*+ cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch*

+ *rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận*

=>Tác dụng: Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu văn. Giúp ta hình dung được dòng sông Năm Căn mênh mông, hùng vĩ, tràn ngập một màu xanh, thiên nhiên thơ mộng. Bộc lộ năng lực quan sát và sử dụng ngôn ngữ của tác giả.

**Câu 4:**

- Đoạn văn trên miêu tả hình ảnh dòng sông Năm Căn

- Thông qua chi tiết: mênh mông, nước ầm ầm, cá nước bơi hàng đàn, rộng hơn ngàn thước, hai bên bờ rừng đước dựng lên cao ngất

**Câu 5:**

- Bài học: Thiên nhiên vùng Cà Mau nói riêng và Việt Nam nói chung tươi đẹp và phong phú, chúng ta cần có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ và phát triển, làm môi trường thiên nhiên ngày càng đa dạng, giàu có hơn

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Tổ quốc tôi như một con tàu  Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau*  *……. Những dòng sông rộng hơn ngàn thước  Trùng điệp một màu xanh lá đước   Đước thân cao vút, rễ ngang mình  Trổ xuống nghìn tay, ôm đất nước!*  *….. Tổ quốc tôi như một con tàu  Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau*  *(Ngữ văn 6- tập 2, trang 23)*  **Câu 1**: Đoạn thơ trên khiến em liên tưởng tới văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 7, tập 1?  **Câu 2**: Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản em vừa tìm được?  **Câu 3**: Tìm biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau và nêu tác dụng:  Đước thân cao vút, rễ ngang mình  Trổ xuống nghìn tay, ôm đất nước!  **Câu 4**: Hình ảnh “Dòng sộng rộng hơn ngàn thước” gợi cho em liên tưởng tới dòng sông nào? Trong văn bản em vừa tìm được, dòng sông ấy được miêu tả như thế nào?  **Câu 5**: **Tìm**, **xác định kiểu** và **sắp xếp vào mô hình** các **hình ảnh so sánh** được sử dụng trong đoạn thơ trên |

**Gợi ý**

**Câu 1:**

- Đoạn thơ khiến em liên tưởng đến văn bản Thiên nhiên và con người trong đất rừng phương nam.

**Câu 2:**

- PTBĐ chính: Miêu tả

**Câu 3:**

- Biện pháp tu từ: Nhân hóa

=>Tác dụng: Làm hình ảnh cây đước trở nên sinh động như con người, rừng đước vùng Cà Mau như con người giàu lòng yêu quê hương, bảo vệ non sông

**Câu 4:**

- Hình ảnh gợi em liên tưởng đến dòng sông Năm Căn

- Dòng sống ấy được miêu tả thông qua chi tiết: mênh mông, nước ầm ầm, cá nước bơi hàng đàn, rộng hơn ngàn thước, hai bên bờ rừng đước dựng lên cao ngất

**Câu 5:**

- Các hình ảnh so sánh:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vế A** | **Phương diện SS** | **Từ so sánh** | **Vế B** | **Kiểu** |
| Tổ quốc tôi |  | như | Một con tàu | So sánh ngang bằng |
| Mũi Cà Mau |  |  | Mũi thuyền | So sánh ngang bằng |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:  *“Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung qunh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá. Tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng sóng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái Lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối”*  *(Trích Sông nước Cà Mau- Đoàn Giỏi)*  **Câu 1**: Cho biết phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.  **Câu 2**: Liệt kê một số chi tiết có liên quan đến màu xanh trong đoạn văn trên.  **Câu 3**: Đoạn văn trên có sử dụng các biện pháp tu từ nào? |

**Gợi ý**

**Câu 1:**  PTBĐ chính: Miêu tả

**Câu 2:** Các chi tiết liên quan đến màu xanh: *trời xanh, nước xanh, sắc xanh cây lá, khu rừng xanh bốn mùa...*

**Câu 3:**

- Hình ảnh gợi em liên tưởng đến dòng sông Năm Căn

- Dòng sống ấy được miêu tả thông qua chi tiết: mênh mông, nước ầm ầm, cá nước bơi hàng đàn, rộng hơn ngàn thước, hai bên bờ rừng đước dựng lên cao ngất

**3. Dạng viết ngắn**

**Câu 1: Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam" đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh như thế nào?**

**Gợi ý trả lời**

Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam" đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh. Thông qua việc phân tích và làm rõ nghệ thuật kể chuyện, xây dựng nhân vật của Đoàn Giỏi, tác giả Bùi Hồng đã cho người đọc thấy được vốn sống phong phú và hiểu biết sâu sắc của Đoàn Giỏi về thiên nhiên, các loài vật và con người ở vùng Cửu Long sông nước. Đọc tác phẩm của Đoàn Giỏi, người đọc đồng thời được mở mang hiểu biết về thiên nhiên con người nơi đây.

==========================================================

**ÔN TẬP VĂN BẢN : “VẺ ĐẸP CỦA BÀI THƠ TIẾNG GÀ TRƯA"**

***(****Đinh Trọng Lạc)*

**I. Tác giả tác phẩm**

**1. Tác giả:**

- Nhà nghiên cứu: Đinh Trọng Lạc (1928- 2000) quê ở Hà Nội.

**2. Tác phẩm:**

a. Xuất xứ: Bài viết được in trong sách “Vẻ đẹp ngôn ngữ văn học qua các bài tập đọc lớp 4, 5”

b. Thể loại: Nghị luận văn học

c. Phương thức biểu đạt: Nghị luận

**d. Bố cục: 4 phần**

- Phần 1: từ đầu...tuổi thơ (Vẻ đẹp khổ thơ thứ nhất)

- Phần 2: tiếp ...vui sướng (Vẻ đẹp khổ thơ thứ hai)

- Phần 3: tiếp...của bà (Vẻ đẹp của sáu dòng thơ đặc biệt trong bài)

- Phần 4: Còn lại (Vẻ đẹp khổ cuối.)

**1. Đặc điểm kiểu bài nghị luận văn học của văn bản**

**a. Vấn đề nghị luận:** Đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ “Tiếng gà trưa”.

**b. Trình tự nghị luận:** Bám sát mạch cảm xúc bài thơ “Tiếng gà trưa”. Cảm xúc được bắt nguồn từ âm thanh tiếng gà khơi nguồn nỗi nhớ về tuổi thơ, kí ức về người bà; cảm xúc được tiếp nối bằng kỉ niệm và cảm xúc biết ơn, yêu kính bà; cuối cùng lắng đọng ở mục đích chiến đấu cao đẹp của người chiến sĩ ở khổ thơ cuối.

**c**. **Mục đích của văn bản:** Giúp người đọc hiểu được sự độc đáo nghệ thuật (ngôn từ, biện pháp tu từ, nhịp điệu) và nét đặc sắc nội dung (tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước) của bài thơ “Tiếng gà trưa”. Từ đó, văn bản khơi gợi và bồi dưỡng cho người người đọc tình yêu đối với tác phẩm văn chương và tình cảm gia đình cao quý,

**c. Phương pháp nghị luận:** để thuyết phục người đọc, người viết đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến.

**2. Những lưu ý khi đọc hiều văn bản nghị luận văn học**

- Xác định vấn đề nghị luận

- Xác định mục đích văn bản nghị luận

- Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Chỉ rõ tác dụng của hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản.

- Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích và chính văn bản nghị luận này.

**II. Định hướng phân tích văn bản**

### 1. Vẻ đẹp của khổ thơ thứ nhất

- Anh bộ đội trên đường hành quân, khi dừng chân bên xóm nhỏ, nghe tiếng gà nhảy ổ.

+ “Cục…cục tác cục ta với việc lặp âm và dấu chấm lửng đã mô phỏng sát tiếng gà

+ Phép tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, lấy thính giác nghe thay cho thín giác thấy và việc lặp lại ba lần ở đầu dòng thơ động từ nghe có tác dụng đem lại ấn tượng như tiếng gà ngưng lại

→ Tiếng gà làm ta quay lại với những kí ức tuổi thơ.

**2. Phân tích khổ thơ thứ hai trong bài thơ.**

- Những câu tả có kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng đều mở đầu bằng từ này, là từ để chỉ và lưu ý người nghe tưởng tượng

- Đảo “khắp mình” lên trước “hoa đốm trắng” làm cho bức tranh gà mái mơ trở nên đẹp lỗng lẫy

- Biện pháp tu từ so sánh “Lông óng như màu ánh nắng” à làm cho bức tranh gà mái trở nên đẹp đẽ.

→ Đưa anh chiến sĩ trở về với kỉ niệm người bà tẩn tảo, suốt đời lo toan cho cháu để được vui sướng

**3. Nét đặc biệt trong sau câu thơ đầu khổ thơ thứ 4**

- Tất cả sáu dòng thơ của khổ thơ dưới đây chỉ làm thành một câu đơn phát triển với những thành phần chính và phụ được tách biệt ra thành từng dòng riêng “Cứ hằng năm, hằng năm…Cháu được, quần áo mới”

- Sáu dòng thơ là những độc thoại trong tâm hồn người cháu, giàu chất suy tưởng khi người cháu nhận ra, suy ngẫm về tình yêu thương, sự tần tảo, lo lắng hi sinh của bà dành cho mình

- Khổ thơ có nét độc đáo về nhịp điệu chậm, buồn và cấu trúc để thể hiện cảm xúc mênh mang, mang nặng suy tư, chiêm nghiệm của người cháu khi nghĩ về bà, tình yêu thương của bà.

“Nhịp điệu khổ thơ là nhịp điệu chậm rãi của độc thoại, bên trong đầy chất suy tưởng... Chi tiết nhỏ bé thế, đơn giản là thế mà chứa đựng một tình yêu thương sâu sắc, vô bờ bến của bà”

+ Sáu dòng thơ chỉ làm thành một câu đơn

+ Mỗi dòng chỉ gồm năm tiếng nhưng có cách ngắt nhịp khác dòng kia.

→ Nhịp điệu thơ chậm rãi, độc thoại, bên trong đầy chất suy tưởng

**4. Phân tích vẻ đẹp trong khổ thơ cuối cùng**

- Khổ thơ cuối cùng hay nhất, cảm động nhất nó chứa đựng tình cảm thiêng liêng, cao quý của tác giả vì:

+ Anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi cảm động, làm cho lời nói độc thoại bên trong hiển hiện như lời đối thoại sống động...

+ Việc lặp lại từ “Vì” ở đầu các dòng thơ đã góp phần thể hiện...

- Phép lặp “vì” à thể hiện ý chí mạnh mẽ chiến đấu vì Tổ quốc, nhân dân trong đó có cả bà với bao kỉ niệm tuổi thơ

+ Khổ thơ cuối chứa đựng “những tình cảm thiêng liêng, cao quý, sâu sắc và chân thành”

+ Khổ thơ cuối thể hiện “ý chí chiến đấu mạnh mẽ vì Tổ quốc, vì nhân dân, những người

**5. Đánh giá**

### + Nghệ thuật

- Lí lẽ xác đáng, thuyết phục.

- Dẫn chứng cụ thể, rõ ràng.

- Ngôn ngữ giản dị, giàu cảm xúc.

**+ Nội dung**

Văn bản phân tích giá trị nghệ thuật và nội dung bài thơ “Tiếng gà trưa”.

**III. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**2. Dạng bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

|  |
| --- |
|  |

**3. Dạng viết ngắn**

**Câu 5.** Mục đích của văn bản Vẻ đẹp của bài thơ "Tiếng gà trưa" là gì? Các phần trong văn bản đã làm rõ cho mục đích đó như thế nào?

**Câu 6.** Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được gì về bài thơ Tiếng gà trưa đã học ở Bài 2?

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1.**- Mục đích của văn bản Vẻ đẹp của bài thơ "Tiếng gà trưa" là làm rõ vẻ đẹp (nội dung và hình thức) của bài thơ Tiếng gà trưa.

- Mỗi phần trong văn bản đã làm rõ ẻ đẹp về hình thức và nội dung của từng khổ thơ của bài thơ.

**Câu 2.**Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được nghệ thuật trong bài thơ Tiếng gà trưa đã học ở Bài 2.

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**SỨC HẤP DẪN CỦA TÁC PHẨM HAI VẠN DẶM DƯỚI ĐÁY BIỂN**

*(Lê Phương Liên)*

**I. Tác giả tác phẩm**

**1. Tác giả**

- Tác gải: Lê Phương Liên

- Sinh năm 1951

- Quê quán: Hà Nội.

- Từng là cô giáo dạy sau khi tốt nghiệp khoa Toán - Lý trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.

- Tác phẩm: truyện vừa “*Những tia nắng đầu tiên”*và truyện ngắn “*Câu hỏi trẻ thơ”* là tác phẩm đầu tay. Bên cạnh đó còn có các tác phẩm: *Khi mùa xuân đến, Hoa dại, Bức tranh còn vẽ, Én nhỏ, Khúc hát hạnh phúc, Dòng thu, Cuộc phiêu lưu của chú rối Tễu, Khu vườn biết nói, Ký ức ánh sáng..*

- Bà đã được nhận nhiều giải thưởng như: Giải thưởng Trung ương Đoàn, Giải thưởng Bộ Giáo dục năm 1970 cho truyện ngắn Câu hỏi trẻ thơ, Huy chương Vì sự nghiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam năm 1997.

- Bà có rất nhiều những sáng tác đặc sắc dành cho thiếu nhi

**2. Tác phẩm**

**a. Thể loại:** Nghị luận văn học.

**b. Phương thức biểu đạt:** Nghị luận.

**c. Bố cục:**

***-*** Phần 1: Từ đầu ... kì lạ. Giới thiệu những nét đặc sắc của tác phẩm.

- Phần 2: Tiếp ...của tác giả. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật đặc sắc

- Phần 3: Tiếp ... tình người? Sự sáng tạo của Véc-nơ.

- Phần 4: Còn lại. Vị trí của Véc-nơ trên diễn đàn văn học thế giới.

**3. Những lưu ý khi đọc hiều văn bản nghị luận văn học**

- Xác định vấn đề nghị luận

- Hiểu mục đích của văn bản viết để làm gì?

- Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản như thế nào?

- Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích vào chính văn bản nghị luận này.

**II. Định hướng phân tích văn bản**

**1. Đặc điểm kiểu bài nghị luận văn học của văn bản**

**a. Vấn đề nghị luận:**Phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển.

**b. Mục đích của văn bản:** Giúp người đọc hiểu thêm về các nhân vật, lối viết độc đáo của truyện. Đặc biệt, đó là thông điệp mà tác giả muốn truyền tải đến người đọc qua các tình huống truyện được dựng lên Từ đó người đọc thấy được sự hấp dẫn của tác phẩm

**c. Phương pháp nghị luận:** để thuyết phục người đọc, người viết đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến.

**1. Giới thiệu tác phẩm**

- Đặc sắc của tác phẩm: có nhiều yếu tố li kì và có tính nhân văn.

- Tóm tắt: Câu chuyện về cuộc hành trình bất đắc dĩ của nhà nghiên cứu biển A-rôn-nác, Giáo sư Viện bảo tàng Pa-ri, cùng người cộng sự Công-xây và người thợ săn cá voi Nét Len sau khi đột nhiên bị rơi vào con tàu No-ti-lớt kì lạ.

=> Phần mở đầu cung cấp cho người đọc những thông tin cơ bản nhất của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển.

**2. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật đặc sắc**

**-** Con người luôn luôn muốn tiến ra biển, muốn làm chủ biển cả và muốn chiếm lĩnh trọn vẹn tất cả các đại dương

+ Hình ảnh thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện trong Hai vạn dặm dưới đáy biển là một con người bí ẩn gần như huyền thoại, chính là hình tượng anh hùng mang tư tưởng của tác giả Véc – nơ

+ Thuyền trưởng Nê-mô là một con người vừa có trí tuệ, vừa có tính phiêu lưu, mạo hiểm.

+ Đọc Hai vạn dặm dưới đáy biển, người đọc được chia sẻ khát vọng khám phá cuộc sống cả về nội tâm và ngoại cảnh với nhân vật tự sự, Giáo sư A -rôn-nác, có lẽ cũng chính là hiện thân của tác giả.

=>Tác giả xây dựng được những nhân vật mang những tính cách, hành động riêng biệt, có cá tính riêng, tạo sự thu hút, hấp dẫn cho tác phẩm.

**3. Sự sáng tạo của Véc-nơ trong tác phẩm**

**-** Véc-nơ đã ghi dấu ấn vào lịch sử văn học thế giới chính là ở những sáng tạo mang tính khoa học viễn tưởng

+ Những máy móc công nghệ hiện đại.

+ Những dự cảm về không gian tận đáy biển xa xôi, nơi con người chưa đặt chân đến.

=> Véc-nơ có vốn hiểu biết sâu rộng về địa lí thế giới, am hiểu cặn kẽ về kiến thức vật lí, toán học, sinh học, lịch sử, tự nhiên và xã hội... Chính những điều này đã tạo nên thành công cho tác phẩm của ông. Tài liệu của Nhung tây

- Đặc sắc trong tác phẩm:

+ Một lối kể chuyện hấp dẫn.

+ Tình huống bất ngờ, nghẹt thở, đầy kịch tính.

+ Giọng văn hài hước, dí dỏm, chan chứa tình cảm yêu thương con người.

=> Tạo nên sức hấp dẫn trong mọi thời đại của tác phẩm.

- Giá trị nhân văn

+ Ca ngợi sức mạnh của con người.

+ Thể hiện sự hòa đồng giữa con người với biển cả: con người cần biển cả, yêu biển cả, hiểu về biển cả hơn như tìm hiểu bản thân mình.

+ Thể hiện tình cảm giữa con người với con người.

=> Tác phẩm mang những giá trị nhân văn sâu sắc, có giá trị mọi thời đại.

**4. Vị trí của Véc-nơ trên diễn đàn văn học thế giới**

- Nhà văn tiên phong trong thể loại khoa học viễn tưởng.

- Thể hiện khát vọng chinh phục thế giới.

**5. Giá trị nhận thức**

Văn bản này giúp ta hiểu thêm về văn bản Bạch tuộc nó không chỉ là một câu chuyện phiêu lưu, mạo hiểm, mang lại cho ta những cảm xúc nhất thời, hơn hết nó mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc thể hiện khao khát muốn tìm hiểu, muốn sống chung với biển cả của nhân loại.

**6. Đánh giá**

**+ Nội dung**

- Văn bản cho người đọc hiểu hơn về nội dung, nhân vật, sự sáng tạo trong tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển. Qua đó, người đọc cũng hiểu rõ hơn về tác giả và vị trí của ông trên diễn đàn văn học thế giới.

**+ Nghệ thuật**

- Lí lẽ bằng chứng chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.

- Bố cục mạnh lạc, làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM CHỦ VỊ**

**I. Kiến thức cơ bản**

- Việc mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị thường được thực hiện bằng một trong hai cách:

- Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ hoặc vị ngữ

- Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ hoặc vị ngữ.

+ Cụm chính phụ là cụm từ gồm một thành tố chính và một hay nhiều thành tố phụ ở trước và sau thành tố chính. Cụm từ chính phụ gồm: Cụm danh từ, Cụm động từ và Cụm tính từ .

#### ****d. Cụm danh từ****

- Khái niệm: Cụm danh từ là loại tổng hợp từ do danh từ và một số ít từ ngữ phụ thuộc vào nó tạo thành. Cụm danh từ có ý nghĩa rất đầy đủ hơn và có cấu trúc phức tạp hơn một mình danh từ, nhưng hoạt động giải trí trong câu giống như một danh từ.  
Ví dụ : Những chiếc lá rơi đầy cả một sân.  
+ Cấu tạo cụm danh từ Cụm danh từ gồm ba phần, được phối hợp không thay đổi với nhau theo thứ tự :  
phần phụ trước + danh từ TT + phần phụ sau  
Các phụ ngữ ở phần trước bổ trợ cho danh từ những ý nghĩa về số lượng.  
Các phụ ngữ ở phần sau nêu lên đặc thù của sự vật mà danh từ biểu lộ hoặc xác lập vị trí của sự vật ấy trong khoảng trống hay thời hạn .  
Ví dụ : Một / con mèo / nằm trên đám cỏ. Tài liệu của Nhung tây  
số từ / TT / Phụ sau

#### ****e. Cụm động từ****

- Cụm động từ ( còn gọi là động ngữ ) là loại tổng hợp từ do động từ với một số ít từ ngữ phụ thuộc vào nó tạo thành. Trong đó thành tố TT là động từ còn những thành tố phụ có tính năng bổ trợ ý nghĩa về phương pháp, mức độ, thời hạn, khu vực … cho động từ TT đó.  
+ Cấu tạo: Giống như cụm danh từ, cụm động từ cũng gồm ba phần, được phối hợp không thay đổi với nhau theo thứ tự :  
phần phụ trước + động từ TT + phần phụ sau  
Ví dụ : Đang học trực tuyến  
Các phụ ngữ ở phần trước bổ trợ cho động từ những ý nghĩa về quan hệ thời hạn, sự tiếp nối tựa như …  
Các phụ ngữ ở phần sau bổ trợ cho động từ những cụ thể về đối tượng người tiêu dùng, hướng, khu vực, thời hạn, mục tiêu, nguyên do …  
Ví dụ : Chưa / tìm / được ngay câu vấn đáp .  
Phụ trước / Trung tâm / Phụ sau

#### ****g. Cụm tính từ****

- Cụm tính từ là loại tổng hợp từ do tính từ với 1 số ít từ ngữ phụ thuộc vào nó tạo thành. Cụm tính từ có ý nghĩa rất đầy đủ hơn và có cấu trúc phức tạp hơn một mình tính từ, nhưng hoạt động giải trí trong câu giống như một tính từ .  
Ví dụ : Thơm dịu ngọt cốm mới .  
+ Mô hình của cụm tính từ gồm :  
phần phụ trước + tính từ TT + phần phụ sau  
Các phụ ngữ ở phần trước biểu thị quan hệ thời hạn, sự tiếp nối tương tự như, mức độ của đặc thù, đặc thù …  
Các phụ ngữ ở phần sau bộc lộ vị trí, sự so sánh, mức độ …

**B. LUYỆN TẬP**

**Bài tập 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Vị ngữ là cụm động từ** | **Động từ trung tâm** | **Thành tố phụ là cụm chủ vị trong vị ngữ** |
| **a** | tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên | tưởng | mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên |
| **b** | cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ | làm | kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ. Tài liệu của Nhung tây |

**Bài tập 2**

a. nét mặt hầm hầm.

b. tay cầm một chiếc nỏ lên ngắm nghía...

**Bài tập 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Chủ ngữ là cụm danh từ** | **Danh từ trung tâm** | **Thành tố phụ là cụm chủ vị trong chủ ngữ** |
| a | Bộ quần áo bà ba đen mà má nuôi tôi vừa khâu cho tôi | quần áo | má nuôi tôi vừa khâu cho tôi |
| b | Chuyện bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc | chuyện | bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc |

**Bài tập 4**

a. trời mưa to

b. Câu nói nghĩa lí của con bé bảy tuổi hình như có một sức mạnh thần bí

**Bài 5:** Đoạn văn tham khảo

Văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa” là một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ “Tiếng gà trưa”, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của nhà thơ Xuân Quỳnh. Tác giả của văn bản - Đinh Trọng Lạc đã lần lượt phân tích nghệ thuật trong các khổ thơ. Sự ấn tượng của tôi dồn cả vào việc tác giả phân tích khổ thơ cuối. Ở khổ thơ cuối, anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi “Bà ơi” thật cảm động. Đó là tình cảm chất chứa lâu ngày nay được phát tiết. Việc Xuân Quỳnh để cho từ “Vì” ở đầu các dòng thơ lặp lại nhiều lần đã góp phần biểu hiện ý chí chiến đấu mạnh mẽ của người cháu - chiến sĩ. Đó là vì Tổ quốc, vì nhân dân mà trong đó bao gồm cả những người thân yêu trong gia đình, mà sâu sắc nhất là người bà với biết bao kỉ niệm tuổi thơ êm đẹp.

- Một vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị: "một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ Tiếng gà trưa, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của Xuân Quỳnh.".

- Một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị: "Việc Xuân Quỳnh để cho từ Vì ở đầu các dòng thơ lặp lại. Tài liệu của Nhung tây

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH VỀ ĐẶC ĐIỂM MỘT NHÂN VẬT**

**I. LÍ THUYẾT**

**1. Định hướng**

a. Phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu, miêu tả và nêu lên nhận xét về những nét tiêu biểu của một nhân vật như: lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, những suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm,… của nhân vật. Chẳng hạn đoạn văn sau đây:

“Ông Hai bán rắn – tia nuôi An – trốn tù, đón vợ rồi bỏ vào rừng U Minh. Một con thuyền nhỏ, hai vợ chồng, thằng con trai và con chó Luốc đi lang thang kiếm sống bằng đủ thứ nghề: câu rắn, lấy mật, săn cá sấu,… Gương mặt ông khoáng đạt rất dễ mến. Làn da mặt như người trẻ, chỉ ở đôi khóe mắt và trên vầng trán cao là có xếp mấy đường nhăn…Đôi mắt to, sáng quắc, núp dưới cặp chân mày rậm đen…Mấy nét thôi, nhưng hiện ra cái vẻ phóng khoáng tự tin của một đời sống tự do và từng trải” (Theo Bùi Hồng)

Trong đoạn trích trên, người viết vừa giới thiệu các đặc điểm của nhân vật (lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, hành động, việc làm,…) vừa kết hợp nêu lên những nhận xét về nhân vật ấy (“Gương mặt ông khoáng đạt rất dễ mến.”, “Mấy nét thôi, nhưng hiện ra cái vẻ phóng khoáng tự tin của một đời sống tự do và từng trải”)

b. Để viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật, các em cần chú ý:

- Lựa chọn nhân vật sẽ phân tích trong tác phẩm văn học

- Đọc kĩ tác phẩm viết về nhân vật đó

- Ghi chép các chi tiết về nhân vật (lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, nhưng suy nghĩ , lời nói, hành động, việc làm,…)

- Nhân xét, đánh giá về nhân vật.

- Lập dàn ý và viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật theo dàn ý đã lập.

**2. Thực hành**

**Bài tập (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1): Viết bài văn phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của nhà văn Đoàn Giỏi.**

**a. Chuẩn bị**

- Đọc kĩ lại đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng và xem lại nội dung đọc hiểu văn bản này (Bài 1)

- Xem mục Định hướng nêu trên để nắm vững các yêu cầu về viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật

- Ghi chép về nhân vật Võ Tòng theo yêu cầu của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.

**b. Tìm ý và lập dàn ý:**

- Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

- Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu khái quát về nhân vật Võ Tòng (đó là nhân vật trong tác phẩm nào, của ai? Nhân vật ấy là người thế nào?...)

**2. Thân bài:**

- Phân tích và làm sáng tỏ đặc điểm nhân vật Võ Tòng qua các phương diện:

+ Lai lịch: Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu.

+ Ngoại hình: Hai hố mắt sâu hoắm và từ trong đáy hố sâu thẳm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao;…

+ Lời truyền tụng: Ra tù, Võ Tòng không trả thù kẻ phá hoại gia đình mình, chỉ ngửa mặt cười lớn rồi vào rừng làm nghề săn bẫy thú;…

+ Hành động và việc làm:

- Nhận xét về nhân vật Võ Tòng: Trình bày những suy nghĩ, cảm xúc của em về các đặc điểm đã phân tích về chú Võ Tòng.

**3. Kết bài**

- Nêu đánh giá khái quát về nhân vật Võ Tòng (Đó là một con người như thế nào?)

- Liên hệ với những con người Nam Bộ bình thường, giản dị mà anh dũng, bất khuất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; từ đó rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay

**c. Viết**

- Dựa vào dàn ý đã làm, thực hành viết với những yêu cầu khác nhau:

+ Luyện tập viết đoạn mở bài và kết bài

+ Viết đoạn văn phân tích một đặc điểm nào đó của nhân vật Võ Tòng

+ Viết đoạn văn phân tích toàn bộ các đặc điểm của nhân vật Võ Tòng

- Chú ý: Trong khi viết, bám sát vào những chi tiết (lời nói, hành động, suy nghĩ của nhân vật và những nhận xét của nhân vật khác về Võ Tòng. Người viết có thể nêu lên những suy nghĩ, cảm xúc của mình về nhân vật được phân tích.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Nhân vật Võ Tòng trong tác phẩm "Người đàn ông cô độc giữa rừng" của nhà văn Đoàn Giỏi, có tính cách phóng khoáng, trượng nghĩa, lại pha lẫn chút ngang tàng, bụi bặm. Nhân vật này đã để lại trong tôi những ấn tượng, tình cảm sâu sắc.  
 Nhân vật này được khắc họa qua lời kể của cậu bé An trong tình huống theo tía nuôi đến thăm Võ Tòng. Trước tiên, về tên tuổi, không ai biết tên thật của Võ Tòng là gì, người dân ở đây chỉ biết rằng từ mười mấy năm về trước, chú đã một mình bơi xuồng đến dựng lều giữa khu rừng đầy thú dữ. Người ta vẫn truyền nhau kể lại việc một mình Võ Tòng đã giết chết hơn hai mươi con hổ. Có lẽ nguồn gốc cái tên Võ Tòng cũng bắt đầu từ đó. Về ngoại hình, chú thường cởi trần, mặc chiếc quần kaki còn mới nhưng coi bộ đã lâu không giặt chiếc quần lính Pháp có những sáu túi. Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê, nằm gọn trong vỏ sắt. Qua đây, có thể thấy được tính cách phóng khoáng của chú, thể hiện sự mạnh mẽ gan dạ.

Ẩn sâu trong vẻ bên ngoài dị thường là một tính cách hiền lành, tốt bụng. Cuộc đời của Võ Tòng đã phải trải qua nhiều bất hạnh. Trước đây, chú cũng từng có một gia đình như ai. Vợ chú là một người đàn bà xinh xắn, lúc mang thai đứa con đầu lòng cứ kêu thèm ăn măng. Yêu quý vợ hết mực, chú liều xách dao đến bụi tre đình làng xắn một mụt măng. Khi về ngang qua bờ tre nhà địa chủ liền bị hắn vu cho tội ăn trộm. Võ Tòng một mực cãi lên nhưng bị tên địa chủ quyền thế lại ra sức đánh, khiến chú chém trả. Nhưng chú không trốn chạy mà đường hoàng chịu tội, đó là sự dũng cảm, dám làm dám chịu của một đáng nam nhi. Sau khi đi ở tù về thì nghe tin vợ đã lấy tên địa chủ, còn đứa con trai độc nhất thì đã chết, Võ Tòng liền bỏ làng đi, vào trong rừng sống. Ở trong rừng lâu, chú càng trở nên kì hình dị tướng. Nhưng mọi người đều quý mến chú bởi tính tình chất phác, thật thà, luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người xung quanh mà không nghĩ đến chuyện nhận được đèn đáp.

Võ Tòng cũng là một người gan dạ, giàu lòng yêu nước thể hiện qua cuộc trò chuyện với tía nuôi của An về chuyện đánh giặc Pháp. Từ việc chú chuẩn bị những mũi tên tẩm thuốc độc, rồi chia cho tía nuôi của An, cũng như việc kể lại chiến công giết chết tên giặc Pháp với vẻ hào hứng, sung sướng.

Nhân vật Võ Tòng trong tác phẩm Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi được xây dựng với vẻ ngoài hung dữ, nhưng ẩn chứa bên trong lại là những vẻ đẹp rất người. Đó là sự chân thành, thật thà, thẳng thắn; là sự quan tâm, chăm sóc, lo nghĩ chu đáo; là sự hào phóng, tốt bụng; là lòng yêu nước nhiệt thành. Nhân vật này đã đại diện cho hình ảnh con người Nam Bộ giàu sự phóng khoáng, tốt bụng và tình cảm.

**d. Kiểm tra và chỉnh sửa**

- Kiểm tra lại đoạn văn và bài văn đã viết, phát hiện các lỗi về nội dung (thiếu ý, trùng lặp ý,…) và hình thức (chính tả, ngữ pháp, liên kết câu,…)

- Xác định những chỗ mắc lỗi và nêu cách sửa chữa.

=====================================

**BÀI 5: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

**-** Đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động;

- Mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; vai trò các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

-Nhận biết được một số yếu tố hình thức (đặc điểm, cách triển khai,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa....) của văn bản giới thiệu quy tắc luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.

**2. Năng lực**

**+ Năng lực đặc thù**

- Năng lực tự chủ và tự học: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm đọc các văn bản thông tin; hoàn thành các phiếu học tập; chia sẻ, thảo luận, đánh giá qua các hoạt động nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề: phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

**+ Năng lực chung**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nhận biết được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

**3. Phẩmchất**

**- Chăm chỉ**: Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

**- Trách nhiệm**: Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm học tập phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

**================================================**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: CA HUẾ**

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Xuất xứ**

- Theo cục di sản văn hóa dsvh.gov.vn

+ Thể loại: Văn bản thông tin

- Phương thức biểu đạt: Thuyết minh

+ Bố cục: 3 phần

- Phần 1: Nguồn gốc của ca Huế

- Phần 2: Các quy tắc trong biểu diễn ( Môi trường, số người, nhạc cụ) và phong cách biểu diễn của ca Huế.

- Phần 3: Giá trị đã được công nhận của ca Huế.

**II. Định hướng phân tích văn bản**

**1. Nguồn gốc của ca Huế**

**-** Ca Huế khởi nguồn từ hát cửa quyền trong cung vua phủ chúa với hình thức diễn xướng mang tính bác học dành cho thế giới thượng lưu say mê nghệ thuật. Theo thời gian lối hát thính phòng này dần được dân gian hóa để có điều kiện đến được với nhiều tầng lớp công chúng.

**2. Các quy tắc và phong cách biểu diễn của ca Huế**

\*Những thông tin thể hiện quy tắc, luật lệ của ca Huế bao gồm:

+ Thông tin về môi trường diễn xướng

+ Thông tin về số người trình diễn

+ Thông tin về số lượng và các loại nhạc cụ.

+ Môi trường diễn xướng: Không gian hẹp không có mặt trời

+ Số lượng người trình diễn cho một buổi ca Huế: Khoảng 8-10 người

+ Số người nghe ca Huế: Hạn chế

+ Số lượng nhạc công: Khoảng 5-6 người

+ Số lượng nhạc cụ: 4 đến 6 loại

+ Phong cách biểu diễn: Biểu diễn ttruyeenf thống và biểu diễn cho du khách.

- Điểm khác biệt giữa hai phong cách biểu diễn truyền thống và biểu diễn cho du khách

+ Quan hệ giữa người biểu diễn và người thưởng thức: Trong phong cách truyền thống, người diễn và người nghe có quen biết hoặc biết tiếng về nhau, còn trong phong cách phục vụ du khách, người dẫn chương trình sẽ làm cầu nối đôi bên.

+ Độ am hiểu của người thưởng thức: Trong phong cách truyền thống, người nghe am hiểu về ca Huế, còn trong phong cách phục vụ du khách, người nghe không cần có hiểu biết rõ ràng về ca Huế.

+ Hoạt động đi kèm: Buổi biểu diễn truyền thống đi kèm hoạt động bình phẩm, đánh giá nghệ thuật, còn buổi biểu diễn phục vụ du khách đi kèm lời giới thiệu khái quát về ca Huế của người dẫn chương trình dành cho khán giả.

- Ca Huế được các nghệ nhân tài danh sáng tạo, bổ sung tạo thành hệ thống bài bản phong phú, với giai điệu hoàn chỉnh mang tính nghệ thuật cao, lời ca giàu chất văn học, kỹ thuật ca hát tinh tế, điêu luyện, nhạc đệm hoàn hảo.

*=>Thông tin trong văn bản cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động trình diễn ca Huế theo lối đơn giản, ngắn gọn, giúp đông đảo đối tượng người đọc có thể dễ dàng tiếp cận. Từ đó, văn bản có tác dụng hiệu quả trong việc lan tỏa hiểu biết về ca Huế - một di sản văn hóa của dân tộc.*

**3.Giá trị đã được công nhận của ca Huế**

- Câu cuối cùng của văn bản đã khái quát được giá trị của hoạt động ca Huế là “một Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận.”

- Ca Huế là một Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận.

**4. Đánh giá**

**+ Nghệ thuật**

- Thông tin trong văn bản được Trình bày, sắp xếp theo trình tự: Từ khái quát đến cụ thể và theo thời gian, rõ ràng, chính xác

-Văn bản đã sử dụng hiệu quả các yếu tố của văn bản thông tin.

- Nhan đề, số liệu, hình ảnh để truyền tải được nội dung, ý nghĩa đến người đọc..

**+ Nội dung**

- Văn bản cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động trình diễn ca Huế theo lối đơn giản, ngắn gọn, giúp đông đảo đối tượng người đọc có thể dễ dàng tiếp cận.

- Qua đó, văn bản có tác dụng hiệu quả trong việc lan tỏa hiểu biết về ca Huế - một di sản văn hóa của dân tộc và nhắc nhở con người về ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể này.

**3. Khi giới thiệu về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi cần chú ý giới thiệu:**

- Nguồn gốc của hoạt động hay trò chơi ( nếu có)

- Các qui tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi ( thời gian, địa điểm, đối tượng tham gia, các bước tiến hành trò chơi, hoạt động, các thử thách cần vượt qua, tiêu chí đánh giá.)

- Nêu ý nghĩa của hoạt động, trò chơi…

**III. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt của văn bản**

A. Miêu tả B. Tự sự

**C. Thuyết minh** D. Nghị luận

**Câu 2: Văn bản Ca Huế thuộc thể loại?**

A. Truyện ngắn B. Thơ

C. Nghị luận **D. Văn bản thông tin**

**Câu 3: Văn bản cung cấp cho chúng ta những thông tin gì về ca Huế?**

A. Nguồn gốc của ca Huế

B. Các quy tắc trong biểu diễn ( Môi trường, số người, nhạc cụ) và phong cách biểu diễn của ca Huế.

C. Giá trị đã được công nhận của ca Huế.

**D. Cả ba nội dung trên**

**Câu 4: Xác định nghệ thuật của văn bản**

A. Thông tin trong văn bản được Trình bày, sắp xếp theo trình tự: Từ khái quát đến cụ thể và theo thời gian, rõ ràng, chính xác

B. Văn bản đã sử dụng hiệu quả các yếu tố của văn bản thông tin.

C. Nhan đề, số liệu, hình ảnh để truyền tải được nội dung, ý nghĩa đến người đọc..

**D. Cả ba nội dung trên**

**2. Ngữ liệu đọc hiểu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Không gian yên tĩnh bỗng bừng lên những âm thanh của dàn hòa tấu, bởi bốn nhạc khúc lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ du dương, trầm bổng, réo rắt mở đầu đêm ca Huế. Nhạc công dùng các ngón đàn trau truốt như ngón nhấn. mổ, vỗ, vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi. Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động đáy hồn người”.*  **Câu 1**: Tìm các động từ trong đoạn trích trên?  **Câu 2**: Nội dung của đoạn văn trên là gì?  **Câu 3**: Trong đoạn văn, tác giả đã dùng biên pháp tu từ nào? Nêu tác dụng? |

**Gợi ý trả lời**

|  |
| --- |
| **Câu 1**: Các động từ: Mổ, vỗ, vả, bấm, day, chớp…. |
| **Câu 2**: Nội dung đoạn văn: Nói lên không gian khi các làn điệu ca Huế bắt đầu cất lên cùng với những âm thanh đặc sắc. |
| **Câu 3** Tác giả dùng biện pháp liệt kê.  +Liệt kê nhạc khúc: lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ.  +Liệt kê giai điệu âm thanh: du dương, trầm bổng, réo rắt.  +Liệt kê những ngón đàn: ngón nhấn, mổ, vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi.  - Tác dụng: Làm nổi bật tài nghệ chơi đàn của nhạc công với những ngón đàn hết sức phong phú và âm thanh phong phú của các nhạc cụ, vẻ đẹp của các điệu ca Huế trên sông Hương. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi**  *Không gian yên tĩnh bỗng bừng lên những âm thanh của dàn hòa tấu, bởi bốn nhạc khúc lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ du dương trầm bổng, réo rắt mở đầu đêm ca Huế. Nhạc công dùng các ngón đàn trau chuốt như ngón nhấn, mổ, vỗ, vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi. Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy hồn người.*  **Câu 1**. Văn bản chứa đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản nào?  **Câu 2**. Nêu chủ đề chính của văn bản.  **Câu 3**. Trong bộ phận in đậm ở đoạn trích trên, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì Hãy nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp nghệ thuật đó.  **Câu 4**. Qua văn bản, em thấy mình cần làm gì để bảo tồn di sản văn hóa dân tộc. |

**Gợi ý trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1** | - Kiểu văn bản: Nghị luận |
| **Câu 2** | - Chủ đề: Bản sắc văn hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. |
| **Câu 3** | - Nghệ thuật liệt kê.  - Tác dụng nhấn mạnh tài nghệ chơi đàn điêu luyện của các nhạc công |
| **Câu 4** | - Tìm hiểu các giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc.  - Tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cộng đồng.  - Đem bản sắc văn hóa quảng bá với bạn bè thế giới |

**ÔN TẬP VĂN BẢN: HỘI THI THỔI CƠM**

**I. Tìm hiểu chung**

- **Xuất xứ**: Theo dulichvietnam.org.vn

- **Thể loại**: Văn bản thông tin

- **PTBĐ chính:** Thuyết minh

- **Bố cục**: 2 phần

+ Phần 1: Sapo ( phần mở đầu): khái quát chủ đề văn bản

+ Phần 2: Giới thiệu về hội thi thổi cơm ở một số địa phương

- Thông tin về thể lệ cuộc thi là quan trọng nhất vì nó cho người đọc thấy được cuộc thi sẽ diễn ra theo cách thức nào, đồng thời giúp nhận định được nét khác biệt trong hội thi của các địa phương. Có thể nói, đây chính là những thông tin làm nên giá trị của bài viết.

- Thông tin được sắp xếp thành từng phần tương ứng với từng địa phương. Trong mỗi một phần ấy, thông tin lại chủ yếu được sắp xếp theo trình tự thời gian, tương ứng với từng giai đoạn của cuộc thi: từ khi bắt đầu cho tới lúc tìm ra đội thắng cuộc.

- Cách sắp xếp thông tin như vậy giúp tái hiện toàn bộ quá trình cuộc thi như một thước phim tuần tự hiện ra trước mắt người đọc. Qua đó, người đọc dễ dàng nắm được thể lệ cũng như các giai đoạn trong cuộc thi. Tài liệu của Nhung tây

**Nhan đề văn bản:** *“****Hội thi thổi cơm****”*

Cung cấp thông tin về hội thi thổi cơm ở một số địa phương trên đất nước ta

- Đoạn mở đầu được in đậm vì đây là đoạn Sapô khái quát chủ đề, nội dung của văn bản, có vai trò thu hút sự chú ý của độc giả.

**II. Hội thi thổi cơm ở một số địa phương**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Nội dung** | **Thể lệ** | | | |
| **Đối tượng** | **Các bước** | **Thử thách** | **Cách đánh giá** |
| 1 | **Thi nấu cơm ở hội Thị Cấm (Từ Liêm - Hà Nội)** | Không bắt buộc nam hay nữ | 3 bước:  - thi làm gạo; - tạo lửa và lấy nước;  - thổi cơm. | Tạo lửa từ hai thanh nứa già cọ vào nhau, áp bùi nhùi(1) rơm khô vào cho bén lửa | Đội nào có được gạo trắng trước nhất, tạo được lửa và lấy được nước về đích trước.  thổi được cơm chín dẻo, ngon và xong trước thì thắng cuộc |
| 2 | **Thi nấu cơm ở hội làng Chuông (Hà Nội)** | Có phần thi dành riêng cho nam, phần thi dành riêng cho nữ | - Lấy lửa  - thổi cơm. | *Cuộc thi của nữ:* thực hiện trong một vòng tròn ĐK 1,5 mét, vừa thổi cơm vừa phải giữ một đứa trẻ và canh chừng một con cóc, không để nó nhảy ra khỏi vòng tròn.  *Cuộc thi của nam:* các chàng trai bước xuống một cái thuyền nan, bơi bằng tay sang bờ bên kia, áp thuyền vào bờ và thực hiện hết thảy các việc trên thuyền bồng bềnh. Tay ướt vẫn phải đánh lừa, thôi cơm và giữ thuyền ổn định. | Ai thôi được nồi cơm thơm dẻo, ngon, xong trước là người thắng cuộc. |
| 3 | **Thi nấu cơm ở hội Từ Trọng (Hoằng Hoá - Thanh Hoá)** | Không bắt buộc nam hay nữ | - Lấy lửa  - thổi cơm. | Người dự thi ngồi trên thuyền thúng tại một đầm rộng, lộng gió. Mỗi người một thuyền, kiềng, rơm ẩm, bã mía tươi | ai có nồi cơm hoặc chõ xôi chín dẻo, ngon là người thắng cuộc. |
| 4 | **Thi nấu cơm ở hội Hành Thiện (Nam Định)** | Chỉ có nam | - Lấy lửa  - thổi cơm. | Một người buộc cành tre dẻo, dai vào lưng, ngọn tre cao hon đầu. Trên ngọn tre treo san một niêu cơm. Người kia có nhiệm vụ nhanh chóng dùng hai thanh nứa già tạo ra lửa rồi châm vào bó đuốc hơ dưới đáy niêu. | ai có niêu cơm chín đều, dẻo ngon thì thắng cuộc. |
| **Ý nghĩa của hội thi nấu cơm** | - Hội thi vừa đem lại không khí sôi nổi, vui tươi, vừa rèn luyện sự nhanh nhạy, khéo léo, hoạt bát, tinh thần đoàn kết, sự phối hợp ăn ý cho người tham gia.  - Hội thi nhằm tái hiện lại truyền thống trẩy quân, đánh giặc của người Việt xưa. Sự tái hiện đó nhằm thể hiện lòng biết ơn chặng đường lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam ta.  - Hội thi thổi cơm góp phần giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hóa hiện đại hôm nay. | | | | |

**a.** Điểm giống và khác nhau về Hội thi thổi cơm ở một số địa phương.

**\*Giống nhau**

+ Nội dung thi: thổi cơm trong những điều khó khăn.

+ Cách đánh giá: đội nào nấu cơm nhanh nhất và ngon nhất thì sẽ thắng cuộc.

**\* Khác nhau**

- Đối tượng dự thi:

- Địa điểm thi

- Thử thách ( khó khăn) khi thi

**3. Ý nghĩa của hội thi thổi cơm.**

- Hội thi vừa đem lại không khí sôi nổi, vui tươi, vừa rèn luyện sự nhanh nhạy, khéo léo, hoạt bát, tinh thần đoàn kết, sự phối hợp ăn ý cho người tham gia.

- Hội thi nhằm tái hiện lại truyền thống trẩy quân, đánh giặc của người Việt xưa. Sự tái hiện đó nhằm thể hiện lòng biết ơn chặng đường lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam ta.

- Hội thi thổi cơm góp phần giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hóa hiện đại hôm nay

**4. Đánh giá**

**+ Nghệ thuật**

- Thông tin trong văn bản được Trình bày, sắp xếp theo trình tự: Từ khái quát đến cụ thể và theo thời gian, rõ ràng, chính xác

+ **Nội dung**

Cung cấp thông tin về nguồn gốc, những qui tắc, luật lệ hội thi thổi cơm ở một số địa phương trên đất nước ta

**+ Khi giới thiệu về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi cần chú ý giới thiệu:**

- Nguồn gốc của hoạt động hay trò chơi ( nếu có)

- Các qui tắc, luật lệ của trò chơi ( thời gian, địa điểm, đối tượng tham gia, các bước tiến hành trò chơi, hoạt độn, các thử thách cần vượt qua, tiêu chí đánh giá.

- Nêu ý nghĩa của hoạt động, trò chơi…

**Câu 1**: Văn bản “Hội thi thổi cơm” thuộc kiểu văn bản nào?

A. Văn bản tự sự. B. Văn bản biểu cảm.

C. Văn bản nghị luận. **D. Văn bản thông tin.**

**Câu 2**: Phương thức biểu đạt chính của văn bản Văn bản “Hội thi thổi cơm”là gì?

A. Tự sự**. B. Thuyết minh.**

C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

**Câu 3**: Văn bản “Hội thi thổi cơm” giới thiệu cho chúng ta những thông tin gì?

A. Cách nấu cơm ở một số địa phương.

**B. Những khó khăn, thử thách trong hội thi thổi cơm ở một số địa phương.**

C. Những qui tắc, luật lệ trong hội thi thổi cơm ở một số địa phương.

D. Ý nghĩa của hội thi thổi cơm ở một số địa phương.

**Câu 4**: Sau khi học xong văn bản, em thấy nội dung nào không thể thiếu khi giới thiệu về một hoạt động, trò chơi?

A. Nguồn gốc, xuất xứ của hoạt động, trò chơi.

B. Các qui tắc, luật lệ của hoạt động, trò chơi.

C. Ý nghĩa của hoạt động, trò chơi.

D. Điểm giống và khác nhau giữa hoạt động, trò chơi này với hoạt động, trò chơi khác.

**2. Dạng bài tập Đọc Hiểu**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản thông tin** | **Nội dung** |
| Sa-pô |  |
| Nhan đề |  |
| Đề mục |  |
| Văn bản thông tin |  |

( GV: hướng dẫn học sinh ghi lại các nội dung chính vào phiếu học tập trên.)

**Gợi ý trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản thông tin** | **Nội dung** |
| Sa-pô | - Văn bản thông tin là văn bản có mục đích chuyển tải thông tin một cách tin cậy , xác thực. |
| Nhan đề | - Sa-pô là đoạn văn ngắn nằm ngay dưới nhan đề văn bản nhắm giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết và tạo sự lôi cuốn đối với người đọc. |
| Đề mục | - Nhan đề là tên của văn bản thể hiện nội dung chính của văn bản. |
| Văn bản thông tin | - Đề mục là tên của một chương, mục, hoạc phần của văn bản. Đề mục giúp cho bố cục văn bản mạch lạc và dê tiếp nhận. Dưới mỗi đề mục là một hoạc vài đoạn văn tạo thành bộ phận của văn bản. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**  *“Bắt đầu vào hội thi, trống chiêng điểm ba hồi, các đội hình dự thì xếp hàng trang nghiêm làm lễ dâng hương trước cửa đình để tưởng nhớ vị thành hoàng làng có công cứu dân, độ quốc.*  *Hội thi bắt đầu bằng việc lấy lửa trên ngọn cây chuối cao. Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội nhanh thoăn thoắt leo lên thân cây chuối rất trơn vì đã bôi mỡ. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên,… Có người phải bỏ cuộc, người khác lại leo lên, quang cảnh hết sức vui nhộn.*  *Khi lấy được nén hương mang xuống, ban tổ chức phát cho ba que diêm châm vào hương cháy thành ngọn lửa. Người trong đội sẽ vót mảnh tre già thành những chiếc đũa bông châm lửa và đốt vào những ngọn đuốc. Trong khi đó, người trong nhóm dự thi nhanh tay giã thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm. Những nồi cơm nho nhỏ treo dưới những cành cong hình cánh cung được cắm rất khéo léo từ dây lưng uốn về trước mặt. Tay cầm cần, tay cầm đuốc đung đưa cho ánh lửa bập bùng. Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ nồng nhiệt của người xem hội”.*  *(Trích VB Hội thi nấu cơm ở Đồng Vân, Minh Nhương)*  **Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?  **Câu 2.** Đoạn văn cung cấp những thông tin gì về hội thi nấu cơm ở Đồng Vân?  **Câu 3.** Qua một số chi tiết nói về luật lệ của hội thổi cơm thi và hình ảnh người dự thi, em có nhận xét gì vẻ đẹp của con người Việt Nam?  **Câu 4.** Em hãy kể tên những lễ hội của nước ta mà em biết (Tối thiểu 03 lễ hội). Theo em, việc giữ gìn và tổ chức những lễ hội truyền thống hằng năm hiện nay có những ý nghĩa gì? |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Thuyết minh

**Câu 2.** Đoạn văn cung cấp những thông tin về hội thi nấu cơm ở Đồng Vân:

- Tiến trình cuả hội thi: lễ dâng hương, lúc bắt đầu lấy lửa, nấu cơm.

- Các quy định của hội thi nấu cơm ở Đồng Vân

- Hoạt động chính của hội thi nấu cơm: *giã thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm*

- Không khí của hội: *hết sức vui nhộn, cổ vũ náo nhiệt*

**Câu 3.** Vẻ đẹp của con người Việt Nam: khỏe mạnh và khéo léo, nhanh nhẹn và sáng tạo; đoàn kết, phối hợp trong nhóm; có ý thức tập thể.

**Câu 4**

**\*** Một số lễ hội của Việt Nam được tổ chức hằng năm:

\*HS nêu ý nghĩa của việc tổ chức các lễ hội truyền thống

Có thể nêu :

Lễ hội truyền thống là một phần quan trọng với đời sống tinh thần của người Việt. Do đó, việc giữ gìn và tổ chức các lễ hội truyền thống hằng năm có ý nghĩa vô cùng quan trọng:

+ Các lễ hội truyền thống là để con cháu tỏ lòng tri ân công đức của các vị anh hùng dân tộc, các bậc tiền bối đã có công dựng nước, giữ nước và đấu tranh giải phóng dân tộc.

+ Giúp thế hệ trẻ biết giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống quý báu cũng như phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc

## + Việc tổ chức lễ hội truyền thống còn góp phần tích cực trong giao lưu với các nền văn hóa thế giới.

**THỰC HÀNH ĐỌC – HIỂU:**

**NHỮNG NÉT ĐẶC SẮC TRÊN “ĐẤT VẬT” BẮC GIANG**

*(Theo Phí Trường Giang dulichbacgiang.gov.vn)*

**I. Tìm hiểu chung**

- Thể loại: thuyết minh

- PTBĐ: thuyết minh

- Bố cục: 2 phần

**II. Định hướng phân tích văn bản:**

**1. Nhan đề - hình thức văn bản:**

- Nhan đề: ngắn gọn, súc tích, tập trung vào nội dung chính của văn bản: lễ hội đấu vật ở Bắc Giang với những nét đặc sắc riêng có.

- Cách trình bày hình ảnh minh họa phù hợp, khéo léo góp phần làm rõ nội dung văn bản.

- Vật dân tộc là một trò chơi thể thao, vui khỏe thi tài của nam giới, giàu tinh thần thượng võ. Nơi diễn ra các cuộc đấu vật thường là sân rộng trước đình, trên bãi cỏ mịn, được gọi là “sới vật”. Các đô vật thường đóng khố màu, thân trần, đầu trần hoặc quấn khăn đầu rìu. Hội thường mở đầu bằng lễ rước Thánh vào đúng sáng ngày đấu. Từng đôi đô vật đi song song vào đình làm lễ trước hương án, sau đó là màn “vật lễ” giữa các đô vật nhà mang tính chất mở hội rồi mới đến màn đấu vật chính thức. Giải thưởng cho các đô vật có nhiều loại, có giải chính, giải cho từng hiệp đấu và giải chung cuộc dành cho người thắng suốt trong những ngày Hội.

**2. Giới thiệu chung về hội vật Bắc Giang:**

- Sới vật:

+ Hình dáng: hình tròn

+ Ý nghĩa: đại diện cho trời tròn, mang tính dương, cân đối với sân đình hình vuông đại diện cho đất, mang tính âm. Tài liệu của Nhung tây

- Ý nghĩa của hội vật:

+ Mong mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, bội thu.

+ Tôn vinh tinh thần thượng võ của dân tộc.

+ Thể hiện cái hay, cái đẹp độc đáo của đấu vật dân tộc.

**3. Tìm hiểu về keo vật thờ:**

**Những quy định của keo vật thờ:**

+ Lựa chọn đô vật: để được chọn là đô vật cho keo vật thờ, đô vật phải là đô vật có tiếng trong vùng, được đông đảo công chúng ghi nhận về tài năng đấu vật. Ngoài ra, đô vật đó phải có tài năng đức độ, có bề dày thời gian cống hiến công lao cho phong trào vật trong vùng.

+ Nghi lễ bái tổ: Mở đầu hội vật, hai Đô thực hiện keo vật thờ được giới thiệu rất trang trọng về tên tuổi, địa chỉ, thành tích đã đạt được, những sở trường trong thi đấu… Khi tiếng trống chầu vang lên, hai Đô vật “mình trần đóng khố,” chân quỳ vai sánh, hai tay chắp sườn. Hiệu lệnh của trống chầu tiếp tục điểm, hai đô đứng vươn thẳng, hai tay vẫn chắp sườn nghênh diện. Tiếng trống chầu điểm lần thứ ba, họ chắp tay đồng thời khom lưng “bái tổ” theo thế 3 bước tiến lên, 3 bước lùi xuống.

+ Nghi thức “xe đài”: Nghi thức “xe đài” ở Bắc Giang đó là những tư thế “đại bàng tung cánh, sư tử vờn cầu”, hay hiền hòa và uốn lượn như “dòng sông Cầu nước chảy lơ thơ”, “dòng sông Thương nước chảy đôi dòng”.

+ Diễn biến keo vật thờ: Những miếng đánh trong keo vật thờ được thể hiện rất chậm, người xem cảm nhận được như từng nhịp thở: Đâu là miếng bốc, đâu là miếng gồng; hay bất chợt đây là miếng mói, đó là miếng sườn … Tất cả được 2 Đô biểu diễn nhịp nhàng và đẹp mắt. Cái hay của keo vật thờ chính là ở chỗ có thể giới thiệu cho người xem hiểu được phương pháp tấn công và thủ pháp chống đỡ để rồi phản công. Lệ của keo vật thờ thật là khéo léo, khi kết thúc keo vật cả 2 Đô cùng phải thua “lấm lưng trắng bụng”.

**“Keo vật thờ” diễn ra theo trình tự như thế nào và có những quy tắc gì?**

+ “Keo vật thờ” diễn ra theo trình tự sau: Các đô vật được lựa chọn bắt đầu nghi lễ bái tổ, nghi lễ “xe đái” và thực hiện keo vật thờ.

- Quy định của keo vật thờ là:

+ 2 Đô biểu diễn nhịp nhàng và đẹp mắt nhằm giới thiệu cho người xem hiểu được phương pháp tấn công và thủ pháp chống đỡ để rồi phản công.

+ Lệ của keo vật thờ thật là khéo léo, khi kết thúc keo vật cả 2 Đô cùng phải thua “lấm lưng trắng bụng”.

**4. Đánh giá**

**+ Nghệ thuật:**

- Ngôn từ phong phú

- Lối viết hấp dẫn, thú vị

-Kết hợp hài hòa, khéo léo giữa nội dung và hình ảnh,giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về hội vật ở Bắc Giang.

**+ Nội dung:**

Văn bản mang đến cho độc giả một nét đẹp truyền thống của hội vật Bắc Giang, qua đó khơi dậy lòng yêu nước, tự hào với bản sắc văn hóa lâu đời.

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Ý nghĩa chung của đấu vật trong quan niệm dân gian là:**

A. Rèn luyện sức khỏe.

B. Cầu mưa thuận gió hòa.

C. Tôn vinh tinh thần thượng võ.

D. Cầu mưa thuận, gió hòa, mùa mang tươi tốt, tôn vinh tinh thần thượng võ.

**Câu 2: Đâu không phải các khâu trong keo vật thờ?**

A. Chọn đô vật.

B. Thắp hương bái lạy tổ tiên.

C. Xe đài.

D. Thực hiện keo vật thờ.

**Câu 3: Mục đích quan trọng của việc thực hiện keo vật thờ là:**

A. Giúp người xem hiểu được luật thi đấu của môn vật.

B. Giúp người xem cảm nhận được sức mạnh của các đô vật.

C. Giúp người xem hiểu được phương pháp tấn công và thủ pháp chống đỡ để phản công.

D. Giúp người xem giải trí trong lễ hội.

**2. Dạng bài Đọc hiểu ngoài sgk**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **LÒ CÒ Ô**  ***Diagram  Description automatically generated***  ***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***  *- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*  *- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*  ***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***  *- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*  *- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*  ***c. Hướng dẫn cách chơi:***  *- Chuẩn bị chơi:*  *+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*  *+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*  *+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*  *+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*  *- Bắt đầu chơi:*  *Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*  *Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*  *Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*  *+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*  *Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*  *+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*  *+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*  *Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*  *Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*  *+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*  *+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*  ***A picture containing text, clipart  Description automatically generated***  ***d. Luật chơi:***  *- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*  *- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*  *- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*  *(In trong 100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi, NXB Kim Đồng, 2014)*  **Câu 1.** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào?  **Câu 2.** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào?  **Câu 3.** Từ **“các”** trong câu văn “Dùng phấn vẽ **các** hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.” Thuộc nhóm phó từ nào?  **Câu 4.** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Văn bản thông tin

**Câu 2:** Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi

**Câu 3:** Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước danh từ.

**Câu 4:** HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp.

**3. Dạng viết ngắn**

Văn bản mang lại cho em những hiểu biết gì về hội vật? Hãy nêu một hoạt động hội thi truyền thống ở quê hương em hoặc các vùng miền khác.  
**Gợi ý trả lời**Văn bản mang lại cho em những hiểu biết về cách thức chuẩn bị, những quy định, luật lện trong một kéo vật thờ, giúp em hiểu thêm về trò chơi đấu vật.

Quê hương em cũng có lễ hội đấu vật được gọi là hội chùa Keo. Đây là một hoạt động văn hóa được tổ chức vào tháng 9 âm lịch hang năm. Tại xã Duy Nhất Vũ Thư Thái Bình. Lễ hội được mở hằng năm để nhân dân trong vùng dâng hương, ngưỡng vọng; thành kính tri ân Đức Phật, Đức Thánh; tưởng nhớ công đức của Quốc sư Dương Không Lộ; các bậc tiền nhân có công hộ quốc; an dân và những người có công dựng chùa. Là dịp để quê lúa Thái Bình được đón du khách gần xa về hành lễ; thưởng ngoạn các giá trị văn hóa nghệ thuật đặc sắc của di tích chùa Keo.

**THAM KHẢO**

Lễ hội chùa Keo Thái Bình được tổ chức vào ngày 10/9 âm lịch hàng năm tại khu di tích quốc gia đặc biệt chùa Keo, xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư (tỉnh Thái Bình). Đây là lễ hội lớn của người dân trồng lúa nước vùng châu thổ sông Hồng.

Khi nhắc đến chùa Keo, mọi người đều ao ước một lần ghé thăm ngôi đại cổ tự này. Ngôi cổ tự gồm 17 công trình; với 128 gian phân bố trên diện tích hơn 2.000 m2.

Thần Quang Tự hay còn gọi là chùa Keo. Cổ tự này có kiến trúc độc đáo gồm chùa và đền, trong đó đền thờ đức thánh Dương Không Lộ; người có nhiều công lao cho đất nước và nhân dân; chùa nơi thờ đức phật. Công trình đã trải qua hơn 400 năm tồn tại, tu bổ; tôn tạo vẫn giữ được nét độc đáo, kiến trúc xưa.

Hiện nay, chùa Keo được vinh danh là một trong những ngôi chùa cổ đẹp nhất hiện nay. Đến năm 2017, UNESCO đã công nhận lễ hội chùa Keo được công nhân là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Chùa Keo có tên chữ là “Thần quang tự”; chùa tọa lạc tại làng Keo, xã Duy Nhất (huyện Vũ Thư) nên dân gian gọi là chùa Keo.

## Giữ nguyên nét kiến trúc

Trải qua hàng trăm năm với biết bao biến cố thăng trầm của lịch sử, qua nhiều lần tu bổ, chùa Keo vẫn giữ nguyên nét kiến trúc của thời kỳ Lê Trung hưng thế kỷ XVII, trường tồn cùng với sự phát triển của Phật giáo Việt Nam và mảnh đất con người Vũ Thư. Với những đặc điểm văn hóa tâm linh và nghệ thuật kiến trúc đặc sắc, hàng năm chùa Keo đón hàng trăm nghìn lượt khách, tăng ni, phật tử gần xa về lễ Phật, Thánh và tham quan du lịch. Từ lâu, chùa Keo đã trở thành biểu tượng văn hóa của tỉnh Thái Bình, là điểm du lịch tâm linh của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Tài liệu của Nhung tây

Lễ hội chùa Keo độc đáo, ấn tượng, tái hiện rõ nét đời sống văn hóa, tín ngưỡng, sinh hoạt cổ từ ngàn đời xưa của người dân làng Keo nói riêng, người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung. Trải qua thăng trầm thời gian và lịch sử, đến nay các nghi thức, hoạt động trong lễ hội vẫn được duy trì theo tục lệ lễ hội cổ. Tài liệu của Nhung tây

Chùa Keo còn lưu giữ được nhiều kiến trúc gỗ đặc sắc; đáng chú ý là bộ cánh cửa gian trung quan; đây là một kiệt tác chạm khắc gỗ thế kỷ 17. Trong khu chùa phật, hiện còn lưu giữ rất nhiều pho tượng có giá trị nghệ thuật cao có niên đại thế kỷ 17, 18 như các pho Tuyết Sơn; La Hán, quan thế âm Bồ Tát… Nhưng ấn tượng nhất tại ngôi chùa cổ gần 400 năm tuổi là Tòa gác chuông làm bằng gỗ; thiết kế ba tầng nguy nga, bề thế với chiều cao hơn 21 m; được sách kỷ lục Guiness Việt Nam ghi nhận là tháp chuông bằng gỗ cao nhất Việt Nam.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ**

**I. Lí thuyết**

**1.** Để làm rõ thêm hoàn cảnh thời gian, không gian, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức của sự việc được diễn ra bằng cụm C-V trong câu, người ta thêm trạng ngữ cho câu.

- Thêm trạng ngữ là một cách mở rộng câu thường thấy.

**2.** Trạng ngữ có thể được thêm vào đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu. Ranh giới giữa trạng ngữ với chủ ngữ, vị ngữ trong câu thường đánh dấu bằng dấu phẩy khi viết và một quãng nghỉ ngắn khi nói.

(1) Trạng ngữ đứng đầu câu: *Từ sáng đến tối, nó chỉ nhởn nhơ rong chơi*.

(Nguyên Hồng)

(2) Trạng ngữ đứng giữa câu: *Nó, từ sáng đến tối, chỉ nhởn nhơ rong chơi.*

(3) Trạng ngữ đứng cuối câu: *Nó chỉ nhởn nhơ rong chơi, từ sáng đến tối.*

**3.** Để làm sáng tỏ hoàn cảnh cho sự việc được nói đến trong câu, có thể thêm nhiều trạng ngữ. Ví dụ:

***Ngoài sân, trong giờ ra chơi, ở nhà đa năng****, các bạn lớp em chơi đá cầu cùng với các bạn lớp bên.*

**4.** Trạng ngữ, tuy là thành phần phụ của câu, nhưng có tác dụng bổ sung ý nghĩa cho sự việc được nói đến trong câu và có giá trị thông tin nhất định. Do đó, nhiều trường hợp, trạng ngữ không thể vắng mặt.

Ví dụ:

(1) Hôm nào, lớp con đi lao động?

- **Chiều mai, vào lúc 4h**, lớp con đi lao động, mẹ ạ.

=> Trạng ngữ chỉ thời gian

(2) **Ven rừng**, rải rác những cây lim đã trổ hoa vàng, những cây vải thiều đã đỏ ối những quả.

=> Trạng ngữ chỉ nơi chốn.

**5.** Trạng ngữ có tác dụng thể hiện không gian, thời gian của sự việc được nói đến trong đoạn văn bản. Nhờ trạng ngữ, các câu, các đoạn mới trở nên liên kết với nhau, có tính mạch lạc.

Ví dụ:

***Buổi chiều hôm ấy****, không khí nặng nề như ngâm hơi nước. Trời tối sẫm. Những đám mây đen trông gần ta hơn. Gió trước còn hiu hiu mát mẻ, sau bỗng ào ào kéo đến như tiếng thác chảy nghe tận đằng xa.*

***Đến nửa đêm****, bốn phương trời đều như có gió nổi lên hợp thành một luồng mạnh ghê gớm. Thỉnh thoảng luồng gió đông nam gặp luồng tây bắc quay cuồng vật lộn như giận dũm như hò reo, một lúc lại tan ra như mưa đang to bỗng tạnh. Gió lại im như trốn đâu mất. Rồi đột nhiên lại kéo đến rất mau, chốc chốc lại rít lên những tiếng ghê sợ trên các ngọn cây. Vạn vật đều như sụp đổ dưới cơn bão loạn cuồng.*

***Mãi đến sáng hôm sau****, bão mới ngớt.*

(Hàn Thế Du)

- Nhờ các trạng ngữ chỉ thời gian trong đoạn văn trên mà các sự kiện được liên kết với nhau theo một trình tự xác định.

**6.** Để nhấn mạnh ý, chuyển ý, bộc lộ cảm xúc….ta có thể tách trạng ngữ, đặc biệt là trạng ngữ đứng cuối câu, thành những câu riêng.

- Hiện tượng tách các bộ phận của câu thành câu riêng không phải chỉ xảy ra với trạng ngữ mà xảy ra với cả các thành phần khác của câu.

Ví dụ:

*Nói xong, anh ta vừng đứng lên, giơ tay chào mọi người rồi đi ra cửa. Mọi người nhìn theo anh ta.* ***Im lặng.***

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

- “Im lặng” được tách ra là thành phần vị ngữ của câu cùng loại với nhìn theo: Mọi người nhìn theo, im lặng.

- Hiện tượng tách thành câu riêng này có giá trị tu từ nghệ thuật rất phong phụ:

**a. Dùng để nhấn mạnh, cụ thể hóa nội dung của câu:**

*Dung là cô gái rượu bà béo chủ quán.* ***Chẳng đẹp gì nhưng cũng mũm mĩm và trắng trẻo. Mà lại là một. Mà lại diện****. Có diện nhất vùng này.*

(Nam Cao)

**b. Đặc tả trạng thái tâm lí, cảm xúc:**

*Đôi mắt ấy nhìn tôi, ngập ngừng nhiều lần.* ***Lặng im nhiều lần. Rồi mới hỏi.***

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

**c. Tạo nhịp điệu cho câu văn:**

*Huống hồ giá nào cho xứng cái mà cuốn sách chứa đựng, gợi mở.* ***Một tư tưởng khai sáng. Một kiến thức nền tảng. Một cách gọi tên sự vật. Một rung cảm thần tiên. Một phút giây suy tưởng. Một mơ mộng. Một bâng khuâng, một bảng lảng, một khoái cảm được biểu hiện năng lực người của mình.***

(Ma Văn Kháng)

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1.Tìm trạng ngữ trong các câu dưới đây và cho biết tác dụng của chúng?**

1. Tảng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượu. Khoảng trời sau dãy núi phía đông ửng đỏ. Những tia nắng đầu tiên hắt chéo qua thung lũng, trải lên đỉnh núi phía tây những vệt sáng màu lá mạ tươi tắn…Ven rừng, rải rác những cây lim đã trổ hoa vàng, những cây vải thiều đã đỏ ối những quả.

(Hoàng Hữu Bội)

2. Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.

(Phạm Văn Đồng)

3. Vì chuôm cho cá bén đăng

Vì chàng thiếp phải đi trăng về mò

(Ca dao)

4. Đánh “xoảng” một cái, cái bát ở mâm Lí cựu bay thẳng sang mâm Lí đương và đánh “chát” một cái, cái chậu ở chiếu Lí đương cũng đập luôn vào cây cột bên cạnh Lí cựu.

(Ngô Tất Tố)

5. Sọ Dừa chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, cậu lăn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lăn sau đàn bò về chuồng. bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.

Ngày mùa, tôi tớ ra đồng làm cả, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa.

(Sọ Dừa)

6. Anh không ngờ đời Hạnh tiếp sau đó cho đến ngày lấy chồng đã phải lưu lạc khắp nơi…Bây giờ Hạnh là bác sĩ và con cái đã lớn.

(Nguyễn Minh Châu)

7. Y nhớ một lần y ở Hà Nội về quê. Hồi ấy, vợ chồng ý mới ăn riêng

(Nam Cao)

8. Dưới gầm trời này, tôi lo gì không thừa chiếc giường hẹp để tôi lăn kềnh tấm thân thước rưỡi. Tài liệu của Nhung tây

(Nguyễn Công Hoan)

9. Ngoài miền Bắc, Thăng nghĩ, chắc là gia đình Phật đã biết Phật gặp Thăng và yêu Thăng.

(Nguyễn Minh Châu)

10. Dưới vành khăn xếp nhiễu tây, cái mặt phèn phẹt như rơi xuống sân đình đánh “huỵch”.

(Ngô Tất Tố)

11. Đó là cái cổng nhà Lợi. Phía trên lối ra vào, nó xây thêm một tầng nữa.

(Lê Lựu)

12. Suốt dọc đường, từ ngoài cánh đồng trở về, cô bé và con mèo chỉ đối thoại bằng mấy tiếng đơn giản.

(Nguyễn Minh Châu)

13. Giữa sống và chết, người lính không có gì ngoài tình yêu thương đùm bọc của người xung quanh.

14. Qua hàng nước mắm, tôi nhìn theo mẹ và em trèo lên xe.

(Khánh Hoài)

15. Trong tấm áo dài màu thiên thanh từ ngày may chưa bao giờ xỏ tay, bà mẹ trẻ đẹp đến nỗi chính ông Phán cũng phải lấy làm ngạc nhiên.

(Nguyễn Minh Châu)

16. Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài.

(Tô Hoài)

17. Từng nhát một, cối giã gạo nổi lên tiếng ken két thong thả.

(Nguyễn Công Hoan)

18. Theo ánh sáng lấp lánh của các ao ruộng, chị Dậu lần đường đi đến nhà hàng cơm ban trưa, định trú chân đến sáng.

(Ngô Tất Tố)

19. Còn tôi, chỉ vì hai đồng bạc mà phải tuyệt giao với một người yêu.

(Nguyễn Công Hoan)

20. Để có thể sớm trở về cơ quan tiếp tục làm việc, tôi cũng phải tự chữa bệnh cho tôi.

(Nguyễn Minh Châu)

21. Các công ty, để chống trộm, đã trang bị hệ thống camera.

22. Hôm qua và hôm kia, u bán hai gánh khoai lang được năm hào mà đã tiêu gì đâu.

(Ngô Tất Tố)

23. Hai tay đút túi quần, lão cúi đầu mà đi, có vẻ ngẫm nghĩ như một nhà triết học.

(Vũ Trọng Phụng)

24. Ngày và đêm, phải cắm đèn cắm đóm mới khỏi vướng vấp va đập.

(Lê Lựu)

25. Nóc bếp láng giềng, ngọn khói bốc lên nghi ngút.

(Ngô Tất Tố)

26. Nó, từ sáng đến tối, chỉ nhởn nhơ rong chơi.

27. Hoa học chăm chỉ cật lực, từ sáng tinh mơ đến trời tối khuya.

28. Anh muốn làm việc một cách thẳng thắn, tự do.

(Nguyễn Công Hoan)

29. Lại hai nách hai con, chị bế chúng vào ngồi trong chõng.

(Ngô Tất Tố)

30. Đàng hoàng trong bộ quân phục, tôi như lấy lại được sinh khí, dẫu rằng toàn thân vẫn đau nhừ, đầu óc váng vất.

31. Chân tay run lên như điện giật, ông trợn mắt hỏi không ra tiếng.

(Vũ Trọng Phụng)

32. Là vì nhờ tiền dành dụm, người ta vẫn có đủ cả cơm lẫn rượu.

(Nam Cao)

33. Do một sự tình cờ, y biết được tên Tư.

(Nam Cao)

34. Một trăm bạc này, chẳng vào đâu thực. Hằng ngày, chồng bà có thể thu hơn ngần ấy lãi.

(Nguyễn Công Hoan)

35. Sang năm, chúng ta sẽ đem đến cho mỗi gia đình một bộ sưu tập về thuyền và biển.

(Nguyễn Minh Châu)

36. Bằng sắc mặt ôn hòa và dễ dãi, Nghị Quế nhìn vào mắt chị Dậu.

(Ngô Tất Tố)

37. Nhờ cái đặc biệt của hai chòm râu, chị Dậu nhận ra ông Phủ.

(Ngô Tất Tố)

38. Chung quanh, những người hiếu kì đứng vòng trong vòng ngoài để thỏa mãn trí tò mò.

39. Tan buổi hầu kiện, chị Dậu lật đật chạy xuống cổng đình tìm con.

(Ngô Tất Tố)

40. Lâu lắm, cháu không được về, con nhớ cháu quá.

(Nam Cao)

**Bài 2.Biến đổi từng câu sau thành một câu có trạng ngữ:**

Mẫu: Hôm ấy là chủ nhật. Lớp tôi đi tham quan.

🡪 Hôm chủ nhật, lớp tôi đi tham quan.

1. Mặt biển bao la rực rỡ ánh vàng buổi sớm. Những chiếc thuyền đánh cá nhòe dần trong muôn ngàn tia phản chiếu chói chang.

2. Đêm đã về khuya. Không gian trở nên yên tĩnh.

3. Con đường này dẫn tới biển. Buổi sáng, từng tốp người đi ra biển tắm sớm.

4. Trời nhá nhem tối. Những người bán hàng thu dọn, sửa soạn về nhà.

**Bài 3. Điền trạng ngữ thích hợp vào chỗ chấm:**

1. /…/ trời mưa tầm tã, /…/ trời lại nắng chang chang.

2. /…/ cây cối đâm chồi nảy lộc.

3. /…/ tôi gặp một người lạ mặt hỏi đường đi chợ huyện.

4. /…/ họ chạy về phía có đám cháy.

5. /…/ em làm sai mất bài toán cuối.

**Bài 4. Cho các trạng ngữ sau, hãy thêm cụm C- V để tạo thành câu cho thích hợp:**

1. Trong giờ ra chơi, ngoài sân trường,……..

2. Vào mùa thu,…….

3. Khi đông đến,……

4. Ngoài mặt biển,…….

5. Để học giỏi môn văn,……

6. Bằng chiếc xe đạp,…….

7. Đêm trung thu,……

8. Mùng một Tết,……..

9. Hoàng hôn, trên biển,……

10. Trong lớp,…..

**Bài 5. Tìm các trạng ngữ trong câu sau và cho biết có thể lược bỏ chúng đi được không? Tại sao?**

1. Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng – những màu vàng rất khác nhau.

(Tô Hoài)

2. – Hôm qua, ai trực nhật?

- Thưa cô, hôm qua, em trực nhật ạ.

3. Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn, chú tôi lại đánh một hồi mõ rồi tung thóc ra sân.

**Bài 6. Tìm các trạng ngữ có tác dụng liên kết trong các đoạn văn sau:**

a*. Trên quảng trường Ba Đình lịch sử, lăng Bác uy nghi mà gần gũi. Cây và hoa khắp miền đất nước về đây tụ hội, đâm chồi phô sắc và tỏa ngát hương thơm.*

*Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một hàng quân danh dự đứng trang nghiêm. Những cây chò nâu của đất Tổ từ Vĩnh Phú về sóng đôi suốt dọc đường Hùng Vương. Hướng chính lăng, cạnh hàng dầu nước thẳng tắp, những đóa hoa ban đã nở lứa đầu.*

*Sau lăng, những cành đào Tô Hiệu của Sơn La khỏe khoắn vượt lên, reo vui với nhành sứ đỏ của đồng bằng Nam Bộ. Và mai tứ quý, mai vàng miền Nam, song mai Đông Mĩ của thủ đô Hà Nội điểm xuyết những nụ tươi. Trên bậc tam cấp, hoa dạ hương chưa đơm bông nhưng hoa nhài trắng mịn, hoa mộc, hoa ngâu hết chùm đang tỏa hương ngào ngạt.*

*Cây và hoa của non sông gấm vóc đang dâng niềm tôn kính thiêng liêng theo đoàn người vào viếng Bác.*

b.

*Rồi mười lăm năm trời không thấy thứ hoa đó nữa, bởi một lẽ dễ hiểu là tôi ra ở thành thị. Thường năm, Tết đến tôi mua những tấm hình chụp hoặc vẽ những kì hoa dị thảo của Tây phương. Rồi cách đây một năm, cuối mùa thu vào chơi làng Triều Khúc ở Hà Đông với một vài người bạn ở giữa một cái ao nhỏ gần một quán nước đầu làng, tôi mới lại được trông thấy một bông hoa sung đương lức vừa vặn nở. Vẫn hoa cô lập ngoi lên mặt nước độ hai gang tay, cánh bao dưới màu phớt nâu, cánh hoa thon thon, màu thiên thanh man mác, làm rạng cả mặt hồ.*

*Rồi năm nay cách ngày ấy một năm, trên một con đường gập ghềnh, ngồi trên xe đạp, tôi lại trông thấy hoa sung lần thứ ba.*

(Đinh Gia Phong)

c.

*Buổi sáng, ánh nắng dịu dàng, ngọt màu mật ong từ bầu trời ngoài cửa sổ rọi vào nhà, in hình hoa lá trên mặt bàn, nền gạch hoa. Còn về đêm, trăng khi thì như chiếc thuyền vàng trôi trong mây trên bầu trời ngoài cửa sổ, lúc thì như chiếc đèn lồng thả ánh sáng xuống đầy sân.*

(Nguyễn Quỳnh)

**Bài 7. Tìm các trạng ngữ được tách thành các câu riêng trong các đoạn trích sau và cho biết giá trị của chúng.**

a. Những người Pháp muốn thật thà cộng tác với ta thì ta thật thà cộng tác với họ, ích lợi cho cả đôi bên. Để cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh. Để cho người Pháp ủng hộ ta càng thêm đông, sức ủng hộ càng thêm mạnh. Để cho những kẻ khiêu khích muốn chia rẽ không có thể và không có cơ sở mà chia rẽ. Để cho công cuộc thống nhất và độc lập của chúng ta chóng thành công.

(Hồ Chí Minh)

b. Dự định mà còn biết bao ngập ngừng, cả cô Quyên và bà tôi đều im lặng, nghĩ đến các trắc trở ngoài sức cố gắng của mình. Cho đến lúc ngoài sân nhà cô Đại Bàng có hai đứa con gái. Đó là Vàng Anh và con Vành khuyên.

(Ma Văn Kháng)

c. Hoa cúc, có hay là không có?

Trong đầm lầy tuổi nhỏ của ta xưa.

(Xuân Quỳnh)

**Bài 8. Viết đoạn văn ngắn (từ 10 đến 15 câu) có ít nhất một câu có trạng ngữ. Chỉ ra các trạng ngữ trong đoạn văn và cho biết chúng bổ sung ý nghĩa gì cho câu?**

**Bài 9. Viết đoạn văn ngắn (từ 10 đến 15 câu) có sử dụng trạng ngữ dùng để liên kết các câu trong đoạn.**

**III. GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 1.** Trạng ngữ được in đậm.

1. **Tảng sáng**, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượu. Khoảng trời sau dãy núi phía đông ửng đỏ. Những tia nắng đầu tiên hắt chéo qua thung lũng, trải lên đỉnh núi phía tây những vệt sáng màu lá mạ tươi tắn…**Ven rừng,** rải rác những cây lim đã trổ hoa vàng, những cây vải thiều đã đỏ ối những quả.

(Tác dụng chỉ thời gian và nơi chốn)

2. Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp **bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.**

(Tác dụng trạng ngữ chỉ nguyên nhân, giải thích)

3. **Vì chuôm** cho cá bén đăng

**Vì chàng** thiếp phải đi trăng về mò

(Tác dụng trạng ngữ chỉ nguyên nhân, giải thích)

4. **Đánh “xoảng” một cái**, cái bát ở mâm Lí cựu bay thẳng sang mâm Lí đương và **đánh “chát” một cái**, cái chậu ở chiếu Lí đương cũng đập luôn vào cây cột bên cạnh Lí cựu.

(Trạng ngữ chỉ cách thức)

5. Sọ Dừa chăn bò rất giỏi. **Hằng ngày**, cậu lăn sau đàn bò ra đồng, **tối đến** lại lăn sau đàn bò về chuồng. bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.

Ngày mùa, tôi tớ ra đồng làm cả, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa.

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

6. Anh không ngờ đời Hạnh tiếp sau đó cho đến ngày lấy chồng đã phải lưu lạc khắp nơi…**Bây giờ** Hạnh là bác sĩ và con cái đã lớn.

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

7. Y nhớ một lần y ở Hà Nội về quê. **Hồi ấy**, vợ chồng ý mới ăn riêng

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

8. **Dưới gầm trời này**, tôi lo gì không thừa chiếc giường hẹp để tôi lăn kềnh tấm thân thước rưỡi.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

9. **Ngoài miền Bắc**, Thăng nghĩ, chắc là gia đình Phật đã biết Phật gặp Thăng và yêu Thăng.

(Trạng ngữ chỉ không gian rộng)

10. **Dưới vành khăn xếp nhiễu tây**, cái mặt phèn phẹt như rơi xuống sân đình đánh “huỵch”.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

11. Đó là cái cổng nhà Lợi. **Phía trên lối ra vào**, nó xây thêm một tầng nữa.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

12. **Suốt dọc đường, từ ngoài cánh đồng trở về**, cô bé và con mèo chỉ đối thoại bằng mấy tiếng đơn giản.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

13. **Giữa sống và chết**, người lính không có gì ngoài tình yêu thương đùm bọc của người xung quanh. (Trạng ngữ nêu ra một tình huống giả định)

14. **Qua hàng nước mắm**, tôi nhìn theo mẹ và em trèo lên xe.

(Trạng ngữ chỉ tình huống)

15. **Trong tấm áo dài màu thiên thanh từ ngày may chưa bao giờ xỏ tay**, bà mẹ trẻ đẹp đến nỗi chính ông Phán cũng phải lấy làm ngạc nhiên.

(Trạng ngữ chỉ tình huống)

16**. Chưa nghe hết câu**, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài.

(Trạng ngữ chỉ tình huống)

17. **Từng nhát một**, cối giã gạo nổi lên tiếng ken két thong thả.

(Trạng ngữ chỉ cách thức)

18. **Theo ánh sáng lấp lánh của các ao ruộng**, chị Dậu lần đường đi đến nhà hàng cơm ban trưa, định trú chân đến sáng.

(Trạng ngữ chỉ cách thức)

19. Còn tôi, **chỉ vì hai đồng bạc** mà phải tuyệt giao với một người yêu.

(Trạng ngữ chỉ nguyên nhân)

20. **Để có thể sớm trở về cơ quan tiếp tục làm việc**, tôi cũng phải tự chữa bệnh cho tôi.

(Trạng ngữ chỉ mục đích)

21. Các công ty, **để chống trộm**, đã trang bị hệ thống camera.

(Trạng ngữ chỉ mục đích)

22. **Hôm qua và hôm kia**, u bán hai gánh khoai lang được năm hào mà đã tiêu gì đâu. (Trạng ngữ chỉ thời gian)

(Ngô Tất Tố)

23. **Hai tay đút túi quần**, lão cúi đầu mà đi, có vẻ ngẫm nghĩ như một nhà triết học.

(Trạng ngữ chỉ cách thức)

24. **Ngày và đêm**, phải cắm đèn cắm đóm mới khỏi vướng vấp va đập.

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

25. **Nóc bếp láng giềng**, ngọn khói bốc lên nghi ngút.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

26. Nó, **từ sáng đến tối**, chỉ nhởn nhơ rong chơi.

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

27. Hoa học chăm chỉ cật lực, **từ sáng tinh mơ đến trời tối khuya.**

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

28. Anh muốn làm việc **một cách thẳng thắn, tự do.**

(Trạng ngữ chỉ cách thức)

29. **Lại hai nách hai con**, chị bế chúng vào ngồi trong chõng.

(Trạng ngữ chỉ cách thức)

30. **Đàng hoàng trong bộ quân phục**, tôi như lấy lại được sinh khí, dẫu rằng toàn thân vẫn đau nhừ, đầu óc váng vất.

(trạng ngữ chỉ cách thức)

31. **Chân tay run lên như điện giật**, ông trợn mắt hỏi không ra tiếng.

(Trạng ngữ chỉ cách thức)

32. **Là vì nhờ tiền dành dụm**, người ta vẫn có đủ cả cơm lẫn rượu.

(Trạng ngữ chỉ nguyên nhân)

33. **Do một sự tình cờ**, y biết được tên Tư.

(Trạng ngữ chỉ nguyên nhân)

34. Một trăm bạc này, chẳng vào đâu thực. **Hằng ngày**, chồng bà có thể thu hơn ngần ấy lãi.

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

35. **Sang năm,** chúng ta sẽ đem đến cho mỗi gia đình một bộ sưu tập về thuyền và biển.

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

36. **Bằng sắc mặt ôn hòa và dễ dãi**, Nghị Quế nhìn vào mắt chị Dậu.

(Trạng ngữ chỉ cách thức)

37. **Nhờ cái đặc biệt của hai chòm râu**, chị Dậu nhận ra ông Phủ.

(Trạng ngữ chỉ phương tiện)

38. **Chung quanh**, những người hiếu kì đứng vòng trong vòng ngoài để thỏa mãn trí tò mò.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

39. **Tan buổi hầu kiện**, chị Dậu lật đật chạy xuống cổng đình tìm con.

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

40. **Lâu lắm**, cháu không được về, con nhớ cháu quá.

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

**Bài 2.**

Tham khảo các mẫu sau:

1. Trên mặt biển bao la rực rỡ ánh vàng buổi sớm, những chiếc thuyền đánh cá nhòe dần trong muôn ngàn tia phản chiếu chói chang.

2. Trong đêm khuya, không gian trở nên yên tĩnh.

3. Trên con đường dẫn tới bờ biển, buổi sáng, từng tốp người đi ra biển tắm sớm.

4. Vào lúc trời nhá nhem tối, những người bán hàng thu dọn, sửa soạn về nhà.

**Bài 3.** Tham khảo một vài câu sau:

1. Buổi sáng, trời mưa tầm tã, tới trưa, trời lại nắng chang chang.

2. Mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc.

3. Trong quán nước, tôi gặp một người lạ mặt hỏi đường đi chợ huyện.

4. Hiếu kì, họ chạy về phía có đám cháy.

5. Trong bài kiểm tra vừa rồi, em làm sai mất bài toán cuối.

**Bài 4.** Tham khảo cách điền một vài câu sau:

1. Trong giờ ra chơi, ngoài sân trường, các bạn nam đang chơi đá bóng.

2. Vào mùa thu, những chiếc lá vàng rơi mang theo bao nỗi niềm u hoài.

3. Khi đông đến, bầu trời đen kịt một màu xam xám.

4. Ngoài mặt biển, từng đoàn thuyền đánh ca căng buồm ra khơi.

5. Để học giỏi môn văn, mình nhất định phải chăm chỉ luyện tập.

6. Bằng chiếc xe đạp, Quang phóng như bay đến trường.

**Bài 5.**Các trạng ngữ được in đậm như sau:

1. **Mùa đông, giữa ngày mùa**, làng quê toàn màu vàng – những màu vàng rất khác nhau.

2. – **Hôm qua**, ai trực nhật?

- Thưa cô, **hôm qua**, em trực nhật ạ.

3. **Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn**, chú tôi lại đánh một hồi mõ rồi tung thóc ra sân.

🡪 Trạng ngữ tuy là thành phần phụ, nhưng có tác dụng bổ sung ý nghĩa cho sự việc được nói đến trong câu và có giá trị thông tin nhất định. Do đó, nhiều trường hợp không thể bỏ trạng ngữ đi được. Trong các câu trên, duy chỉ có câu “Thưa cô, hôm qua, em trực nhật ạ.” là có thể lược bỏ trạng ngữ, vì ý nghĩa về thời gian đã được cả người nói và người nghe biết trước.

**Bài 6.** Các trạng ngữ có tác dụng liên kết là:

a. (1) Trên quảng trường Ba Đình lịch sử

(2) Ngay thềm lăng

(3) Hướng chính lăng

(4) Sau lăng

(5) Trên bậc tam cấp

b.

(1) Rồi mười lăm năm trời

(2) Thường năm, Tết đến

(3) Rồi cách đây một năm

(4) Rồi năm nay cách ngày ấy một năm

c. (1) Buổi sáng

(2) Còn về đêm.

🡪 Có thể nhận thấy, các trạng ngữ có tác dụng liên kết thường cùng một loại: hoặc cùng chỉ không gian, hoặc cùng chỉ thời gian.

**Bài 7.** Các trạng ngữ được tách thành câu riêng như sau:

a. Để cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh. Để cho người Pháp ủng hộ ta càng thêm đông, sức ủng hộ càng thêm mạnh. Để cho những kẻ khiêu khích muốn chia rẽ không có thể và không có cơ sở mà chia rẽ. Để cho công cuộc thống nhất và độc lập của chúng ta chóng thành công.

(Tác dụng liên kết và chỉ ý nghĩa mục đích của việc ta cộng tác với người Pháp)

b. Cho đến lúc ngoài sân nhà cô Đại Bàng có hai đứa con gái. (Tác dụng liên kết và có ý nghĩa chỉ thời gian)

c. Trong đầm lầy tuổi nhỏ của ta xưa. (tác dụng chỉ nơi chốn, không gian)

**Bài 8 và 9:** HS tự luyện tập viết đoạn văn theo yêu cầu

**Bài 10:**

Chỉ ra những trường hợp tách trạng ngữ thành câu riền trong các chuỗi câu dưới đây. Nêu tác dụng của những câu do trạng ngữ tạo thành

a) Bố cháu đã hi sinh. Năm 72.

*(Theo báo Văn nghệ)*

b) Bốn người lính đều cúi đầu, tóc xoã gối. Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ đờn li biệt, bồn chồn.

*(Anh Đức)*

**Gợi ý:**

Câu a:

- Trạng ngữ: *Năm 72.*

- Tác dụng: nhấn mạnh đến thời điểm hi sinh của nhân vật được nói đến trong câu đứng trước.

Câu b:

- Trạng ngữ: *Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ dờn li biệt, bồn chồn.*

- Tác dụng: làm nổi bật thông tin ở nòng cổt câu; nhấn mạnh sự tương đồng của thông tin mà trạng ngữ biểu thị, so với thông tin ở nòng cốt câu.

**Bài 11:** Viết đoạn văn có sử dụng câu đăc biệt , câu rút gọn và câu có thành phần trạng ngữ

**Gợi ý:**

Mùa đông, gió mùa đông bắc tràn về cùng với cái lạnh khắc nghiệt và đường phố cũng vắng vẻ hơn thường lệ. **Buổi sáng**, mặt trời lười biếng vẫn còn đang ngủ, không chịu dậy để ban phát những tia nắng ấm áp cho cỏ cây hoa lá.**Lạnh!** Ra đường, cụ già, trẻ em và cả các thanh niên sung sốc... tất cả đều mặc những chiếc áo len, áo khoác dày, quàng khăn, đội mũ sùm sụp để có thể làm giảm đi cái rét cắt da cắt thịt. Hai hàng bàng ven đường đã trút bỏ bộ cánh già cỗi từ lâu, chỉ còn trơ lại những chiếc cành khẳng khiu nhẫn nại chịu đựng giá rét. Bên đường, hàng phở tấp nập người ra vào, cô bán hàng làm luôn tay, nào lấy bánh, nào chan nước...**Nụ cười tươi tắn vì bán hàng chạy, các bát phở nóng hổi bốc hơi nghi ngút chờ đợi mọi người thưởng thức**. Dường như họ đã tạm quên đi cái lạnh giá của mùa đông.

- Câu đặc biêt: Lạnh!

- Câu rút gọn:  Nụ cười tươi tắn vì bán hàng chạy, các bát phở nóng hổi bốc hơi nghi ngút chờ đợi mọi người thưởng thức.

- Trạng từ: buổi sáng

**Bài 12:**

Mỗi câu trong từng cặp câu dưới đây trình bày một ý riêng. Hãy gộp các câu cùng cặp thành một câu có cụm C – V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ mà không thay đổi nghĩa chính của chúng.

a) Chúng em học giỏi. Cha mẹ và thầy cô rất vui lòng.

b) Nhà văn Hoài Thanh khẳng định: “Cái đẹp là có ích”.

c) Tiếng việt rất giàu thanh điệu. Điều đó khiến lời nói của người Việt nam ta du dương, trầm bổng như một bản nhạc.

d) Cách mạng tháng Tám thành công. Từ đó, tiếng Việt có một bước phát triển mới, một số phận mới.

**Gợi ý:**

- Câu a: Thêm động từ

Chúng em học giỏi làm cha mẹ và thầy cô rất vui lòng.

- Câu b: Dùng lời dẫn trực tiếp làm phụ ngữ cho động từ khẳng định

Nhà văn Hoài Thanh khẳng định rằng cái đẹp là cái có ích.

- Câu c: bỏ cụm từ điều đó

Tiếng Việt rất giàu thanh điệu khiến lời nói của người Việt Nam ta du dương, trầm bổng như một bản nhạc.

- Câu d: thay thế cụm từ từ đó bằng một cụm động từ hoặc têm cụm danh từ đầu câu

Từ khi Cách mạng tháng Tám thành công, tiếng Việt có một bước phát triển mới, số phận mới. Tài liệu của Nhung tây

**VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ QUY TẮC, LUẬT LỆ TRONG MỘT HOẠT ĐỘNG HAY TRÒ CHƠI**

**1. Định hướng**

**a. Khái niệm**

- Viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơilà giới thiệu những quy định mà các thành viên tham gia hoạt động hay trò chơi ấy cần tôn trọng và tuân thủ

**b. Mục đích**

- Cung cấp thông tin về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động

**c.Các thao tác chính**

- Xác định hoạt động hay trò chơi cần thuyết minh

- Tìm thông tin về hoạt động hay trò chơi đó ở các nguồn khác nhau; chọn lọc thông tin quan trọng, tập trung vào các thông tin liên quan đến các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi đã xác định

- Xác định bố cục bài văn; lựa chọn trật tự sắp xếp các thông tin chính, chú ý làm nổi bật các thông tin về quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi

- Xác định hình thức trình bày: chữ viết kèm theo hình vẽ hoặc tranh, ảnh để giới thiệu, minh họa về quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi

- Có thể trình bày bài văn bằng cách viết tay hoặc thiết kế trên máy vi tính

**2. Thực hành**

**Đề bài**: Dựa vào các văn bản đã học (“Ca Huế, “Hội thi thổi cơm”, “Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang”), hãy viết bài văn thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho một trong các hoạt động hay trò chơi đã được giới thiệu hoặc các hoạt động hay trò chơi tương tự của địa phương em.

**a.Chuẩn bị**

- Xác định hoạt động hay trò chơi được em thuyết minh về quy tắc, luật lệ

- Xem lại các văn bản đọc hiểu về các hoạt động hay trò chơi đó

- Tìm hiểu thông tin và thu thập tranh, ảnh về hoạt động hay trò chơi mà em định viết bài văn thuyết minh. Tài liệu của Nhung tây

**b.Tìm ý và lập dàn ý**

\*Tìm ý: (trả lời các câu hỏi)

- Đó là hoạt động hay trò chơi gì? Diễn ra ở đâu?

- Mục đích của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? Đối tượng tham gia là ai?

- Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào?

- Có những quy định gì về hoạt động hay trò chơi ấy?

- Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì?

\*Lập dàn ý:

- Mở bài: Giới thiệu hoạt động hay trò chơi

- Thân bài: Giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi theo một trật tự nhất định

- Kết bài: Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi

**c.Viết**

- Viết một đoạn văn(mở bài, kết bài hoặc một ý lớn trong phần thân bài) mà em thấy tâm đắc

- Viết bài văn thuyết minh hoàn chỉnh

**d.Kiểm tra và chỉnh sửa**

- Đọc lại

- Xem xét bố cục và nội dung các ý nêu trong đoạn văn, bài văn thuyết minh đã hợp lí và đầy đủ chưa

- Rà soát, phát hiện và sửa các lỗi trong trình bày, diễn đạt.

**THAM KHẢO ĐẤU VẬT VIỆT NAM LỊCH SỬ RA ĐỜI GẮN VỚI TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA VIỆT**

**Đấu Vật Việt Nam chính là một nét đẹp trong văn hóa truyền thống, tất cả những ai muốn tham gia sẽ đều có đặc quyền là được thi đấu hết mình và được xem là những đô vật thực thụ. Hình thức thi đấu của môn này còn thể hiện được thực hiện theo “tín ngưỡng”, cầu nguyện cho mọi người sẽ đều gặp được những điều tốt đẹp đến với địa phương mình.**

## 1. Đấu vật là gì?

Khái niệm về môn thể thao đấu vật là môn đối kháng giữa hai người chơi. Nhiệm vụ của họ là cố gắng kiểm soát bằng cách nắm chặt, xoay và ép. Tùy theo quy định của từng luật từng địa phương mà người thắng sẽ thu được nhiều lợi ích. Bằng cách chống lại đối thủ hoặc là đối thủ thua hoặc là bị đẩy ra khỏi đấu trường. Những vận động viên khi tham gia môn thể thao này sẽ được gọi là đo vật. Đây là môn thể thao có lịch sử lâu đời và được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng với phong cách sống khác nhau.

## 2. Lễ hội đấu vật ở Việt Nam

Tại Việt Nam môn đấu vật là trò chơi dân gian truyền thống phổ biến ở hầu hết các tỉnh phía Bắc. Những làng nghề đấu vật nổi tiếng là : Vị Thanh (Vĩnh Yên), Gia Lâm (Gia Lâm), Mai Động (Hà Nội), Phong Châu, Thục Vu (Nam Định), Đoan Hùng (Vĩnh Phú),… Đây là những địa phương vẫn thường xuyên tổ chức lễ hội đấu vật nhằm tạo ra được sân chơi lành mạnh cho các đô vật. Cũng như là một hình thức tế lễ, cầu nguyện. Tùy từng địa phương khác nhau mà sẽ có hình thức thi đấu cũng như mục đích tổ chức khác nhau.

### a. Cách thắng đấu vật

Một trận đấu giữa hai người đánh nhau tại Việt nam ta gọi là keo vật. Những thế để vật đối phương gọi là miếng. Một đô vật giỏi không chỉ cần phải khỏe mà còn phải nhanh nhẹn để có thể thi đấu những pha bất ngờ hạ gục đối phương. Tài liệu của Nhung tây

Theo phong tục Việt Nam, muốn thắng thì phải giành hạ đối thủ bằng cách “lấm lưng trắng bụng” hoặc “ngã ngựa trắng bụng” hay nhấc bổng đối thủ lên.

Hội vật ở Việt Nam thường được bố trí vào tháng Giêng âm lịch. Đấu vật có nhiều giải thưởng phụ và ba giải thưởng lớn. Giải thưởng phụ được gọi là giải hàng được trao cho bất kỳ ai giành được 1 keo vật thắng. Giải thưởng chính hàng năm do một người đảm nhiệm, và điều kiện là giải thưởng đó phải được trao trong thời gian diễn ra lễ hội.

Người chiến thắng phá giải là người đã giành được chiến thắng trước người đã thắng của năm trước. Nhưng phải đánh bại nhiều đô vật tham gia khác mới được gọi là người chiến thắng.

### b. Diễn biến của 1 keo vật điển hình

Đô vật tham gia sẽ đóng khố và cởi trần. Trước khi đấu vật, hai đối thủ sẽ cùng nhau lên đài, trình diễn những động tác tay chân để rình miếng của nhau. Sau đó họ lao vào nhau, ôm nhau và vật lộn.

Khi đối thủ đang giằng co, vật nhau thì có hai người làm nhiệm vụ phất cờ, đánh trống rất náo nhiệt. Người đánh trống cầm dùi ghé vào tai vận động viên đánh nhịp ba tiếng một lần như động viên, thúc giục. Vẫy cờ cán dài để ngăn người xem xâm phạm sân, và trong trường hợp khuyến khích người thắng cuộc, họ vẫy cờ theo nhịp trống.

Trong một trận đấu vật, khi đô vật biết mình bị “bắt bài” (lỡ miếng), mặc cho đối thủ vằn vện, đô vật ngay lập tức nằm xuống đất, tránh bị ngã và chỉ khi đối thủ sơ hở mới đứng lên.

Hai kiểu tấn công đối tượng chính của Việt Nam là đệm, ngáng làm đối phương ngã và bóc nâng đối phương lên. Tài liệu của Nhung tây

Đối với ba giải chính thì việc phá xong mỗi giải hay do người giữ giải đã tiến hành vật đủ số người theo lệ quy định. Hoặc có thể là do người phá giải toàn thắng thì những người dân làng sẽ thường đốt 1 bánh pháo toàn hồng để chúc mừng.

*(Dẫn theo Bóng đá 365.com)*

**CA TRÙ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ VIỆT NAM TẠI THẾ GIỚI**

**Ca trù được định hình với tư cách là một thể loại ca nhạc có đặc trưng, phong cách riêng vào khoảng thế kỷ 15. Tuỳ từng địa phương, từng không gian diễn xướng mà hát Ca trù còn được gọi là hát ả đào, hát cửa đình, hát cửa quyền, hát cô đầu, hát nhà tơ, hát nhà trò hay hát ca công.**

### 1. Lịch sử

Ca trù được bắt nguồn từ dân ca, dân nhạc cùng với một số trò diễn và múa dân gian. Chính vì vậy, Ca trù là một **bộ môn nghệ thuật tổng hợp** với nét độc đáo là sự phối hợp đa dạng, tinh tế, nhuần nhuyễn giữa thi ca và âm nhạc, đôi khi có cả múa.

Xuất hiện sơ khai vào đầu thế kỷ 11, bắt đầu thịnh hành trong nước từ thế kỷ 15 nhưng đến nửa cuối thế kỷ 20, Ca trù mới được thế giới biết đến lần đầu tiên qua tiếng hát của **nghệ nhân Quách Thị Hồ** (1909 – 2001). Dần dần sau đó, Ca trù còn được nhiều nhạc sĩ, nhạc học gia nước ngoài theo học, tìm hiểu, nghiên cứu và giới thiệu tại nhiều trường đại học nổi tiếng trên thế giới. Trải qua quá trình phát triển thăng trầm cùng với những biến cố của lịch sử, cho tới nay, Ca trù đã đạt đến trình độ thẩm mỹ cao, khẳng định được vị trí quan trọng không chỉ của Việt Nam mà còn của cả nhân loại.

Ca trù hiện có ở 14 tỉnh, thành trong cả nước: miền Bắc (Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc); miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình); miền Nam (Thành phố Hồ Chí Minh).

Bên cạnh đó, nhiều nơi trước đây có giáo phường Ca trù ở châu thổ Bắc Bộ hiện vẫn có đền thờ tổ Ca trù như làng Lỗ Khê (xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội) có đình ca công; làng Cổ Đạm (huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh) có đền Tổ Cô đầu hay đền Bạch Hoa công chúa; làng Phượng Cách (xã Phượng Cách, huyện Quốc Oai, Hà Nội) cũng có di tích đền thờ tổ Ca trù.

### 2. Đặc điểm nghệ thuật của Ca trù

Hát Ca trù có 5 **không gian trình diễn** chính: hát cửa đình (hát thờ), hát cửa quyền (hát cung đình hay hát chúc hỗ), hát tại gia (hát nhà tơ), hát thi và hát ca quán (hát chơi). Mỗi không gian có một lối hát và cách thức trình diễn riêng. Ca trù xưa được tổ chức chặt chẽ thành phường, giáo phường, do trùm phường và quản giáp cai quản. Ca trù có qui định về sự truyền nghề, cách học đàn, học hát, việc cho phép đào nương vào nghề (lễ mở xiêm áo), việc chọn đào nương đi hát thi…

Tham gia biểu diễn Ca trù có ít nhất 3 người: một nữ ca sĩ gọi là “đào nương” hay “ca nương” hát theo lối nói và gõ phách lấy nhịp (phách là một nhạc cụ làm bằng gỗ hoặc tre, được gõ bằng 2 que); một nam nhạc công gọi là “kép” đệm đàn đáy cho người hát (đàn đáy là một loại đàn cổ, dài, có 3 sợi dây tơ và 10 phím đàn); một người điểm trống chầu gọi là “quan viên”. Trong đó, **ca nương** là một trong 3 thành phần quan trọng. Để trở thành một người ca nương được mọi người công nhận, người nghệ sỹ phải trải qua quá trình học hỏi, luyện tập, trau dồi và vượt qua rất nhiều thử thách.

Trong Ca trù có các thể cách chỉ các làn điệu hát, hình thức diễn xướng múa, diễn, nghi lễ, việc thi cử trong Ca trù. Khi thể cách là làn điệu hát, thì “thể cách” hoàn toàn trùng hợp với “làn điệu” (ví dụ thể cách Hát nói, Bắc phản,…). **Một điệu có thể là một bài hát nhưng cũng có thể bao gồm nhiều bài**; mỗi bài bao giờ cũng chỉ có một lời ca với tên gọi riêng của nó. Thể cách cũng chỉ một tiết mục múa hoặc diễn xướng, thậm chí một nghi lễ trong trình diễn Ca trù, một trình diễn kỹ thuật về sử dụng trống hoặc đàn. Trong nghệ thuật biểu diễn Ca trù, số thể cách có sự thêm bớt thành các biến cách, làm phong phú thêm cho thể cách Ca trù. Tư liệu Hán Nôm hiện đã ghi nhận được 99 thể cách Ca trù; có thể chia thành 3 nhóm: nhóm hát thuần túy gồm 66 làn điệu, bao gồm 5 nhóm nhỏ là hát, đọc, nói, ngâm, thổng; nhóm kết hợp hát - múa - diễn gồm 19 thể cách; nhóm nghi lễ và trình diễn nghề trong thi cử gồm 14 thể cách.

Trong Ca trù, thơ giữ một vị trí rất quan trọng. Nhiều nhà nghiên cứu âm nhạc cho rằng hát **Ca trù là hát thơ với một hệ bài bản phong phú quy định cho từng lối hát**. Lời lẽ, ca từ của Ca trù mang tính uyên bác, ít lời mà nhiều nghĩa, giàu chất thơ, mang nhiều cảm xúc, trầm ngâm, sâu lắng. Kỹ thuật hát rất tinh tế, công phu, đòi hỏi phải nắn nót, chau chuốt từng chữ. Khi hát, đào nương không cần há to miệng, không đẩy mạnh hơi từ buồng phổi mà ém hơi trong cổ, ậm ự mà lời ca vẫn rõ ràng, tròn vành rõ chữ.

Ca trù có nhiều điệu hát, thể hát sử dụng các thể thơ quen thuộc và thuần Việt như: lục bát (điệu Bắc phản, Chừ khi, Cung bắc, Nhịp ba cung bắc, Đại thạch, Hãm, Hồng hạnh, Non mai, Thư phòng, Mưỡu, Ngâm vọng, Thổng…); song thất lục bát. Ngoài ra còn có các thể thơ 7 chữ và 1 câu lục cuối bài, thể thơ 7 chữ và 1 câu lục bát cuối bài, thể thơ Đường luật, thể phú, thơ Đường luật trường thiên. Đặc biệt, thể hát nói (thơ 8 chữ) là thể thơ dành riêng cho Ca trù. Hát nói có thể coi là một sáng tạo độc đáo của Ca trù bởi trong các làn điệu dân nhạc Việt Nam, chỉ có Ca trù mới hình thành nên thể thơ này. Hát nói sử dụng thể thơ độc đáo không chỉ ở nội dung và hình thức mà còn ở chỗ nó vừa là một điệu hát của Ca trù vừa là một thể loại văn học. Hát nói có một cấu trúc hoàn chỉnh, ổn định và mang tính đặc thù, khu biệt với các thể thơ khác. Trong hát nói, các yếu tố khuôn khổ, câu kết thúc, cách tổ chức vần luật… được quy định rất chặt chẽ. Một bài hát nói không phụ thuộc vào bài nhạc nhất định. Nghệ nhân hát nói, khi biểu diễn, hoàn toàn chịu sự chi phối của lời thơ.

Cùng với thơ, **múa cũng là một trong những nhân tố quan trọng góp phần tạo nên nét đặc sắc, riêng biệt của nghệ thuật hát Ca trù**. Có nhiều điệu múa được sử dụng trong Ca trù như: múa Bài Bông (thường được biểu diễn trong hát cửa đình), múa Đại Thạch (thường được biểu diễn trong hát thờ và hát thi), múa Bỏ Bộ và múa Tứ Linh (chỉ có trong hát thờ)...

### 3. Giá trị nổi bật của Ca trù

Ca trù đã được Hội đồng thẩm định di sản của UNESCO đánh giá như sau:

- Ca trù đã trải qua một quá trình phát triển ít nhất từ thế kỷ 15 đến nay, được biểu diễn trong không gian văn hóa đa dạng gắn liền, ở nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau. Ca trù thể hiện một ý thức về bản sắc và sự kế tục trong nghệ thuật biểu diễn, có tính sáng tạo, được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua các tổ chức giáo phường. Những giáo phường này đã duy trì các cộng đồng có quan hệ mật thiết, tạo nên nét đặc trưng cho Ca trù. Mặc dù trải qua nhiều biến động lịch sử, xã hội nhưng Ca trù vẫn có một sức sống riêng bởi giá trị nghệ thuật độc đáo của nó đối với văn hóa Việt Nam.

**- Ca trù độc đáo ở không gian nghệ thuật riêng, nhạc cụ và thể thơ riêng biệt.** Theo các nghệ nhân dân gian, Ca trù có rất nhiều thể thức hoặc giai điệu khác nhau, mỗi loại này được gọi là thể cách. Kỹ thuật hát rất tinh tế, công phu. Từ Ca trù, một thể thơ độc đáo đã ra đời và có vị trí sáng giá trong dòng văn học chữ Nôm của dân tộc, đó là thể hát nói với hàng nghìn bài thơ chữ Nôm chứa đựng rất nhiều tâm trạng và biến thái tinh tế của tâm hồn Việt Nam qua nhiều thế kỷ. Về âm nhạc, ba loại nhạc cụ là đàn đáy, phách và trống, trải qua quá trình sử dụng lâu dài đã trở nên những nhạc khí đặc trưng của Ca trù, góp phần đưa Ca trù trở thành một thể loại thanh nhạc kinh điển của Việt Nam. Trên thế giới, ít có một bộ môn nghệ thuật nào mà chỉ có ba người cùng với nhạc cụ đàn đáy, cỗ phách, trống chầu phối hợp lại mà thành cả thơ, nhạc, tiết tấu, thể điệu… làm mê hoặc lòng người như Ca trù.

Mặc dù Việt Nam đã có nhiều cố gắng và có sự hỗ trợ của một số tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ Ca trù song sức sống của Ca trù hiện nay vẫn chưa phải ở mức cao và vẫn cần phải được bảo vệ hơn nữa để tăng khả năng tồn tại và phát triển. Việc duy trì thường xuyên các buổi biểu diễn Ca trù tại các Câu lạc bộ và nâng cao chất lượng nghệ thuật của loại hình này là vấn đề đặt ra đối với công việc bảo vệ Ca trù. Bên cạnh đó, cần phải nâng cao nhận thức về Ca trù để có thêm nhiều công chúng thưởng thức, khẳng định vị thế trong xã hội hiện đại; đồng thời cần phải hỗ trợ các nghệ nhân lớn tuổi và khuyến khích những ca nương, kép đàn trẻ học hỏi và tham gia truyền dạy Ca trù cho các thế hệ sau.

Với sự đồng thuận, tự nguyện và hiểu biết đầy đủ của các cộng đồng hát Ca trù tại Việt Nam, cùng các kế hoạch hành động, trách nhiệm, cam kết, ủng hộ và hỗ trợ của các cơ quan nhà nước đối với việc bảo vệ Ca trù, ngày **01/10/2009**, tại Abu Dhabi, Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất, Ca trù của Việt Nam đã chính thức được ghi danh vào danh sách**di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp của nhân loại.**

***(Nguồn internet)***

**HƯỚNG DẪN NÓI VÀ NGHE GIẢI THÍCH QUY TẮC, LUẬT LỆ CỦA MỘT HOẠT ĐỘNG HAY TRÒ CHƠI**

**1. Định hướng**

a. Giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi là giới thiệu cho người nghe những quy định của một hoạt động, một trò chơi mà các thành viên tham gia hoạt động hay trò chơi ấy cần tôn trọng và chấp hành

b. Để giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi, các em cần chú ý:

- Lựa chọn một hoạt động hay trò chơi

- Tìm hiểu các quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi đã chọn

- Lập dàn ý cho bài nói của mình

- Trình bày ý kiến theo dàn ý; chú ý đến giọng nói, tư thế, nét mặt, cử chỉ,…

- Đảm bảo thời gian trình bày, biết nhường lời và lắng nghe ý kiến của người khác.

**2. Thực hành**

**Bài tập** **(trang 114 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**: **Dựa vào văn bản “Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang, giới thiệu một số quy định luật lệ cho hoạt động đấu vật ở Bắc Giang hoặc ở địa phương em**

**a. Chuẩn bị**

- Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang, tìm hiểu các thông tin liên quan đến quy định của hoạt động đấu vật

- Xem lại nội dung phần Viết đã thực hành

- Chuẩn bị tranh, ảnh và phương tiện trình bày nếu có.

**b. Tìm ý và lập dàn ý**

- Tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

 Lập dàn ý cho bài nói bằng cách lựa chọn sắp xếp các ý theo bố cục 3 phần (ví dụ về hoạt động đấu vật ở Bắc Giang)

**Mở đầu:**

- Giới thiệu hoạt động. Ví dụ: Đấu vật là một trong những hoạt động văn hóa rất đặc sắc của vùng đất Bắc Giang. Có nhiều quy định mà người tham gia cần tôn trọng, tuân thủ trong đấu vật. Tài liệu của Nhung tây

**Nội dung chính:**

- Giới thiệu cụ thể các quy tắc, luật lệ của hoạt động đấu vật theo một trật tự nhất định. Chẳng hạn:

+ Đối tượng tham gia gồm những ai

+ Hoạt động đấu vật cần phải tuân thủ những quy định gì?

+ Trình tự của trận đấu vật phải như thế nào?

**Kết thúc**

- Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động đấu vật ở Bắc Giang nói riêng và đấu vật của truyền thống nói chung.

**c. Nói và nghe**

Người nói

- Dựa vào dàn ý để trình bày, giải thích về quy tắc luật lệ của hoạt động đấu vật ở Bắc Giang

- Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

Người nghe

- Tập trung lắng nghe ý kiến của người khác

- Nhận xét được những điểm mạnh và điểm yếu về cách thức trình bày của người nói

- Đưa ra ý kiến để trao đổi, thảo luận.

**Bài nói tham khảo**

**1. Mở đầu bài nói**

Xin chào các bạn mình là… là học sinh lớp… Hôm nay mình sẽ giới thiệu tới các bạn một trò chơi truyền thống ở quê hương Tuyên Quang mình, thường được tổ chức vào mỗi dịp Tết đến xuân về đó là trò chơi ném còn. Ném còn là trò chơi dân gian phổ biến của đồng bào các dân tộc Tày, Nùng ở Tuyên Quang. Vào mỗi dịp lễ hội, Tết, ở địa phương có đông người Tày, Nùng sinh sống thì đều tổ chức trò chơi này với mong ước về một mùa màng bội thu, nhân dân no ấm.

**2. Nội dung bài nói**

Theo quan niệm của người dân nơi đây, quả còn tượng trưng cho hồn núi, hồn sông, hồn đất và hồn nước. Chính vì vậy quả còn bao giờ cũng làm bằng vải màu đỏ, màu đen, màu xanh và màu trắng. Ngay từ trước lễ hội ném còn, các cô gái khéo tay đã chuẩn bị những quả còn với nhiều múi vải màu xanh đỏ, sặc sỡ được ghép nối với nhau. Bên trong quả còn, họ nhồi thóc, hạt vừng, hạt cải, hạt bông. Những loại hạt này thể hiện khát vọng sinh sôi nảy nở, thóc nuôi sống con người, còn bông cho sợi vải. Thường quả còn chỉ có khoảng 4 - 8 múi, nhưng với người khéo tay, họ có thể may quả còn với 12 múi gồm 12 màu. Họ còn may thêm các tua vải nhiều màu sắc trang trí và giúp định hướng quả còn khi bay. Các tua rua này còn biểu trưng cho những tia nắng, tia mưa cầu mong một năm mới mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu.

Cây còn được làm từ thân cây tre mai có chiều cao khoảng 20 m -30 m, tùy theo lựa chọn của người dân. Ngọn cây còn được uốn thành hình vòng cung có dán giấy đỏ, hồng tâm để người dân có thể tung còn vào vòng tròn đó. Đồng bào Tày, Nùng quan niệm, khung còn một mặt dán giấy đỏ (biểu tượng cho mặt trời), mặt kia dán giấy vàng (biểu tượng cho mặt trăng).

Người chơi đứng đối mặt với nhau qua cây còn. Người tung quả còn bay cao mang đi cái rủi ro, đau ốm, cái úa vàng héo hon của cây trái. Sau khi lên trời quả còn rơi xuống, người đón còn đón lấy cái may mắn, tốt đẹp, xanh tươi về cái phúc, lộc, thọ cho một năm mới thịnh vượng. Chính vì thế khi ném còn, người ném cố tung cao để vượt qua vòng tròn tượng trưng cho mặt trời xua đi mọi điều bất hạnh và người đón còn thế nào cho khéo không để còn rơi xuống đất. Người tung, người bắt rồi tung trở lại, ai cũng được tung và ai cũng được bắt, quả còn phơi phới trên trời cao, bay đi, bay lại như rồng uốn, lượn quanh, một vũ điệu tươi vui tràn đầy hạnh phúc ấm no.

**3. Kết thúc bài nói**

Với người Tày, Nùng, trò chơi ném còn mang ý nghĩa cầu mùa. Nếu ném trúng vòng tròn và xuyên thủng làm rơi giấy là âm, dương giao hoà, cuộc sống sẽ sinh sôi, mùa màng sẽ bội thu. Đó là trò chơi truyền thống ở quê hương Tuyên Quang của mình. Hãy chia sẻ với mình những trò chơi truyền thống ở quê hương bạn nhé.

**d. Kiểm tra và chỉnh sửa**

- Người nói: Đối chiếu với dàn ý, tham khảo nhận xét của các bạn để kiểm tra

+ Nội dung và cách thức trình bày quy tắc, luật lệ của hoạt động đấu vật đã đáp ứng được yêu cầu chưa? Cần bổ sung và điều chỉnh những gì?...

+ Nhận biết các lỗi về nội dung và cách thức trình bày; có hướng sửa chữa các lỗi trong khi phát biểu, giới thiệu.

- Người nghe: Nắm được nội dung mà bạn giới thiệu, nhất là các quy định luật lệ của một trận đấu; hỏi lại các điểm chưa rõ, bổ sung thêm các nội dung khác nếu thấy người nói nêu chưa đủ;… Tài liệu của Nhung tây

- Rút kinh nghiệm về thái độ khi nghe người nói phát biểu, trình bày.

*=====================================*

**ÔN TẬP HỌC KÌ I – LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**Đề số 1:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **3** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **50** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 50 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***40*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **30%** | | **40%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **50%** | | | | **50%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **\* Thông hiểu**:  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.  - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).  - Giải thích được nghĩa của từ trong ngữ cảnh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 3 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***30*** | ***40*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **50** | | **50** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

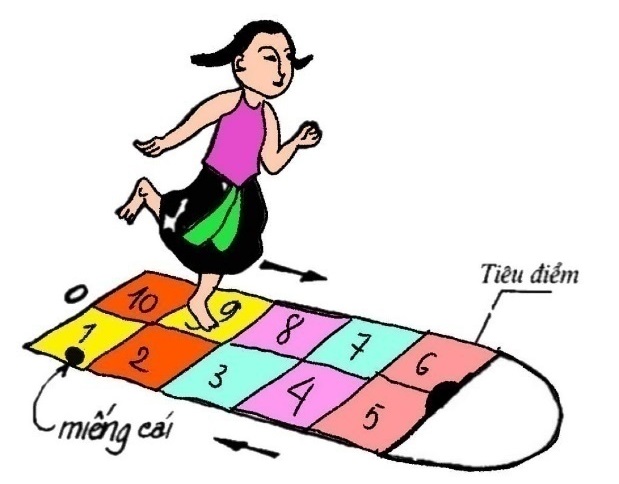
**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LÒ CÒ Ô**

******

***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***

*- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*

*- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*

***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***

*- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*

*- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*

***c. Hướng dẫn cách chơi:***

*- Chuẩn bị chơi:*

*+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*

*+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*

*+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*

*+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*

*- Bắt đầu chơi:*

*Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*

*Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*

*Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*

*+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*

*Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*

*+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*

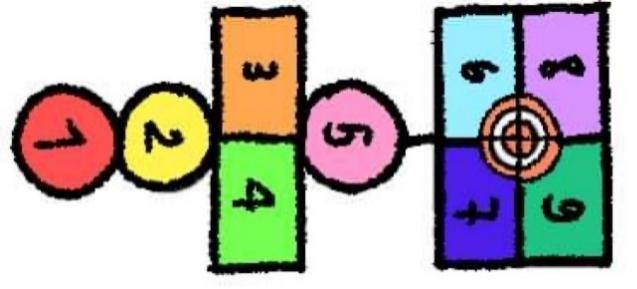
*+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*

*Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*

*Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*

*+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*

*+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*

******

***d. Luật chơi:***

*- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*

*- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*

*- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*

*(In trong 100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi, NXB Kim Đồng, 2014)*

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1.** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào?

A. Văn bản biểu cảm B. Văn bản nghị luận

**C. Văn bản thông tin** D. Văn bản tự sự

**Câu 2.** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào?

**A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi**

B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3.** Từ **“các”** trong câu văn “Dùng phấn vẽ **các** hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.” Thuộc nhóm phó từ nào?

**A. Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước danh từ.**

B. Nhóm phó từ chuyên đi kèm sau danh từ.

C. Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước hoặc sau danh từ.

D. Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước hoặc sau động từ, tính từ.

**Câu 4.** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào?

**A. Theo trật tự thời gian**

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

**Câu 5.** Cụm từ “tậu ruộng”trong văn bản trên được hiểu như thế nào?

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

**B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi**

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

**Câu 6.** Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn?

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng* ***ngón chân cái*** *và* ***ngón chân trỏ*** *kẹp “miếng cái”* ***nhảy*** *hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì* ***nhảy lò cò*** *đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”*

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

**C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.**

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

**Câu 7.** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi *Lò cò ô* so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ.

**Câu 8.**Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (5,0 điểm)**

Viết bài văn trình bày cảm xúc đối với một sự vệc để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

**I. Đọc - Hiểu**

**1. Trắc nghiệm: Mỗi ý trả lời đúng 0.5 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1** | C | 0,5 |
| **Câu 2** | A | 0,5 |
| **Câu 3** | A | 0,5 |
| **Câu 4** | A | 0,5 |
| **Câu 5** | B | 0,5 |
| **Câu 6** | C | 0,5 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **7** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi *Lò cò ô* so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
|  | **8** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **5,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Biểu cảm về một sự việc | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề*  HS biểu cảm bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: | 3,5 |
|  | - Giới thiệu đối tượng, cảm xúc chung của người viết về đối tượng.  - Biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng:  + Biểu lộ được ít nhất hai sắc thái tình cảm, cảm xúc của người viết.  + Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả để hỗ trợ việc biểu đạt tình cảm, cảm xúc.  + Kết hợp sử dụng yếu tố tự sự để hỗ trợ việc biểu đạt tình cảm, cảm xúc.  - Khẳng định tình cảm của bản thân với đối tượng. Rút ra được điều đáng nhớ đối với bản thân. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**Đề số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIAÓ DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 7**  *Thời gian làm bài: 90 phút* |

**A. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện ngắn  và tiểu thuyết | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| 2. Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) |
| 3. Truyện khoa học viễn tưởng |
| **2** | **Viết** | 1. Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| 2. Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện ngắn  và tiểu thuyết | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được bối cảnh, nhân vật ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được: các từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền, từ đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa, biện pháp tu từ, phó từ, số từ  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, ý nghĩa, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền, từ đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa, biện pháp tu từ, phó từ, số từ  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | **3 TN** | **5TN** | **2TL** |  |
|  |  | 2. Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được số lượng dòng, chữ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền, từ đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa, biện pháp tu từ, phó từ, số từ  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền, từ đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa, biện pháp tu từ, phó từ, số từ  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
|  |  | 3. Truyện khoa học viễn tưởng | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện viễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.  - Xác định được: các từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền, từ đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa, biện pháp tu từ, phó từ, số từ  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng: các từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền, từ đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa, biện pháp tu từ, phó từ, số từ  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | 1. Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử | **Nhận biết:** Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  **Thông hiểu:** Trình bày theo trình tự nhất định, cóbố cục, sử dụng ngôi kể phù hợp.  **Vận dụng:** bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo và cảm xúc sâu sắc | **1TL\*** | **1TL\*** | **1TL\*** | **1TL\*** |
| 2. Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc | **Nhận biết:** Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc):  **Thông hiểu:** Trình bày theo trình tự nhất định, cóbố cục, biết sử dụng ngôn ngữ thể hiện cảm xúc một cách sinh động  **Vận dụng:** thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người/sự việc; nêu được vai trò của con người/ sự việc đối với bản thân.  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo và cảm xúc sâu sắc |  |  |  |  |
| **Tổng** | |  | | **3 TN**  **1TL\*** | **5 TN**  **1TL\*** | **2 TL**  **1TL\*** | **1TL\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**C. ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **Môn: Ngữ Văn 7**  **Thời gian làm bài: 90 phút** |

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**:

**ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN**

*Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi một bộ quần áo vừa bẩn vừa cũ, lại rộng nữa.*

*Cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: “Tại sao mình lại không được hát ? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao ?”. Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.*

*“Cháu hát hay quá !”. Một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền đứng dậy và chậm rãi bước đi.*

*Hôm sau, khi cô bé đến công viên đã thấy cụ già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước, khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé. Cô bé lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Cụ vỗ tay nói lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá !”. Nói xong cụ già lại chậm rãi một mình bước đi.*

*Cứ như vậy nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không.*

*“Cụ già ấy đã qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn 20 năm nay.” - Một người trong công viên nói với cô. Cô gái sững người. Một cụ già ngày ngày vẫn chăm chú lắng nghe và khen cô hát lại là một người không có khả năng nghe?*

*(https://truyencotich.vn/qua-tang-cuoc-song)*

**Câu 1:** Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cô bé | B. Ông cụ |
| **C. Người kể chuyện giấu mặt** | D. Người thầy giáo |

**Câu 2:** Chủ đề của văn bản trên là:

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Lối sống sẻ chia, giàu tình thương yêu** | B. Đức tính trung thực |
| C. Lòng biết ơn | D. Lòng hiếu thảo |

**Câu 3**: Cuối cùng trong công viên cô bé đã làm gì ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Suy nghĩ xem tại sao mình không được hát trong dàn đồng ca | **B. Cất giọng hát khe khẽ hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả** |
| C. Đi chơi với bạn | D. Ngồi trò chuyện với cụ già |

**Câu 4:** Vì sao cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vì cô không có quần áo đẹp | B. Vì cô không có ai chơi cùng |
| C. Vì cô bé bị mẹ mắng | D. Vì cô bé bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca |

**Câu 5:** Đâu là tình tiết bất ngờ gây xúc động nhất trong câu chuyện ?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Cụ già vẫn lắng nghe và động viên cô hát lại là một người bị điếc** | B. Cô bé không được gặp lại ông cụ nữa |
| C. Cụ già đã qua đời | D. Cô bé đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng |

**Câu 6:** Nhận xét nào đúng nhất để nói về cụ già trong câu chuyện ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Là một người kiên nhẫn | B. Là một con người hiền hậu |
| **C. Là một con người nhân hậu, luôn biết quan tâm, chia sẻ, động viên người khác** | D. Là một người trung thực, nhân hậu |

**Câu 7: Nguyên nhân nào trong các nguyên nhân sau khiến cô bé trở thành một ca sĩ?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vì cô bé bị loại ra khỏi dàn đồng ca | **B. Vì có lời khen, động viên của ông cụ tóc bạc trắng** |
| C. Vì cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi | D. Vì cô bé biết được ông cụ bị điếc |

**Câu 8:** Chỉ ra biện pháp tu từ đặc sắc trong câu văn: *Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: đôi tai của tâm hồn.*

|  |  |
| --- | --- |
| A. So sánh | B. Hoán dụ |
| C. Nhân hóa | **D. Ẩn dụ** |

# Câu 9. Theo em, vì sao câu chuyện có tên là “Đôi tai của tâm hồn” ?

**Câu 10**. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì ?

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

**----------------HẾT----------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7 (Sách Cánh Diều)**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **ĐỌC HIỂU** |  |
| **1** | **C** | **0,5** |
| **2** | **A** | **0,5** |
| **3** | **B** | **0,5** |
| **4** | **D** | **0,5** |
| **5** | **A** | **0,5** |
| **6** | **C** | **0,5** |
| **7** | **B** | **0,5** |
| **8** | **D** | **0,5** |
| **9** | **- Xuất phát từ điều bất ngờ trong câu chuyện: Cụ già trong công viên đã khen ngợi, cổ vũ cho cô gái hát lại là người điếc. Cụ không thể nghe được bằng tai nhưng lại nghe bằng chính tâm hồn.**  **- Nhờ trái tim yêu thương, tấm lòng nhân hậu mà ông cụ đã giúp cô bé có suy nghĩ tích cực, đạt được thành công.** | **1,0** |
| **10** | - Thông điệp truyền tải qua đoạn trích:  + Đừng nhìn vẻ bề ngoài mà đánh giá năng lực thật sự của họ  + Hãy trao đi yêu thương, động viên, khích lệ, ta sẽ giúp ai đó tự tin hơn, thậm chí khiến cuộc đời họ thay đổi  + Phải luôn nỗ lực, rèn luyện chăm chỉ, tin vào bản thân thì mới có thể đạt được thành công .......  - Chọn thông điệp tâm đắc nhất và giải thích lí do: có thể chọn một trong ba thông điệp trên hoặc lựa chọn một thông điệp khác mà bạn thấy được qua đoạn trích trên. | **1,0** |

**II. PHẦN VIẾT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ** | | | | |
| **Mức 5 (Xuất sắc)** | **Mức 4 (Giỏi)** | **Mức 3 (Khá)** | **Mức 2 (Trung bình)** | **Mức 1 (Yếu)** |
| **Chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử** **để kể** | Lựa chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử sâu sắc | Lựa chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử có ý nghĩa | Lựa chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử để kể | Lựa chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử để kể nhưng chưa rõ ràng | Chưa có sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử để kể |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Nội dung của sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử** | Nội dung sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử phong phú, hấp dẫn, sự kiện, chi tiết rõ ràng, thuyết phục. | Nội dung sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử phong phú; các sự kiện chi tiết, rõ ràng. | Nội dung sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử tương đối đầy đủ; sự kiện, chi tiết khá rõ ràng. | Nội dung sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử còn sơ sài; các sự kiện, chi tiết chưa rõ ràng, hay vụn vặt. | Chưa rõ nội dung sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử viết tản mạn, vụn vặt; chưa có sự kiện hay chi tiết rõ ràng, cụ thể. |
| **1,25 điểm** | 1,25đ | 1đ | 0,75đ | 0,5đ | 0,25đ |
| **Bố cục, tính liên kết của văn bản** | Trình bày rõ bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic, thuyết phục. | Trình bày rõ bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic. | Trình bày được bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết thể hiện được mối liên kết nhưng đôi chỗ chưa chặt chẽ. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn: Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết chặt chẽ, xuyên suốt. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết rõ ràng. |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Thể hiện cảm xúc trước sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử để kể** | Thể hiện cảm xúc trước sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể một cách thuyết phục bằng các từ ngữ phong phú, sinh động. | Thể hiện cảm xúc trước sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể bằng các từ ngữ phong phú, phù hợp. | Thể hiện cảm xúc trước sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể bằng một số từ ngữ rõ ràng. | Thể hiện cảm xúc trước sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể bằng một số từ ngữ chưa rõ ràng. | Chưa thể hiệnđược cảm xúc trước sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể. |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Thống nhất về ngôi kể** | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. Từ ngữ dùng hợp lí, logic | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán ngôi thứ ba trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất ngôi thứ ba nhưng đôi chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất ngôi thứ ba nhưng nhiều chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Chưa biết dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất ngôi thứ ba |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0đ |
| **Diễn đạt** | Hầu như không mắc lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp | Mắc rất ít lỗi diễn đạt nhỏ | Bài viết còn mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không trầm trọng. | Bài viết còn mắc khá nhiều lỗi diễn đạt. | Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Trình bày** | Trình bày đúng quy cách VB; sạch đẹp, không gạch xoá | Trình bày đúng quy cách VB; rõ ràng, không gạch xoá. | Trình bày đúng quy cách VB; chữ viết rõ ràng, có ít chỗ gạch xoá. | Trình bày quy cách VB còn đôi chỗ sai sót; chữ viết khoa học, có một vài chỗ gạch xoá. | Chưa trình bày đúng quy cách của VB; chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xoá |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0đ |
| **Sáng tạo** | Bài viết có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết có ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết chưa thể hiện rõ ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết không có ý tưởng và cách cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,1đ | 0đ | 0đ |

**Đề số 3:**

**MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được từ láy, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. | 3 TN | 5TN | 1TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận | Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. Nêu được vấn đề và suy nghĩ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **1 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**GIÁ TRỊ CỦA HÒN ĐÁ**

*Có một học trò hỏi thầy mình rằng:*

*- Thưa thầy, giá trị của cuộc sống là gì ạ?*

*Người thầy lấy một hòn đá trao cho người học trò và dặn:*

*- Con đem hòn đá này ra chợ nhưng không được bán nó đi, chỉ cần để ý xem người ta trả giá bao nhiêu.*

*Vâng lời thầy, người học trò mang hòn đá ra chợ bán. Mọi người không hiểu tại sao anh lại bán một hòn đá xấu xí như vậy.* *Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng. Người học trò mang hòn đá về và than thở:*

*- Hòn đá xấu xí này chẳng ai thèm mua. Cũng may có ngườihỏi mua với giá một đồng thầyạ.  
Người thầy mỉm cười và nói:*

*- Tốt lắm, ngày mai con hãy mang hòn đá vào tiệm vàng và bán cho chủ tiệm, nhớ là dù chủ cửa hàng vàng có mua thì cũng không được bán.  
Người học trò rất bất ngờ khi chủ tiệm vàng trả giá hòn đá là 500 đồng. Anh háo hức hỏi thầy tại sao lại như vậy. Người thầy cười và nói:*

*- Ngày mai con hãy đem nó đến chỗ bán đồ cổ. Nhưng tuyệt đối đừng bán nó, chỉ hỏi giá mà thôi.*

*Làm theo lời thầy dặn, sau một hồi xem xét thì anh vô cùng ngạc nhiên khi chủ hiệu trả giá hòn đá là cả gia sản hiện có. Anh vẫn nhất quyết không bán và vội về kể lại với thầy. Lúc này người thầy mới chậm rãi nói:*

*- Hòn đá thực chất chính là một khối ngọc cổ quý giá, đáng cả một gia tài, và giá trị cuộc sống cũng giống như hòn đá kia, có người hiểu và có người không hiểu. Với người không hiểu và không thể cảm nhận thì giá trị cuộc sống chẳng đáng một xu, còn với người hiểu thì nó đáng giá cả một gia tài. Hòn đá vẫn vậy, cuộc sống vẫn thế, điều duy nhất tạo nên sự khác biệt là sự hiểu biết của con và cách con nhìn nhận cuộc sống.*

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

A. Biểu cảm B. Miêu tả

C. Tự sự D. Nghị luận

**Câu 2**. Chủ đề của văn bản trên là:

A. Giá trị cuộc sống B. Lòng biết ơn

C. Đức tính trung thực D. Lòng hiếu thảo

**Câu 3.**Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

A. Người học trò B. Người kể chuyện

C. Hòn đá D. Người thầy

**Câu 4**. Vì sao người thầy trong câu chuyện lại yêu cầu học trò của mình mang hòn đá xấu xí đi hỏi giá mà lại không bán?

A. Để người học trò hiểu được giá trị to lớn của hòn đá.

B. Để người học trò biết được hòn đá là một viên ngọc quý, tuyệt đối không được bán.

C. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá. Tuy bề ngoài xấu xí nhưng thực chất nó là một khối ngọc quý đáng giá cả một gia tài.

D. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá thông qua cách định giá của những người hiểu và không hiểu về nó, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận về cuộc sống.

**Câu 5**. Những từ nào sau đây là từ láy bộ phận?

A. Xem xét, nhìn nhận, xấu xí

B. Than thở, xem xét, háo hức

C. Háo hức, xem xét, nhìn nhận

D. Xấu xí, than thở, háo hức

**Câu 6**. Chi tiết tiêu biểu trong văn bản trên là:

A. Hòn đá B. Người học trò

C. Người thầy D. Chủ tiệm đồ cổ

**Câu 7**. Cụm từ *ngồi cả ngày* trong câu văn: *Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng*là thành phần mở rộng câu bởi?

A.Trạng ngữ B. Cụm danh từ

C. Cụm động từ D.Cụm tính từ

**Câu 8**. Tác dụng của điệp từ *bán*, *mua* trong văn bản trên có tác dụng gì?

A. Thể hiện công việc mà người học trò phải làm theo lời dặn của thầy, qua đó phê phán sự thiếu chủ động, thiếu tích cực trong cách sống, cách làm việc của cậu học trò.

B. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận cuộc sống.

C. Thể hiện sự thiếu chủ động, tích cực của người học trò trong học tập và cuộc sống.

D. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy, qua đó nhấn mạnh giá trị của hòn đá.

**Câu 9**. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Em hãy trình bày ý kiến về việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19?

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA**

**HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | HS viết đoạn văn 8-10 dòng nêu được cụ thể thông điệp, lí do chọn thông điệp.  HS có thể lựa chọn những thông điệp sau:  - Mỗi người có một cách “định giá” khác nhau về thành công hay hạnh phúc. Hãy tôn trọng sự lựa chọn của mỗi người và làm cho đời mình trở nên giá trị theo cách của mình. Chỉ có bạn mới quyết đinh được cuộc sống của bạn.  - Hãy trân trọng những gì mình đang có bởi cuộc sống tốt đẹp hay không là do cách bạn suy nghĩ và cảm nhận. | 2,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
| **a. Hình thức:**Viết đúng hình thức bài văn nghị luận, đủ bố cục 3 phần, trình bày sạch đẹp, khoa học, diễn đạt lưu loát. | 0,5 |
| **b. Nội dung:**  **\* Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19.  **\* Thân bài:** Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự hợp lí.  HS có thể trình bày những ý kiến sau:  - Ý kiến 1: Tình hình dịch bệnh Covid 19 hiện nay và việc thực hiện 5K của người dân.  + Lí lẽ 1.1: Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp  Dẫn chứng: (….)  + Lí lẽ 1.2: Thực trạng về việc thực hiện 5K của người dân: Giải thích 5K là gì.  Dẫn chứng (…)  - Ý kiến 2: Tác dụng của việc thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: Thực hiện tốt 5K sẽ giúp phòng tránh dịch bệnh cho bản thân và những người xung quanh.  + Dẫn chứng:  Phòng tránh dịch bệnh cho bản thân:  Phòng tránh dịch bệnh cho những người xung quanh:  - Ý kiến 3: Tác hại của việc không thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: gây ra tình trạng dịch bệnh lây lan cho bản thân và những người xung quanh => tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường,…  + Dẫn chứng:  - Ý kiến 4: Nguyên nhân của việc không thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: Ý thức của mỗi người chưa tốt khi thực hiện theo khuyến cáo của Bộ y tế.  + Dẫn chứng:  => Bày tỏ suy nghĩ của bản thân.  **\* Kết bài:**  - Khẳng định lại tầm quan trọng của việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19.  - Liên hệ bản thân. | 0,5  2,5  0,5 |

**Đề số 4:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ 5 chữ/4 chữ, truyện ngắn. | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***2.5*** | ***0.5*** | ***1.5*** | ***1.5*** | ***0*** | ***3.0*** | ***0*** | ***1.0*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ 5 chữ | **\* Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm cơ bản của một bài thơ qua : thể thơ, gieovần,hình ảnh,điểm nhìn miêu tả được sử dụng trong thơ.  -Nhận biếtđược công dụng của dấu chấm lửng…  **\* Thông hiểu**:  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ.  - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); các thành phần của câu (thành phần câu được mở rộng)  **\* Vận dụng:**  **-** Thể hiện được ý kiến, cảm thụ riêng của mình về một hình ảnh thơ trong bài thơ.  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc, liên hệ với thực tế và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. | **Nhận biết:**Nhận biết được yêu cầu của kiểu bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học  **Thông hiểu:** Viết đúng về kiểu bài, về nội dung,bố cục rõ ràng, mạch lạc.  **Vận dụng:** phân tích được các đặc điểm của nhân vật trong một tác phẩm văn học**,** ngôn ngữ trong sáng, làm sáng tỏ những đặc điểm cơ bản của nhân vật cần phân tích.  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5 TN** | **3TN** | **2TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***35*** | ***25*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**TRĂNG ƠI… TỪ ĐÂU ĐẾN?**

**Trần Đăng Khoa**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ cánh rừng xa*  *Trăng hồng như quả chín*  *Lửng lơ lên trước nhà*  *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay biển xanh diệu kì*  *Trăng tròn như mắt cá*  *Chẳng bao giờ chớp mi* | *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ một sân chơi*  *Trăng bay như quả bóng*  *Bạn nào đá lên trời*  *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ lời mẹ ru*  *Thương Cuội không được học*  *Hú gọi trâu đến giờ* | *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ đường hành quân*  *Trăng soi chú bộ đội*  *Và soi vàng góc sân*  *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Trăng đi khắp mọi miền*  *Trăng ơi có nơi nào*  *Sáng hơn đất nước em…* |

*(1968 Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời, NXB Văn hóa dân tộc)*

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Bài thơ “Trăng ơi… từ đâu đến?” được viết theo thể thơ nào?

A. Tự do. B. Lục bát. C. Bốn chữ. **D. Năm chữ.**

**Câu 2**. Bài thơ có cách gieo vần như thế nào?

A.Gieo vần lưng. **B.Gieo vần chân.**

C. Gieo vần lưng kết hợp vần chân. C. Gieo vần linh hoạt.

**Câu 3.** Ở khổ thơ thứ nhất, trăng được so sánh với hình ảnh nào?

**A. Quả chín.**

B. Mắt cá.

C. Quả bóng.

D. Cánh rừng xa.

**Câu 4.** Từ “Lửng lơ” thuộc loại từ nào?

A**.** Từ ghép.

**B. Từ láy.**

C. Từ đồng nghĩa.

D. Từ trái nghĩa.

**Câu 5.** Hình ảnh vầng trăng gắn liền với các sự vật (quả chín, mắt cá, quả bóng…) cho em biết vầng trăng được nhìn dưới con mắt của ai?

A. Bà nội.

B. Người mẹ.

C. Cô giáo.

**D. Trẻ thơ.**

**Câu 6.** Tác dụng *chủ yếu* của phép tu từ so sánh được sử dụng trong câu thơ: “Trăng bay như quả bóng” là gì ?

A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.

**B. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.**

C. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.

D. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.

**Câu 7.** Theo em, dấu chấm lửng trong câu thơ“Trăng ơi… từ đâu đến?” có công dụng gì ?

A. Tỏ ý còn nhiều sự vật hiện tượng chưa liệt kê hết.

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, hay ngập ngừng, ngắt quãng.

C. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước, châm biếm.

**D. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.**

**Câu 8.** Bài thơ“Trăng ơi… từ đâu đến?” thể hiện tình cảm gì của nhân vật trữ tình ?

A. Nhân vật trữ tình yêu trăng theo cách độc đáo.

B. Trăng ở quê hương của nhân vật trữ tình là đẹp nhất.

**C. Yêu mến trăng, từ đó bộc lộ niềm tự hào về đất nước của nhân vật trữ tình.**

D. Ánh trăng ở quê hương nhân vật trữ tình đặc biệt, không giống ở nơi khác.

**Câu 9.** Em hiểu như thế nào về câu thơ(trình bày bằng đoạn văn từ 3 đến 5 câu) :

*“Trăng ơi có nơi nào.*

*Sáng hơn đất nước em…”?*

**Câu 10.** Từ tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ, hãy bộc lộ tình cảm của em với quê hương, đất nước (trình bày bằng đoạn văn từ 5 đến 7 câu).

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật mà em yêu thích.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | D | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý: Qua hình ảnh trăng, nhân vật tin rằng trăng trên đất nước mình là đẹp nhất. Nhân vật trữ tình tự hào về hình ảnh ánh trăng sáng lung linh cùng những cảnh vật tuyệt đẹp, những con người bình dị, gần gũi của đất nước mình. | 1,0 |
| **10** | HS nêu được những tình cảm mà mình cảm nhận được từ bài thơ. Yêu cầu  - Đảm bảo thể thức yêu cầu.  - Đảm bảo nội dung theo yêu cầu | 1,0  *0,25*  *0,75* |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần MB, TB, KB.* | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*  Nghị luận về nhân vật văn học yêu thích. | 0.25 |
|  | *c. Phân tích đặc điểm nhân vật văn học yêu thích*  Học sinh có thể chọn một nhân vật văn học mình yêu thích nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **\* Mở bài:**  - Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật phân tích.  - Nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  **\* Thân bài:**  - Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ các đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết trong tác phẩm.  + Lai lịch: nhân vật đó xuất hiện như thế nào?  + Ngoại hình  + Hành động và việc làm của nhân vật.  + Ngôn ngữ của nhân vật.  + Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.  + Mối quan hệ của nhân vật đó với các nhân vật khác.  => Nhận xét, đánh giá về nhân vật (suy nghĩ, cảm xúc,…về các đặc điểm của nhân vật đã phân tích)  - Nhận xét đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm.  **\* Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật  - Nêu đánh giá khái quát về nhân vật  - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa của nhân vật với đời sống. Rút ra bài học, liên hệ. | 3.0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0.25 |
|  | *d e. Sáng tạo*  Có những liên hệ hợp lí; bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |
|  |  |  |

**Đề số 5**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Thơ (4 chữ, 5 chữ) |
| **2** | **Viết** | Viết bài vănphân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. | **1\*** | **1\*** | **1\*** | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**CỦ KHOAI NƯỚNG**

*Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.*

*Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mải miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sót. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.*

*Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đống cành khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, cùi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.*

*Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.*

*- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút điếu thuốc đã cháu.*

*Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc điếu nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:*

*- Tôi chỉ xin lửa thôi...*

*Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.*

*- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!*

*Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.*

*Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mường tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?*

(Theo truyện ngắn Tạ Duy Anh)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

A. Cuối đông B. Chớm hè

C. Cuối xuân D. Đầu thu

**Câu 2.**Ai là người kể chuyện?

A. Cậu bé Mạnh B. Ông lão ăn mày

C. Một người khác không xuất hiện trong truyện D. Cậu bé ăn mày

**Câu 3**. Đâu là thành phần trạng ngữ trong câu *“Sau trận mưa rào vòm trời được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn.”?*

A. Sau trận mưa rào B. Vòm trời

C. Rửa sạch D. Xanh và cao hơn

**Câu 4**. Chủ đề của truyện là gì?

A. Lòng dũng cảm B. Tinh thần lạc quan

C. Tinh thần đoàn kết D. Lòng yêu thương con người

**Câu 5**. Vì sao cậu bé Mạnh lại có *“cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá”?*

A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.

B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.

C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.

D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

**Câu 6**. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu *“Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này.”?*

A. So sánh B. Nhân hóa

C. Nói qúa D. Nói giảm nói tránh

**Câu 7**. Từ “*lật đật*” trong câu *“Ông lão lật đật đứng dậy.”* miêu tả hành động như thế nào?

A. Chậm dãi, thong thả B. Mạnh mẽ, dứt khoát

C. Nhẹ nhàng, khoan khoái D. Vội vã, tất tưởi

**Câu 8.** Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

A. Tôn trọng B. Coi thường

C. Biết ơn D. Khinh bỉ

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

**Câu 10**. Ghi lại một cách ngắn gọn tâm trạng của em sau khi sau khi làm được một việc tốt.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Trong các bài học, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị.Hãy viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | - Nêu được cách cư xử của Mạnh: Cảm thông, chia sẻ và tôn trọng  - Đưa ra cách cư xử của mình và lí do của cách cư xử ấy | 1,0 |
| **10** | - Nêu việc tốt mà em đã làm  - Ghi ngắn gọn tâm trạng sau việc làm ấy | 1,0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  - Nhận xét được về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục. | 0,5 |

**Đề số 6:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn. | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Thơ (Thơ 4 chữ, 5 chữ) |
| Tùy bút, tản văn |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học (Yêu cầu tác phẩm ngoài sách giáo khoa) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc. |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
| Tùy bút, tản văn | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. |  |  |  |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |
| **Tổng** | |  | | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Chót trên cành cao vót Mấy quả sấu con con Như mấy chiếc khuy lục Trên áo trời xanh non.*  *Trời rộng lớn muôn trùng Đóng khung vào cửa sổ Làm mấy quả sấu tơ Càng nhỏ xinh hơn nữa.*  *Trái con chưa đủ nặng Để đeo oằn nhánh cong. Nhánh hãy giơ lên thẳng Trông ngây thơ lạ lùng.*  *Cứ như thế trên trời Giữa vô biên sáng nắng Mấy chú quả sấu non Giỡn cả cùng mây trắng*  *Mấy hôm trước còn hoa Mới thơm đây ngào ngạt, Thoáng như một nghi ngờ, Trái đã liền có thật.*  *Ôi! từ không đến có Xảy ra như thế nào? Nay má hây hây gió Trên lá xanh rào rào.*  *Một ngày một lớn hơn Nấn từng vòng nhựa một Một sắc nhựa chua giòn Ôm đọng tròn quanh hột…*  *Trái non như thách thức Trăm thứ giặc, thứ sâu, Thách kẻ thù sự sống Phá đời không dễ đâu!*  *Chao! cái quả sâu non Chưa ăn mà đã giòn, Nó lớn như trời vậy, Và sẽ thành ngọt ngon.* |  |
|  | *(Trích trong t*ập“*Tôi giàu đôi mắt” (1970)*, trong “Những tác phẩm thơ tiêu biểu và nổi tiếng”, *Xuân Diệu)* | |

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Bảy chữ D. Tám chữ

**Câu 2:** Trong bài thơ có sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh B. Nhân hóa và So sánh

C. Nhân hóa và Ẩn dụ D. So sánh, Nhân hóa, Ẩn dụ.

**Câu 3:** Trong bốn khổ thơ đầu, nhà thơ đã miêu tả những quả sấu non bằng những hình ảnh nào?

A. Những quả sấu non như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh, ngây thơ, đũa giỡn cùng mây trắng.

B. Những quả sấu non nhỏ xinh, ngây thơ.

C. Những quả sâu non nhí nhảnh.

D. Những quả sâu non như chiếc khuy lục.

**Câu 4:** Tại sao tác giả lại cảm thấy những quả sấu tơ *“Càng nhỏ xinh hơn nữa*”?

A. Vì chúng ở trên cao.

B. Vì chúng là những quả sấu non.

C. Vì chúng chưa lớn.

D. Vì chúng là “*khuy lục”* của áo trời mà trời thì rộng lớn.

**Câu 5:** Em hiểu từ “Giỡn” trong câu thơ “*Giỡn cả cùng mây trắng*” có nghĩa là gì?

A. Vui B. Đùa C. Chơi D. Nghịch

**Câu 6:** Cảm xúc của tác giả về sự sinh thành từ hoa đến trái của quả sấu là cảm xúc gì?

A. Vui sướng B. Bất ngờ

C. Ngạc nhiên và thích thú D. Phấn khởi

**Câu 7:** Khi gọi tên quả sấu bằng những tên khác nhau “*quả sấu con con*”, “*quả sấu tơ”*, “*trái con”, “mấy chú quả sấu con*” tác giả muốn thể hiện dụng ý gì?

A. Thể hiện những quả sấu còn non, nhỏ bé, xinh xắn, ngây thơ, vui nhộn.

B. Thể hiện sự gần gũi.

C. Thể hiện sự vui đùa.

D. Thể hiện thân thiết.

**Câu 8:** Nhận xét nào sau đây nói đúng nhất nội dung của bài thơ trên?

A.Miêu tả quả sấu non trên cao.

B. Miêu tả quá trình phát triển của quả sấu.

C. Miêu tả sức sống kì diệu của quả sấu.

D. Miêu tả quả sấu non và sức sống kì diệu, mạnh mẽ của nó. Qua đó, tác giả cho người đọc hiểu được sức sống mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam trước kẻ thù xâm lược.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ sau và cho biêt tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

*Trái non như thách thức  
Trăm thứ giặc, thứ sâu,  
Thách kẻ thù sự sống  
Phá đời không dễ đâu!*

**Câu 10:** Qua bài thơ, tác giả muốn nhắn nhủ tới người đọc điều gì?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Phát biểu cảm nghĩ về một người thân của em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | D | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | - Xác định được biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ:  **+** So sánh:Trái non như thách thức  + Nhân hóa: Thách thức  + Ẩn dụ: Trăm thứ giặc thứ sâu - chỉ kẻ thù xâm lược  - Tác dụng: Quả sâu non không sợ loài giặc loài sâu nào cứ lên, cứ trở thành ngon ngọt. Đó là sức sống kì diệu mạnh mẽ của nó. Qua đó, tác giả cho ta hiểu một chân lí lớn lao: không một loài sâu bọ, không một thứ giặc nào có thể hủy diệt hay chiến thắng sự sống. Mọi cuộc bắn phá ném bom rồi cũng sẽ thất bại, không thể phá được cuộc sống vĩ đại của dân tộc Việt Nam. | 1,0 |
| 10 | -HS nêu được lời nhắn nhủ mà tác giả muốn gửi tới người đọc:  *Qua hình ảnh quả sấu non, nhà thơ muốn giáo dục lòng yêu thiên nhiên say mê, khám phá những bí ẩn của tự nhiên xung quanh và lòng tự hào về cuộc sống dân tộc.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:*  Mở bài nêu được đối tượng biểu cảm là người thân trong gia đình và ấn tượng ban đầu về người đó. Thân bài nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người thân ấy để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người thân đó. Kết bài khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người thân đó. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Cảm nghĩ về một người thân. | 0,25 |
|  | *c. Cảm nghĩ về người thân*.  \* Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó.  \* Biểu cảm về người thân:  - Nét nổi bật về ngoại hình.  - Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh.  \* Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về người đó.  \* Tình cảm của em với người thân. | 2.5 |
|  | - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình . |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm. | 0,5 |

**Đề số 7:**

**A. MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện và tiểu thuyết | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| 2. Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ, tám chữ, …) |
| **2** | **Viết** | 1. Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| 2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ |
| 3. Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |  | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện  và tiểu thuyết | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được nhân vật, tính cách nhân vật trong truyện; ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn và tiểu thuyết.  - Xác định được: mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ; từ láy; biện pháp tu từ: nói giảm nói tránh, điệp ngữ; so sánh, nhân hóa,… nghĩa của từ, phó từ, số từ  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, ý nghĩa, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ; từ láy; biện pháp tu từ: nói giảm nói tránh, điệp ngữ; so sánh, nhân hóa,… nghĩa của từ, phó từ, số từ  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. |  |  |  |  |
|  |  | 2. Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ, tám chữ,…) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được số lượng dòng, chữ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ; từ láy; biện pháp tu từ: nói giảm nói tránh, điệp ngữ; so sánh, nhân hóa,… nghĩa của từ, phó từ, số từ  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ; từ láy; biện pháp tu từ: nói giảm nói tránh, điệp ngữ; so sánh, nhân hóa,… nghĩa của từ, phó từ, số từ  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | **3 TN** | **5TN** | **2TL** |  |
| **2** | **Viết** | 1. Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài | **Nhận biết:** Biết tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài  **Thông hiểu:** Bài viết phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc; trình bày được ý chính những điểm quan trọng của văn bản gốc  **Vận dụng:** Biết sử dụng từ ngữ quan trọng của văn bản gốc, biết sắp xếp các ý chính theo một thứ tự hợp lí, vận dụng sáng tạo ngôn ngữ  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo có cảm xúc sâu sắc | **1TL\*** | **1TL\*** | **1TL\*** | **1TL\*** |
| 2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ | **Nhận biết:** Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ  **Thông hiểu:** Trình bày theo trình tự nhất định, cóbố cục, biết sử dụng ngôn ngữ:  **Vận dụng:** Thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ trong việc tạo nên nét đặc săc của bài thơ  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo có cảm xúc sâu sắc |  |  |  |  |
| 3. Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:** Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học  **Thông hiểu:** Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.  **Vận dụng:** Biết sử dụng phương pháp lập luận, lí lẽ, dẫn chứng để phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo có cảm xúc sâu sắc |  |  |  |  |
| **Tổng** | |  | | **3 TN**  **1TL\*** | **5 TN**  **1TL\*** | **2 TL**  **1TL\*** | **1TL\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

|  |
| --- |
| Tôi vốn là chiếc hạt  Mẹ Thiên Nhiên nuôi tôi  Giờ thành cây rợp lá  Hai mươi ba tuổi rồi.  Nhìn đây tán tôi rộng  Che cho trẻ vui chơi  Thú có thể đến nghỉ  Che bóng cho cả người.  Vậy tôi cũng lao động  Xin hãy để tôi sống.  (*Hãy để tôi sống* - Ann Taylo) |

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Bảy chữ D. Tám chữ

**Câu 2:** Câu thơ “Mẹ Thiên Nhiên nuôi tôi” có sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh B. Nhân hóa

C. Nhân hóa và so sánh D. So sánh, nhân hóa, ẩn dụ

**Câu 3:** Bài thơ được chia làm mấy phần?

A. Ba phần. B.Hai phần.

C. Bốn phần. D. Không ý nào đúng.

**Câu 4:** Trong khổ thơ đầu, nhà thơ nói về điều gì?

A. Quá trình sinh trưởng của cây.

B. Sự gắn bó của cây với con người.

C. Lời nhắn nhủ thiết tha của cây.

D. Cả ba ý trên.

**Câu 5:** Em hiểu từ “tuổi” trong câu thơ “Hai mươi ba tuổi rồi”,có nghĩa là gì?

A. Tháng B. Ngày C. Tuần D. Năm

**Câu 6:** Xác định số từ trong câu thơ sau?

A. Hai mươi ba B. Tuổi C. Rồi D.Không có số từ

**Câu 7:** Khi tác giả gọi thiên nhiên là **Mẹ Thiên Nhiên**,tác giả muốn thể hiện điều gì?

A. Thể hiện tình cảm yêu quí thiên nhiên B. Coi thiên nhiên như bạn

C. Thể hiện tình cảm nâng niu trân trọng D. Không được tàn phá thiên nhiên

**Câu 8:** Nhận xét nào nói đúng nhất về nội dung bài thơ ?

A. Miêu tả thiên nhiên B. Kể về thiên nhiên

C. Miêu tả sự kì diệu của thiên nhiên

D.Nói về quá trình sinh trưởng của cây và kể về sự gắn bó, tầm quan trọng của cây xanh trong cuộc sống con người.Đồng thời gửi lời nhắn nhủ thiết tha coi thiên nhiên như con người và biết giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Em hiểu gì về lời nhắn nhủ của cây qua khổ thơ :

Vậy tôi cũng lao động

Xin hãy để tôi sống

**Câu 10 :** Qua bài thơ, tác giả muốn gửi tới người đọc thông điệp gì ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Trong các bài học, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị.Hãy viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | B | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | A | 0,5 |
| 5 | D | 0,5 |
| 6 | A | 0,5 |
| 7 | C | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | **\* Lời nhắn nhủ**: Thiên nhiên cũng giống như con người .Sự tồn tại của thiên nhiên,cỏ cây hoa lácó vai trò và lợi ích to lớn.Thiên nhiên sinh trưởng và phát triển cũng chính là thiên nhiên lao động để làm đẹp cho môi trường và bảo vệ con người.  **\*Lưu ý**: Hs có thể diễn đạt theo cách khác nhưng đảm bảo được cơ bản ý trên vẫn cho điểm tối đa. | 1,0 |
| 10 | ***Thông điệp****:* Thiên nhiên vô tri vô giác nhưng vẫn cần sự sống.Hãy chung tay bảo vệ thiên nhiên, đừng tàn phá thiên nhiên.Bởi tàn phá thiên nhiên là tàn phá cuộc sống của chính mình.  **\*Lưu ý**: Hs có thể diễn đạt theo cách khác nhưng đảm bảo được cơ bản ý trên vẫn cho điểm tối đa. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  *Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.* | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu của đề.  Phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  *HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:* | 2.5 |
|  | - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  - Nhận xét được về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | e. Sáng tạo: Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục. | 0,5 |